



LASERJET PROFESSIONAL M1130/M1210

MFP SERIES

Hướng dẫn Sử dụng





Dòng sản phẩm HP LaserJet
Professional M1130/M1210 MFP

Hướng dẫn sử dụng

Bản quyền và Li-xăng

© Copyright 2015 HP Development Company, L.P.

Nghiêm cấm việc sao chép lại, phóng tác hoặc dịch mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ trường hợp được luật bản quyền cho phép.

Thông tin có trong tài liệu này có thể được thay đổi mà không cần phải thông báo.

Các bảo hành duy nhất dành cho các sản phẩm và dịch vụ HP đều được lập ra ở trên trong các bản tuyên bố bảo hành rõ ràng đi cùng với những sản phẩm và dịch vụ như thế. Không có gì trong tài liệu này được hiểu như là sự tạo thành một bảo hành phụ. HP sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với các lỗi hoặc sai sót kỹ thuật hoặc biên tập ở trong tài liệu này.

Edition 1, 11/2015

Công nhận Nhãn hiệu

Adobe®, Adobe PhotoShop®, Acrobat® và PostScript® là các nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated.

Intel® Core™ là nhãn hiệu của Intel Corporation tại Mỹ và các quốc gia/vùng lãnh thổ khác khác.





Java™ là nhãn hiệu tại Mỹ của Sun Microsystems, Inc.

Microsoft®, Windows®, Windows® XP và Windows Vista® là các thương hiệu đã đăng ký ở Hoa Kỳ của Microsoft Corporation.

UNIX® là nhãn hiệu thương mại đã được đăng ký của The Open Group.

Nhãn ENERGY STAR và ENERGY STAR là các nhãn hiệu đã được đăng ký tại Mỹ.

Các nguyên tắc được sử dụng trong hướng dẫn này

-  **CHỈ DẪN:** Các mẹo cung cấp mạch nước hữu ích hoặc phím tắt.
 -  **GHI CHÚ:** Các lưu ý cung cấp thông tin quan trọng để giải thích một khái niệm hoặc để hoàn tất một tác vụ.
 -  **THẬN TRỌNG:** Các mục cần thận cho biết các bước bạn cần tuân thủ để tránh mất dữ liệu hoặc làm hư sản phẩm.
 -  **CẢNH BÁO!** Các cảnh báo nhắc bạn về những bước cụ thể cần tuân thủ để tránh chấn thương, mất dữ liệu quan trọng, hoặc hư hỏng nặng sản phẩm.
-

Mục lục

| | |
|---|-----------|
| 1 Thông tin cơ bản về sản phẩm | 1 |
| So sánh sản phẩm | 2 |
| Các tính năng môi trường | 3 |
| Tính năng của Sản phẩm | 4 |
| Xem sản phẩm | 6 |
| Mặt trước | 6 |
| Nhìn từ phía sau | 8 |
| Vị trí số sê-ri và số model | 10 |
| Bố cục bảng điều khiển | 11 |
| 2 Các menu trên bảng điều khiển (chỉ Dòng sản phẩm M1210) | 13 |
| Các menu trên bảng điều khiển | 14 |
| 3 Phần mềm cho Windows | 23 |
| Hệ điều hành được hỗ trợ dành cho Windows | 24 |
| Trình điều khiển máy in | 24 |
| Ưu tiên cho cài đặt in | 24 |
| Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Windows | 25 |
| Thay đổi các cài đặt cho mọi nhiệm vụ in cho tới khi đóng chương trình phần mềm | 25 |
| Thay đổi các cài đặt mặc định cho mọi nhiệm vụ in | 25 |
| Thay đổi các cài đặt cấu hình sản phẩm | 25 |
| Xóa phần mềm cho Windows | 25 |
| Các tiện ích được hỗ trợ dành cho Windows | 27 |
| HP Toolbox phần mềm | 27 |
| Các máy chủ Web nhúng HP (chỉ Dòng sản phẩm M1210) | 27 |
| Các thành phần và tiện ích Windows khác | 27 |
| 4 Sử dụng sản phẩm với hệ điều hành Mac | 29 |
| Phần mềm dành cho Mac | 30 |
| Các hệ điều hành được hỗ trợ cho Macintosh | 30 |

| | |
|--|-----------|
| Các trình điều khiển được hỗ trợ cho Macintosh | 30 |
| Xóa phần mềm dành cho Mac | 30 |
| Ưu tiên cho cài đặt in cho Macintosh | 30 |
| Thay đổi các thông số cài đặt trình điều khiển máy in cho Mac | 31 |
| In bằng Mac | 32 |
| Tạo và sử dụng các cài đặt sẵn máy in trong Mac | 32 |
| Chỉnh lại kích thước tài liệu hoặc in trên kích thước giấy tùy chỉnh với Mac | 32 |
| In trang bìa với Mac | 32 |
| In nhiều trang trên một tờ giấy với Mac | 33 |
| In trên cả hai mặt (in hai mặt) bằng Mac | 33 |
| Fax bằng Mac (chỉ Dòng sản phẩm M1210) | 35 |
| Quét bằng Mac | 36 |
| 5 Kết nối sản phẩm | 37 |
| Các hệ điều hành mạng được hỗ trợ | 38 |
| Từ chối chia sẻ máy in | 38 |
| Kết nối với USB | 39 |
| Cài đặt bằng CD | 39 |
| Kết nối với mạng (Chỉ Dòng sản phẩm M1210) | 40 |
| Các giao thức mạng được hỗ trợ | 40 |
| Cài đặt sản phẩm trên mạng có dây | 40 |
| Cấu hình cài đặt mạng | 41 |
| 6 Giấy và Phương tiện In | 43 |
| Tìm hiểu sử dụng giấy | 44 |
| Hướng dẫn sử dụng giấy đặc biệt | 44 |
| Thay đổi trình điều khiển máy in cho phù hợp với loại và kích thước giấy | 46 |
| Các kích thước giấy được hỗ trợ | 47 |
| Loại giấy được hỗ trợ | 48 |
| Nạp giấy vào các khay | 49 |
| Nạp giấy vào khay tiếp giấy. | 49 |
| Điều chỉnh khay cho vật liệu in ngắn | 50 |
| Nạp giấy vào khay nạp tài liệu (Chỉ Dòng sản phẩm M1210) | 52 |
| Dung tích ngăn và khay giấy | 53 |
| Định hướng giấy khi nạp khay giấy | 53 |
| Cấu hình các khay | 54 |
| Thay đổi cài đặt khổ giấy mặc định (Dòng sản phẩm M1130) | 54 |
| Thay đổi cài đặt khổ giấy mặc định (Dòng sản phẩm M1210) | 54 |
| Thay đổi cài đặt loại giấy mặc định (Dòng sản phẩm M1130) | 55 |

| | |
|--|-----------|
| Thay đổi cài đặt loại giấy mặc định (Dòng sản phẩm M1210) | 55 |
| 7 Thao tác in | 57 |
| Hủy lệnh in | 58 |
| In bằng Windows | 59 |
| Mở trình điều khiển máy in bằng Windows | 59 |
| Nhận trợ giúp dành cho tùy chọn in bằng Windows | 59 |
| Thay đổi số lượng bản in bằng Windows | 60 |
| In văn bản màu thành màu đen bằng Windows | 60 |
| Lưu các cài đặt tùy chỉnh in để sử dụng lại bằng Windows | 61 |
| Cải thiện chất lượng in bằng Windows | 62 |
| In trên giấy tiêu đề hoặc mẫu in sẵn bằng Windows | 63 |
| In trên giấy, nhãn hoặc giấy bóng kính đặc biệt bằng Windows | 65 |
| In trang đầu hoặc trang cuối trên trang khác nhau bằng Windows | 66 |
| Co giãn tài liệu cho vừa với kích thước trang | 67 |
| Thêm hình mờ vào tài liệu bằng Windows | 68 |
| In trên cả hai mặt (in hai mặt) bằng Windows | 68 |
| Tạo một tập sách mỏng bằng Windows | 70 |
| Sử dụng HP ePrint | 71 |
| In nhiều trang trên một trang giấy bằng Windows | 74 |
| Chọn định hướng bằng Windows | 76 |
| 8 Sao chép | 77 |
| Sử dụng chức năng sao chép | 78 |
| Sao chép một lần chạm | 78 |
| Nhiều bản sao chép | 78 |
| Sao chép bản gốc có nhiều trang | 79 |
| Sao chép chứng minh thư (Chỉ Dòng sản phẩm M1210) | 79 |
| Hủy lệnh sao chép | 80 |
| Thu nhỏ hoặc phóng to hình ảnh sao chép | 80 |
| Đổi chiều lệnh sao chép | 83 |
| Cài đặt sao chép | 83 |
| Thay đổi chất lượng bản sao chép | 83 |
| Sao chép trên cả hai mặt (duplex) | 88 |
| Sao chép bản gốc hai mặt thành tài liệu một mặt | 88 |
| Sao chép bản gốc hai mặt thành tài liệu hai mặt | 88 |
| 9 Quét | 91 |
| Sử dụng chức năng quét | 92 |

| | |
|---|-----------|
| Các phương pháp quét | 92 |
| Hủy bản quét | 93 |
| Cài đặt quét | 94 |
| Định dạng tập tin | 94 |
| Độ phân giải và màu sắc của máy quét | 94 |
| Chất lượng quét | 96 |
| 10 Fax (chỉ Dòng sản phẩm M1210) | 97 |
| Các tính năng fax | 100 |
| Cài đặt fax | 101 |
| Cài đặt và kết nối phần cứng | 101 |
| Cấu hình cài đặt fax | 104 |
| Sử dụng HP Fax Setup Wizard (Trình Hướng dẫn Cài đặt Fax HP) | 106 |
| Sử dụng danh bạ | 107 |
| Sử dụng bảng điều khiển để tạo và sửa danh bạ fax | 107 |
| Nhập hoặc xuất danh bạ của Microsoft Outlook sang danh bạ fax | 107 |
| Sử dụng dữ liệu danh bạ từ các chương trình khác | 107 |
| Xóa danh bạ | 108 |
| Đặt cài đặt fax | 109 |
| Gửi cài đặt fax | 109 |
| Nhận cài đặt fax | 112 |
| Cài kiểm soát vòng fax | 118 |
| Dùng fax | 119 |
| Phần mềm gửi nhận fax | 119 |
| Hủy bản fax | 119 |
| Xóa bản fax khỏi bộ nhớ | 119 |
| Dùng fax trên hệ thống DSL, PBX hoặc ISDN | 120 |
| Sử dụng fax trên dịch vụ VoIP | 120 |
| Bộ nhớ fax | 121 |
| Gửi fax | 121 |
| Nhận fax | 128 |
| Giải quyết sự cố khi fax | 130 |
| Danh sách kiểm tra xử lý sự cố fax | 130 |
| Thông báo lỗi fax | 130 |
| Các báo cáo và nhật ký fax | 136 |
| Đổi tính năng sửa lỗi và tốc độ fax | 138 |
| Các sự cố khi gửi fax | 139 |
| Các sự cố khi nhận fax | 142 |
| Thông tin về quy định và bảo hành | 145 |

| | |
|---|------------|
| 11 Quản lý và bảo trì sản phẩm | 147 |
| In trang thông tin | 148 |
| Sử dụng phần mềm HP Toolbox | 151 |
| Xem phần mềm HP Toolbox | 151 |
| Tình trạng | 152 |
| Fax (Chỉ Dòng sản phẩm M1210) | 152 |
| Shop for Supplies (Mua Nguồn Cung Cấp) | 155 |
| Other links (Các liên kết khác) | 155 |
| Sử dụng Máy chủ Web HP Nhúng (Chỉ Dòng sản phẩm M1210) | 156 |
| Mở Máy chủ Web HP Nhúng | 156 |
| Các tính năng | 156 |
| Tính năng bảo mật sản phẩm | 158 |
| Khóa bộ định dạng | 158 |
| Cài đặt tiết kiệm | 159 |
| In bằng EconoMode | 159 |
| Chế độ Tự tắt | 159 |
| Quản lý nguồn cung cấp và phụ tùng | 161 |
| In khi hộp mực gần hết. | 161 |
| Quản lý hộp mực in | 161 |
| Hướng dẫn thay thế | 162 |
| Lau sản phẩm | 174 |
| Vệ sinh trục nạp | 174 |
| Lau đệm ngăn cách | 178 |
| Lau dọn đường tiếp giấy | 181 |
| Lau chùi khu vực chứa hộp mực in | 183 |
| Lau dọn mặt ngoài | 186 |
| Lau sạch dải kính và tấm ép giấy của máy quét | 186 |
| Cập nhật sản phẩm | 188 |
| | |
| 12 Giải quyết sự cố | 189 |
| Xử lý vấn đề chung | 190 |
| Danh sách kiểm tra xử lý sự cố | 190 |
| Những yếu tố có thể ảnh hưởng đến hiệu suất sản phẩm | 191 |
| Khôi phục cài đặt mặc định gốc (Chỉ Dòng sản phẩm M1210) | 191 |
| Giải thích các mẫu đèn trên bảng điều khiển (Chỉ Dòng sản phẩm M1130) | 192 |
| Giải thích các thông báo trên bảng điều khiển (Chỉ Dòng sản phẩm M1210) | 195 |
| Các loại thông báo ở bảng điều khiển | 195 |
| Các thông báo ở bảng điều khiển | 195 |
| Xử lý kẹt giấy | 198 |

| | |
|--|------------|
| Những nguyên nhân kẹt giấy thường gặp | 198 |
| Các địa điểm kẹt giấy | 199 |
| Gỡ giấy kẹt khỏi khay nạp tài liệu (Chỉ Dòng sản phẩm M1210) | 200 |
| Gỡ giấy kẹt khỏi khu vực giấy ra | 201 |
| Gỡ giấy kẹt khỏi khay tiếp giấy | 203 |
| Gỡ giấy kẹt bên trong sản phẩm | 205 |
| Thay đổi cài đặt phục hồi khi bị kẹt giấy | 206 |
| Giải quyết các vấn đề xử lý giấy | 208 |
| Giải quyết các vấn đề về chất lượng hình ảnh | 209 |
| Ví dụ về chất lượng in | 209 |
| Thuộc lỗi lặp lại | 215 |
| Tối ưu hóa và cải thiện chất lượng hình ảnh | 216 |
| Xử lý vấn đề về hoạt động | 217 |
| Giải quyết sự cố kết nối | 217 |
| Xử lý vấn đề kết nối trực tiếp | 217 |
| Xử lý vấn đề về mạng | 217 |
| Giải quyết sự cố phần mềm | 219 |
| Các sự cố thông thường của Windows | 219 |
| Xử lý các sự cố thông thường của Mac | 219 |
| Phụ lục A Hàng cung cấp và phụ tùng | 223 |
| Đặt mua các chi tiết máy, bộ phận, và mực in | 224 |
| Số của bộ phận | 224 |
| Phụ kiện xử lý giấy | 224 |
| Hộp mực | 224 |
| Dây cáp và mạch ghép nối | 224 |
| Phụ lục B Dịch vụ và hỗ trợ | 225 |
| Tuyên bố bảo hành có giới hạn của HP | 226 |
| Vương quốc Anh, Ireland và Malta | 228 |
| Áo, Bỉ, Đức và Luxemburg | 228 |
| Bỉ, Pháp và Luxemburg | 229 |
| Ý | 230 |
| Tây Ban Nha | 231 |
| Đan Mạch | 231 |
| Na Uy | 231 |
| Thụy Điển | 232 |
| Bồ Đào Nha | 232 |
| Hy Lạp và Síp | 232 |

| | |
|---|------------|
| Hungary | 233 |
| Cộng hòa Séc | 233 |
| Slovakia | 233 |
| Ba Lan | 234 |
| Bulgaria | 234 |
| Romania | 234 |
| Bỉ và Hà Lan | 235 |
| Phần Lan | 235 |
| Slovenia | 235 |
| Croatia | 236 |
| Latvia | 236 |
| Lithuania | 236 |
| Estonia | 237 |
| Nga | 237 |
| Bảo hành Bảo vệ Đặc biệt của HP: Tuyên bố bảo hành có giới hạn dành cho hộp mực in LaserJet | 238 |
| Chính sách của HP về mực in không phải của HP | 239 |
| Trang web chống giả mạo của HP | 240 |
| Dữ liệu được lưu trữ trên hộp mực in | 241 |
| Thỏa thuận cấp phép người dùng cuối | 242 |
| Dịch vụ bảo hành khách hàng tự sửa chữa | 246 |
| Hỗ trợ khách hàng | 247 |
| Phụ lục C Thông số kỹ thuật | 249 |
| Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể | 250 |
| Lượng điện tiêu thụ, thông số kỹ thuật điện và độ ồn | 250 |
| Các đặc điểm kỹ thuật về môi trường | 250 |
| Phụ lục D Chương trình quản lý sản phẩm bảo vệ môi trường | 251 |
| Bảo vệ môi trường | 253 |
| Sự tạo khí Ozone | 253 |
| Điện năng tiêu thụ | 253 |
| Tiêu thụ bột mực | 253 |
| Sử dụng giấy | 254 |
| Bộ phận làm bằng chất dẻo | 254 |
| Nguồn cung cấp HP LaserJet | 254 |
| Giấy in | 254 |
| Giới hạn về vật liệu | 254 |
| Vứt bỏ thiết bị hỏng bởi người sử dụng (Liên minh Châu Âu và Ấn Độ) | 255 |

| | |
|--|-----|
| Tái chế phần cứng điện tử | 255 |
| Thông tin về việc tái chế phần cứng tại Brazil | 256 |
| Hóa chất | 256 |
| Quy định của Ủy ban liên minh châu Âu 1275/2008 | 256 |
| Tuyên bố hạn chế các chất độc hại (Ấn Độ) | 256 |
| Tuyên bố Hạn Chế Sử dụng Chất độc hại (Thổ Nhĩ Kỳ) | 256 |
| Tuyên bố hạn chế các chất độc hại (Ukraine) | 256 |
| Bộ phận Hóa chất (Trung Quốc) | 257 |
| Thông tin cho người dùng Nhãn sinh thái SEPA (Trung Quốc) | 257 |
| Quy định về việc áp dụng nhãn năng lượng của Trung Quốc đối với máy in, máy fax và photocopy | 258 |
| Tờ Thông tin An toàn Vật liệu (MSDS) | 258 |
| EPEAT | 258 |
| Thông tin thêm | 258 |

Phụ lục E Thông tin về tuân thủ quy định 259

| | |
|--|-----|
| Tuyên bố hợp chuẩn | 260 |
| Tuyên bố hợp chuẩn | 262 |
| Tuyên bố hợp chuẩn | 264 |
| Tuyên bố về quản lý | 266 |
| Các qui định của FCC | 266 |
| Canada - Tuyên bố Tuân thủ ICES-003 Công nghiệp Canada | 266 |
| Tuyên bố EMC (Hàn Quốc) | 266 |
| Hướng dẫn sử dụng dây điện | 266 |
| An toàn laser | 266 |
| Tuyên bố về laser cho Phần Lan | 267 |
| Tuyên bố GS (Đức) | 268 |
| Tuyên bố hợp chuẩn Âu Á (Belarus, Kazakhstan, Nga) | 268 |
| Tuyên bố bổ sung về các sản phẩm telecom (fax) | 269 |
| Quy định của EU về hoạt động viễn thông | 269 |
| New Zealand Telecom Statements | 269 |
| Additional FCC statement for telecom products (US) | 269 |
| Telephone Consumer Protection Act (US) | 270 |
| Industry Canada CS-03 requirements | 270 |
| Ghi nhãn có dây/không dây Viễn thông Việt Nam đối với các sản phẩm được phê chuẩn Loại ICTQC | 271 |
| Tuyên bố bổ sung cho các sản phẩm không dây | 272 |
| Tuyên bố tuân thủ FFC—Hoa Kỳ | 272 |
| Tuyên bố của Australia | 272 |
| Tuyên bố ANATEL của Brazil | 272 |

| | |
|---|-----|
| Tuyên bố của Canada | 272 |
| Sản phẩm hoạt động với tần số 5 GHz theo Bộ Công nghiệp Canada | 272 |
| Tiếp xúc với bức xạ sóng vô tuyến (Canada) | 273 |
| Thông báo điều chỉnh của Liên minh Châu Âu | 273 |
| Thông báo sử dụng ở Nga | 273 |
| Tuyên bố của Mexico | 273 |
| Tuyên bố của Đài Loan | 274 |
| Tuyên bố của Hàn Quốc | 274 |
| Ghi nhãn có dây/không dây Viễn thông Việt Nam đối với các sản phẩm được phê chuẩn Loại ICTQC | 274 |

| | |
|---------------------------|------------|
| Bảng chú dẫn | 275 |
|---------------------------|------------|

1 Thông tin cơ bản về sản phẩm

- [So sánh sản phẩm](#)
- [Các tính năng môi trường](#)
- [Tính năng của Sản phẩm](#)
- [Xem sản phẩm](#)

So sánh sản phẩm

Sản phẩm hiện có trong các cấu hình sau.



Dòng sản phẩm M1130

- In các trang khổ letter với tốc độ 19 trang/phút (ppm) và các trang khổ A4 với tốc độ 18 trang/phút.
- Khay tiếp giấy chứa được tối đa 150 trang giấy in hoặc tối đa 10 phong bì.
- Khay giấy ra chứa tối đa là 100 tờ
- Màn hình panen điều khiển LED 2 số
- Tính năng in và sao chép hai mặt (hai mặt giấy) thủ công.
- Sao chép từ máy quét hình phẳng
- Quét màu toàn bộ
- Cổng USB 2.0 Tốc độ Cao.
- Bộ nhớ truy xuất ngẫu nhiên (RAM) 8 MB.



Dòng sản phẩm M1210

- In các trang khổ letter với tốc độ 19 trang/phút (ppm) và các trang khổ A4 với tốc độ 18 trang/phút.
- Khay tiếp giấy chứa được tối đa 150 trang giấy in hoặc tối đa 10 phong bì.
- Khay giấy ra chứa tối đa là 100 tờ
- Màn hình bảng điều khiển LCD
- Tính năng in hai mặt (hai mặt giấy) thủ công, nhận fax và sao chép.
- Sao chép từ máy quét hình phẳng hoặc từ khay tự động nạp tài liệu
- Quét màu toàn bộ
- Cổng USB 2.0 Tốc độ Cao.
- Nối mạng tích hợp để kết nối với mạng 10/100Base-TX.
- Modem fax V.34 và bộ nhớ lưu trữ fax flash 4 MB.
- Hai cổng cáp fax/điện thoại RJ-11.
- Bộ nhớ truy xuất ngẫu nhiên (RAM) 64 MB.
- Khay nạp tài liệu 35 trang giấy.

Các tính năng môi trường

| | |
|-----------------------|--|
| In nhiều trang một tờ | Tiết kiệm giấy bằng cách in hai hoặc nhiều trang tài liệu cạnh nhau trên cùng một tờ giấy. Truy cập tính năng này thông qua trình điều khiển máy in. |
| Tái chế | Giảm lượng rác thải bằng cách sử dụng giấy được tái chế. Tái chế hộp mực in bằng cách sử dụng quá trình trả sản phẩm của HP. |
| Tiết kiệm năng lượng | Tiết kiệm năng lượng bằng cách sử dụng chế độ Tự động-tắt cho sản phẩm. |
| In HP Smart Web | Sử dụng in HP Smart Web để chọn, lưu trữ, và sắp xếp văn bản cũng như đồ họa từ nhiều trang Web và sau đó sửa đổi và in đúng như những gì bạn nhìn thấy. Tính năng này cho phép bạn kiểm soát nhu cầu in thông tin có ý nghĩa trong khi giảm thiểu rác thải. Tải xuống HP Smart Web printing từ trang Web: www.hp.com/go/smartwebprinting . |

Tính năng của Sản phẩm

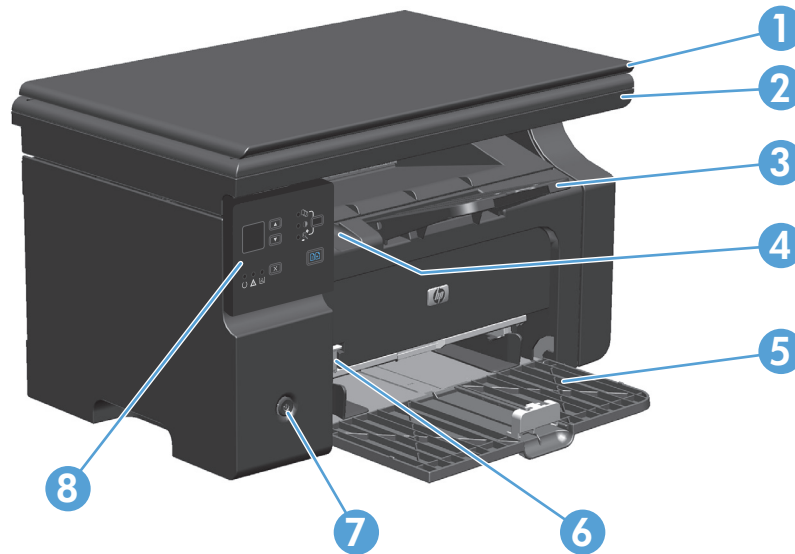
| | |
|--|---|
| In | <ul style="list-style-type: none">• In các trang khổ letter với tốc độ 19 trang/phút (ppm) và các trang khổ A4 với tốc độ 18 trang/phút.• In với tốc độ 400x2 điểm trên inch (dpi) với FastRes 600 (mặc định). Hỗ trợ FastRes 1200 đối với in văn bản và đồ họa chất lượng cao.• Bao gồm các cài đặt có thể điều chỉnh để tối ưu hóa chất lượng in. |
| Sao chép | <ul style="list-style-type: none">• Quét với tốc độ 300 pixel/inch (ppi) và in với FastRes 600.• Dễ dàng thay đổi số lượng bản sao chép, điều chỉnh độ sáng hoặc tối, thu nhỏ hoặc phóng to kích thước của bản sao từ bảng điều khiển. |
| Quét | <ul style="list-style-type: none">• Cung cấp quét màu toàn bộ tới 1200 pixel/inch (ppi) từ máy quét hình phẳng.• Cung cấp quét màu toàn bộ tới 300 ppi từ khay nạp tài liệu.• Quét theo quy chuẩn TWAIN hoặc phần mềm theo quy chuẩn Windows Imaging Application (WIA).• Quét từ máy tính sử dụng phần mềm HP LaserJet Scan cho Windows hoặc sử dụng phần mềm HP Director cho Mac. |
| Fax (Chỉ Dòng sản phẩm M1210) | <ul style="list-style-type: none">• Các khả năng fax đầy đủ chức năng với fax V.34, bao gồm sổ danh bạ và các tính năng fax tạm hoãn.• Lưu tới 500 trang trong bộ nhớ.• Phục hồi fax từ bộ nhớ tới 4 ngày sau khi mất điện. |
| Các hệ điều hành được hỗ trợ | <ul style="list-style-type: none">• Windows 7• Windows Vista (32-bit và 64-bit)• Windows XP (32-bit và 64-bit)• Mac OS X 10.4, 10.5, 10.6 |
| Bộ nhớ | <ul style="list-style-type: none">• Dòng sản phẩm M1130: Bao gồm bộ nhớ truy xuất ngẫu nhiên (RAM) 8 megabyte (MB).• Dòng sản phẩm M1210: Bao gồm 64-MB RAM. |
| Quản lý giấy in | <ul style="list-style-type: none">• Khay tiếp giấy chứa được tối đa 150 tờ giấy hoặc 10 phong bì.• Khay nạp tài liệu có thể chứa tối đa 35 tờ giấy.• Khay giấy ra có thể chứa tối đa 100 tờ giấy. |
| Các tính năng của trình điều khiển máy in | <ul style="list-style-type: none">• In nhiều trang trên một tờ giấy.• In sách nhỏ.• Điều chỉnh cho vừa với kích thước giấy.• In trang bìa trên giấy khác nhau. |
| Các kết nối giao diện | <ul style="list-style-type: none">• Cổng USB 2.0 Tốc độ Cao• Cổng mạng RJ-45. (Chỉ Dòng sản phẩm M1210)• Hai cổng cáp fax/điện thoại RJ-11. (Chỉ Dòng sản phẩm M1210) |

| | |
|-----------------------|---|
| In tiết kiệm | <ul style="list-style-type: none"> • In N-up (in nhiều trang trên một tờ giấy) và các tính năng in hai mặt thủ công giúp tiết kiệm giấy. • Tính năng EconoMode của trình điều khiển máy in giúp tiết kiệm mực. |
| Lưu trữ bản in | Tính năng lưu trữ bản in để in trang giúp bạn lập kế hoạch lưu trữ trong thời gian dài. |
| Nguồn cung cấp | <ul style="list-style-type: none"> • Xác nhận hộp mực in HP chính hãng. • Dễ dàng đặt mua mực in thay thế. • Trang tình trạng cung cấp trình bày lượng mực dự kiến trong hộp mực. Không có sẵn cho các nguồn cung cấp không phải của HP. |
| Tự trợ giúp | Trang tham khảo nhanh hiện có từ www.hp.com/support/ljm1130series hoặc www.hp.com/support/ljm1210series . |
| Tiện dụng | <ul style="list-style-type: none"> • Có thể mở tất cả cửa và nắp bằng một tay. |
| Bảo mật | <ul style="list-style-type: none"> • Ổ cắm khóa an toàn dạng cáp. |

Xem sản phẩm

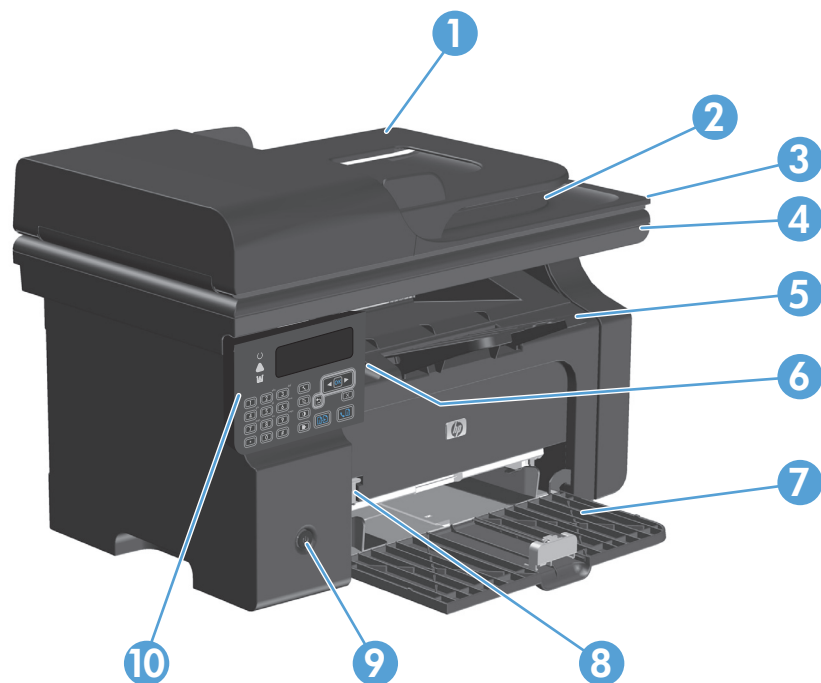
Mặt trước

Dòng sản phẩm M1130



| | |
|---|---|
| 1 | Nắp máy quét |
| 2 | Bộ phận máy quét |
| 3 | Khay giấy ra có phần mở rộng cho giấy dài |
| 4 | Chốt kéo cửa hộp mực |
| 5 | Khay tiếp giấy |
| 6 | Công cụ mở rộng giấy khổ ngắn |
| 7 | Nút nguồn |
| 8 | Bảng điều khiển |

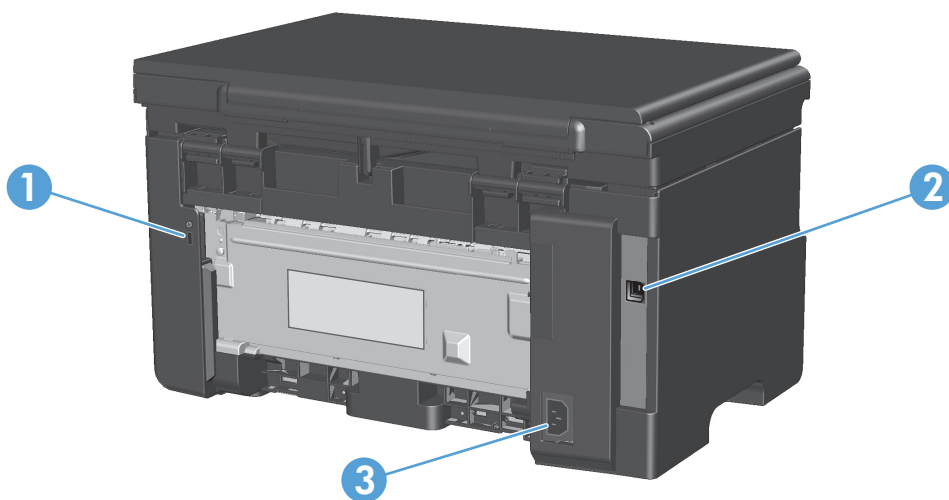
Dòng sản phẩm M1210



| | |
|----|---|
| 1 | Khay nạp tài liệu |
| 2 | Khay giấy ra của khay nạp tài liệu |
| 3 | Nắp máy quét |
| 4 | Bộ phận máy quét |
| 5 | Khay giấy ra có phần mở rộng cho giấy dài |
| 6 | Chốt kéo cửa hộp mực |
| 7 | Khay tiếp giấy |
| 8 | Công cụ mở rộng giấy khổ ngắn |
| 9 | Nút nguồn |
| 10 | Bảng điều khiển |

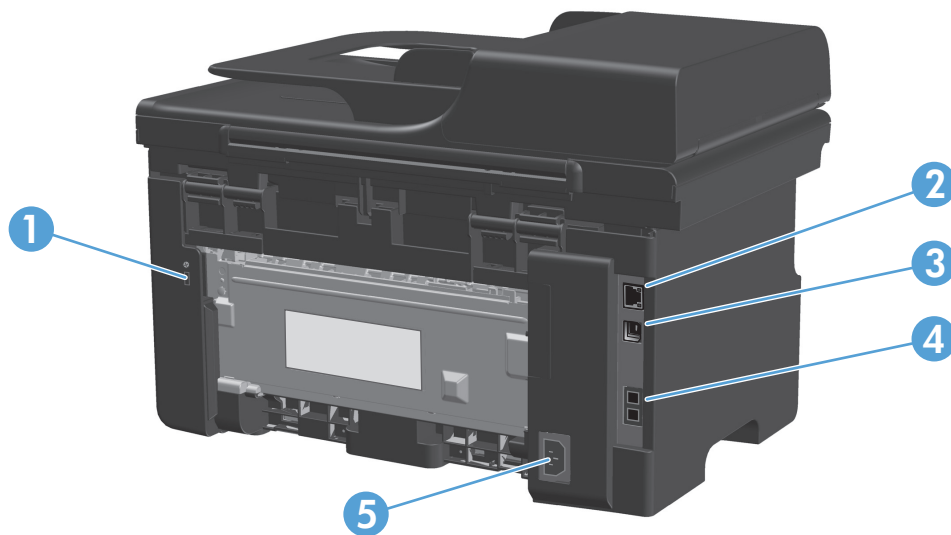
Nhìn từ phía sau

Dòng sản phẩm M1130



- | | |
|---|---------------------------|
| 1 | Khe khóa an toàn dạng cáp |
| 2 | Cổng USB 2.0 Tốc độ Cao |
| 3 | Kết nối nguồn |

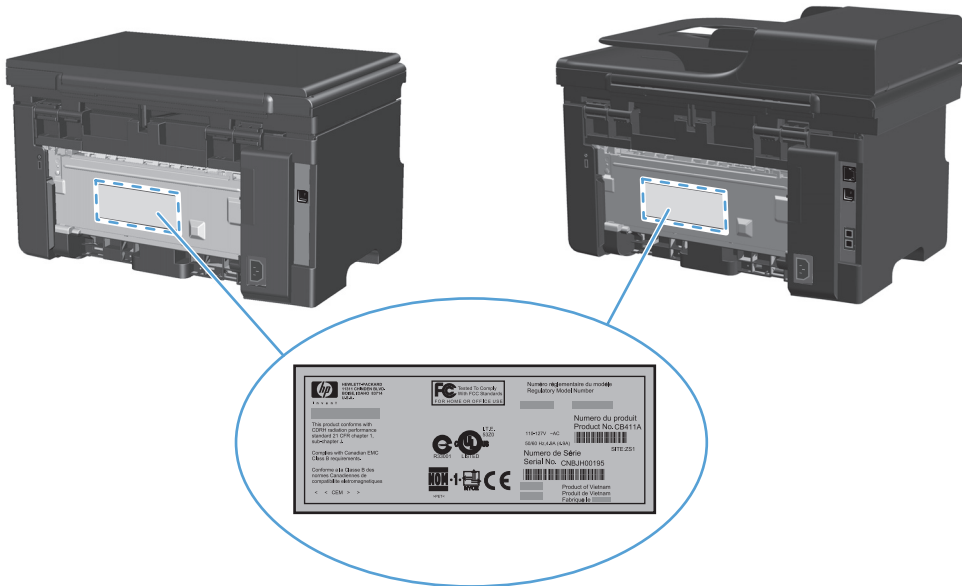
Dòng sản phẩm M1210



| | |
|---|---------------------------|
| 1 | Khe khóa an toàn dạng cáp |
| 2 | Cổng mạng RJ-45 |
| 3 | Cổng USB 2.0 Tốc độ Cao |
| 4 | Cổng fax RJ-11 |
| 5 | Kết nối nguồn |

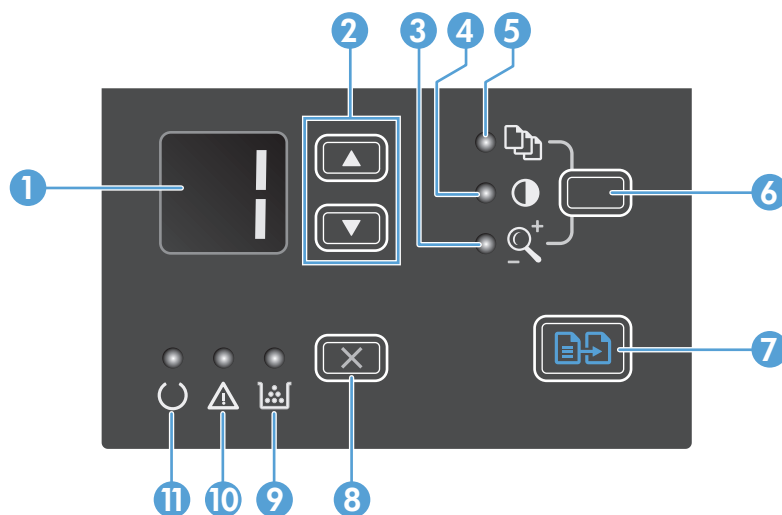
Vị trí số sê-ri và số model

Nhãn số sê-ri và số kiểu sản phẩm nằm ở phía sau sản phẩm.



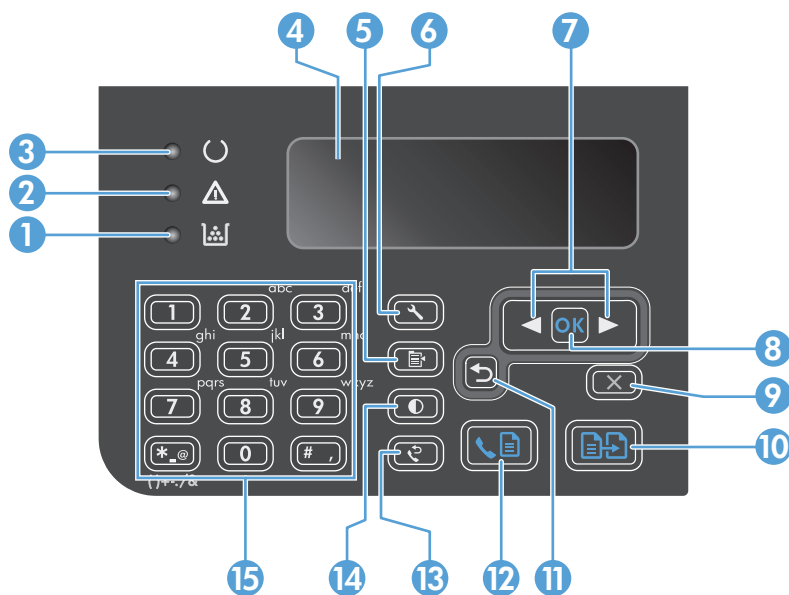
Bố cục bảng điều khiển

Dòng sản phẩm M1130



| | | |
|----|--------|---|
| 1 | | Màn hình hiển thị LED: Hiển thị số bản sao, mức độ đậm của các bản sao và tỉ lệ phần trăm tăng hoặc giảm kích cỡ của bản sao. Nó cũng hiển thị các mã lỗi cảnh báo bạn những vấn đề cần chú ý. |
| 2 | ▲ ▼ | Mũi tên lên và xuống: Tăng hoặc giảm số bản sao, mức độ đậm của các bản sao và tỉ lệ phần trăm tăng hoặc giảm kích cỡ của bản sao. <ul style="list-style-type: none">• Bấm các nút trong khoảng dưới một giây để tăng hoặc giảm cài đặt sao chép 1 số gia.• Bấm các nút trong khoảng một giây hoặc lâu hơn để tăng hoặc giảm mức độ đậm của bản sao tới giá trị cực đại hoặc cực tiểu.• Bấm các nút trong khoảng một giây hoặc lâu hơn để tăng hoặc giảm số bản sao hoặc tỉ lệ phần trăm tăng hoặc giảm kích cỡ bản sao với 10 số gia. |
| 3 | 🔍+ | Giảm/tăng đèn sao chép: Chỉ chức năng tăng hoặc giảm kích thước bản sao đang được kích hoạt. |
| 4 | 🔍- | Đèn sao chép Darker/lighter (Đậm hơn/Nhạt hơn): Chỉ chức năng độ đậm nhạt của bản sao đang được kích hoạt. |
| 5 | 📄 | Số của đèn Sao chép: Chỉ chức năng số bản sao đang được kích hoạt. |
| 6 | 📄 | Nút Cài đặt: Cuộn giữa các cài đặt sao chép đối với số lượng bản sao, độ tối và kích thước bản sao cho mỗi công việc. Lựa chọn mặc định là số bản sao. Để thay đổi cài đặt mặc định cho tất cả các tác vụ, di chuyển tới mục cài đặt và sau đó bấm và giữ nút này trong 3 giây. Khi đèn nhấp nháy, điều chỉnh cài đặt. Bấm nút này một lần nữa để lưu cài đặt. |
| 7 | 📄➡ | Nút Bắt đầu sao chép: Bắt đầu tác vụ sao chép. |
| 8 | ✕ | Nút hủy: Hủy tác vụ hiện tại, hoặc xóa cài đặt trước đó bạn đã thực hiện. Khi thiết bị ở trạng thái Sẵn sàng, bấm nút này để cài đặt lại cài đặt sao chép về giá trị mặc định. |
| 9 | 📄 | Đèn trạng thái mức bột mực: Chỉ mức bột mực trong hộp mực in ở mức thấp. |
| 10 | ⚠️ | Đèn lưu ý: Chỉ có vấn đề với sản phẩm. |
| 11 | 🔄 | Đèn sẵn sàng: Chỉ sản phẩm đã sẵn sàng hoặc đang xử lý một tác vụ. |

Dòng sản phẩm M1210



| | | |
|----|--|--|
| 1 | | Đèn trạng thái mức bột mực: Chỉ mức bột mực trong hộp mực in ở mức thấp. |
| 2 | | Đèn lưu ý: Chỉ có vấn đề với sản phẩm. Xem màn hình LCD để biết thông báo. |
| 3 | | Đèn sẵn sàng: Chỉ sản phẩm đã sẵn sàng hoặc đang xử lý một tác vụ. |
| 4 | | Màn hình hiển thị LCD: Hiển thị thông tin trạng thái, menu và thông báo. |
| 5 | | Nút Cài đặt sao chép: Mở menu Copy Settings (Cài đặt sao chép) . Để sao chép chứng minh thư, bấm nút này ba lần để mở menu Sao chép ID và sau đó bấm nút OK . |
| 6 | | Nút Cài đặt: Mở các menu. |
| 7 | | Mũi tên phải và trái: Nhập và điều hướng qua các menu. Tăng hoặc giảm giá trị hiện tại trên màn hình. Di chuyển con trỏ trên màn hình về phía trước hoặc phía sau một khoảng trống. |
| 8 | | Nút OK: Xác nhận cài đặt hoặc xác nhận một tác vụ để tiến hành. |
| 9 | | Nút hủy: Hủy tác vụ hiện tại, hoặc xóa cài đặt trước đó bạn đã thực hiện. Khi thiết bị ở trạng thái Sẵn sàng, bấm nút này để cài đặt lại cài đặt sao chép về giá trị mặc định. |
| 10 | | Nút Bắt đầu sao chép: Bắt đầu tác vụ sao chép. |
| 11 | | Mũi tên Lùi lại: Quay trở lại mức trước đó trong menu. |
| 12 | | Nút Gửi fax: Bắt đầu tác vụ gửi fax. |
| 13 | | Nút quay số lại: Gọi lại các số cuối đã dùng cho tác vụ gửi fax trước đó. |
| 14 | | Nút Sao chép Darker/Lighter (Đậm hơn/Nhạt hơn): Điều chỉnh cài đặt độ đậm nhạt cho tác vụ sao chép hiện tại. |
| 15 | | Bàn phím số: Sử dụng bàn phím để nhập số fax hoặc nhập dữ liệu. |

2 Các menu trên bảng điều khiển (chỉ Dòng sản phẩm M1210)

- [Các menu trên bảng điều khiển](#)

Các menu trên bảng điều khiển

Các menu này hiện có trong menu chính trên bảng điều khiển:

- Sử dụng menu **Phone Book (Danh bạ)** để mở danh sách các số trong danh bạ fax.
- Sử dụng menu **Fax Job status (Tình trạng Lệnh Fax)** để hiển thị danh sách tất cả các fax đang chờ để gửi, hoặc đã nhận được nhưng đang chờ để in, chuyển tiếp hoặc tải sang máy tính.
- Sử dụng menu **Fax functions (Các chức năng fax)** để cấu hình các chức năng fax như lên kế hoạch cho một bản fax đang tạm hoãn, hủy chế độ **Receive to PC (Nhận đến PC)**, in lại các bản fax đã được in trước đó, hoặc in các bản fax được lưu trong bộ nhớ.
- Sử dụng menu **Copy setup (Thiết lập sao chép)** để cấu hình các cài đặt sao chép mặc định như độ tương phản, đối chiếu, hoặc số các bản sao chép được in.
- Sử dụng menu **Reports (Báo cáo)** để in các báo cáo cung cấp thông tin về sản phẩm.
- Sử dụng menu **Thiết lập fax** để cấu hình các tùy chọn fax nhận và gửi và các cài đặt cơ bản cho tất cả các bản fax.
- Sử dụng **System setup (Cài đặt hệ thống)** để thiết lập các cài đặt sản phẩm cơ bản như ngôn ngữ, chất lượng in, hoặc các mức âm lượng.
- Sử dụng menu **Service (Dịch vụ)** để khôi phục lại các cài đặt mặc định, xóa sản phẩm, và kích hoạt các chế độ đặc biệt có ảnh hưởng đến bản in ra.
- Sử dụng menu **Network config. (Cấu hình mạng.)**, để thiết lập cài đặt cấu hình mạng.

Bảng 2-1 menu Phone Book (Danh bạ)

| Mục menu | Mục menu phụ | Mô tả |
|----------------------|---------------------|---|
| Phone Book (Danh bạ) | Add/Edit (Thêm/Sửa) | Sửa danh bạ fax. Sản phẩm này hỗ trợ tối đa 100 số trong danh bạ. |
| | Delete (Xóa) | |
| | Xóa tất cả | |

Bảng 2-2 menu Fax Job status (Tình trạng Lệnh Fax)

| Mục menu | Mô tả |
|--------------------------------------|--|
| Fax Job status (Tình trạng Lệnh Fax) | Hiển thị các tác vụ fax đang chờ, và cho phép bạn hủy các tác vụ fax đang chờ. |

Bảng 2-3 menu Fax functions (Các chức năng fax)

| Mục menu | Mô tả |
|------------------------------|--|
| Send fax later (Gửi fax sau) | Cho phép gửi một bản fax vào ngày và thời gian sau đó. |

Bảng 2-3 menu Fax functions (Các chức năng fax) (còn tiếp)

| Mục menu | Mô tả |
|--|--|
| Stop Recv to PC (Dừng Nhận đến PC) | Tắt cài đặt Receive to PC (Nhận đến PC) cho phép máy tính tải lên tất cả các bản fax hiện tại chưa được in ra và tất cả các bản fax mà sản phẩm sẽ nhận được trong tương lai. |
| Reprint last (In lại các bản mới nhất) | In lại các bản fax được lưu trong bộ nhớ sản phẩm. |
| Polling receive (Nhận vòng) | Cho phép sản phẩm gọi đến một máy fax khác có bật chức năng gửi vòng. |
| Xóa các bản fax đã lưu | Xóa tất cả các bản fax trong bộ nhớ sản phẩm. |

Bảng 2-4 menu Copy setup (Thiết lập sao chép)

| Mục menu | Mục menu phụ | Mô tả |
|---------------------------|-------------------------|---|
| Chất lượng mặc định | Văn bản | Cài đặt chất lượng sao chép mặc định. |
| | Nháp | |
| | Phối hợp | |
| | Hình Film | |
| | Hình ảnh | |
| Đậm/nhạt mặc định | | Cài tùy chọn độ tương phản mặc định. |
| Đối chiếu mặc định | Tắt | Đặt xem các bản sao có được đối chiếu khi in hay không. |
| | Bật | |
| Số bản sao mặc định | (Khoảng: 1-99) | Cài số lượng các bản sao mặc định. |
| Thu nhỏ/Phóng to mặc định | Gốc=100% | Cài phần trăm mặc định để thu nhỏ hoặc phóng to tài liệu được sao chép. |
| | Khổ A4 thành Letter=94% | |
| | Khổ Letter thành A4=97% | |
| | Toàn trang=91% | |
| | 2 trang một tờ | |
| | 4 trang một tờ | |
| | Tùy chỉnh: 25 đến 400% | |

Bảng 2-5 menu Reports (Báo cáo)

| Mục menu | Mục menu phụ | Mục menu phụ | Mô tả |
|------------------------------|--------------|--------------|---------------------------------------|
| Demo page (Trang thử nghiệm) | | | In trang có giới thiệu chất lượng in. |


Bảng 2-5 menu Reports (Báo cáo) (còn tiếp)

| Mục menu | Mục menu phụ | Mục menu phụ | Mô tả |
|-------------------------------------|-------------------------------------|---|--|
| Báo cáo Fax | Xác nhận Fax | Không bao giờ | Cài đặt sản phẩm in hoặc không in báo cáo xác nhận sau khi một tác vụ gửi hoặc nhận thành công. |
| | | Send fax only (Chỉ gửi fax) | |
| | | Receive fax (Nhận fax) | |
| | | Mọi bản fax | |
| | Báo cáo Lỗi Fax | Mọi lỗi | Cài sản phẩm in hoặc không in báo cáo sau khi một tác vụ gửi hoặc nhận không thành công. |
| | | Send error (Lỗi gửi) | |
| | | Receive error (Lỗi nhận) | |
| | | Không bao giờ | |
| | Báo cáo Cuộc gọi Mới nhất | | In báo cáo chi tiết hoạt động gửi hoặc nhận bản fax mới nhất. |
| | Bao gồm trang đầu tiên | Bật | Cài đặt sản phẩm bao gồm hoặc không bao gồm một hình thu nhỏ trang đầu tiên của bản fax trên báo cáo. |
| | | Tắt | |
| Nhật ký Hoạt động Fax | | Print log now (In nhật ký ngay bây giờ) | In nhật ký ngay: In danh sách 40 bản fax mới nhất đã được sản phẩm gửi đi hoặc nhận về. |
| | | In Nhật ký Tự động | In Nhật ký Tự động: Chọn Bật để tự động in bản báo cáo sau mỗi 40 tác vụ fax. Chọn Tắt để tắt tính năng in tự động. |
| | Phone Book Report (Báo cáo Danh bạ) | | In danh sách các số trong danh bạ đã được thiết lập cho sản phẩm này. |
| | Danh sách Chặn Fax | | In danh sách các số điện thoại đã bị khóa không cho gửi fax đến sản phẩm này. |
| | Tất cả các báo cáo fax | | In tất cả bản báo cáo có liên quan đến fax. |
| Cấu trúc menu | | | In bản đồ bố cục menu trên bảng điều khiển. Các cài đặt hiện có cho từng menu sẽ được liệt kê. |
| Config report (Báo cáo cấu hình) | | | In danh sách tất cả các cài đặt sản phẩm, bao gồm cài đặt mạng và fax. |
| Supplies Status (Tình trạng Mực in) | | | In thông tin về hộp mực in, bao gồm số lượng trang ước tính còn lại và số lượng trang đã in. |

Bảng 2-6 menu Thiết lập fax

| Mục Menu | Mục menu phụ | Mục menu phụ | Mô tả |
|--------------------------|----------------------------------|--------------|---|
| Fax header (Tiêu đề fax) | Your fax number (Số fax của bạn) | | Cài đặt thông tin xác nhận bản fax đã được gửi đến sản phẩm nhận. |
| | Tên công ty | | |

Bảng 2-6 menu Thiết lập fax (còn tiếp)

| Mục Menu | Mục menu phụ | Mục menu phụ | Mô tả | |
|--------------------|---|--------------------------------------|--|--|
| Thiết lập Gửi Fax | Độ phân giải mặc định | Mịn | Cài đặt độ phân giải cho các tài liệu gửi đi. Hình ảnh độ phân giải cao hơn có nhiều ảnh mỗi inch (dpi) hơn sẽ hiển thị chi tiết hơn. Hình ảnh độ phân giải thấp hơn có ít điểm ảnh mỗi inch hơn sẽ hiển thị ít chi tiết, nhưng kích cỡ tập tin sẽ nhỏ hơn. | |
| | | Siêu mịn | | |
| | | Ảnh chụp | | |
| | | Chuẩn | | |
| | | Đậm/nhạt mặc định | | Cài đặt độ tối cho các bản fax gửi đi. |
| | | Kích thước kính mặc định | Letter | Đặt kích thước giấy mặc định để sử dụng khi quét và sao chép từ kính hình phẳng. |
| | | | A4 | |
| | | Dialing Mode (Chế độ quay số) | Âm | Cài đặt sản phẩm sẽ sử dụng chức năng quay số âm hoặc nhịp điệu. |
| | | | Nhịp điệu | |
| | | Redial if busy (Quay số lại khi bận) | Bật | Cài đặt sản phẩm sẽ quay hoặc không quay số lại khi đường dây bận. |
| | Tắt | | | |
| | Redial-no answer (Quay số lại khi không trả lời) | Bật | Cài đặt sản phẩm sẽ quay hoặc không quay số khi số máy nhận fax không trả lời. | |
| | | Tắt | | |
| | Redial Comm. Error (Quay số lại nếu Bị lỗi Truyền tín hiệu) | Bật | Cài đặt sản phẩm quay hoặc không quay số lại số máy nhận fax khi xảy ra lỗi truyền tín hiệu. | |
| | | Tắt | | |
| | Dial Prefix (Mã số đầu quay số) | Bật | Xác định mã số đầu phải quay khi gửi các bản fax đi từ sản phẩm. | |
| | | Tắt | | |
| | Detect dial tone (Dò tìm âm quay số) | Bật | Cài sản phẩm kiểm tra hoặc không kiểm tra âm quay số trước khi gửi fax. | |
| | | Tắt | | |
| Thiết lập Nhận Fax | Chế độ Trả lời | Tự động | Cài đặt kiểu chế độ trả lời. Có các tùy chọn sau: <ul style="list-style-type: none"> • Tự động: Sản phẩm sẽ tự động trả lời một cuộc gọi đến dựa trên số kiểu chuông được cấu hình. • TAM: Sử dụng cài đặt này khi máy trả lời điện thoại được kết nối với sản phẩm. Sản phẩm không tự động trả lời cuộc gọi. Thay vào đó, sản phẩm sẽ chờ cho đến khi phát hiện âm máy fax. • Fax/Điện thoại: Sản phẩm trả lời các cuộc gọi đến ngay lập tức. Nếu phát hiện thấy âm máy fax, nó sẽ xử lý cuộc gọi dưới dạng fax. Nếu không phát hiện thấy âm máy fax, sản phẩm tạo chuông có thể nghe được để thông báo cho bạn trả lời cuộc gọi thoại đến. • Manual (Thủ công) : Người sử dụng phải bấm nút Send Fax (Gửi fax)  hoặc sử dụng điện thoại nhánh để sản phẩm trả lời cuộc gọi đến. | |
| | | | | |
| | Rings to answer (Chuông trả lời) | | Cài đặt số kiểu chuông sẽ reo trước khi modem fax trả lời. | |

Bảng 2-6 menu Thiết lập fax (còn tiếp)

| Mục Menu | Mục menu phụ | Mục menu phụ | Mô tả |
|----------|------------------------------|--|--|
| | Loại Chuông Trả lời | Tất cả Kiểu chuông Đơn Hai tiếng Ba tiếng Hai & Ba | <p>Cho phép bạn có hai hoặc ba số điện thoại trên cùng đường dây, mỗi số có một kiểu chuông khác nhau (trên một hệ thống điện thoại với kiểu chuông đặc biệt).</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tất cả Kiểu chuông: Sản phẩm sẽ trả lời tất cả cuộc gọi gọi đến qua đường dây điện thoại. • Đơn: Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông đơn. • Hai tiếng: Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông hai tiếng. • Ba tiếng: Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông ba tiếng. • Hai & Ba: Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông hai tiếng hoặc ba tiếng. |
| | Điện thoại Nhánh | Bật Tắt | Khi tính năng này được bật, bạn có thể bấm các nút 1-2-3 trên điện thoại nhánh để sản phẩm trả lời một cuộc gọi fax đến. |
| | Silence detect (Dò tĩnh) | Bật Tắt | Cài sản phẩm có thể nhận hoặc không nhận các bản fax từ các máy fax đời cũ, loại không thể phát tín hiệu chuông được sử dụng trong quá trình gửi fax. |
| | Vừa trang in | Bật Tắt | Rút ngắn các bản fax dài hơn khổ giấy Letter hoặc A4 để chúng có thể vừa với trang khổ Letter hoặc A4. Nếu tính năng này được cài sang Tắt , các bản fax dài hơn khổ giấy Letter hoặc A4 sẽ được in trên nhiều trang. |
| | Stamp faxes (Tem fax) | Bật Tắt | Cài sản phẩm để thêm ngày tháng, giờ, số điện thoại của người gửi, và số trang cho từng trang fax mà sản phẩm này nhận được. |
| | Chuyển tiếp fax | Bật Tắt | Cài sản phẩm gửi tất cả các bản fax nhận được sang một máy fax khác. |
| | Chặn fax | Thêm mục nhập Xóa mục nhập Xóa tất cả | Sửa đổi danh sách fax bị chặn. Danh sách fax bị chặn có thể chứa đến 30 số. Khi sản phẩm nhận một cuộc gọi từ một trong các số fax bị chặn, máy sẽ xóa bản fax nhận được. Máy cũng sẽ theo dõi bản fax bị chặn trong nhật ký hoạt động cùng với thông tin tính toán tác vụ. |
| | In lại các bản fax | Bật Tắt | Cài để in lại hoặc không in lại các bản fax nhận được được lưu trong bộ nhớ. |
| | Private receive (Nhận riêng) | Bật Tắt Print faxes (In các bản fax) | <p>Đặt tính năng Private receive (Nhận riêng) thành Bật yêu cầu bạn đặt mật khẩu. Sau khi cài mật khẩu, cài tùy chọn sau sẽ được cài:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tính năng Private receive (Nhận riêng) được bật. • Tất cả các bản fax cũ sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ. • Tùy chọn Chuyển tiếp fax hoặc Receive to PC (Nhận đến PC) được cài sang Tắt và sẽ không cho phép cài. • Tất cả các bản fax gửi đến sẽ được lưu trong bộ nhớ. |

Bảng 2-6 menu Thiết lập fax (còn tiếp)

| Mục Menu | Mục menu phụ | Mục menu phụ | Mô tả |
|---------------------------|---|---|---|
| | Thời gian Đổ chuông Fax/Điện thoại | | Tùy chọn này đặt thời gian, tính bằng giây, cho sản phẩm tạo chuông có thể nghe đối với cuộc gọi thoại đến. |
| Tất cả các bản fax | Sửa lỗi | Bật | Cài đặt sản phẩm gửi hoặc nhận lại phần lỗi khi xảy ra lỗi truyền fax. |
| | | Tắt | |
| | Tốc độ Fax | Nhanh(V.34) Vừa(V.17) Chậm(V.29) | Tăng hoặc giảm tốc độ truyền fax được phép. |

Bảng 2-7 menu System setup (Cài đặt hệ thống)

| Mục menu | Mục menu phụ | Mục menu phụ | Mô tả |
|---|--|--|--|
| Ngôn ngữ | (Danh sách các ngôn ngữ hiển thị trên bảng điều khiển.) | | Cài ngôn ngữ cho tin nhắn và các báo cáo sản phẩm sẽ được hiển thị trên bảng điều khiển. |
| Paper setup (Cài đặt trang) | Kích thước giấy mặc định | Letter A4 Legal | Đặt kích thước cho báo cáo in nội bộ hoặc bất kỳ công việc sao chép. |
| | | Loại giấy mặc định | Liệt kê các loại giấy hiện có. Đặt loại cho báo cáo in nội bộ hoặc bất kỳ công việc sao chép. |
| Print Density (Mật độ In) | (Khoảng từ 1-5) | | Cài lượng mực mà sản phẩm nên sử dụng để bôi đen các dòng và các góc. |
| Volume settings (Cài đặt âm lượng) | Âm lượng cảnh báo | Linh hoạt | Cài các mức âm lượng cho sản phẩm. |
| | Ring volume (Âm lượng chuông) | Vừa To | |
| | Âm lượng bấm phím | Tắt | |
| | Phoneline volume (Âm lượng đường điện thoại) | | |
| Ngày/giờ | (Cài đặt định dạng thời gian, thời gian hiện tại, định dạng ngày tháng, và ngày tháng hiện tại.) | | Cài đặt thời gian và ngày tháng cho sản phẩm. |

Bảng 2-8 menu Service (Dịch vụ)

| Mục menu | Mục menu phụ | Mô tả |
|------------------------|-----------------------|---|
| Theo dõi T.30 | Không bao giờ | In hoặc lên kế hoạch một bản báo cáo sẽ được sử dụng để gỡ sự cố về các vấn đề truyền fax. |
| | Ngay bây giờ | |
| | Nếu xảy ra lỗi | |
| | Khi kết thúc cuộc gọi | |
| Khôi phục Mặc định | | Cài tất cả các cài đặt tùy chỉnh sang các giá trị mặc định của nhà máy. |
| Chế độ Lau dọn | | Lau dọn sản phẩm khi các vết bẩn hoặc các dấu khác xuất hiện trên các bản in. Quá trình lau dọn sẽ xóa các vết bẩn và mực vượt quá mức trong đường dẫn giấy. |
| | | Khi được chọn, sản phẩm sẽ nhắc bạn nạp giấy thường khổ Letter (Thu) hoặc A4 vào khay. Bấm nút OK để bắt đầu quá trình lau dọn. Chờ cho đến khi quá trình hoàn tất. Loại bỏ các trang được in. |
| USB speed (Tốc độ USB) | Cao | Cài tốc độ USB. |
| | Toàn bộ | |
| Giấy ít quăn hơn | Bật | Khi các trang in bị cong đồng nhất, tùy chọn này sẽ cài sản phẩm sang chế độ giảm cong. |
| | Tắt | |
| In Lưu trữ | Bật | Khi in, các trang sẽ được lưu trong một thời gian dài, tùy chọn này sẽ cài sản phẩm sang chế độ giảm lốm đốm bột mực và bụi mực. |
| | Tắt | |

Bảng 2-9 menu Network config. (Cấu hình mạng.)

| Mục menu | Mục menu phụ | Mô tả |
|-----------------|--------------------|---|
| Cấu hình TCP/IP | Tự động | Chọn tùy chọn Tự động để tự động cấu hình tất cả các cài đặt TCP/IP. |
| | Manual (Thủ công) | Chọn tùy chọn Manual (Thủ công) để cấu hình địa chỉ IP, mặt nạ mạng phụ và cổng nối mặc định theo cách thủ công. |
| | | Cài đặt mặc định là Tự động . |
| Tốc độ Liên kết | Tự động (mặc định) | Cài tốc độ liên kết theo cách thủ công nếu cần. |
| | 10T đầy đủ | Sau khi cài đặt tốc độ liên kết, sản phẩm sẽ tự khởi động lại. |
| | 10T một nửa | |
| | 100TX đầy đủ | |
| | 100TX một nửa | |

Bảng 2-9 menu Network config. (Cấu hình mạng.) (còn tiếp)

| Mục menu | Mục menu phụ | Mô tả |
|---------------------------------------|--------------|---|
| Dịch vụ Mạng | IPv4 | Mục này được sử dụng bởi các nhà quản trị mạng để hạn chế các dịch vụ mạng hiện có trên sản phẩm này. Bật Tắt Cài đặt mặc định cho tất cả các mục là Bật . |
| | IPv6 | |
| Show IP address (Hiển thị địa chỉ IP) | Không | Không: Địa chỉ IP của sản phẩm sẽ không xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển. Có: Địa chỉ IP của sản phẩm sẽ xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển, luân phiên giữa thông tin cung cấp và địa chỉ IP của sản phẩm. Địa chỉ IP sẽ không được hiển thị nếu có tình trạng lỗi. Cài đặt mặc định là Không . |
| | Có | |
| Khôi phục Mặc định | | Bấm nút OK để khôi phục các cài đặt cấu hình mạng trở về giá trị mặc định. |

3 Phần mềm cho Windows

- [Hệ điều hành được hỗ trợ dành cho Windows](#)
- [Trình điều khiển máy in](#)
- [Ưu tiên cho cài đặt in](#)
- [Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Windows](#)
- [Xóa phần mềm cho Windows](#)
- [Các tiện ích được hỗ trợ dành cho Windows](#)

Hệ điều hành được hỗ trợ dành cho Windows

Sản phẩm này hỗ trợ các hệ điều hành Windows sau:

Cài đặt phần mềm đầy đủ


- Windows XP
- Windows Vista (32-bit và 64-bit)
- Windows 7 (32-bit and 64-bit)

Chỉ dành cho các trình điều khiển máy in và máy quét

- Windows 2003 Server
- Windows 2008 Server


Trình điều khiển máy in

Trình điều khiển máy in cung cấp truy cập vào các tính năng của sản phẩm, như là in trên giấy có kích thước tùy chỉnh, chỉnh lại kích thước giấy, và thêm hình mờ.

 **GHI CHÚ:** Các trình điều khiển mới nhất có tại www.hp.com/go/ljm1130series_software hoặc www.hp.com/go/ljm1210series_software. Tùy thuộc vào cấu hình của các máy tính sử dụng Windows, chương trình cài đặt cho phần mềm của sản phẩm sẽ tự động kiểm tra để có truy cập Internet để lấy được các trình điều khiển mới nhất.

Ưu tiên cho cài đặt in

Các thay đổi cho thông số cài đặt in được cài ưu tiên tùy theo nơi thực hiện thay đổi:

 **GHI CHÚ:** Các tên của các lệnh và các hộp thoại có thể khác nhau tùy theo chương trình phần mềm.

- **Hộp thoại Page Setup (Cài đặt Trang):** Nhấp vào **Page Setup** (Cài đặt Trang) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập tin) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Thông số cài đặt được thay đổi ở đây sẽ ghi đè thông số cài đặt đã đổi ở nơi khác.
- **Hộp thoại In:** Nhấp vào **Print (In)**, **Print Setup** (Cài đặt In) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập tin) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Print (In)** có mức ưu tiên thấp hơn và thường không ghi đè các thay đổi được thực hiện trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang).
- **Hộp thoại Đặc tính Máy in (trình điều khiển máy in):** Nhấp vào **Properties** (Đặc tính) trong hộp thoại **Print (In)** để mở trình điều khiển máy in. Cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Printer Properties** (Đặc tính Máy in) thường không ghi đè cài đặt ở bất kỳ nơi nào khác trong phần mềm in. Bạn có thể thay đổi hầu hết các cài đặt in từ đây.
- **Thông số mặc định của trình điều khiển máy in:** Thông số cài đặt trình điều khiển máy in mặc định xác định các thông số được sử dụng trong tất cả các tác vụ in, *trừ khi* thông số cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang), **Print (In)**, hoặc **Printer Properties** (Đặc tính Máy in).
- **Thông số cài đặt bằng điều khiển máy in:** Các thông số cài đặt thay bằng bảng điều khiển máy in sẽ có độ ưu tiên thấp hơn các thay đổi thực hiện ở các nơi khác.

Thay đổi cài đặt trình điều khiển máy in cho Windows

Thay đổi các cài đặt cho mọi nhiệm vụ in cho tới khi đóng chương trình phần mềm

1. Trên menu **File** (Tập tin) trong chương trình phần mềm, bấm **Print** (In).
2. Chọn trình điều khiển, và sau đó bấm **Properties** (Đặc Tính) hoặc **Preferences** (Sở Thích).

Các bước có thể khác nhau; quá trình này là phổ biến nhất.

Thay đổi các cài đặt mặc định cho mọi nhiệm vụ in

1. **Windows XP, Windows Server 2003, và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Bắt đầu mặc định):** Bấm **Start** (Bắt đầu), sau đó bấm **Printer and Faxes** (Máy in và Fax).

Windows XP, Windows Server 2003 và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Classic Start): Nhấp vào **Khởi động**, nhấp vào **Cài đặt**, rồi nhấp vào **Máy in**.

Windows Vista: Bấm **Start** (Bắt đầu), bấm **Control Panel** (Bảng Điều khiển), sau đó trong phần **Hardware and Sound** (Phần cứng và Âm thanh), bấm **Printer** (Máy in).

2. Bấm chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Printing Preferences** (Sở Thích In).

Thay đổi các cài đặt cấu hình sản phẩm

1. **Windows XP, Windows Server 2003, và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Bắt đầu mặc định):** Bấm **Start** (Bắt đầu), sau đó bấm **Printer and Faxes** (Máy in và Fax).

Windows XP, Windows Server 2003 và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Classic Start): Nhấp vào **Khởi động**, nhấp vào **Cài đặt**, rồi nhấp vào **Máy in**.

Windows Vista: Bấm **Start** (Bắt đầu), bấm **Control Panel** (Bảng Điều khiển), sau đó trong phần **Hardware and Sound** (Phần cứng và Âm thanh), bấm **Printer** (Máy in).

2. Bấm chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Properties** (Đặc Tính).
3. Bấm vào tab **Device Settings** (Cài Đặt Thiết Bị).

Xóa phần mềm cho Windows

Windows XP

1. Bấm vào **Start** (Bắt đầu), **Control Panel** (Bảng Điều khiển), và sau đó chọn **Add or Remove Programs** (Thêm hoặc Xóa Chương trình).
2. Tìm và chọn sản phẩm từ danh sách.
3. Bấm vào nút **Change/Remove** (Thay đổi/Xóa) để xóa phần mềm.

Windows Vista

1. Bấm **Start** (Bắt đầu), **Control Panel** (Panen Điều khiển) và sau đó bấm **Programs and Features** (Các Chương trình và Tính năng).
2. Tìm và chọn sản phẩm từ danh sách.
3. Chọn tùy chọn **Uninstall/Change** (Tháo Cài đặt/Thay đổi).

Các tiện ích được hỗ trợ dành cho Windows

HP Toolbox phần mềm

HP Toolbox là chương trình phần mềm bạn có thể sử dụng cho các tác vụ sau:

- Kiểm tra tình trạng của sản phẩm.
- Cấu hình cài đặt sản phẩm.
- Cấu hình các thông báo pop-up.
- Xem thông tin gỡ sự cố.
- Xem tài liệu trực tuyến.

Các máy chủ Web nhúng HP (chỉ Dòng sản phẩm M1210)

Sản phẩm này được trang bị một máy chủ Web nhúng HP, cung cấp quyền truy cập thông tin về sản phẩm và các hoạt động mạng. Thông tin này xuất hiện trong trình duyệt Web như Microsoft Internet Explorer, Netscape Navigator, Apple Safari hoặc Mozilla Firefox.

Máy chủ Web nhúng HP nằm trong sản phẩm. Máy chủ này không được nạp trên máy chủ mạng.

Máy chủ Web HP nhúng cung cấp một giao diện đến sản phẩm để bất cứ ai có một máy tính được kết nối vào mạng và có một trình duyệt Web chuẩn đều có thể sử dụng. Bạn không cần phải cài đặt hoặc cấu hình một phần mềm đặc biệt nào, nhưng bạn phải có trình duyệt Web được hỗ trợ cài trên máy tính của bạn. Để có truy cập vào máy chủ Web nhúng HP, nhập địa chỉ IP của sản phẩm trong dòng địa chỉ của trình duyệt.

Các thành phần và tiện ích Windows khác

- Bộ cài đặt phần mềm — tự động cài đặt hệ thống in
- Đăng ký Web trực tuyến
- HP LaserJet Scan
- Gửi Fax qua PC

4 Sử dụng sản phẩm với hệ điều hành Mac


- [Phần mềm dành cho Mac](#)
- [In bằng Mac](#)
- [Fax bằng Mac \(chỉ Dòng sản phẩm M1210\)](#)
- [Quét bằng Mac](#)

Phần mềm dành cho Mac

Các hệ điều hành được hỗ trợ cho Macintosh

Sản phẩm hỗ trợ các hệ điều hành Macintosh sau:

- Mac OS X V10.3.9, V10.4, V10.5, và các phong bì mới hơn

 **GHI CHÚ:** Có hỗ trợ bộ vi xử lý PPC và Intel Core Processor Macs (Bộ xử lý Intel® Core™ dành cho các máy Mac) đối với Mac OS V10.4 và phiên bản mới hơn.

Các trình điều khiển được hỗ trợ cho Macintosh

Trình cài đặt phần mềm máy in HP LaserJet cung cấp các tập tin Mô tả PostScript® cho Máy in (PPD), trình điều khiển CUPS, và các Tiện ích Máy in HP cho Mac OS X. Tập tin PPD cho máy in HP, cùng với trình điều khiển CUPS cung cấp đầy đủ tính năng in và quyền truy cập vào các tính năng cụ thể cho máy in HP.

Xóa phần mềm dành cho Mac

Sử dụng tiện ích bỏ cài đặt để xóa phần mềm.

1. Duyệt đến thư mục sau trên ổ cứng:


Dòng Máy in Applications/HP LaserJet Professional M1130 MFP (Dòng M1130)

Dòng Máy in Applications/HP LaserJet Professional M1210 MFP (Dòng M1210)

2. Nhấp đúp vào tập tin **HP Uninstaller.app**.
3. Nhấp vào nút **Tiếp tục**, rồi theo các hướng dẫn trên màn hình để xóa phần mềm.



Ưu tiên cho cài đặt in cho Macintosh

Các thay đổi cho cài đặt in được đặt ưu tiên tùy theo nơi thực hiện thay đổi:

 **GHI CHÚ:** Các tên của các lệnh và các hộp thoại có thể khác nhau tùy theo chương trình phần mềm.

- **Hộp thoại Page Setup (Cài đặt Trang):** Bấm **Page Setup** (Cài đặt Trang) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Các cài đặt được thay đổi ở đây có thể ghi đè các cài đặt được thay đổi ở nơi khác.
- **Hộp thoại Print (In):** Nhấp vào **Print** (In), **Print Setup** (Cài đặt In) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Print** (In) có mức ưu tiên thấp hơn và *không* ghi đè các thay đổi được thực hiện trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang).
- **Cài đặt trình điều khiển máy in mặc định:** Cài đặt trình điều khiển máy in mặc định xác định cài đặt được sử dụng trong tất cả các nhiệm vụ in, *trừ khi* cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang), **Print** (In), hoặc **Printer Properties** (Đặc tính Máy in).
- **Cài đặt panen điều khiển máy in:** Cài đặt được thay đổi trong panen điều khiển của máy in có mức ưu tiên thấp hơn những thay đổi ở bất kỳ nơi nào khác.

Thay đổi các thông số cài đặt trình điều khiển máy in cho Mac

| Thay đổi các cài đặt cho mọi nhiệm vụ in cho tới khi đóng chương trình phần mềm | Thay đổi các cài đặt mặc định cho mọi nhiệm vụ in | Thay đổi các cài đặt cấu hình sản phẩm |
|--|--|---|
| <ol style="list-style-type: none">1. Trên menu Tệp, nhấp nút In.2. Thay đổi các cài đặt bạn muốn trên các menu khác nhau. | <ol style="list-style-type: none">1. Trên menu Tệp, nhấp nút In.2. Thay đổi các cài đặt bạn muốn trên các menu khác nhau.3. Trên menu Cài đặt sẵn, hãy nhấp vào tùy chọn Save As... (Lưu dưới dạng...) và nhập tên của cài đặt sẵn. <p>Các cài đặt này được lưu tại menu Cài đặt sẵn. Để sử dụng các thiết lập mới này, bạn phải chọn tùy chọn định sẵn đã được lưu trước đó mỗi khi mở một chương trình và in.</p> | <p>Mac OS X 10.4</p> <ol style="list-style-type: none">1. Từ menu Apple , nhấp vào menu Tùy chọn hệ thống, rồi nhấp vào biểu tượng In & Fax.2. Nhấp vào nút Printer Setup (Cài đặt Máy in).3. Nhấp vào menu Installable Options (Tùy chọn có thể cài đặt). <p>Mac OS X 10.5 và 10.6</p> <ol style="list-style-type: none">1. Từ menu Apple , nhấp vào menu Tùy chọn hệ thống, rồi nhấp vào biểu tượng In & Fax.2. Chọn sản phẩm ở cạnh bên trái của cửa sổ.3. Nhấp vào nút Tùy chọn & Mục in.4. Nhấp vào tab Driver Trình điều khiển.5. Cấu hình các tùy chọn đã cài đặt. |

In bằng Mac

Tạo và sử dụng các cài đặt sẵn máy in trong Mac


Sử dụng các cài đặt sẵn để lưu cài đặt trình điều khiển máy in hiện thời để sử dụng lại.

Tạo cài đặt sẵn in

1. Trên menu **Tệp**, hãy nhấp vào tùy chọn **In**.
2. Chọn trình điều khiển.
3. Chọn cài đặt in bạn muốn lưu để sử dụng về sau.
4. Trên menu **Cài đặt sẵn**, nhấp vào tùy chọn **Save As... (Lưu dưới dạng...)** và nhập tên của cài đặt sẵn.
5. Nhấp vào nút **OK**.

Sử dụng cài đặt sẵn in

1. Trên menu **Tệp**, hãy nhấp vào tùy chọn **In**.
2. Chọn trình điều khiển.
3. Trên menu **Cài đặt sẵn**, chọn cài đặt in sẵn.

 **GHI CHÚ:** Để sử dụng cài đặt trình điều khiển máy in mặc định, chọn tùy chọn **chuẩn**.

Chỉnh lại kích thước tài liệu hoặc in trên kích thước giấy tùy chỉnh với Mac

Mac OS X v10.4, v10.5 và v10.6

1. Trên menu **Tệp**, hãy nhấp vào tùy chọn **Cài đặt Trang**.
2. Chọn sản phẩm, và chọn cài đặt chính xác cho các tùy chọn **Paper Size (Kích thước giấy)** và **Hướng**.

Mac OS X 10.5 và 10.6


Sử dụng một trong các phương pháp sau.

1. Trên menu **Tệp**, hãy nhấp vào tùy chọn **In**.
 2. Nhấp vào nút **Cài đặt Trang**.
 3. Chọn sản phẩm, và chọn cài đặt chính xác cho các tùy chọn **Paper Size (Kích thước giấy)** và **Hướng**.
1. Trên menu **Tệp**, hãy nhấp vào tùy chọn **In**.
 2. Mở menu **Xử lý Giấy**.
 3. Trong vùng **Khổ giấy Đích**, nhấp vào ô **Chỉnh cho vừa với khổ giấy**, và chọn kích thước từ danh sách thả xuống.

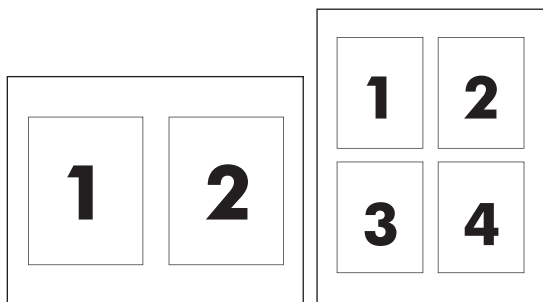
In trang bìa với Mac

1. Trên menu **Tệp**, hãy nhấp vào tùy chọn **In**.
2. Chọn trình điều khiển.

3. Mở menu **Trang bìa**, và chọn vị trí cần in trang bìa. Nhấp hoặc vào nút **Mặt trước tài liệu** hoặc nút **Mặt sau tài liệu**.
4. Trong menu **Loại Trang bìa**, chọn thông báo bạn muốn in trên trang bìa này.

 **GHI CHÚ:** Để in trang bìa trống, chọn tùy chọn **chuẩn** từ menu **Loại Trang bìa**.

In nhiều trang trên một tờ giấy với Mac



1. Trên menu **Tệp**, hãy nhấp vào tùy chọn **In**.
2. Chọn trình điều khiển.
3. Mở menu **Bố cục**.
4. Từ menu **Pages per sheet (Nhiều trang trên một tờ)**, chọn số lượng trang bạn muốn in trên mỗi tờ giấy (1, 2, 4, 6, 9, hoặc 16).
5. Trong vùng **Hướng bố cục**, chọn thứ tự và vị trí của trang trên tờ giấy.
6. Từ menu **Đường viền**, chọn loại viền quanh mỗi trang trên tờ giấy.

In trên cả hai mặt (in hai mặt) bằng Mac

In hai mặt thủ công

1. Nạp giấy với mặt ngửa lên vào khay tiếp giấy.



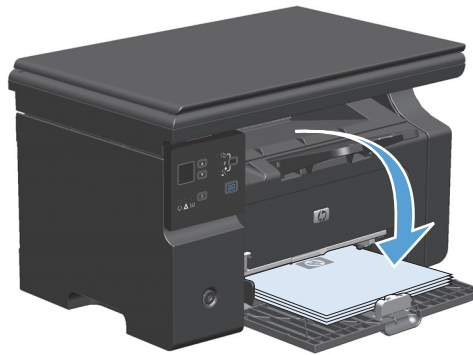
2. Trên menu **File** (Tập tin), bấm **Print** (In).

3. **Mac OS X v10.4:** Trong danh sách **Bố cục** thả xuống, chọn mục **Đóng theo chiều dọc** hoặc **Đóng theo chiều ngang**.

- hoặc -

Mac OS X v10.5 và v10.6: Đánh dấu vào ô **Hai mặt**.

4. Nhấp vào **In**. Theo các hướng dẫn trong hộp thoại mở ra trên màn hình máy tính trước khi đặt chồng giấy ra vào khay để in nửa thứ hai.
5. Lấy xấp giấy đã in ra khỏi khay giấy ra và vẫn giữ hướng giấy, lật mặt đã in xuống và đưa vào khay tiếp giấy.



6. Trên máy tính, nhấp vào nút **Tiếp tục** để in mặt thứ hai của lệnh in.

Fax bằng Mac (chỉ Dòng sản phẩm M1210)

1. Trong chương trình phần mềm, trên menu **File** (Tập tin), chọn **Print** (In).
2. Nhấp **PDF**, và sau đó chọn **Fax PDF** (Gửi PDF qua fax).
3. Nhập số fax vào trường **To** (Đến).
4. Để nạp trang bìa, chọn **Use Cover Page** (Dùng Trang Bìa) và sau đó nhập chủ đề trang bìa cùng với tin nhắn (tùy chọn).
5. Nhấp vào **Fax** (Fax).

Quét bằng Mac

Sử dụng phần mềm HP Director để quét ảnh vào máy tính Mac.

Sử dụng chức năng quét từng trang

1. Nạp tài liệu gốc cần quét với mặt tài liệu hướng xuống dưới vào khay nạp tài liệu.
2. Nhấp vào biểu tượng HP Director trên màn hình.
3. Nhấp vào HP Director (Trình Chủ Đạo HP), và sau đó nhấp vào **Scan** (Quét) để mở hộp thoại **HP**.
4. Nhấp vào **Scan** (Quét).
5. Để quét nhiều trang, nạp trang kế tiếp vào và nhấp **Scan** (Quét). Lặp lại thao tác cho đến khi tất cả các trang đều được quét.
6. Nhấp **Finish** (Xong) và sau đó nhấp **Destinations** (Nơi nhận).

Quét tập tin

1. Trong **Destinations** (Nơi nhận), chọn **Save To File(s)** (Lưu vào (các) Tập tin).
2. Đặt tên tập tin và xác định vị trí nơi nhận.
3. Nhấp **Save** (Lưu). Tài liệu gốc sẽ được quét và lưu lại.


Quét và gửi qua e-mail

1. Trong **Destinations** (Nơi nhận), chọn **E-mail**.
2. Một e-mail trống sẽ mở ra với tài liệu đã quét làm tập đính kèm.
3. Nhập địa chỉ người nhận e-mail, thêm văn bản, hoặc các tập tin đính kèm khác, sau đó nhấp **Send** (Gửi).

5 Kết nối sản phẩm

- [Các hệ điều hành mạng được hỗ trợ](#)
- [Kết nối với USB](#)
- [Kết nối với mạng \(Chỉ Dòng sản phẩm M1210\)](#)

Các hệ điều hành mạng được hỗ trợ

 **GHI CHÚ:** Chỉ dòng Dòng sản phẩm M1210 hỗ trợ chức năng mạng.

Các hệ điều hành sau hỗ trợ in mạng:

- Windows 7
- Windows Vista (Starter Edition, 32-bit, và 64-bit)
- Windows XP (32-bit, Service Pack 2)
- Windows XP (64-bit, Service Pack 1)
- Windows Server 2003 (Service Pack 1)
- Windows Server 2008 (32-bit và 64-bit)
- Mac OS X v10.4, v10.5, và v10.6

Từ chối chia sẻ máy in


HP không hỗ trợ mạng ngang hàng, vì tính năng là của hệ điều hành Microsoft, không phải của trình điều khiển máy in HP. Vào Microsoft tại www.microsoft.com.

Kết nối với USB

Sản phẩm này hỗ trợ kết nối USB 2.0. Bạn phải sử dụng một cáp USB kiểu A-to-B không dài quá 2 mét (6,56 bộ Anh).

Cài đặt bằng CD

1. Đưa đĩa CD cài đặt phần mềm vào ổ CD máy tính.

 **GHI CHÚ:** Không được kết nối cáp USB cho đến khi được nhắc.

2. Nếu chương trình cài đặt không tự động chạy, hãy duyệt qua nội dung của đĩa CD và chạy tập tin SETUP.EXE.
3. Theo các hướng dẫn trên màn hình để cài đặt phần mềm.

Khi bạn sử dụng đĩa CD để cài đặt phần mềm, bạn có thể chọn các loại cài đặt sau:

- Cài đặt Dễ dàng (khuyến dùng)
Bạn không được nhắc chấp nhận hoặc thay đổi các cài đặt mặc định.
- Cài đặt Nâng cao
Bạn sẽ được nhắc chấp nhận hoặc thay đổi các cài đặt mặc định.

Kết nối với mạng (Chỉ Dòng sản phẩm M1210)

Các giao thức mạng được hỗ trợ

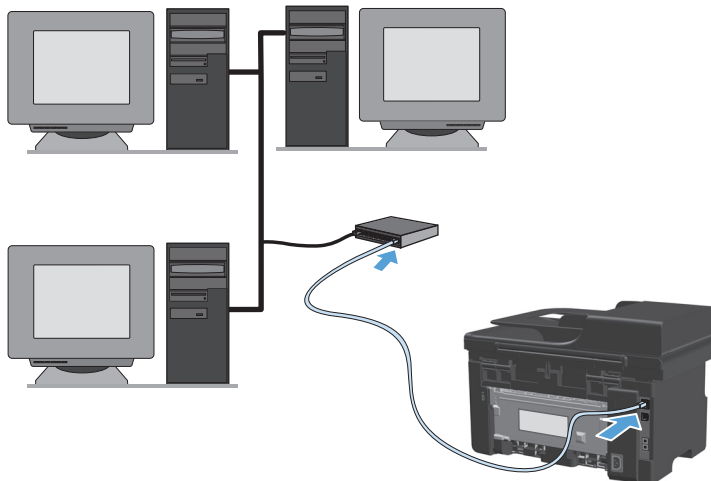
Để kết nối sản phẩm được trang bị mạng vào một mạng, bạn cần một mạng sử dụng giao thức sau.

- Mạng hữu tuyến TCP/IP theo chức năng mạng


Cài đặt sản phẩm trên mạng có dây

Bạn có thể cài đặt sản phẩm trên mạng bằng cách sử dụng đĩa CD sản phẩm. Trước khi bắt đầu quá trình cài đặt, hãy thực hiện các bước sau:

1. Kết nối cáp CAT-5 Ethernet với một cổng có sẵn trên Ethernet hub hoặc router. Không kết nối cáp với cổng uplink trên hub hoặc bộ định tuyến.
2. Kết nối cáp Ethernet với cổng Ethernet ở phía sau sản phẩm.
3. Kiểm tra rằng một trong các đèn mạng (10 hoặc 100) bật sáng trên cổng mạng ở phía sau máy in.



Cài đặt bằng CD trên mạng có dây

 **GHI CHÚ:** Khi bạn sử dụng CD để cài đặt phần mềm, bạn có thể chọn loại cài đặt Easy Install (Cài đặt Cơ bản) (khuyến dùng) hoặc Advanced Install (Cài đặt Nâng cao) (bạn được nhắc chấp nhận hoặc thay đổi các cài đặt mặc định).

1. Đưa đĩa CD cài đặt phần mềm vào ổ CD máy tính.
2. Nếu chương trình cài đặt không tự động chạy, hãy duyệt qua nội dung của đĩa CD và chạy tập tin SETUP.EXE.
3. Làm theo các hướng dẫn trên màn hình để cài đặt sản phẩm và cài đặt phần mềm của bạn.

 **GHI CHÚ:** Đảm bảo bạn chọn **Connect via the Network** (Kết nối qua Mạng) khi được nhắc.

Cấu hình cài đặt mạng

Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng

Sử dụng máy chủ Web nhúng để xem hoặc thay đổi các cài đặt cấu hình IP.

1. In trang cấu hình, và tìm địa chỉ IP.

- Nếu bạn đang sử dụng IPv4, địa chỉ IP sẽ chỉ gồm có các chữ số. Địa chỉ có định dạng sau:

xxx . xxx . xxx . xxx

- Nếu bạn đang sử dụng IPv6, địa chỉ IP sẽ là tổ hợp các ký tự và chữ số theo hệ thập lục phân. Nó có định dạng tương tự như sau:

xxxx : : xxxx : xxxx : xxxx : xxxx


2. Để mở máy chủ Web nhúng, hãy nhập địa chỉ IP vào dòng địa chỉ của trình duyệt Web.

3. Bấm tab **Networking** (Hoạt động Mạng) để lấy thông tin mạng. Bạn có thể thay đổi các cài đặt khi cần.

Đặt hoặc thay đổi mật khẩu mạng.

Sử dụng máy chủ Web nhúng để đặt mật khẩu mạng hoặc thay đổi mật khẩu hiện có.

1. Mở máy chủ Web nhúng, bấm vào tab **Hoạt động mạng**, và sau đó bấm vào liên kết **Password (Mật khẩu)**.

 **GHI CHÚ:** Nếu đã cài đặt mật khẩu trước đó, bạn sẽ được nhắc nhập lại mật khẩu đó. Nhập mật khẩu vào, sau đó nhấp vào nút **Apply (Áp dụng)**.

2. Nhập mật khẩu mới vào hộp **Password (Mật khẩu)** và hộp **Xác nhận Mật khẩu**.


3. Ở cuối cửa sổ, nhấp vào nút **Apply (Áp dụng)** để lưu mật khẩu.

Địa chỉ IP

Có thể cài thủ công địa chỉ IP của sản phẩm hoặc có thể định cấu hình tự động khi sử dụng DHCP, BootP hoặc AutoIP.

Để thay đổi địa chỉ IP theo cách thủ công, hãy sử dụng tab **Networking** (Mạng) trong máy chủ Web nhúng.

Cài đặt giao tiếp hai hướng và tốc độ liên kết

 **GHI CHÚ:** Trong phần này, "duplex" dùng để chỉ giao tiếp theo hai hướng, chứ không phải in hai mặt.

Hãy sử dụng tab **Networking** (Mạng) trong máy chủ Web nhúng để đặt tốc độ liên kết, nếu cần.

Các thay đổi không đúng trong cài đặt tốc độ liên kết có thể ngăn cản sản phẩm liên lạc với các thiết bị mạng khác. Trong hầu hết trường hợp, hãy để sản phẩm ở chế độ tự động. Các thay đổi có thể làm sản phẩm bị tắt, rồi bật lại. Chỉ thay đổi khi sản phẩm chạy không (nhàn rỗi).

6 Giấy và Phương tiện In

- [Tìm hiểu sử dụng giấy](#)
- [Thay đổi trình điều khiển máy in cho phù hợp với loại và kích thước giấy](#)
- [Các kích thước giấy được hỗ trợ](#)
- [Loại giấy được hỗ trợ](#)
- [Nạp giấy vào các khay](#)
- [Cấu hình các khay](#)

Tìm hiểu sử dụng giấy

Sản phẩm này hỗ trợ nhiều loại giấy và vật liệu in theo các hướng dẫn tại sách hướng dẫn sử dụng này. Giấy hoặc phương tiện in không đáp ứng các hướng dẫn này có thể tạo ra chất lượng in tồi, hay bị kẹt giấy, và sớm làm mòn sản phẩm.

Để có kết quả tốt nhất, chỉ sử dụng giấy và phương tiện in có nhãn hiệu HP, được thiết kế cho máy in laser hoặc đa dụng. Không sử dụng giấy và vật liệu in dành cho máy in Inkjet. Công ty HP không khuyến nghị việc sử dụng vật liệu in có nhãn hiệu khác vì HP không thể kiểm soát chất lượng của chúng.

Bảo quản giấy trong hộp ban đầu để tránh cho giấy tiếp xúc với hơi ẩm và hư hại khác. Không mở hộp cho tới khi bạn đã sẵn sàng sử dụng giấy.

Vẫn có khả năng bạn không thể có kết quả như ý khi dùng giấy đáp ứng tất cả các nguyên tắc trong hướng dẫn sử dụng này. Điều này có thể là hậu quả của việc xử lý sai cách, mức nhiệt độ và/hoặc độ ẩm không chấp nhận được, hoặc các biến số khác mà HP không có kiểm soát.

⚠ THẬN TRỌNG: Việc sử dụng giấy hoặc vật liệu in không đáp ứng thông số kỹ thuật của HP có thể gây ra vấn đề cần phải sửa chữa cho sản phẩm. Việc sửa chữa này không nằm trong phạm vi thỏa thuận dịch vụ hoặc bảo hành của HP.

Hướng dẫn sử dụng giấy đặc biệt

Sản phẩm này hỗ trợ in trên các loại giấy đặc biệt. Hãy sử dụng các nguyên tắc sau để có kết quả như ý. Khi sử dụng giấy đặc biệt hoặc giấy in, nhớ đặt loại và khổ giấy trong trình điều khiển máy in để có được kết quả tốt nhất.

⚠ THẬN TRỌNG: Các sản phẩm HP LaserJet sử dụng cuộn sấy để sấy dính kích hoạt các hạt bột mực trên từng điểm rất chính xác. Giấy laser của HP được thiết kế để chịu được mức nhiệt độ cực cao này. Việc sử dụng giấy inkjet có thể làm hư sản phẩm.

| Loại vật liệu | Nên | Không nên |
|----------------|---|--|
| Các phong bì | <ul style="list-style-type: none">Ngăn chứa phong bì.Sử dụng các phong bì có đường nối kéo dài đến góc của phong bì.Sử dụng các loại băng dính lột ra để dán được chấp nhận sử dụng cho các máy in la-de. | <ul style="list-style-type: none">Không sử dụng các phong bì nhăn nheo, bị cắt, bị dính với nhau, hay các dạng hư hỏng khác.Không sử dụng các phong bì có móc cài, khóa, cửa sổ, hay phủ các lớp lót.Đừng sử dụng các băng tự dính hay các vật liệu tổng hợp khác. |
| Các nhãn | <ul style="list-style-type: none">Chỉ sử dụng các nhãn không có phần lưng phơi ra giữa chúng.Sử dụng các nhãn phẳng.Chỉ sử dụng các tờ có đầy nhãn. | <ul style="list-style-type: none">Đừng sử dụng các nhãn bị nhăn hay có chỗ phồng, hay bị hư hỏng.Đừng in từng phần các tờ chứa nhãn. |
| Phim đèn chiếu | <ul style="list-style-type: none">Chỉ sử dụng giấy bóng kính được chấp nhận để sử dụng trong các máy in laser.Đặt phim đèn chiếu lên một mặt phẳng sau khi lấy chúng ra khỏi máy. | <ul style="list-style-type: none">Đừng sử dụng các tấm phim đèn chiếu không được chấp nhận cho các máy in la-de. |

| Loại vật liệu | Nên | Không nên |
|---------------------------------|--|---|
| Đầu đề trang hay các mẫu in sẵn | <ul style="list-style-type: none"> Chỉ sử dụng đầu đề trang hay các mẫu được chấp nhận sử dụng cho máy in la-de. | <ul style="list-style-type: none"> Đừng sử dụng các đầu đề trang nổi lên hay có kim loại. |
| Giấy dày | <ul style="list-style-type: none"> Chỉ sử dụng giấy dày được chấp nhận sử dụng trong máy in la-de đáp ứng các đặc điểm về trọng lượng của máy in này. | <ul style="list-style-type: none"> Đừng sử dụng giấy nặng hơn đặc điểm kỹ thuật được đề nghị cho máy, trừ khi nó là giấy HP được chấp nhận sử dụng trong máy in này. |
| Giấy láng hay có phủ | <ul style="list-style-type: none"> Chỉ sử dụng giấy láng hay có phủ được chấp nhận sử dụng cho máy in la-de. Sử dụng giấy tráng bóng trong phạm vi nhiệt độ và độ ẩm cho sản phẩm này. | <ul style="list-style-type: none"> Đừng sử dụng giấy láng hay có phủ được thiết kế để sử dụng trong máy in phun. Không sử dụng giấy tráng bóng trong môi trường có độ ẩm quá cao hoặc quá thấp. |
| Tất cả các loại giấy | <ul style="list-style-type: none"> Bảo quản giấy trong hộp ban đầu. Bảo quản giấy ở khu vực không có bụi bẩn. | <ul style="list-style-type: none"> Không được sử dụng giấy đã bị quản. Không sử dụng giấy được bảo quản trong môi trường ẩm ướt. |

Thay đổi trình điều khiển máy in cho phù hợp với loại và kích thước giấy

Thay đổi kích thước và loại giấy (Windows)


1. Trên menu **Tập tin** trong chương trình phần mềm, nhấp vào **In**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Preferences (Tùy chọn)**.
3. Nhấp vào tab **Giấy/Chất lượng**.
4. Chọn một kích thước từ danh sách **Kích thước giấy** thả xuống.
5. Chọn một loại giấy từ danh sách **Loại giấy** thả xuống.
6. Nhấp vào nút **OK**.

Thay đổi kích thước và loại giấy (Mac)

1. Trên menu **Tệp** trong chương trình phần mềm, nhấp vào tùy chọn **In**.
2. Trên menu **Bản sao & Trang**, hãy nhấp vào menu **Xử lý Giấy**.
3. Chọn kích thước từ danh sách **Paper Size (Kích thước giấy)** thả xuống, và sau đó nhấp vào nút **OK**.
4. Mở menu **Giấy**.
5. Chọn một loại từ danh sách **Type is: (Loại:)** thả xuống.
6. Nhấp vào nút **In**.

Các kích thước giấy được hỗ trợ

Sản phẩm này hỗ trợ nhiều kích thước giấy khác nhau, và nó thích nghi với nhiều loại vật liệu.

 **GHI CHÚ:** Để có kết quả in tốt nhất, chọn kích thước giấy thích hợp và gỡ trình điều khiển in của bạn vào trước khi in.

Bảng 6-1 Các kích thước phương tiện và giấy in được hỗ trợ

| Kích thước | Kích thước | Khay tiếp giấy | Khay nạp tài liệu |
|------------|--------------|--|---|
| Thư | 216 x 279 mm | ✓ | ✓ |
| Pháp lý | 216 x 356 mm | ✓ | ✓ |
| A4 | 210 x 297 mm | ✓ | ✓ |
| Quản lý | 184 x 267 mm | ✓ | ✓ |
| A5 | 148 x 210 mm | ✓ | ✓ |
| A6 | 105 x 148 mm | ✓ | ✓ |
| B5 (JIS) | 182 x 257 mm | ✓ | ✓ |
| 16k | 184 x 260 mm | | |
| | 195 x 270 mm | ✓ | ✓ |
| | 197 x 273 mm | | |
| Tuỳ chỉnh | | Tối thiểu: 76 x 127 mm Tối đa: 216 x 356 mm | Tối thiểu: 147 x 211 mm Tối đa: 216 x 356 mm |

Bảng 6-2 Phong bì và bưu thiếp được hỗ trợ

| Kích thước | Kích thước | Khay tiếp giấy |
|-------------------------|--------------|----------------|
| Phong bì #10 | 105 x 241 mm | ✓ |
| Phong bì DL | 110 x 220 mm | ✓ |
| Phong bì C5 | 162 x 229 mm | ✓ |
| Phong bì B5 | 176 x 250 mm | ✓ |
| Phong bì Quân chủ | 98 x 191 mm | ✓ |
| Bưu thiếp (JIS) | 100 x 148 mm | ✓ |
| Bưu thiếp gấp đôi (JIS) | 148 x 200 mm | ✓ |

Loại giấy được hỗ trợ

Xin đến www.hp.com/support/ljm1130series hoặc www.hp.com/support/ljm1210series để có danh sách đầy đủ về giấy mang nhãn hiệu HP cụ thể mà sản phẩm này hỗ trợ.

Khay tiếp giấy

Khay tiếp giấy hỗ trợ các loại giấy sau:

- Thường
- Nhẹ (60–74 g/m²)
- Giấy láng trung bình (96–110 g/m²)
- Nặng (111–130 g/m²)
- Siêu Nặng (131–175 g/m²)
- Trong suốt
- Nhãn
- Tiêu đề thư
- Phong bì
- In sẵn
- Dập lỗ trước
- Màu
- Liên kết
- Tái chế
- Thô
- Vellum


Khay nạp tài liệu

Khay nạp tài liệu hỗ trợ các loại giấy nằm trong phạm vi trọng lượng sau:

- Sợi giấy 60-90 g/m²
-

Nạp giấy vào các khay

Nạp giấy vào khay tiếp giấy.

 **GHI CHÚ:** Khi cho thêm vật liệu in mới, hãy chắc chắn là bạn đã loại bỏ tất cả vật liệu in ở khay nạp và làm phẳng toàn bộ tập giấy. Không xòe giấy ra. Việc làm này giúp bạn ngăn không cho nhiều tờ vật liệu in nạp vào máy in cùng lúc, và do vậy làm giảm kẹt giấy.

1. Nạp giấy với mặt ngửa lên, hướng thẳng vào khay tiếp giấy.



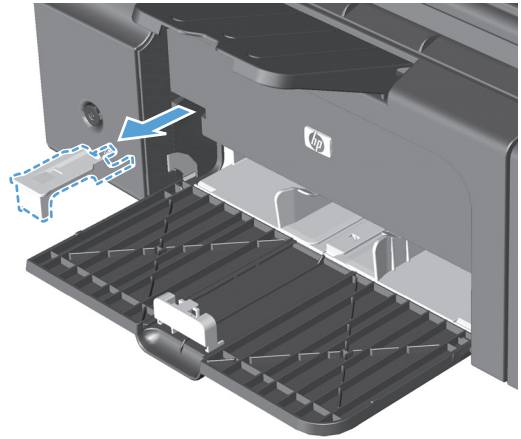
2. Hiệu chỉnh các thanh truyền giấy cho đến khi chúng sát vào giấy.



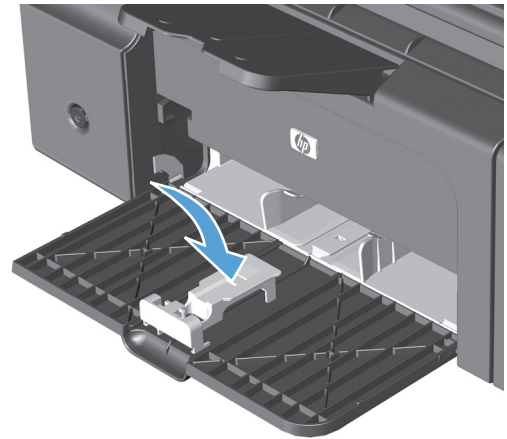
Điều chỉnh khay cho vật liệu in ngắn

Để in trên giấy ngắn hơn 185 mm, sử dụng phần mở rộng giấy ngắn để điều chỉnh khay tiếp giấy.

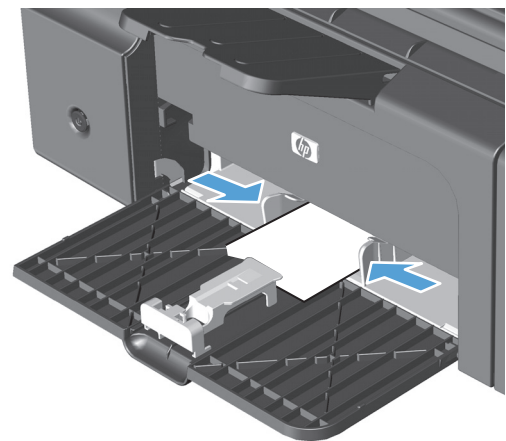
1. Gỡ công cụ mở rộng giấy ngắn ra khỏi rãnh chứa ở cạnh bên trái của khu vực nhập giấy.



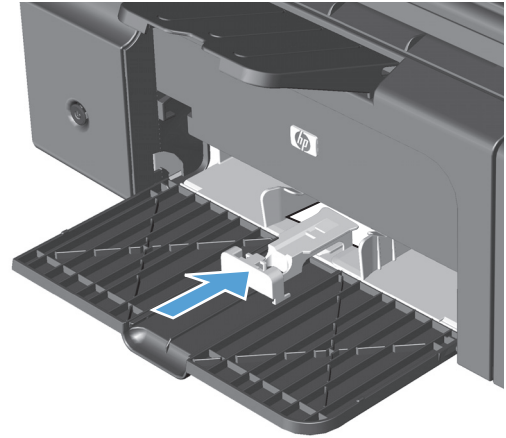
2. Gắn công cụ vào thanh truyền giấy phía trước.



3. Đưa giấy vào sản phẩm, và điều chỉnh thanh truyền giấy bên cạnh để chúng vừa khít với giấy.





- Đưa giấy vào sản phẩm cho đến khi dừng lại, sau đó trượt thanh truyền giấy phía trước để công cụ hỗ trợ giấy.



- Khi hoàn tất việc in bằng giấy ngăn, gỡ giấy ngăn ra khỏi công cụ mở rộng, rồi đặt trở lại vào rãnh chứa.

Nạp giấy vào khay nạp tài liệu (Chỉ Dòng sản phẩm M1210)

 **GHI CHÚ:** Khi cho thêm vật liệu in mới, hãy chắc chắn là bạn đã loại bỏ tất cả vật liệu in ở khay nạp và làm phẳng toàn bộ tập giấy. Không xòe giấy ra. Việc làm này giúp bạn ngăn không cho nhiều tờ vật liệu in nạp vào máy in cùng lúc, và do vậy làm giảm kẹt giấy.

 **THẬN TRỌNG:** Để tránh làm hỏng sản phẩm, bạn đừng sử dụng các tài liệu gốc có dán băng tẩy, mực tẩy, kim cài giấy, hoặc kẹp giấy. Đồng thời, bạn cũng đừng để hình chụp, tài liệu gốc cỡ nhỏ hoặc các loại tài liệu gốc dễ rách vào khay nạp tài liệu.

1. Đưa các bản gốc vào khay nạp tài liệu với mặt tài liệu hướng lên trên.



2. Hiệu chỉnh các thanh truyền giấy cho đến khi chúng sát vào giấy.



Dung tích ngăn và khay giấy

| Ngăn hoặc khay giấy | Loại giấy | Thông số kỹ thuật | Số lượng |
|---|-----------------|--|---|
| Khay tiếp giấy | Giấy | Phạm vi: Sợi giấy từ 60 g/m ² đến 163 g/m ² | 150 tờ của tập có sợi giấy nặng 60 g/m ² |
| | Phong bì | Sợi giấy từ 60 g/m ² đến 90 g/m ² | Tối đa 10 phong bì |
| | Giấy kính trong | Độ dày tối thiểu là 0,13 mm | Tối đa 75 tờ giấy trong suốt |
| Khay đựng giấy ra | Giấy | Phạm vi: Sợi giấy từ 60 g/m ² đến 216 g/m ² | Tối đa 100 tờ giấy có sợi giấy nặng 75 g/m ² |
| | Phong bì | Sợi giấy từ ít hơn 60 g/m ² đến 90 g/m ² | Tối đa 10 phong bì |
| | Giấy trong suốt | Độ dày tối thiểu là 0,13 mm | Tối đa 75 tờ giấy trong suốt |
| Khay nạp tài liệu (Chỉ Dòng sản phẩm M1210) | Giấy | Phạm vi: Sợi giấy từ 60 g/m ² đến 90 g/m ² | Tối đa 35 tờ |

Định hướng giấy khi nạp khay giấy

Nếu bạn đang sử dụng giấy cần định hướng đặc biệt, hãy nạp giấy theo thông tin trong bảng sau.

| Loại giấy | Cách nạp giấy |
|-------------------------|--|
| In sẵn hoặc tiêu đề thư | <ul style="list-style-type: none"> • Ngửa lên • Đưa mép trên cùng vào sản phẩm |
| Dập lỗ trước | <ul style="list-style-type: none"> • Ngửa lên • Các lỗ hướng về cạnh trái của sản phẩm |
| Phong bì | <ul style="list-style-type: none"> • Ngửa lên • Đưa mép ngăn bên trái vào sản phẩm |

Cấu hình các khay

Thay đổi cài đặt khổ giấy mặc định (Dòng sản phẩm M1130)

1. Mở trình điều khiển máy in để thay đổi cài đặt mặc định. Làm theo thủ tục phù hợp, tùy thuộc vào hệ điều hành bạn đang sử dụng.

Windows XP, Windows Server 2003 và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Start mặc định):

- a. Nhấp vào **Khởi động**, rồi nhấp vào **Máy in và Fax**.
- b. Nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Properties** (Đặc Tính).
- c. Nhấp vào tab **Cài đặt Thiết bị**.


Windows XP, Windows Server 2003 và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Classic Start):

- a. Nhấp vào **Khởi động**, nhấp vào **Cài đặt**, rồi nhấp vào **Máy in**.
- b. Nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Properties** (Đặc Tính).
- c. Nhấp vào tab **Cài đặt Thiết bị**.


Windows Vista

- a. Nhấp vào **Khởi động**, nhấp vào **Bảng Điều khiển**, rồi trong phần **Phần cứng và Âm thanh** nhấp vào **Máy in**.
- b. Nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Properties** (Đặc Tính).
- c. Nhấp vào tab **Cài đặt Thiết bị**.

Mac OS X 10.4

- a. Từ menu Apple , nhấp vào menu **Tùy chọn hệ thống**, rồi nhấp vào biểu tượng **In & Fax**.
- b. Nhấp vào nút **Printer Setup (Cài đặt Máy in)**.

Mac OS X 10.5 và 10.6

- a. Từ menu Apple , nhấp vào menu **Tùy chọn hệ thống**, rồi nhấp vào biểu tượng **In & Fax**.
- b. Chọn sản phẩm ở cạnh bên trái của cửa sổ.
- c. Nhấp vào nút **Tùy chọn & Mục in**.
- d. Nhấp vào tab **Driver Trình điều khiển**.

2. Chọn kích thước giấy phù hợp.

Thay đổi cài đặt khổ giấy mặc định (Dòng sản phẩm M1210)

1. Bấm nút **Cài đặt**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **System setup (Cài đặt hệ thống)**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Paper setup (Cài đặt trang)**, sau đó bấm nút **OK**.

4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Kích thước giấy mặc định**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn kích thước vật liệu in, sau đó bấm nút **OK**.

Thay đổi cài đặt loại giấy mặc định (Dòng sản phẩm M1130)

Bạn không thể đặt loại giấy mặc định cho kiểu này.


Thay đổi cài đặt loại giấy mặc định (Dòng sản phẩm M1210)




1. Bấm nút **Cài đặt**.
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **System setup (Cài đặt hệ thống)**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Paper setup (Cài đặt trang)**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Loại giấy mặc định**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn loại giấy, sau đó bấm nút **OK**.

7 Thao tác in

- [Hủy lệnh in](#)
- [In bằng Windows](#)

Hủy lệnh in

1. Nếu đang thực hiện lệnh in hiện tại, hủy lệnh in bằng cách bấm nút Cancel (Hủy)  trên bảng điều khiển sản phẩm.

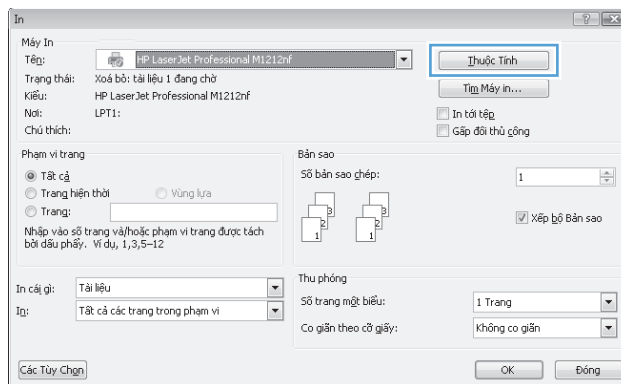
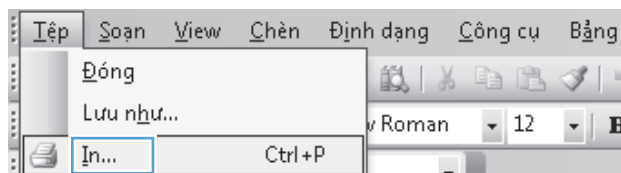
 **GHI CHÚ:** Việc bấm nút Cancel (Hủy)  sẽ xóa lệnh in mà sản phẩm đang tiến hành. Nếu có nhiều quá trình đang hoạt động, bấm nút Cancel (Hủy)  sẽ xóa quá trình đang hiển thị trên bảng điều khiển sản phẩm.

2. Bạn cũng có thể hủy lệnh in từ chương trình phần mềm hoặc từ dãy lệnh in.
 - **Chương trình phần mềm:** Thông thường, một hộp thoại sẽ xuất hiện ngắn gọn trên màn hình máy tính, cho phép bạn hủy lệnh in.
 - **Xếp in của Windows:** Nếu một lệnh in đang xếp hàng trong dãy lệnh in (bộ nhớ máy tính) hoặc trong spooler (bộ in nền), hãy xóa lệnh in tại đó.
 - **Windows XP, Server 2003, hoặc Server 2008:** Nhấp vào **Khởi động**, nhấp vào **Cài đặt**, rồi nhấp vào **Máy in và máy Fax**. Nhấp đôi lên biểu tượng sản phẩm để mở cửa sổ, nhấp chuột phải lên lệnh in mà bạn muốn hủy, và sau đó nhấp **Cancel** (Hủy).
 - **Windows Vista:** Nhấp **Start** (Bắt đầu), nhấp **Control Panel** (Bảng điều khiển) và sau đó trong phần **Hardware and Sound** (Phần cứng và âm thanh), nhấp **Printer** (Máy in). Nhấp đôi lên biểu tượng sản phẩm để mở cửa sổ, nhấp chuột phải lên lệnh in mà bạn muốn hủy, và sau đó nhấp **Cancel** (Hủy).
 - **Dãy lệnh in Macintosh:** Nhấp đôi vào biểu tượng sản phẩm trên bệ đỡ để mở dãy lệnh in. Tô sáng lệnh in và sau đó nhấp **Delete** (Xóa).

In bằng Windows

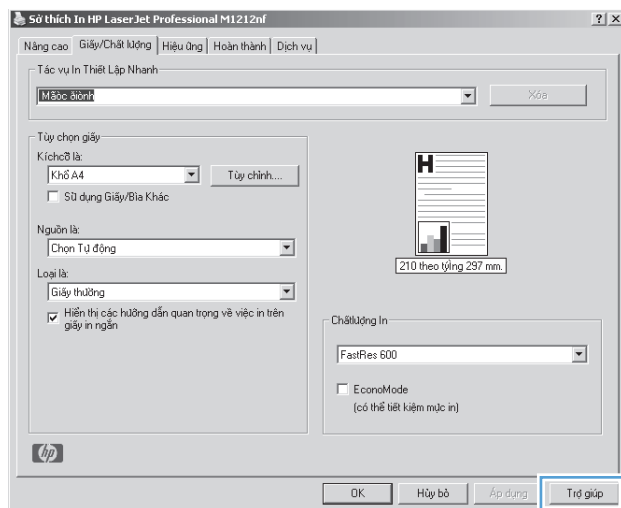
Mở trình điều khiển máy in bằng Windows

1. Trên menu **Tập tin** trong chương trình phần mềm, nhấp vào **In**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Preferences (Tùy chọn)**.



Nhận trợ giúp dành cho tùy chọn in bằng Windows

1. Nhấp vào nút **Trợ giúp** để mở Trợ giúp trực tuyến.



Thay đổi số lượng bản in bằng Windows

1. Trên menu **Tập tin** trong chương trình phần mềm, nhấp vào **In**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Preferences (Tùy chọn)**.
3. Nhấp vào tab **Nâng cao**.
4. Trong vùng **Copies (Bản sao)**, sử dụng các nút mũi tên để điều chỉnh số bản sao.
Nếu bạn đang in nhiều trang, nhấp vào hộp kiểm **Collate (Đối chiếu)** để đối chiếu các bản sao.

In văn bản màu thành màu đen bằng Windows

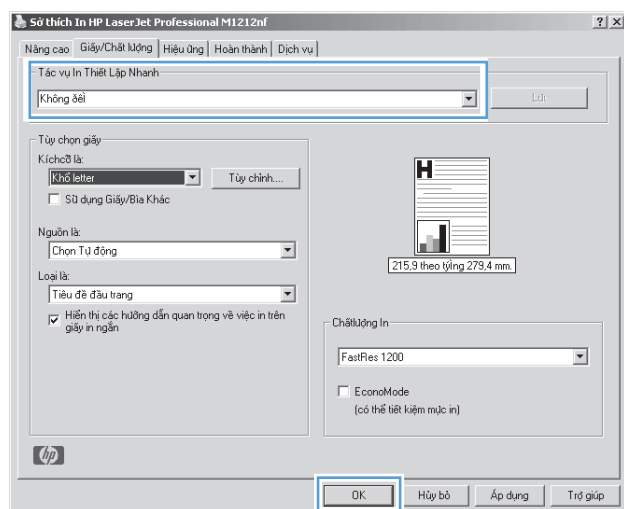
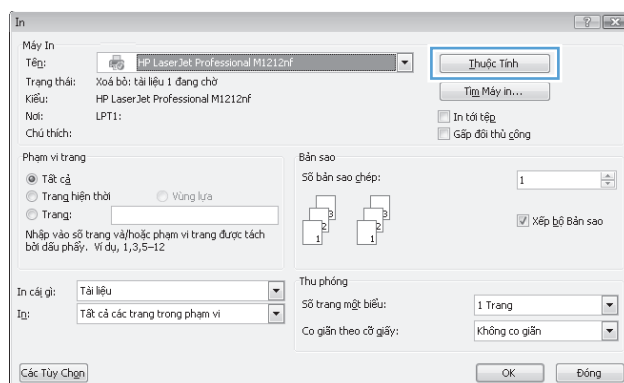
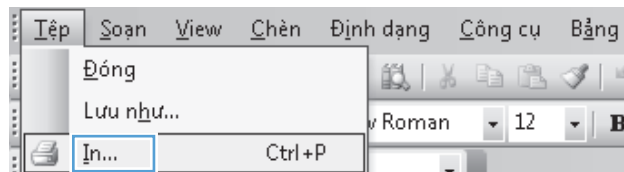
1. Trên menu **Tập tin** trong chương trình phần mềm, nhấp vào **In**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Preferences (Tùy chọn)**.
3. Nhấp vào tab **Nâng cao**.
4. Nhấp vào hộp kiểm **In Toàn bộ Văn bản thành Màu đen**. Nhấp vào nút **OK**.

Lưu các cài đặt tùy chỉnh in để sử dụng lại bằng Windows

Sử dụng cài đặt in nhanh

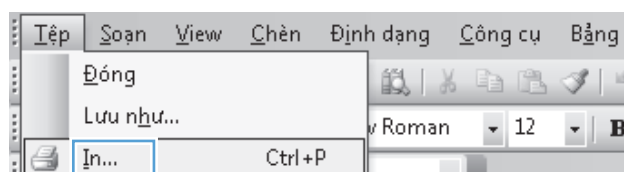
1. Trên menu **Tập tin** trong chương trình phần mềm, nhấp vào **In**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Preferences (Tùy chọn)**.
3. Trong danh sách **Print Task Quick Sets (Thiết lập Nhanh Tác vụ In)** thả xuống, chọn một trong các cài đặt nhanh, rồi nhấp vào nút **OK** để in bằng các cài đặt đã định sẵn.

GHI CHÚ: Danh sách **Print Task Quick Sets (Thiết lập Nhanh Tác vụ In)** thả xuống xuất hiện trên tất cả các tab trừ tab **Dịch vụ**.

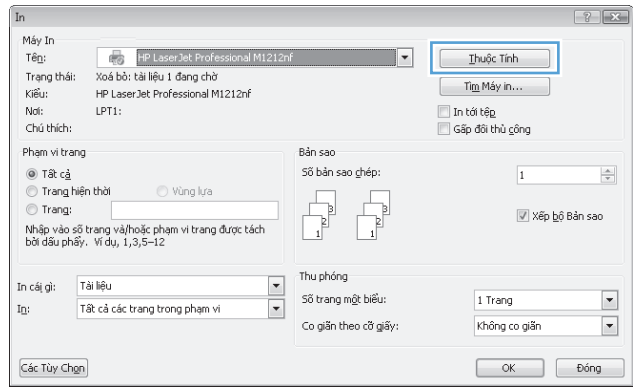


Tạo cài đặt in nhanh tùy chỉnh

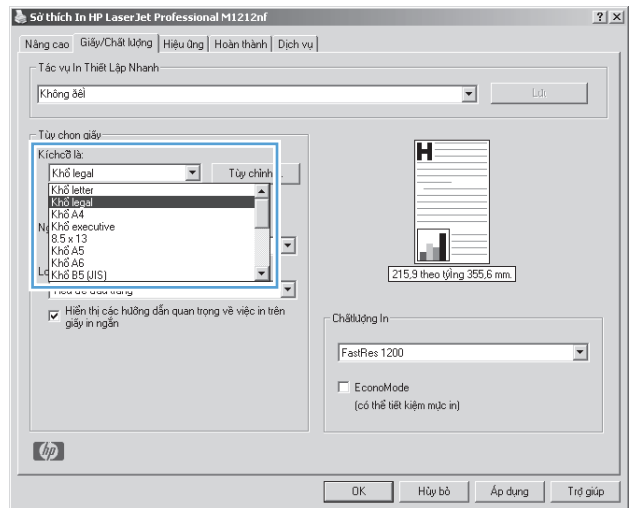
1. Trên menu **Tập tin** trong chương trình phần mềm, nhấp vào **In**.



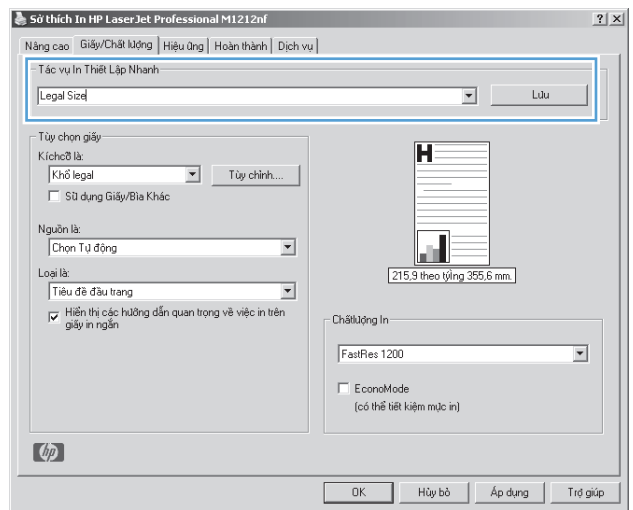
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấn vào nút **Thuộc tính** hoặc **Preferences (Tùy chọn)**.



3. Chọn các tùy chọn in cho cài đặt nhanh mới.



4. Nhập tên vào cài đặt nhanh mới, và nhấn vào nút **Lưu**.



Cải thiện chất lượng in bằng Windows

Chọn kích thước giấy

1. Trên menu **Tập tin** trong chương trình phần mềm, nhấn vào **In**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấn vào nút **Thuộc tính** hoặc **Preferences (Tùy chọn)**.

3. Nhấp vào tab **Giấy/Chất lượng**.
4. Chọn một kích thước từ danh sách **Size is (Kích thước)** thả xuống.

Chọn kích thước giấy tùy chỉnh


1. Trên menu **Tập tin** trong chương trình phần mềm, nhấp vào **In**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Preferences (Tùy chọn)**.
3. Nhấp vào tab **Giấy/Chất lượng**.
4. Nhấp vào nút **Tùy chỉnh**. Hộp thoại **Custom Paper Size (Kích thước giấy tùy chỉnh)** mở ra.
5. Nhập tên cho kích thước tùy chỉnh, xác định kích thước, rồi nhấp vào nút **Lưu**.
6. Nhấp vào nút **Đóng**, rồi nhấp vào nút **OK**.

Chọn loại giấy

1. Trên menu **Tập tin** trong chương trình phần mềm, nhấp vào **In**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Preferences (Tùy chọn)**.
3. Nhấp vào tab **Giấy/Chất lượng**.
4. Chọn một loại từ danh sách **Type is (Loại)** thả xuống.

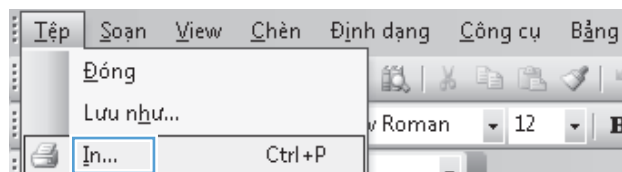
Chọn độ phân giải in

1. Trên menu **Tập tin** trong chương trình phần mềm, nhấp vào **In**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Preferences (Tùy chọn)**.
3. Nhấp vào tab **Giấy/Chất lượng**.
4. Trong vùng **Print Quality (Chất lượng in)**, chọn một tùy chọn từ danh sách thả xuống. Xem phần Help (Trợ giúp) trực tuyến của trình điều khiển máy in để biết thông tin về mỗi một tùy chọn trong các tùy chọn sẵn có.

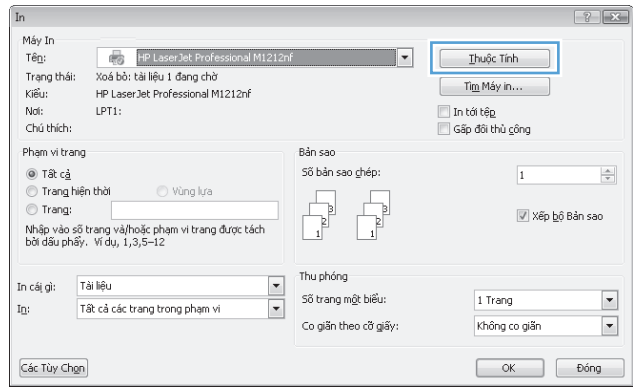
 **GHI CHÚ:** Để sử dụng độ phân giải ở chất lượng bản thảo, trong vùng **Print Quality (Chất lượng in)**, đánh dấu vào ô **Chế độ tiết kiệm**.

In trên giấy tiêu đề hoặc mẫu in sẵn bằng Windows

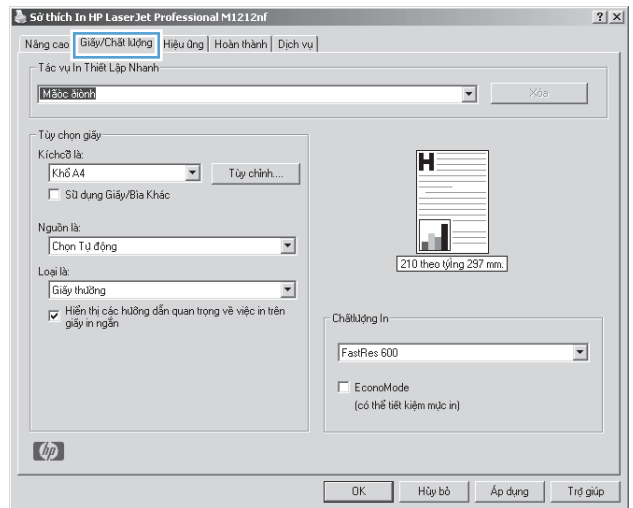
1. Trên menu **Tập tin** trong chương trình phần mềm, nhấp vào **In**.



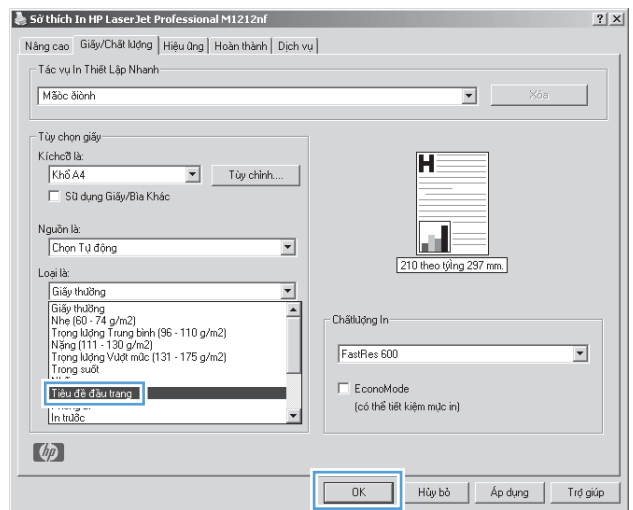
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấn vào nút **Thuộc tính** hoặc **Preferences (Tùy chọn)**.



3. Nhấp vào tab **Giấy/Chất lượng**.

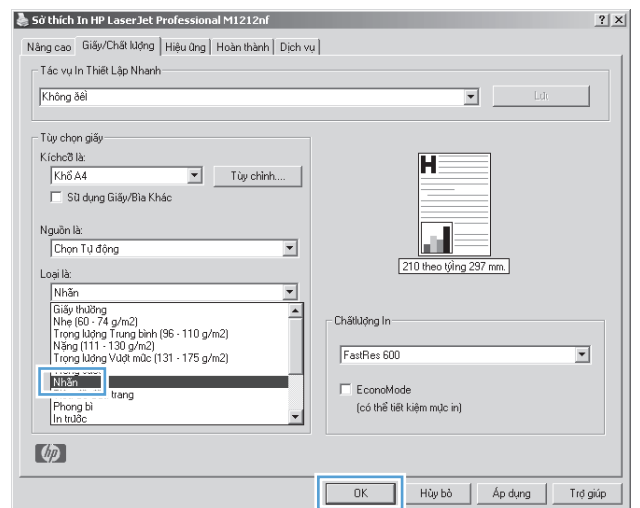
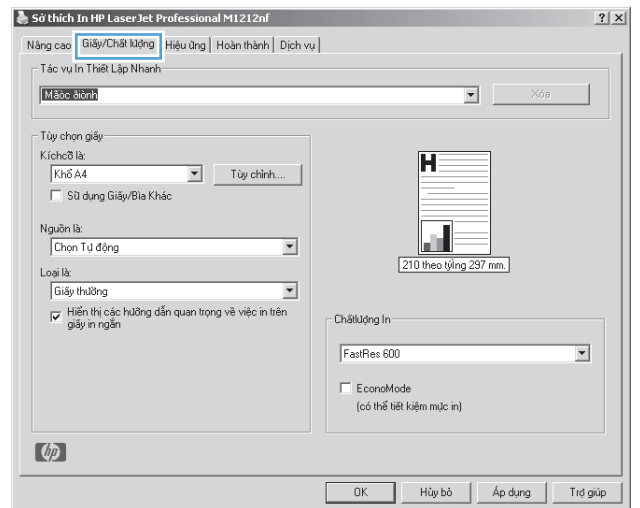
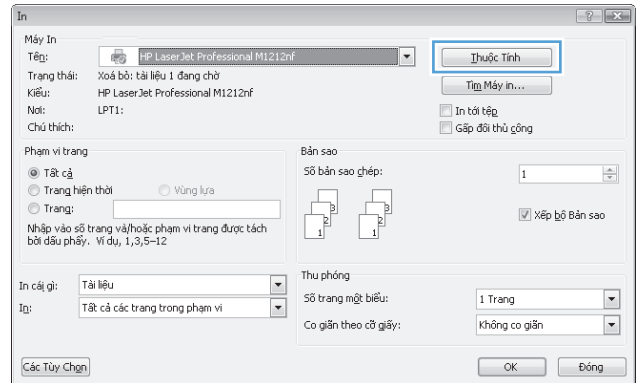


4. Từ danh sách **Type is (Loại)** thả xuống, chọn loại giấy bạn đang sử dụng và nhấn vào nút **OK**.



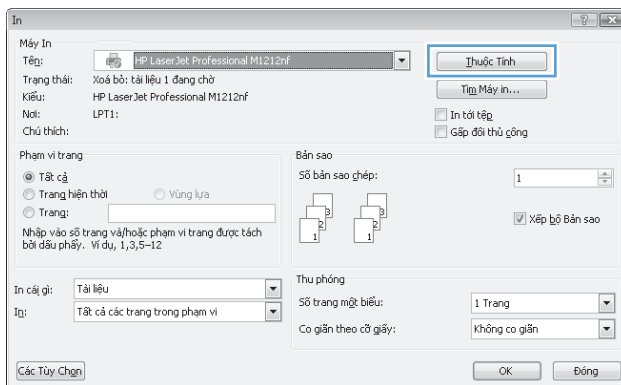
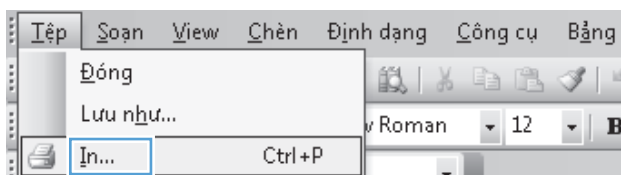
In trên giấy, nhãn hoặc giấy bóng kính đặc biệt bằng Windows

1. Trên menu **Tập tin** trong chương trình phần mềm, nhấp vào **In**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Preferences (Tùy chọn)**.
3. Nhấp vào tab **Giấy/Chất lượng**.
4. Từ danh sách **Type is (Loại)** thả xuống, chọn loại giấy bạn đang sử dụng và nhấp vào nút **OK**.

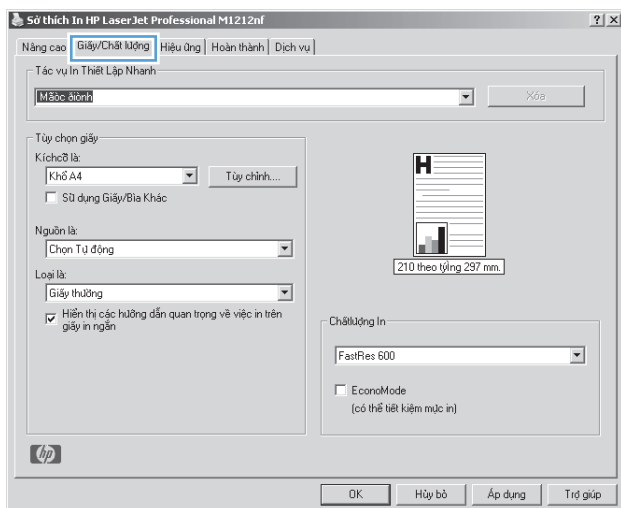


In trang đầu hoặc trang cuối trên trang khác nhau bằng Windows

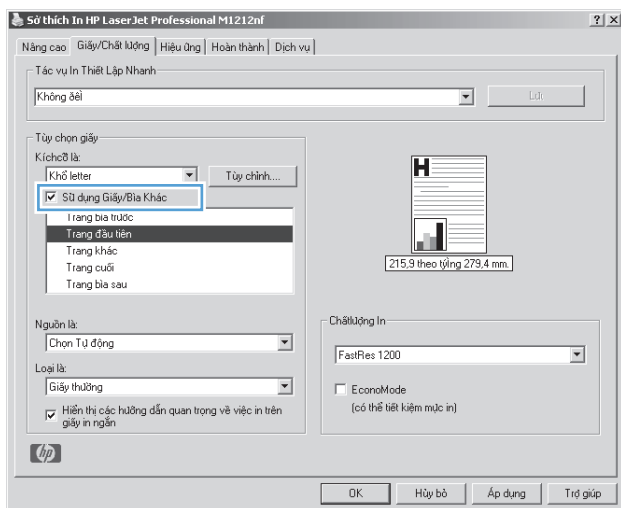
1. Trên menu **Tập tin** trong chương trình phần mềm, nhấp vào **In**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Preferences (Tùy chọn)**.
3. Nhấp vào tab **Giấy/Chất lượng**.



3. Nhấp vào tab **Giấy/Chất lượng**.

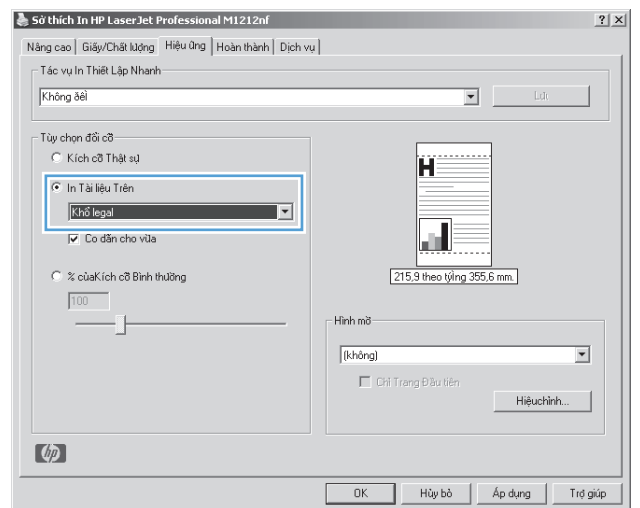
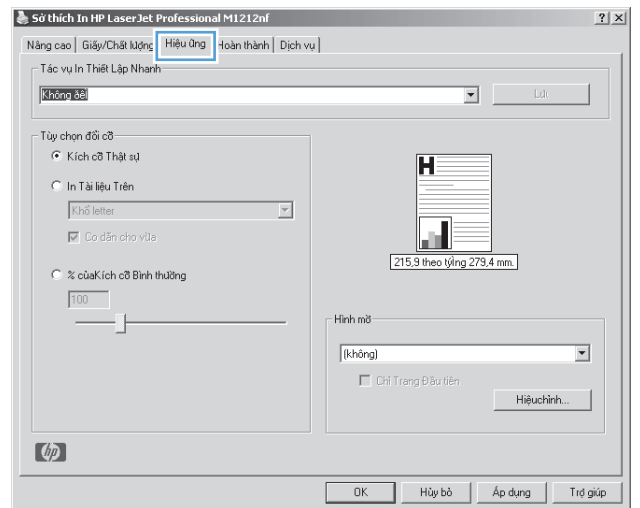
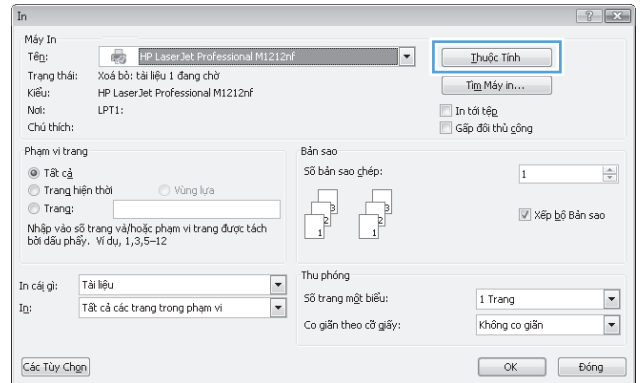


4. Nhấp vào hộp kiểm **Use Different Paper/Covers (Sử dụng Giấy/Bìa Khác nhau)**, rồi chọn cài đặt cần thiết cho bìa trước, các trang khác và bìa sau.



Co giãn tài liệu cho vừa với kích thước trang

1. Trên menu **Tập tin** trong chương trình phần mềm, nhấp vào **In**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Preferences (Tùy chọn)**.
3. Nhấp vào tab **Hiệu ứng**.
4. Chọn tùy chọn **Print Document On (In Tài liệu Trên)**, sau đó chọn một kích thước từ danh sách thả xuống.



Thêm hình mờ vào tài liệu bằng Windows

1. Trên menu **Tập tin** trong chương trình phần mềm, nhấp vào **In**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Preferences (Tùy chọn)**.
3. Nhấp vào tab **Hiệu ứng**.
4. Chọn một hình mờ từ danh sách **Hình mờ thả xuống**.

Để in hình mờ chỉ trên trang đầu, nhấp vào vào hộp kiểm **First Page Only (Chỉ Trang Đầu tiên)**. Nếu không, hình mờ sẽ được in trên mọi trang.

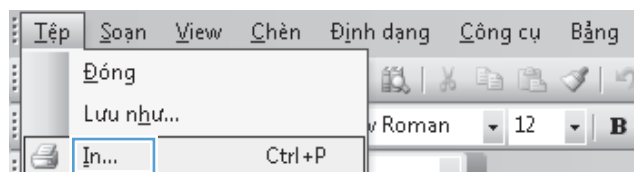
In trên cả hai mặt (in hai mặt) bằng Windows

In thủ công trên cả hai mặt (in hai mặt) bằng Windows

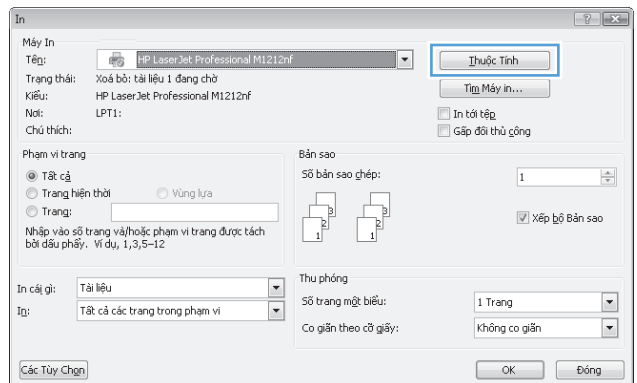
1. Nạp giấy với mặt ngửa lên vào khay tiếp giấy.



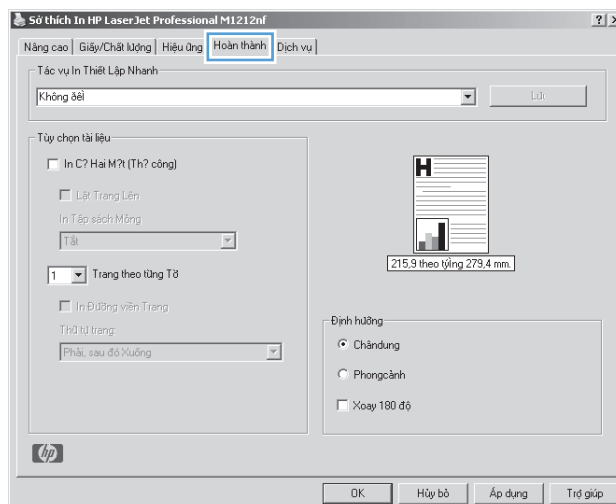
2. Trên menu **Tập tin** trong chương trình phần mềm, nhấp vào **In**.



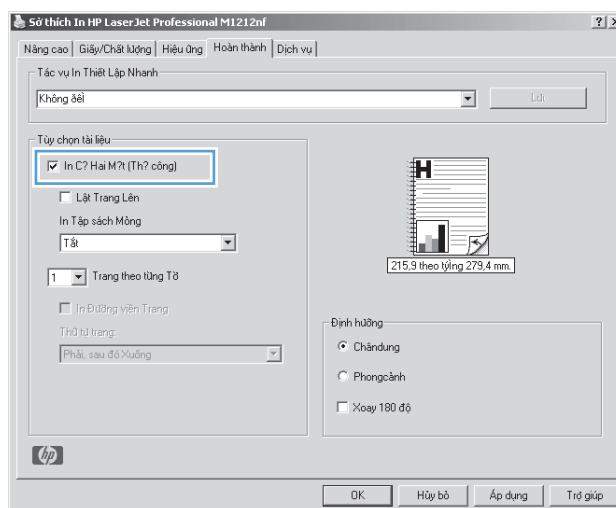
3. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Preferences (Tùy chọn)**.



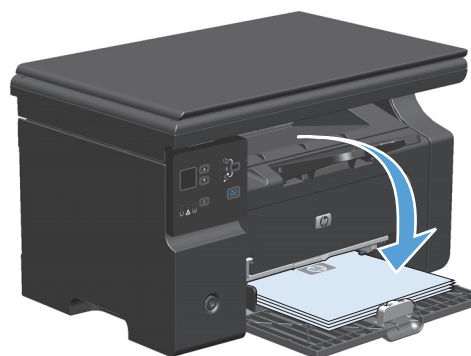
4. Nhấp vào tab **Kết thúc**.



5. Chọn hộp kiểm **In trên cả hai mặt (thủ công)**. Nhấp nút **OK** để in mặt đầu tiên của lệnh in.



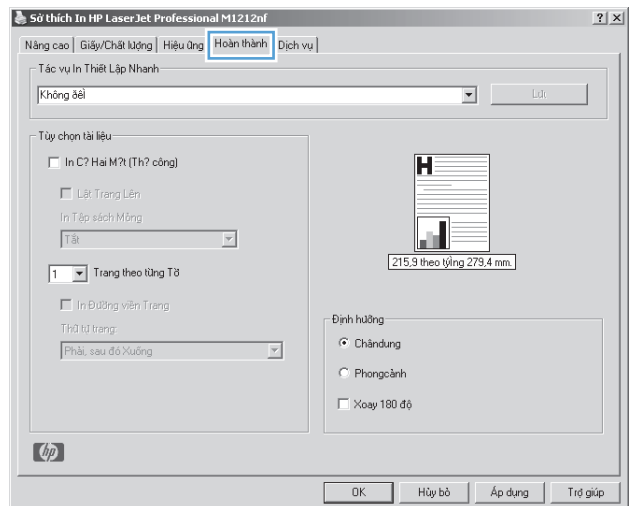
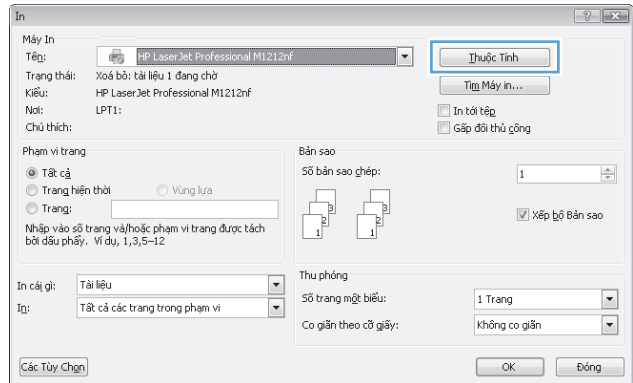
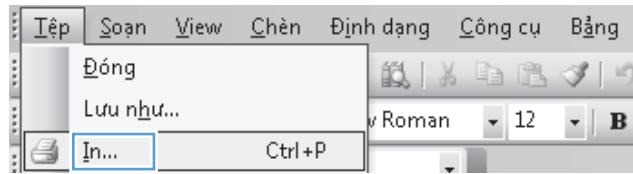
6. Lấy xấp giấy đã in ra khỏi khay giấy ra và vẫn giữ hướng giấy, lật mặt đã in xuống và đưa vào khay tiếp giấy.



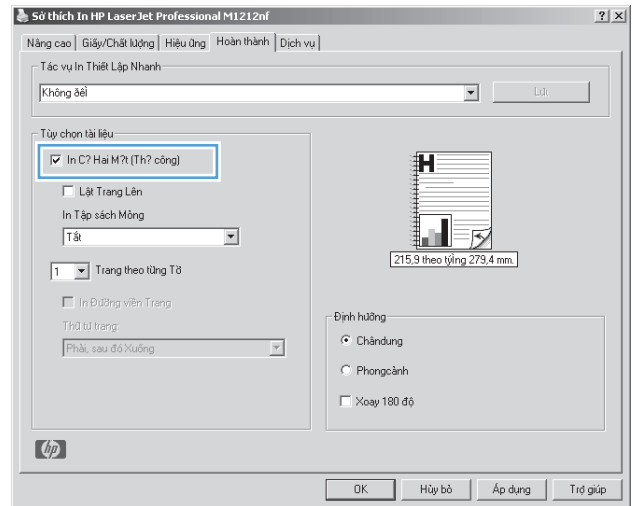
7. Trên máy tính, nhấp vào nút **Tiếp tục** để in mặt thứ hai của lệnh in.

Tạo một tập sách mỏng bằng Windows

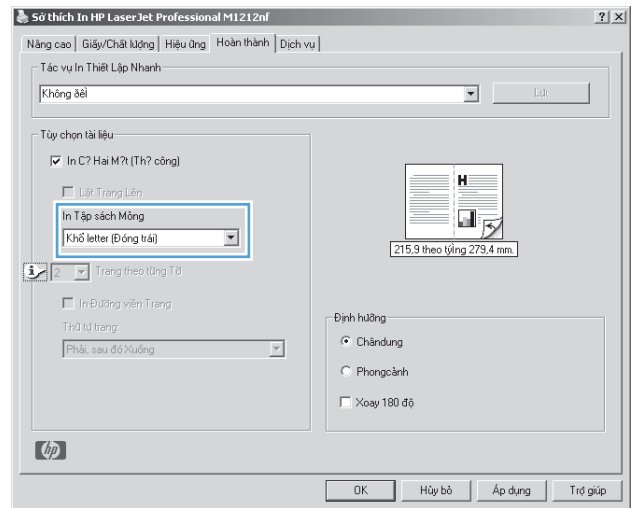
1. Trên menu **Tập tin** trong chương trình phần mềm, nhấp vào **In**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Preferences (Tùy chọn)**.
3. Nhấp vào tab **Kết thúc**.



4. Nhấp vào hộp kiểm **In trên cả hai mặt (thủ công)**.



5. Từ danh sách thả xuống **In Sách nhỏ**, chọn tùy chọn **đóng**. Tùy chọn **Số trang trên một tờ** tự động thay đổi thành **2 trang một tờ**.




Sử dụng HP ePrint

HP ePrint là một bộ dịch vụ in trên Web cho phép một sản phẩm HP được hỗ trợ in các loại tài liệu sau:


- Các email và tập tin đính kèm được gửi trực tiếp đến địa chỉ email của sản phẩm HP đó
- Tài liệu từ các ứng dụng in trên thiết bị di động được chọn

Sử dụng HP Cloud Print

Sử dụng HP Cloud Print để in các email và tập tin đính kèm bằng cách gửi chúng trực tiếp đến địa chỉ email của sản phẩm đó từ bất kỳ thiết bị có hỗ trợ email nào.

 **GHI CHÚ:** Sản phẩm phải được kết nối với một mạng có dây hoặc không dây. Để sử dụng HP Cloud Print, trước tiên bạn phải truy cập vào Internet và bật HP Web Services (Dịch vụ Web HP).

1. Bật HP Web Services (Dịch vụ Web HP) từ bảng điều khiển của sản phẩm theo các bước sau:

- a. Từ màn hình Chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, bấm nút .
 - b. Sử dụng các nút mũi tên để di chuyển đến menu **Dịch vụ Web HP**, sau đó bấm nút **OK**.
 - c. Sử dụng các nút mũi tên để di chuyển đến tùy chọn **Bật dịch vụ Web**, sau đó bấm nút **OK**. Trang thông tin sẽ được in.
2. Đối với các tùy chọn cấu hình nâng cao, bật HP Web Services (Dịch vụ Web HP) trong Máy chủ web nhúng HP (EWS) theo các bước sau:
- a. Sau khi sản phẩm được nối mạng, in trang cấu hình và xác định địa chỉ IP của sản phẩm.
 - b. Trên máy tính của bạn, mở trình duyệt Web và nhập địa chỉ IP của sản phẩm vào dòng địa chỉ. HP EWS sẽ hiển thị.
 - c. Bấm tab **Dịch vụ Web HP**. Nếu mạng của bạn không sử dụng máy chủ proxy để truy cập Internet, hãy tiến hành bước tiếp theo. Nếu mạng của bạn sử dụng máy chủ proxy để truy cập Internet, hãy thực hiện các hướng dẫn sau trước khi tiến hành bước tiếp theo:
 - i. Chọn tab **Cài đặt proxy**.
 - ii. Chọn ô **Đánh dấu ô này nếu mạng của bạn sử dụng máy chủ proxy để truy cập Internet**.
 - iii. Trong trường **Máy chủ proxy**, nhập địa chỉ máy chủ proxy và số cổng, rồi sau đó nhấp nút **Apply (Áp dụng)**.
 - d. Chọn tab HP Web Services (Dịch vụ Web HP) và nhấp nút **Bật**. Sản phẩm cấu hình kết nối với Internet, sau đó một thông báo hiển thị cho biết tờ thông tin sẽ được in.
 - e. Bấm nút **OK**. Trang ePrint sẽ được in. Trên trang thông tin, tìm địa chỉ email được gán tự động cho sản phẩm.
3. Để in một tài liệu, đính kèm tài liệu đó vào một email, sau đó gửi thư này đến địa chỉ email của sản phẩm. Vào trang www.hpeprintcenter.com để xem danh sách các loại tài liệu được hỗ trợ
4. Hoặc, bạn có thể sử dụng trang web HP ePrintCenter để xác định cài đặt bảo mật và cấu hình cài đặt in mặc định cho tất cả các lệnh in HP ePrint được gửi đến sản phẩm này:
- a. Mở một trình duyệt Web và vào trang www.hpeprintcenter.com.
 - b. Nhấp **Sign In** (Đăng nhập) và nhập các thông tin đăng nhập HP ePrintCenter của bạn hoặc đăng ký một tài khoản mới.
 - c. Chọn sản phẩm của bạn từ danh sách, hoặc nhấp nút **+ Add printer** (Thêm máy in) để thêm. Để thêm sản phẩm, bạn cần phải có mã sản phẩm, chính là phần thông tin đứng trước ký hiệu @ trong địa chỉ email của sản phẩm.




GHI CHÚ: Mã này chỉ có hiệu lực trong 24 tiếng kể từ lúc bạn bật HP Web Services (Dịch vụ Web HP). Nếu mã hết hạn, hãy thực hiện các bước sau để bật lại HP Web Services (Dịch vụ Web HP), và nhận mã mới.

- d. Nhấp nút **Setup** (Cài đặt). Hộp thoại **HP ePrint Settings** (Cài đặt HP ePrint) sẽ xuất hiện. Có ba tab:


- **Allowed Senders** (Người gửi được phép). Để ngăn sản phẩm in nhầm tài liệu, nhấp tab **Allowed Senders** (Người gửi được phép). Nhấp **Allowed Senders Only** (Chỉ người gửi được phép), rồi sau đó thêm những địa chỉ email được phép thực hiện lệnh in ePrint.
- **Print Options** (Tùy chọn in) Để thiết lập cài đặt mặc định cho tất cả các lệnh in ePrint được gửi đến sản phẩm này, nhấp tab **Print Options** (Tùy chọn in), rồi sau đó chọn cài đặt bạn muốn sử dụng.
- **Advanced** (Nâng cao). Để thay đổi địa chỉ email của sản phẩm, hãy nhấp tab **Advanced** (Nâng cao).

Sử dụng HP Direct Print (chỉ có ở các kiểu không dây)


Sử dụng HP Direct Print để in trực tiếp sang sản phẩm từ bất kỳ thiết bị di động nào (chẳng hạn như là điện thoại thông minh, netbook (máy tính xách tay loại nhỏ) hoặc máy tính xách tay).

 **GHI CHÚ:** Không cần cài đặt, nhưng phải bật HP Direct Print. Thiết bị di động của bạn phải cài một ứng dụng in HP.

1. Để bật HP Direct Print từ bảng điều khiển của sản phẩm, hãy thực hiện các bước sau:
 - a. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Network config. (Cấu hình mạng.)**, sau đó bấm nút **OK**.
 - b. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Menu Không dây**, sau đó bấm nút **OK**.
 - c. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Wireless Direct**, sau đó bấm nút **OK**.
2. Đối với các tùy chọn cấu hình nâng cao, bật HP Web Services (Dịch vụ Web HP) trong Máy chủ web nhúng HP (EWS) theo các bước sau:
 - a. Sau khi sản phẩm được nối mạng, in trang cấu hình và xác định địa chỉ IP của sản phẩm.
 - b. Trên máy tính của bạn, mở trình duyệt Web và nhập địa chỉ IP của sản phẩm vào dòng địa chỉ. Màn hình HP EWS sẽ hiển thị.
 - c. Bấm tab **Hoạt động mạng**.
 - d. Trên trang **Hoạt động mạng**, nhấp ô , nhập tên mạng (SSID), và sau đó nhấp nút **Apply (Áp dụng)**. Địa chỉ IP của thiết bị di động hiển thị trên trang **Hoạt động mạng**.

 **GHI CHÚ:** Để tìm tên mạng (SSID), nhấp menu **Cấu hình Không dây** trên trang **Hoạt động mạng**.


3. Để in tài liệu từ một ứng dụng, chọn **Tệp** và sau đó chọn **In**.

 **GHI CHÚ:** Nếu chỉ có một sản phẩm hỗ trợ HP Direct Print được kết nối với mạng không dây, tài liệu sẽ in. Nếu có nhiều sản phẩm cùng hỗ trợ HP Direct Print được kết nối, danh sách các sản phẩm sẽ hiển thị; bạn cần phải chọn một sản phẩm trước khi tiến hành bước tiếp theo. Nếu không tìm thấy sản phẩm nào, bạn sẽ được nhắc tìm ePrint hoặc các sản phẩm tại địa phương.


Sử dụng AirPrint


In trực tiếp bằng AirPrint của Apple được hỗ trợ cho iOS 4.2 hoặc mới hơn. Sử dụng AirPrint để in trực tiếp sang sản phẩm từ một iPad (iOS 4.2), iPhone (3GS hoặc mới hơn), hoặc iPod touch (thế hệ thứ ba hoặc mới hơn) trong các ứng dụng sau:

- Mail
- Photo
- Safari
- Chọn các ứng dụng của bên thứ ba

 **GHI CHÚ:** Sản phẩm phải được kết nối với một mạng có dây hoặc không dây.

Để in, hãy thực hiện các bước sau:

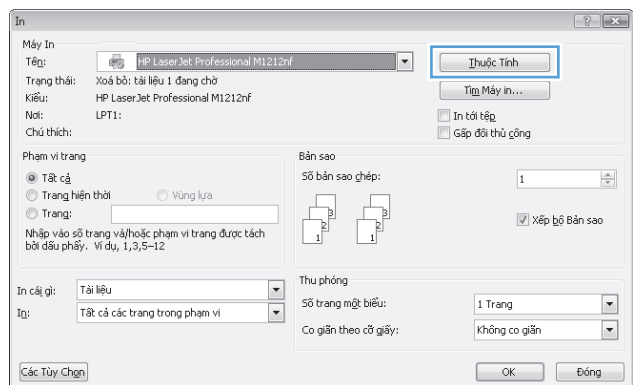
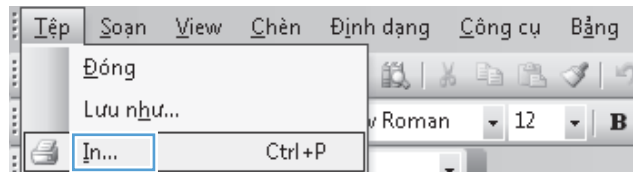
1. Nhấp mục **action** (thao tác)  .
2. Nhấp vào **Print (In)**.

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn in lần đầu tiên, hoặc nếu sản phẩm bạn chọn trước đó hiện không khả dụng, bạn phải chọn một sản phẩm trước khi tiến hành bước tiếp theo.

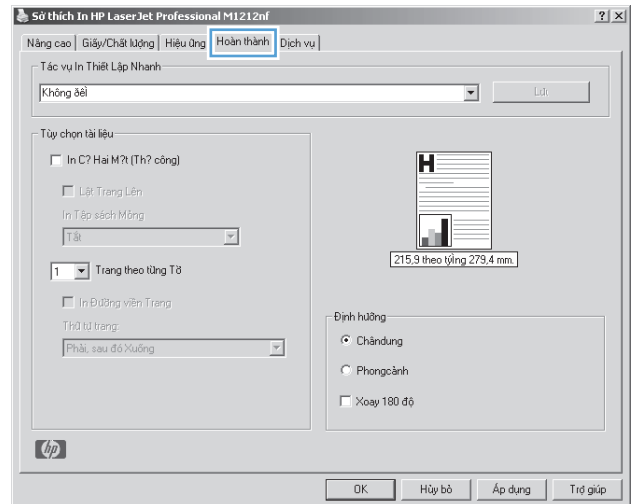
3. Cấu hình các tùy chọn in và sau đó nhấp **Print (In)**.

In nhiều trang trên một trang giấy bằng Windows

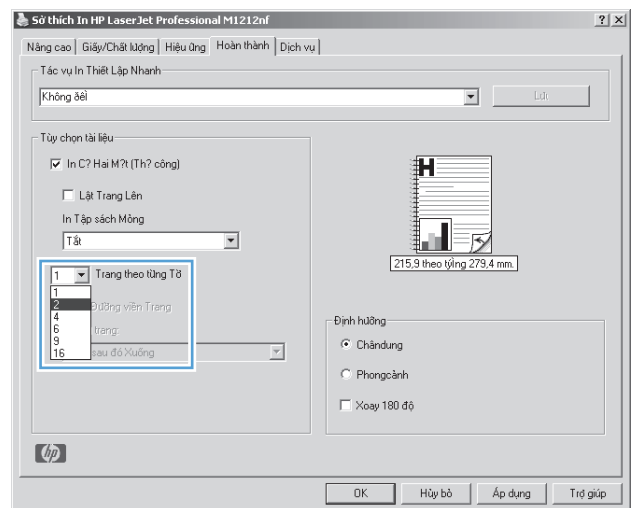
1. Trên menu **Tập tin** trong chương trình phần mềm, nhấp vào **In**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Preferences (Tùy chọn)**.



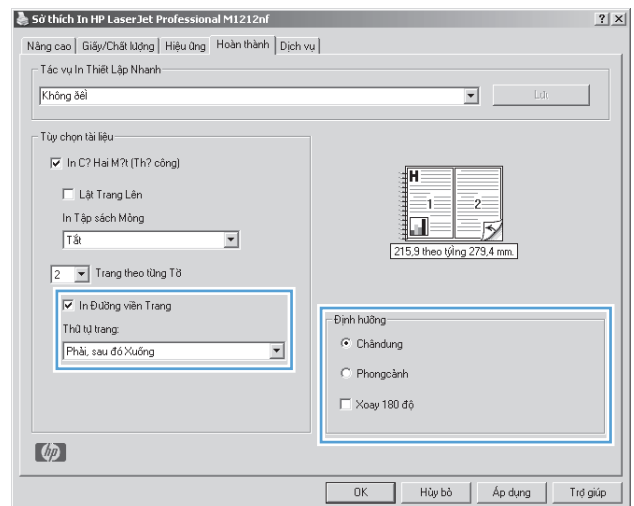
3. Nhấp vào tab **Kết thúc**.



4. Chọn số trang trên một tờ từ danh sách **Số trang trên một tờ thả xuống**.

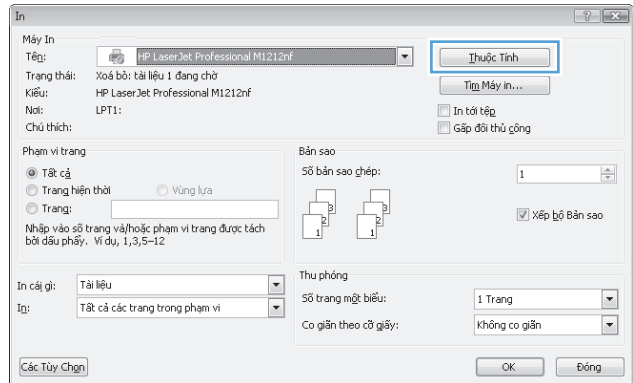
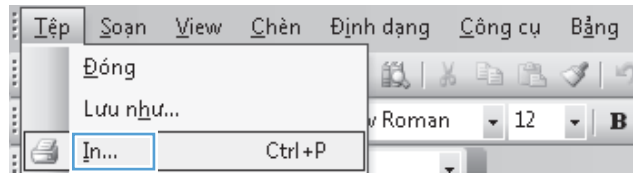


5. Chọn các tùy chọn đúng **In đường viền trang**, **Thứ tự trang**, và **Hướng**.

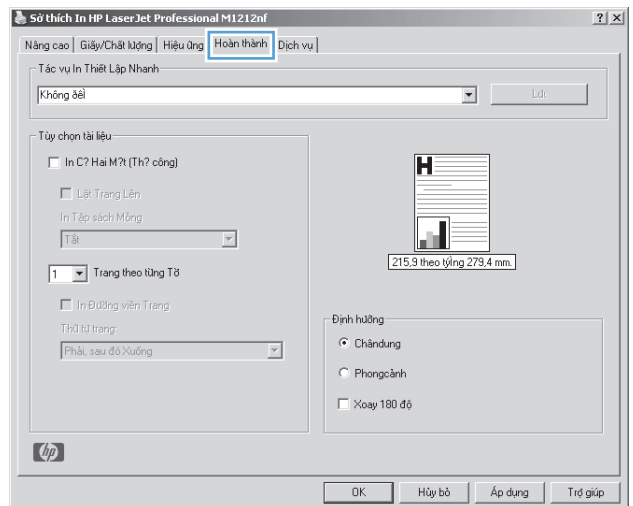


Chọn định hướng bằng Windows

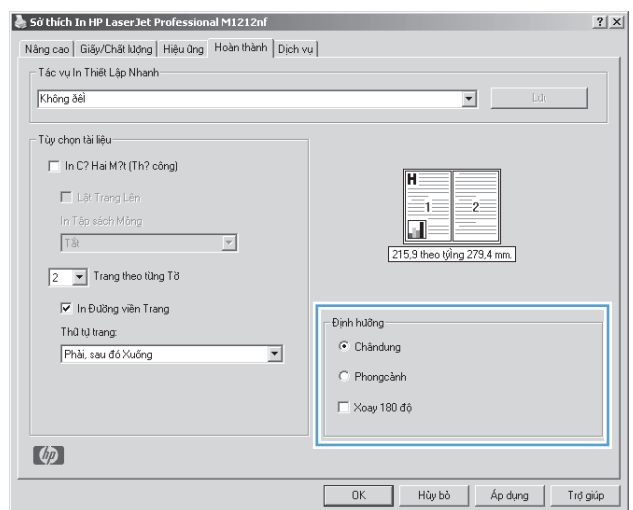
1. Trên menu **Tập tin** trong chương trình phần mềm, nhấp vào **In**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Preferences (Tùy chọn)**.
3. Nhấp vào tab **Kết thúc**.



3. Nhấp vào tab **Kết thúc**.



4. Trong vùng **Hướng**, chọn tùy chọn **Đọc** hoặc **Ngang**.
Để in hình ảnh lộn ngược trên trang, chọn tùy chọn **Xoay 180 độ**.



8 Sao chép


- [Sử dụng chức năng sao chép](#)
- [Cài đặt sao chép](#)
- [Sao chép trên cả hai mặt \(duplex\)](#)

Sử dụng chức năng sao chép

Sao chép một lần chạm

1. Nạp tài liệu vào kính máy quét hoặc vào khay nạp tài liệu (Dòng sản phẩm M1210).





2. Bấm nút Start Copy (Bắt đầu sao chép)  để bắt đầu sao chép.
3. Lặp lại quy trình cho từng bản sao chép.


Nhiều bản sao chép

Tạo nhiều bản sao (Dòng sản phẩm M1130)

1. Nạp tài liệu vào kính máy quét.

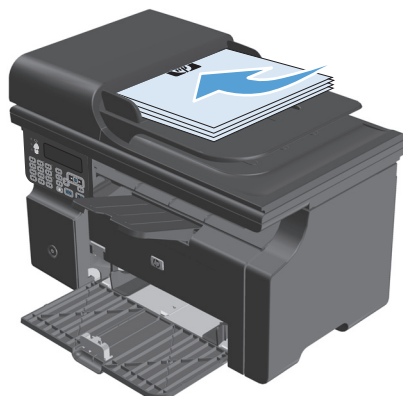



2. Bấm nút Setup (Cài đặt) , và đảm bảo đèn Number of Copies (Số bản sao)  sáng.

3. Nhấn các nút mũi tên để điều chỉnh số bản sao.
4. Bấm nút Start Copy (Bắt đầu sao chép)  để bắt đầu sao chép.


Tạo nhiều bản sao (Dòng sản phẩm M1210)


1. Nạp tài liệu vào kính máy quét hoặc vào khay nạp tài liệu.



2. Sử dụng bàn phím để nhập số bản sao.
3. Bấm nút Start Copy (Bắt đầu sao chép)  để bắt đầu sao chép.



Sao chép bản gốc có nhiều trang

Dòng sản phẩm M1130: Nạp trang đầu tiên vào kính máy quét, và bấm nút Start Copy (Bắt đầu sao chép) . Lặp lại quy trình cho từng trang.

Dòng sản phẩm M1210: Nạp một xấp các tài liệu gốc vào khay tiếp giấy, và bấm nút Start Copy (Bắt đầu sao chép) .

Sao chép chứng minh thư (Chỉ Dòng sản phẩm M1210)


Sử dụng tính năng sao chép chứng minh thư để sao chép cả hai mặt của chứng minh thư hoặc tài liệu khổ nhỏ trên cùng một mặt của tờ giấy. Sản phẩm sẽ quét một nửa khu vực hình ảnh, nhắc bạn lật tài liệu và quét lại. Sản phẩm in cả hai hình ảnh cùng một lúc.

1. Đặt mặt trước của tài liệu úp xuống dưới trên kính máy quét.
2. Bấm nút Copy Settings (Cài đặt sao chép)  ba lần để mở menu **Bản sao ID**. Bấm nút **OK**.
3. Sản phẩm quét trang đầu tiên của tài liệu và sau đó nhắc bạn nạp trang tiếp theo. Mở nắp máy quét và lật tiếp tài liệu, đặt nó lên phần khác của kính máy quét, sau đó bấm nút **OK**.
4. Đối với tài liệu có nhiều trang, lặp lại các bước này cho đến khi bạn quét xong tất cả các trang.
5. Bấm nút Start Copy (Bắt đầu sao chép)  để in các trang.

Hủy lệnh sao chép


Hủy lệnh sao chép (Dòng sản phẩm M1130)

- ▲ Bấm nút Cancel (Hủy) trên bảng điều khiển sản phẩm.

 **GHI CHÚ:** Nếu nhiều quá trình đang chạy, bấm nút Cancel (Hủy) sẽ xóa quá trình hiện tại và tất cả các quá trình đang chờ xử lý.

Hủy lệnh sao chép (Dòng sản phẩm M1210)

1. Bấm nút Cancel (Hủy) trên bảng điều khiển sản phẩm.

 **GHI CHÚ:** Nếu nhiều quá trình đang chạy, bấm nút Cancel (Hủy) sẽ xóa quá trình hiện tại và tất cả các quá trình đang chờ xử lý.



2. Lấy các trang còn lại khỏi khay tiếp giấy.
3. Bấm nút **OK** để đẩy các trang giấy còn lại khỏi đường dẫn giấy của khay tiếp giấy.

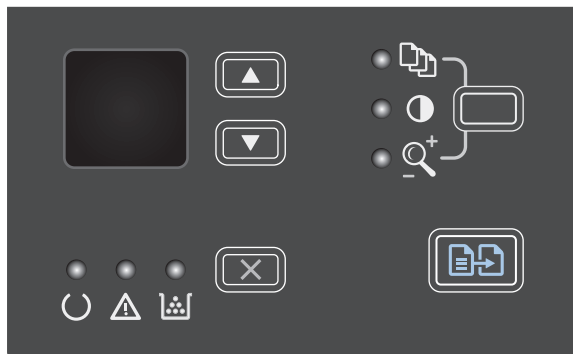
Thu nhỏ hoặc phóng to hình ảnh sao chép




Thu nhỏ hoặc phóng to bản sao chép (Dòng sản phẩm M1130)

1. Nạp tài liệu vào kính máy quét.



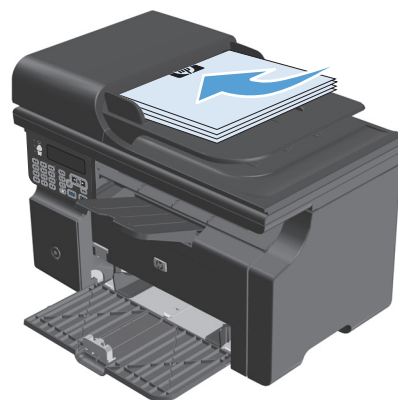
2. Bấm nút Setup (Cài đặt)  liên tục cho đến khi đèn Reduce/Enlarge (Thu nhỏ/Phóng to)  sáng.




3. Bấm nút mũi tên lên  để tăng kích thước của bản sao chép, hoặc nhấn mũi tên xuống  để giảm kích thước của bản sao chép.
4. Bấm nút Start Copy (Bắt đầu sao chép)  để bắt đầu sao chép.


Thu nhỏ hoặc phóng to bản sao (Dòng sản phẩm M1210)

1. Nạp tài liệu vào kính máy quét hoặc vào khay nạp tài liệu.



2. Bấm nút Copy Settings (Cài đặt sao chép)  một lần để mở menu **Reduce/Enlarge** (Thu nhỏ/Phóng to).



3. Dùng các nút mũi tên để chọn tùy chọn thu nhỏ hoặc phóng to phù hợp rồi bấm nút **OK**.
4. Bấm nút Start Copy (Bắt đầu sao chép)  để bắt đầu sao chép.

Đối chiếu lệnh sao chép

Dòng sản phẩm M1130: Sản phẩm không thể tự động đối chiếu các bản sao.

Đối chiếu các bản sao (Dòng sản phẩm M1210)

1. Bấm nút Setup (Cài đặt) .



2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Copy setup (Thiết lập sao chép)**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Đối chiếu mặc định**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Bật**, sau đó bấm nút **OK**.


Cài đặt sao chép

Thay đổi chất lượng bản sao chép

Hiện có năm cài đặt chất lượng bản sao chép:

- **Văn bản:** Chọn cài đặt cho các tài liệu có nội dung phần lớn là văn bản. Đây là cài đặt mặc định cho các kiểu Dòng sản phẩm M1210.
- **Nháp:** Sử dụng cài đặt này khi bạn không lo lắng gì về chất lượng của bản sao chép. Cài đặt này sử dụng ít bột mực hơn.
- **Phối hợp:** Sử dụng cài đặt này cho tài liệu có chứa cả văn bản và hình ảnh. Đây là cài đặt mặc định cho các kiểu Dòng sản phẩm M1130.
- **Hình Film:** Sử dụng cài đặt này để sao chép hình ảnh.
- **Hình ảnh:** Sử dụng cài đặt này để sao chép hình ảnh không phải là đồ họa.

Thay đổi cài đặt chất lượng bản sao chép (Dòng sản phẩm M1130)

 **GHI CHÚ:** Đối với kiểu này, bạn không thể thay đổi cài đặt chất lượng bản sao chép cho các công việc sao chép riêng. Sử dụng thủ tục này để thay đổi cài đặt chất lượng bản sao chép mặc định cho tất cả các công việc sao chép.

1. Mở trình điều khiển máy in để thay đổi cài đặt mặc định. Làm theo thủ tục phù hợp, tùy thuộc vào hệ điều hành bạn đang sử dụng.

Windows XP, Windows Server 2003 và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Start mặc định):

- a. Nhấp vào **Khởi động**, rồi nhấp vào **Máy in và Fax**.
- b. Nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Properties** (Đặc Tính).
- c. Nhấp vào tab **Cài đặt Thiết bị**.


Windows XP, Windows Server 2003 và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Classic Start):

- a. Nhấp vào **Khởi động**, nhấp vào **Cài đặt**, rồi nhấp vào **Máy in**.
- b. Nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Properties** (Đặc Tính).
- c. Nhấp vào tab **Cài đặt Thiết bị**.


Windows Vista

- a. Nhấp vào **Khởi động**, nhấp vào **Bảng Điều khiển**, rồi trong phần **Phần cứng và Âm thanh** nhấp vào **Máy in**.
- b. Nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Properties** (Đặc Tính).
- c. Nhấp vào tab **Cài đặt Thiết bị**.

Mac OS X 10.4


- a. Từ menu Apple , nhấp vào menu **Tùy chọn hệ thống**, rồi nhấp vào biểu tượng **In & Fax**.
- b. Nhấp vào nút **Printer Setup (Cài đặt Máy in)**.

Mac OS X 10.5 và 10.6

- a. Từ menu Apple , nhấp vào menu **Tùy chọn hệ thống**, rồi nhấp vào biểu tượng **In & Fax**.
- b. Chọn sản phẩm ở cạnh bên trái của cửa sổ.
- c. Nhấp vào nút **Tùy chọn & Mục in**.
- d. Nhấp vào tab **Driver Trình điều khiển**.

2. Chọn cài đặt **Copy Quality (Chất lượng Bản sao)** thích hợp.

Thay đổi cài đặt chất lượng bản sao chép (Dòng sản phẩm M1210)

1. Bấm nút Copy Settings (Cài đặt sao chép) , và sau đó chọn menu **Copy Quality (Chất lượng bản sao)**.



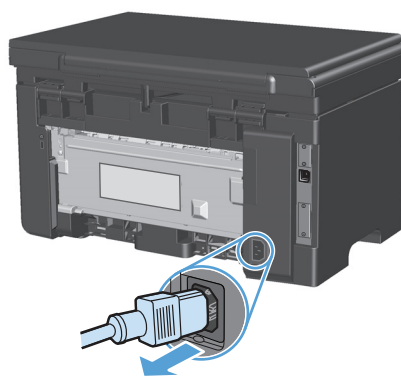
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn tùy chọn chất lượng bản sao chép và bấm nút **OK**.

GHI CHÚ: Cài đặt này trở về giá trị mặc định sau hai phút.

Kiểm tra kính máy quét để tránh bụi bẩn

Theo thời gian, các vết bụi bẩn có thể tích tụ lại trên kính máy quét và tấm ép giấy màu trắng. Điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của máy. Hãy sử dụng quy trình sau để lau sạch kính máy quét và nắp nhựa sau màu trắng.

1. Dùng công tắc điện để tắt sản phẩm, sau đó tháo dây nguồn khỏi ổ cắm điện.



2. Mở nắp máy quét.

3. Lau sạch kính máy quét và nắp nhựa sau màu trắng bằng miếng bọt xốp hoặc vải mềm đã được tẩm chất tẩy kính không ăn mòn.


THẬN TRỌNG: Không sử dụng chất ăn mòn, acetol, benzen, amoniac, cộn êtylin, hoặc carbon tetrachloride lên bất kỳ bộ phận nào của sản phẩm; những chất này có thể làm hỏng sản phẩm. Không đặt các chất lỏng trực tiếp lên bề mặt kính hoặc tấm ép giấy. Các chất này sẽ thấm vào và gây hư hỏng sản phẩm.

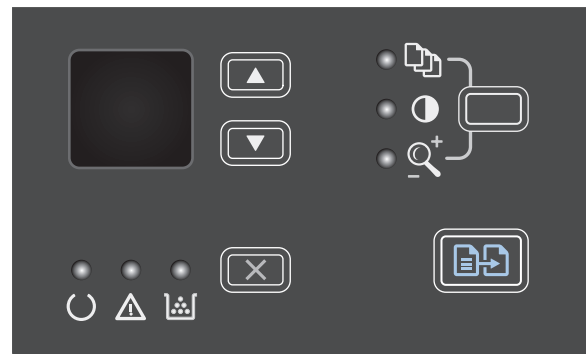


4. Lau khô kính và nắp nhựa sau màu trắng bằng vải da hoặc miếng bọt xốp làm từ chất xơ để ngăn không bị ố bẩn.
5. Đóng và cắm dây vào sản phẩm, sau đó sử dụng công tắc nguồn để bật sản phẩm.

Điều chỉnh độ sáng hoặc tối cho bản sao

Điều chỉnh độ sáng hoặc tối cho bản sao (Dòng sản phẩm M1130)


1. Bấm nút **Cài đặt** liên tục cho đến khi đèn Lighter/Darker (Nhạt hơn/Đậm hơn)  sáng.



2. Sử dụng các nút mũi tên để tăng hoặc giảm giá trị cài đặt Darker/Lighter (Đậm hơn/Nhạt hơn).

GHI CHÚ: Cài đặt này trở về giá trị mặc định sau hai phút.

Điều chỉnh độ sáng hoặc tối cho bản sao (Dòng sản phẩm M1210)

1. Bấm nút Lighter/Darker (Nhạt hơn/Đậm hơn) .



2. Sử dụng các nút mũi tên để tăng hoặc giảm giá trị cài đặt Darker/Lighter (Đậm hơn/Nhạt hơn).



GHI CHÚ: Cài đặt này trở về giá trị mặc định sau hai phút.

Sao chép trên cả hai mặt (duplex)

Sao chép bản gốc hai mặt thành tài liệu một mặt

1. Nạp trang điều tiên của tài liệu vào kính máy quét hoặc vào khay tiếp giấy (Dòng sản phẩm M1210).




2. Bấm nút Start Copy (Bắt đầu sao chép) .
3. Lật bản gốc, rồi đặt lại lên kính máy quét hoặc đưa vào khay nạp tài liệu.
4. Bấm nút Start Copy (Bắt đầu sao chép) .
5. Lặp lại các bước từ 1 đến 4 đối với mỗi trang tài liệu gốc, cho đến khi máy sao chép xong tất cả các trang tài liệu gốc.

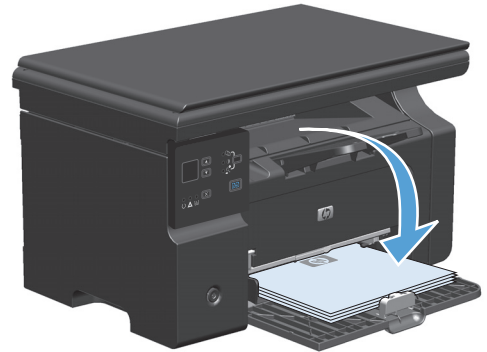
Sao chép bản gốc hai mặt thành tài liệu hai mặt


1. Đặt trang đầu tiên của tài liệu lên kính máy quét hoặc đưa vào khay nạp tài liệu (Dòng sản phẩm M1210).



2. Bấm nút Start Copy (Bắt đầu sao chép) .
3. Lật bản gốc, rồi đặt lại lên kính máy quét hoặc đưa vào khay nạp tài liệu.

4. Lấy trang đã sao chép ra khỏi ngăn giấy ra và đặt trang đó vào khay nạp giấy với bề mặt hướng xuống dưới.



5. Bấm nút Start Copy (Bắt đầu sao chép) .
6. Lấy các trang vừa sao chép khỏi khay xuất giấy, và đặt chúng sang một bên để đối chiếu bản sao theo cách thủ công.
7. Lặp lại các bước từ 1 đến 6, làm theo trình tự trang tài liệu gốc, cho đến khi máy sao chép xong tất cả các trang tài liệu gốc.

9 Quét

- [Sử dụng chức năng quét](#)
- [Cài đặt quét](#)

Sử dụng chức năng quét


Các phương pháp quét

các tác vụ có thể được thực hiện theo các cách sau.

- Sử dụng máy Scan HP LaserJet (Windows) từ máy vi tính
- Quét bằng HP Director (Mac).
- Quét theo quy chuẩn TWAIN hoặc phần mềm theo quy chuẩn Windows Imaging Application (WIA)

Sử dụng HP LaserJet Scan (Windows) để quét

1. Trong nhóm chương trình HP, chọn **Scan to** (Quét vào) để khởi động HP LaserJet Scan.
2. Chọn đích đến
3. Nhấp vào **Scan** (Quét).

 **GHI CHÚ:** OK chỉ báo hoạt động mà bạn muốn hoàn thành.

Quét bằng HP Director (Mac).

Sử dụng chức năng quét từng trang

1. Nạp tài liệu gốc cần quét với mặt tài liệu hướng xuống dưới vào khay nạp tài liệu.
2. Nhấp vào biểu tượng HP Director trên màn hình.
3. Nhấp vào HP Director (Trình Chủ Đạo HP), và sau đó nhấp vào **Scan** (Quét) để mở hộp thoại HP.
4. Nhấp vào **Scan** (Quét).
5. Để quét nhiều trang, nạp trang kế tiếp vào và nhấp **Scan** (Quét). Lặp lại thao tác cho đến khi tất cả các trang đều được quét.
6. Nhấp **Finish** (Xong) và sau đó nhấp **Destinations** (Nơi nhận).

Quét tập tin

1. Trong **Destinations** (Nơi nhận), chọn **Save To File(s)** (Lưu vào (các) Tập tin).
2. Đặt tên tập tin và xác định vị trí nơi nhận.
3. Nhấp **Save** (Lưu). Tài liệu gốc sẽ được quét và lưu lại.

Quét và gửi qua e-mail

1. Trong **Destinations** (Nơi nhận), chọn **E-mail**.
2. Một e-mail trống sẽ mở ra với tài liệu đã quét làm tập đính kèm.
3. Nhập địa chỉ người nhận e-mail, thêm văn bản, hoặc các tập tin đính kèm khác, sau đó nhấp **Send** (Gửi).

Quét bằng cách sử dụng phần mềm khác

Sản phẩm dựa theo quy chuẩn TWAIN và WIA). Sản phẩm hoạt động với các chương trình dựa trên Windows có hỗ trợ các thiết bị quét dựa theo quy chuẩn TWAIN hoặc WIA và với các chương trình dựa trên Macintosh có hỗ trợ các thiết bị quét dựa theo quy chuẩn TWAIN.

Trong khi bạn đang ở chương trình dựa theo quy chuẩn TWAIN hoặc WIA, bạn có thể truy cập vào tính năng quét và quét ảnh trực tiếp vào chương trình đang mở. Để biết thêm thông tin, xem tập tin Trợ giúp hoặc tài liệu được cung cấp kèm theo chương trình phần mềm dựa theo quy chuẩn TWAIN hoặc WIA.

Quét từ chương trình dựa theo quy chuẩn TWAIN

Thông thường, một chương trình phần mềm dựa theo quy chuẩn TWAIN nếu chương trình đó có một lệnh như **Acquire** (Đạt được), **File Acquire** (Tập tin đạt được), **Scan** (Quét), **Import New Object** (Nhập Đối tượng mới), **Insert from** (Chèn từ) hoặc **Scanner** (Máy quét). Nếu bạn không chắc chương trình có dựa theo quy chuẩn hoặc bạn không biết lệnh được gọi là gì, hãy xem trong tài liệu hoặc phần Trợ giúp chương trình phần mềm.

Khi quét từ chương trình dựa theo quy chuẩn TWAIN, chương trình phần mềm HP LaserJet Scan có thể tự khởi động. Nếu chương trình HP LaserJet Scan khởi động, bạn có thể thực hiện thay đổi trong khi xem lại ảnh. Nếu chương trình không tự khởi động, ảnh sẽ vào ngay chương trình dựa theo quy chuẩn TWAIN.

Bắt đầu quét từ chương trình dựa theo quy chuẩn TWAIN. Xem phần Trợ giúp chương trình phần mềm hoặc tài liệu để biết thông tin về các lệnh và các bước sử dụng.

Quét từ chương trình dựa theo quy chuẩn WIA

WIA là một cách khác để quét hình ảnh trực tiếp vào một chương trình phần mềm, ví dụ như Microsoft Word. WIA sử dụng phần mềm Microsoft thay vì phần mềm HP LaserJet Scan để quét.

Thông thường, chương trình phần mềm dựa theo quy chuẩn WIA có một lệnh như **Picture/From Scanner or Camera** (Hình vẽ/Từ Máy quét hoặc Camera) trong menu Chèn hoặc Tập tin. Nếu bạn không chắc chương trình có dựa theo quy chuẩn WIA hay không, hãy xem tài liệu hoặc phần Trợ giúp chương trình phần mềm.

Bắt đầu quét từ trong chương trình dựa theo quy chuẩn WIA. Xem tài liệu hoặc phần Trợ giúp chương trình phần mềm để biết thông tin về các lệnh và các bước sử dụng.

-hoặc-

Trong thư mục Camera và Máy quét, nhấp đôi lên biểu tượng sản phẩm. Thao tác này sẽ mở Microsoft WIA Wizard chuẩn, cho phép bạn quét một tập tin.

Hủy bản quét

Để hủy một lệnh quét, sử dụng một trong các quy trình sau.


- Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm nút Cancel (Hủy) .
- Nhấp vào nút **Hủy** trong hộp thoại trên màn hình.

Cài đặt quét

Định dạng tập tin

Định dạng tập tin mặc định của tài liệu hoặc ảnh chụp tùy thuộc vào kiểu quét cũng như đối tượng được quét.

- Việc quét một tài liệu hoặc ảnh chụp sang máy tính sẽ cho ra tập tin được lưu dưới dạng .TIF.
- Việc quét một tài liệu sang e-mail sẽ cho ra tập tin được lưu dưới dạng .PDF.
- Việc quét một ảnh chụp sang e-mail sẽ cho ra tập tin được lưu dưới dạng .JPEG.


 **GHI CHÚ:** Bạn có thể chọn các kiểu tập tin khác nhau khi sử dụng chương trình phần mềm máy quét.

Độ phân giải và màu sắc của máy quét

Nếu bạn đang in một hình đã được quét và chất lượng hình không như bạn mong đợi, có thể bạn đã chọn độ phân giải hoặc cài đặt màu sắc trong phần mềm máy quét không đúng với nhu cầu của bạn. Độ phân giải và màu sắc ảnh hưởng đến các tính năng sau của hình đã quét:


- Độ sắc nét của hình
- Kết cấu phân cấp màu sắc (nhấn hoặc gồ ghề)
- Thời gian quét
- Kích thước tập tin

Độ phân giải quét được đo bằng pixel/inch (ppi).

 **GHI CHÚ:** Các mức quét ppi không thể trao đổi được với các mức in dpi (điểm/inch).

Màu sắc, sắc độ xám và đen trắng xác định số màu có thể thu được. Bạn có thể điều chỉnh độ phân giải phần cứng máy quét đến 1200 ppi. Phần mềm có thể thực hiện độ phân giải nâng cao đến 19.200 ppi. Bạn có thể cài màu sắc và sắc độ xám ở 1 bit (đen trắng), hoặc 8 bit (256 mức độ màu và xám) sang 24 bit (màu sắc trung thực).

Bảng hướng dẫn sử dụng độ phân giải và màu sắc liệt kê các mẹo đơn giản mà bạn có thể thực hiện để thu được ảnh theo ý muốn.

 **GHI CHÚ:** Việc chỉnh độ phân giải và màu sắc sang mức giá trị lớn có thể tạo ra các tập tin kích thước lớn và chiếm nhiều dung lượng lưu trữ trên máy và làm chậm tốc độ quét. Trước khi cài đặt độ phân giải và màu sắc, hãy xác định cách bạn muốn sử dụng hình ảnh quét.

Hướng dẫn sử dụng màu và độ phân giải

Bảng sau mô tả độ phân giải và cài đặt màu được khuyến nghị dành cho các kiểu lệnh quét khác nhau.

| Sử dụng có mục đích | Độ phân giải được khuyến nghị | Cài đặt màu được khuyến nghị |
|--------------------------|---|---|
| Fax | 150 ppi | <ul style="list-style-type: none">• Đen và Trắng |
| E-mail | 150 ppi | <ul style="list-style-type: none">• Đen và Trắng, nếu hình ảnh không yêu cầu sự thay đổi về độ nhẵn• Sắc độ xám, nếu hình ảnh yêu cầu sự thay đổi về độ nhẵn• Màu, nếu ảnh có màu |
| Sửa chữ | 300 ppi | <ul style="list-style-type: none">• Đen và Trắng |
| In (Đồ họa hoặc văn bản) | 600 ppi dành cho đồ họa phức tạp, hoặc nếu bạn muốn phóng to tài liệu đáng kể 300 ppi dành cho văn bản và đồ họa thường 150 ppi dành cho ảnh chụp | <ul style="list-style-type: none">• Đen và Trắng dành cho văn bản và đường mỹ thuật• Sắc độ xám dành cho đồ họa và ảnh chụp màu hoặc bóng• Màu, nếu ảnh có màu |
| Hiển thị trên màn hình | 75 ppi | <ul style="list-style-type: none">• Đen và Trắng dành cho văn bản• Sắc độ xám dành cho đồ họa và ảnh chụp• Màu, nếu ảnh có màu |

Màu

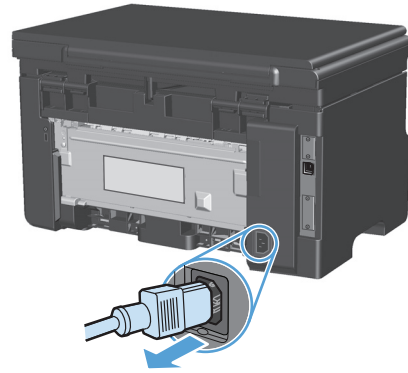
Bạn có thể cài các giá trị màu cho các cài đặt sau đây khi quét.

| Cài đặt | Sử dụng được khuyến nghị |
|--------------|--|
| Màu | Sử dụng cài đặt này để cài đặt màu cho các tài liệu hoặc ảnh màu chất lượng cao là điều quan trọng. |
| Đen và Trắng | Sử dụng cài đặt này cho các tài liệu văn bản. |
| Sắc độ xám | Sử dụng cài đặt này khi kích thước tập tin có vấn đề hoặc khi bạn muốn quét nhanh một tài liệu hoặc hình chụp. |

Chất lượng quét

Theo thời gian, các vết bụi bẩn có thể tích tụ lại trên kính máy quét và nắp nhựa sau màu trắng. Điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của máy. Hãy sử dụng quy trình sau để lau sạch kính máy quét và nắp nhựa sau màu trắng.

1. Dùng công tắc điện để tắt sản phẩm, sau đó tháo dây nguồn khỏi ổ cắm điện.



2. Mở nắp máy quét.
3. Lau sạch kính máy quét và nắp nhựa sau màu trắng bằng vải mềm đã được tẩm chất tẩy kính không ăn mòn.

THẬN TRỌNG: Không sử dụng chất ăn mòn, acetol, benzen, amoniac, côn êtylin, hoặc carbon tetrachloride lên bất kỳ bộ phận nào của sản phẩm; những chất này có thể làm hỏng sản phẩm. Không đặt các chất lỏng trực tiếp lên bề mặt kính hoặc tấm ép giấy. Các chất này sẽ thấm vào và gây hư hỏng sản phẩm.



4. Lau khô kính và nắp nhựa sau màu trắng bằng vải da hoặc miếng bọt xốp làm từ chất xơ để ngăn không bị ố bẩn.
5. Đóng và cắm dây vào sản phẩm, sau đó sử dụng công tắc nguồn để bật sản phẩm.

10 Fax (chỉ Dòng sản phẩm M1210)

- [Các tính năng fax](#)
- [Cài đặt fax](#)
 - [Cài đặt và kết nối phần cứng](#)
 - [Kết nối fax với một đường dây điện thoại](#)
 - [Kết nối với các thiết bị khác](#)
 - [Thiết lập cho máy fax đơn lẻ](#)
 - [Cấu hình cài đặt fax](#)
 - [Sử dụng bảng điều khiển để cài thời gian, ngày tháng và tiêu đề fax](#)
 - [Sử dụng HP Fax Setup Wizard \(Trình Hướng dẫn Cài đặt Fax HP\)](#)
 - [Cài thời gian, ngày tháng và tiêu đề fax.](#)
 - [Sử dụng các chữ địa phương hóa phổ biến trên các tiêu đề fax](#)
- [Sử dụng danh bạ](#)
 - [Sử dụng bảng điều khiển để tạo và sửa danh bạ fax](#)
 - [Nhập hoặc xuất danh bạ của Microsoft Outlook sang danh bạ fax.](#)
 - [Sử dụng dữ liệu danh bạ từ các chương trình khác](#)
 - [Xóa danh bạ](#)
- [Đặt cài đặt fax](#)
 - [Gửi cài đặt fax](#)
 - [Đặt các tùy chọn và các biểu tượng quay số đặc biệt](#)
 - [Cài dò tìm âm quay số](#)
 - [Đặt tự động quay số lại và thời gian giữa các lần quay số](#)
 - [Cài độ sáng/tối và độ phân giải](#)
 - [Mẫu trang bìa](#)
 - [Hiệu chỉnh tờ bìa fax](#)

- [Nhận cài đặt fax](#)
 - [Cài chuyển tiếp fax](#)
 - [Chỉnh chế độ trả lời](#)
 - [Chặn hoặc bỏ chặn số fax](#)
 - [Cài số lần đổ chuông trả lời](#)
 - [Đặt kiểu chuông đặc trưng](#)
 - [Dùng tính năng tự động giảm cho các bản fax gửi đến](#)
 - [Đặt cài đặt in lại fax](#)
 - [Chỉnh chế độ dò-tĩnh](#)
 - [Đặt âm lượng fax](#)
 - [Đặt bản fax nhận-kèm-tem](#)
 - [Đặt tính năng nhận riêng](#)
- [Cài kiểm soát vòng fax](#)
- [Dùng fax](#)
 - [Phần mềm gửi nhận fax](#)
 - [Các chương trình fax hỗ trợ](#)
 - [Hủy bản fax](#)
 - [Hủy bản fax hiện tại](#)
 - [Hủy tác vụ fax đang chờ](#)
 - [Xóa bản fax khỏi bộ nhớ](#)
 - [Dùng fax trên hệ thống DSL, PBX hoặc ISDN](#)
 - [DSL](#)
 - [PBX](#)
 - [ISDN](#)
 - [Sử dụng fax trên dịch vụ VoIP](#)
 - [Bộ nhớ fax](#)
 - [Bộ nhớ fax được lưu giữ trong trường hợp mất điện](#)
 - [Gửi fax](#)
 - [Gửi fax từ máy quét hình phẳng](#)
 - [Fax từ khay nạp tài liệu](#)
 - [Gửi fax bằng cách quay số theo cách thủ công](#)

- [Gửi fax bằng phần mềm](#)
- [Gửi fax bằng cách quay số từ điện thoại kết nối tới đường dây fax](#)
- [Lên kế hoạch gửi fax sau này](#)
- [Dùng mã truy cập, thẻ tín dụng, hoặc thẻ gọi điện](#)
- [Nhận fax](#)
 - [In bản fax](#)
 - [Nhận fax khi bạn nghe kiểu chuông fax trên đường dây điện thoại](#)
 - [Nhận fax vào máy tính](#)
- [Giải quyết sự cố khi fax](#)
 - [Danh sách kiểm tra xử lý sự cố fax](#)
 - [Thông báo lỗi fax](#)
 - [Thông báo cảnh báo và cảnh giác](#)
 - [Các báo cáo và nhật ký fax](#)
 - [In tất cả các báo cáo fax](#)
 - [In các báo cáo fax riêng](#)
 - [Chỉnh máy để tự động in nhật ký hoạt động fax](#)
 - [Chỉnh máy in báo cáo lỗi fax](#)
 - [Chỉnh máy in báo cáo xác nhận fax](#)
 - [Bao gồm trang đầu tiên của từng bản fax trong phần xác nhận fax, lỗi fax, và báo cáo cuộc gọi mới nhất](#)
 - [Đổi tính năng sửa lỗi và tốc độ fax](#)
 - [Chỉnh chế độ sửa-lỗi-fax](#)
 - [Giảm tốc độ fax](#)
 - [Các sự cố khi gửi fax](#)
 - [Các sự cố khi nhận fax](#)
- [Thông tin về quy định và bảo hành](#)

Các tính năng fax

Sản phẩm có các tính năng fax sau, có trên bảng điều khiển hoặc trong phần mềm sản phẩm.

- Trình Hướng Dẫn Thiết Lập Fax để cấu hình fax dễ dàng
- Fax analog (fax sử dụng kỹ thuật tương tự) giấy thường với khay nạp tài liệu 35 trang và khay giấy ra đạt dung lượng lên đến 100 trang
- Danh bạ 100 số
- Tự động quay số lại
- Lưu trữ kỹ thuật số tối đa 500 trang fax
- Chuyển tiếp fax
- Hoãn việc gửi fax
- Các tính năng chuông: Cấu hình các kiểu chuông dùng để tương thích với loại chuông đặc trưng và chuông trả lời (dịch vụ bắt buộc đăng ký qua công ty viễn thông địa phương)
- Báo cáo xác nhận fax
- Khóa fax quảng cáo
- Có sẵn tám mẫu trang bìa



GHI CHÚ: Không phải tất cả các tính năng đều được liệt kê. Có thể cần phải cài đặt phần mềm sản phẩm cho một số tính năng hiện có.

Cài đặt fax

Cài đặt và kết nối phần cứng

Kết nối fax với một đường dây điện thoại

Sản phẩm là thiết bị analog. HP khuyến cáo sử dụng sản phẩm với đường dây điện thoại analog chuyên dụng.

Kết nối với các thiết bị khác

Sản phẩm có hai cổng fax:


- Cổng “đường dây” (☎), nối sản phẩm với đầu cắm điện thoại trên tường.
- Cổng “điện thoại” (☎), nối sản phẩm với các thiết bị bổ sung khác.

Các điện thoại được sử dụng để liên kết với sản phẩm có thể được thực hiện theo hai cách:

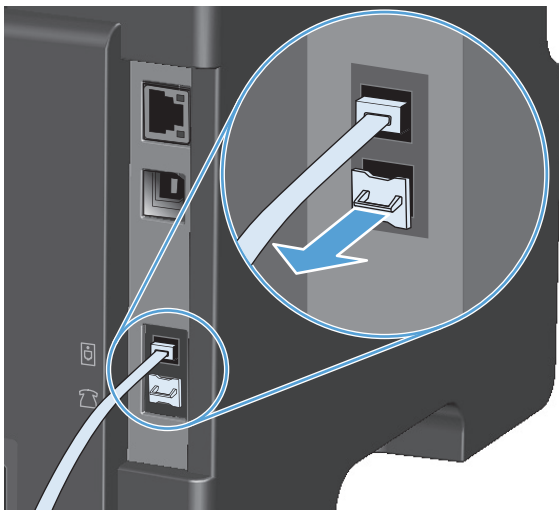
- Điện thoại nhánh là điện thoại được cắm vào cùng đường dây điện thoại tại một vị trí khác.
- Điện thoại kết nối tải về là điện thoại được cắm vào sản phẩm hoặc vào một thiết bị và thiết bị này được cắm vào sản phẩm.


Kết nối các thiết bị khác theo thứ tự như được mô tả trong các bước sau. Cổng ra cho từng thiết bị được nối với cổng vào của phần kế tiếp, tạo thành “chuỗi”. Nếu bạn không muốn kết nối với thiết bị riêng, chuyển qua bước có giải thích điều này và tiếp tục sang thiết bị kế tiếp.

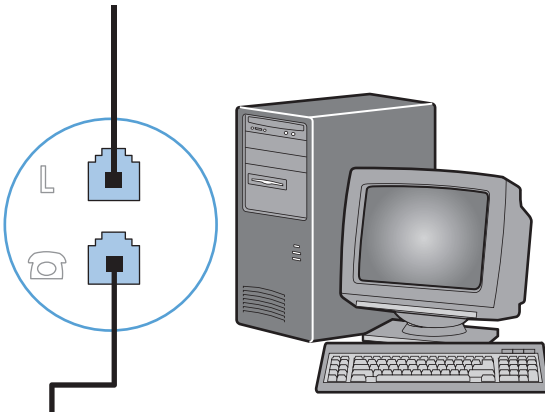
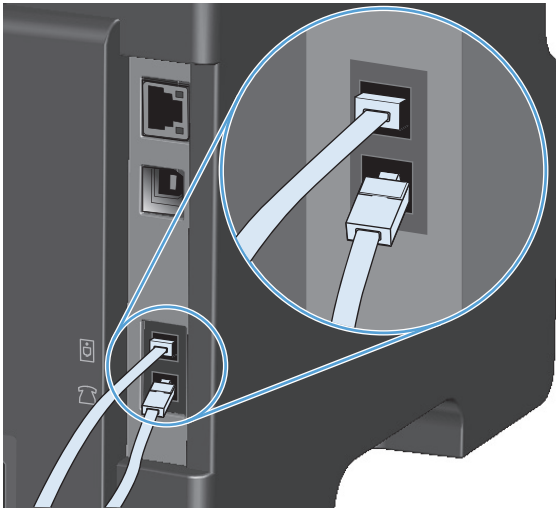
 **GHI CHÚ:** Không kết nối nhiều hơn ba thiết bị vào đường dây điện thoại.


 **GHI CHÚ:** Sản phẩm này không hỗ trợ chức năng thư thoại.

1. Tháo phích cắm các dây cắm điện nguồn cho tất cả các thiết bị mà bạn muốn kết nối.
2. Nếu sản phẩm chưa được kết nối với đường dây điện thoại, xem hướng dẫn cài đặt sản phẩm trước khi tiến hành. Sản phẩm đã sẵn sàng kết nối với đầu cắm điện thoại.
3. Tháo miếng nhựa ra khỏi cổng “điện thoại” (cổng được đánh dấu bằng biểu tượng điện thoại).

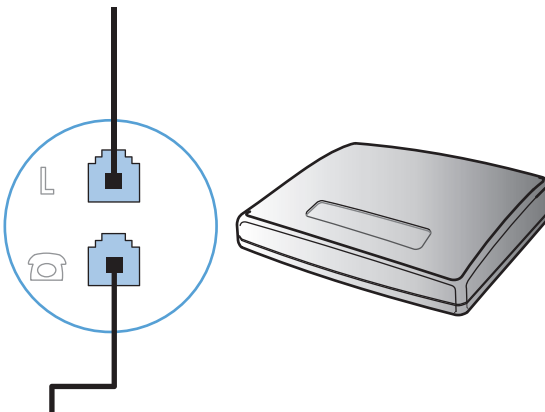


4. Để kết nối với modem nội bộ hoặc ngoại vi trên máy tính, cắm một đầu dây điện thoại vào cổng “điện thoại” của sản phẩm . Cắm đầu kia của dây điện thoại vào cổng “đường dây điện thoại” của modem.

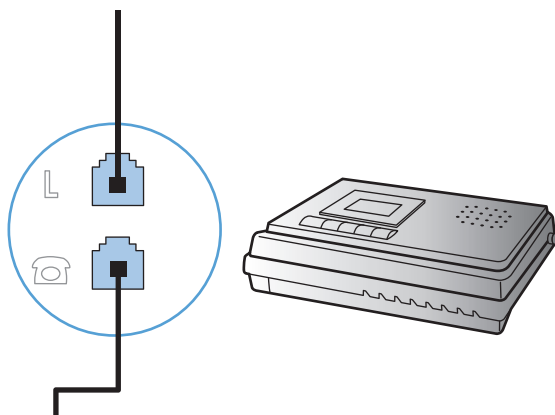


 **GHI CHÚ:** Một số modem có cổng “đường dây điện thoại” thứ hai để kết nối với đường dây thoại chuyên dụng. Nếu bạn có hai cổng “đường dây điện thoại”, xem tài liệu về modem của bạn để chắc chắn bạn kết nối với cổng “đường dây điện thoại” đúng.

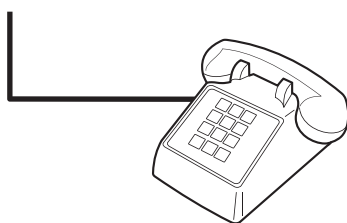
5. Để kết nối với hộp ID người gọi, cắm dây điện thoại vào cổng “điện thoại” của thiết bị trước. Cắm đầu kia của dây điện thoại vào cổng “đường dây điện thoại” hộp ID người gọi.



6. Để kết nối với máy trả lời, cắm dây điện thoại vào cổng “điện thoại” của thiết bị trước. Cắm đầu kia của dây điện thoại vào cổng “đường dây điện thoại” của máy trả lời.



7. Để kết nối với điện thoại, cắm dây điện thoại vào cổng “điện thoại” của thiết bị trước. Cắm đầu kia của dây điện thoại vào cổng “đường dây điện thoại” của điện thoại.




8. Sau khi bạn đã hoàn tất kết nối với các thiết bị khác, cắm tất cả các thiết bị vào nguồn điện.

Thiết lập fax với máy trả lời điện thoại



- Cài số lần đổ chuông trả lời của sản phẩm nhiều hơn tối thiểu một lần so với số lần đổ chuông đã cài cho máy trả lời tự động.
- Nếu máy trả lời được nối với cùng đường dây điện thoại nhưng trên một đầu cắm khác (ví dụ như trong một phòng khác), máy có thể gây trở ngại cho việc nhận các bản fax của sản phẩm.

Cài đặt fax với điện thoại nhánh

Khi bật tính năng này, bạn có thể báo cho sản phẩm biết để nhận cuộc gọi fax gọi đến bằng cách bấm 1-2-3 liên tục trên bàn phím điện thoại. Cài đặt mặc định là **Bật**. Bạn chỉ bật tính năng này nếu bạn dùng chức năng quay số theo nhịp điệu hoặc bạn có đăng ký dịch vụ qua công ty điện thoại có dùng chuỗi số 1-2-3. Dịch vụ của công ty điện thoại sẽ không hoạt động nếu dịch vụ này không tương thích với sản phẩm.

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập fax**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập Nhận Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Điện thoại Nhánh**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn tùy chọn **Bật** hoặc **Tắt**, sau đó bấm nút **OK** để lưu lại lựa chọn.

Thiết lập cho máy fax đơn lẻ

1. Mở gói và thiết lập sản phẩm.
 2. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
 3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **System setup (Cài đặt hệ thống)**, sau đó bấm nút **OK**.
 4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Ngày/giờ**, sau đó bấm nút **OK**.
 5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn kiểu đồng hồ 12 giờ hoặc 24 giờ, sau đó bấm nút **OK**.
 6. Sử dụng bàn phím để nhập thời gian hiện tại.
 7. Hoàn tất một trong các bước sau:
 - Đối với kiểu đồng hồ 12 giờ, sử dụng các nút mũi tên để chuyển qua ký tự thứ tư. Chọn **1** cho a.m. hoặc **2** cho p.m. Bấm nút **OK**.
 - Đối với kiểu đồng hồ 24 giờ, bấm nút **OK**.
 8. Sử dụng bàn phím để nhập ngày hiện tại. Sử dụng hai chữ số để định tháng, ngày và năm. Bấm nút **OK**.
 9. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập fax**, sau đó bấm nút **OK**.
 10. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Fax header (Tiêu đề fax)**, sau đó bấm nút **OK**.
 11. Sử dụng bàn phím số để nhập số fax và tên hoặc tiêu đề công ty của bạn, sau đó bấm nút **OK**.
-
-  **GHI CHÚ:** Số ký tự tối đa cho số fax là 20; sử dụng lên đến 25 ký tự cho tên công ty.
12. Cài các cài đặt cần thiết khác để cấu hình môi trường sản phẩm.


Cấu hình cài đặt fax

Có thể đặt các cài đặt fax của sản phẩm từ bảng điều khiển, từ HP Toolbox, hoặc từ HP Director (Trình Chủ đạo HP). Trong quy trình thiết lập ban đầu, bạn có thể sử dụng Trình Hướng Dẫn Thiết Lập Fax HP để cấu hình cài đặt.

Tại Mỹ và nhiều quốc gia/vùng lãnh thổ khác, việc cài đặt thời gian, ngày tháng và các thông tin tiêu đề fax khác là yêu cầu pháp lý bắt buộc.

Sử dụng bảng điều khiển để cài thời gian, ngày tháng và tiêu đề fax

Để sử dụng bảng điều khiển để thiết lập ngày tháng, thời gian và tiêu đề, hoàn tất các bước sau:

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **System setup (Cài đặt hệ thống)**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Ngày/giờ**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn kiểu đồng hồ 12 giờ hoặc 24 giờ, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng bàn phím để nhập thời gian hiện tại.
6. Hoàn tất một trong các bước sau:

- Đối với kiểu đồng hồ 12 giờ, sử dụng các nút mũi tên để chuyển qua ký tự thứ tư. Chọn **1** cho a.m. hoặc **2** cho p.m. Bấm nút **OK**.
 - Đối với kiểu đồng hồ 24 giờ, bấm nút **OK**.
- 7.** Sử dụng bàn phím để nhập ngày hiện tại. Sử dụng hai chữ số để định tháng, ngày và năm. Bấm nút **OK**.
 - 8.** Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập fax**, sau đó bấm nút **OK**.
 - 9.** Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Fax header (Tiêu đề fax)**, sau đó bấm nút **OK**.
 - 10.** Sử dụng bàn phím số để nhập số fax và tên hoặc tiêu đề công ty của bạn, sau đó bấm nút **OK**.



GHI CHÚ: Số ký tự tối đa cho số fax là 20; sử dụng lên đến 25 ký tự cho tên công ty.

Sử dụng HP Fax Setup Wizard (Trình Hướng dẫn Cài đặt Fax HP)

Nếu bạn đã hoàn tất việc cài đặt phần mềm, bạn đã sẵn sàng gửi các bản fax từ máy tính của bạn. Nếu bạn chưa hoàn tất quy trình thiết lập fax ngay khi bạn cài đặt xong phần mềm, bạn có thể hoàn tất quy trình này bất kỳ lúc nào bằng cách sử dụng HP Fax Setup Wizard.


Cài thời gian, ngày tháng và tiêu đề fax.

1. Nhấp **Bắt đầu**, sau đó nhấp vào **Programs** (Chương trình).
2. Nhấp **HP**, nhấp vào tên của sản phẩm, sau đó nhấp vào **HP Fax Setup Wizard** (Trình Hướng Dẫn Cài Đặt Fax HP).
3. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình trong HP Fax Setup Wizard để cài thời gian, ngày tháng và tiêu đề fax, cũng như một số cài đặt khác.

Sử dụng các chữ địa phương hóa phổ biến trên các tiêu đề fax

Khi sử dụng bảng điều khiển để nhập tên của bạn vào tiêu đề hoặc để nhập tên cho phím công-tắc, mục quay số nhanh, hoặc mục quay số-nhóm, bấm nút chữ số tương ứng liên tục cho đến khi chữ bạn cần hiển thị. Sau đó, bấm phím mũi tên phải ► để chọn chữ đó và chuyển đến khoảng trống kế tiếp. Bảng sau cho biết các chữ và số hiển thị trên từng nút chữ số.


| Số phím | Ký tự |
|---------|-----------------------|
| 1 | 1 |
| 2 | A B C a b c 2 |
| 3 | D E F d e f 3 |
| 4 | G H I g h i 4 |
| 5 | J K L j k l 5 |
| 6 | M N O m n o 6 |
| 7 | P Q R S p q r s 7 |
| 8 | T U V t u v 8 |
| 9 | W X Y Z w x y z 9 |
| 0 | 0 |
| * | () + - . / , " * & @ |
| # | space # , |

 **GHI CHÚ:** Sử dụng nút mũi tên phải ► để chuyển con trỏ trên bảng điều khiển và sử dụng nút mũi tên trái ◀ để xóa các ký tự.

Sử dụng danh bạ

Bạn có thể lưu các số fax thường xuyên quay số (tối đa 100 số).

Sử dụng bảng điều khiển để tạo và sửa danh bạ fax

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .




2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Phone Book (Danh bạ)**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Add/Edit (Thêm/Sửa)**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Nhập số fax và tên, rồi bấm nút **OK**.

Nhập hoặc xuất danh bạ của Microsoft Outlook sang danh bạ fax.

1. Mở HP Toolbox.
2. Nhấp **Fax**, sau đó nhấp vào **Fax Phone Book (Danh Bạ Fax)**.
3. Duyệt danh bạ chương trình, sau đó nhấp vào **Import (Nhập)**.

Sử dụng dữ liệu danh bạ từ các chương trình khác

 **GHI CHÚ:** Trước khi có thể nhập danh bạ từ một chương trình khác, bạn phải sử dụng tính năng xuất trong chương trình khác đó.

HP Toolbox có thể nhập thông tin liên lạc từ các danh bạ chương trình phần mềm khác. Bảng sau sẽ cho biết các chương trình nào sẽ được hỗ trợ cho HP Toolbox.

| Chương trình | Mô tả |
|--------------------|--|
| Microsoft Outlook | <p>Các mục Số Địa Chỉ Cá Nhân (PAB), các mục Số Liên Lạc hoặc kết hợp cả hai có thể được chọn. Các cá thể và các nhóm từ PAB sẽ chỉ được kết hợp với các cá nhân từ Số Liên Lạc khi tùy chọn kết hợp được chọn.</p> <p>Nếu mục Số Liên Lạc có cả số fax nhà và số fax cơ quan, cả hai mục này sẽ được hiển thị. "tên" của cả hai mục này sẽ được sửa đổi. ":(B)" sẽ được thêm vào tên trong mục cơ quan và ":(H)" sẽ được thêm vào tên trong mục nhà.</p> <p>Nếu có hai mục giống hệt nhau xảy ra (một từ Các Số Liên Lạc và một từ PAB với cùng tên và số fax), một mục đơn sẽ hiển thị. Tuy nhiên, nếu mục tồn tại trong PAB giống hệt với mục trong Các Số Liên Lạc, và mục Các Số Liên Lạc có cả hai số fax nhà và cơ quan, tất cả ba mục này sẽ hiển thị.</p> |
| Số Địa Chỉ Windows | Số Địa Chỉ Windows (WAB), được sử dụng trong Outlook Express và Internet Explorer, sẽ được hỗ trợ. Nếu một cá nhân có cả số fax nhà và số fax cơ quan, cả hai mục này sẽ được hiển thị. "tên" của cả hai mục này sẽ được sửa đổi. ":(B)" sẽ được thêm vào tên trong mục cơ quan và ":(H)" sẽ được thêm vào tên trong mục nhà. |
| Goldmine | Goldmine phiên bản 4.0 sẽ được hỗ trợ. HP Toolbox sẽ nhập file được Goldmine sử dụng mới nhất. |
| Symantec Act! | Act! phiên bản 4.0 và 2000 được hỗ trợ. HP Toolbox sẽ nhập cơ sở dữ liệu được Act! sử dụng mới nhất. |

Xóa danh bạ

Bạn có thể xoát tất cả các số trong danh bạ được lập trình trong sản phẩm.

⚠ THẬN TRỌNG: Sau khi danh bạ bị xóa, chúng không thể phục hồi được.

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .



2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Phone Book (Danh bạ)**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Xoát tất cả**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Bấm nút **OK** để xác nhận việc xoát.

Đặt cài đặt fax

Gửi cài đặt fax

Đặt các tùy chọn và các biểu tượng quay số đặc biệt


Bạn có thể chèn chức năng tạm dừng vào số fax bạn đang quay số. Chức năng tạm dừng thường được cần đến khi quay số quốc tế hoặc kết nối với đường dây điện thoại bên ngoài.

- **Chèn tạm dừng quay số:** Bấm nút # (Pause) (Tạm dừng) liên tục cho đến khi một dấu phẩy (,) xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển, cho biết việc tạm dừng sẽ xảy ra tại điểm đó trong trình tự quay số.
- **Chèn tạm dừng cho âm quay số:** Bấm nút * (Symbols) (Các biểu tượng) liên tục cho đến khi ký tự **W** xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển để sản phẩm chờ âm quay số trước khi quay các số còn lại của số điện thoại.
- **Chèn đèn nháy:** Bấm nút * (Symbols) (Các biểu tượng) liên tục cho đến khi ký tự **R** xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển để sản phẩm nháy đèn.

Đặt mã số đầu

Mã số đầu là một số hoặc một nhóm các số sẽ được tự động thêm vào đầu của mỗi số fax mà bạn nhập từ bảng điều khiển hoặc từ phần mềm. Số ký tự tối đa cho mã số đầu là 50.


Cài đặt mặc định là **Tắt**. Bạn có thể bật cài đặt này và nhập mã số đầu, ví dụ bạn quay một số như số 9 chẳng hạn để nhận một số điện thoại bên ngoài hệ thống điện thoại công ty của bạn. Trong khi cài đặt này được kích hoạt, bạn có thể quay một số fax mà không cần phải quay mã số đầu bằng cách quay số theo cách thủ công.

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập fax**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập Gửi Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Dial Prefix (Mã số đầu quay số)**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Bật** hoặc **Tắt**, và sau đó bấm nút **OK**.
6. Nếu bạn đã chọn **Bật**, sử dụng các nút chữ số để nhập mã số đầu, sau đó bấm nút **OK**. Bạn có thể sử dụng các số, tạm dừng và các biểu tượng quay số.

Cài dò tìm âm quay số

Thông thường, sản phẩm sẽ bắt đầu quay một số fax ngay. Nếu bạn đang sử dụng sản phẩm trên cùng đường dây với điện thoại, bật cài đặt dò tìm âm quay số. Thao tác này sẽ ngăn sản phẩm không gửi bản fax khi có người sử dụng điện thoại.


Cài đặt mặc định gốc dò tìm âm quay số **Bật** dành cho Pháp và Hungary, và **Tắt** cho tất cả các quốc gia/vùng lãnh thổ khác.

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập fax**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập Gửi Fax**, sau đó bấm nút **OK**.

4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Detect dial tone (Dò tìm âm quay số)**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Bật** hoặc **Tắt**, và sau đó bấm nút **OK**.

Cài âm quay số hoặc nhịp điệu quay số

Sử dụng quy trình này để cài chế độ âm quay số hoặc nhịp điệu quay số cho sản phẩm. Thông số cài đặt mặc định gốc là **Âm**. Không thay đổi cài đặt này trừ khi bạn biết rõ đường dây điện thoại không thể sử dụng âm quay số.

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập fax**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập Gửi Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Dialing Mode (Chế độ quay số)**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn tùy chọn **Âm** hoặc **Nhịp điệu**, sau đó bấm nút **OK** để lưu lại lựa chọn.




GHI CHÚ: Tùy chọn nhịp điệu quay số không áp dụng cho tất cả quốc gia/vùng lãnh thổ.

Đặt tự động quay số lại và thời gian giữa các lần quay số

Nếu sản phẩm không thể gửi bản fax do máy fax nhận không trả lời hoặc bận, sản phẩm sẽ thử quay số lại dựa trên các tùy chọn quay-số-lại-khi-máy-bận, quay-số-lại-khi-không-trả-lời, và quay-số-lại-do-lỗi-truyền-tín-hiệu. Sử dụng các quy trình trong phần này để bật hoặc tắt các tùy chọn này.


Cài tùy chọn quay-số-lại-khi-máy-bận

Nếu tùy chọn này được bật, sản phẩm sẽ tự động quay số lại khi nhận được tín hiệu bận. Cài đặt mặc định gốc cho tùy chọn quay-số-lại-khi-máy-bận là **Bật**.

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập fax**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập Gửi Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Redial if busy (Quay số lại khi bận)**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Bật** hoặc **Tắt**, và sau đó bấm nút **OK**.

Cài tùy chọn quay-số-lại-khi-không-trả-lời


Nếu tùy chọn này được bật, sản phẩm sẽ tự động quay số lại khi máy nhận không trả lời. Cài đặt mặc định gốc cho tùy chọn quay-số-lại-khi-không-trả-lời là **Tắt**.

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập fax**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập Gửi Fax**, sau đó bấm nút **OK**.

4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Redial-no answer (Quay số lại khi không trả lời)**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Bật** hoặc **Tắt**, và sau đó bấm nút **OK**.

Cài tùy chọn gọi-lại-do-lỗi-truyền-tín-hiệu

Nếu tùy chọn này được bật, sản phẩm sẽ tự động quay số lại nếu có lỗi truyền tín hiệu. Cài đặt mặc định gốc cho tùy chọn gọi-lại-do-lỗi-truyền-tín-hiệu là **Bật**.




1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập fax**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập Gửi Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Redial Comm. Error (Quay số lại nếu Bị lỗi Truyền tín hiệu)**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Bật** hoặc **Tắt**, và sau đó bấm nút **OK**.

Cài độ sáng/tối và độ phân giải


Cài cài đặt độ sáng/tối (độ tương phản) mặc định

Độ tương phản ảnh hưởng đến độ sáng và độ tối của bản fax đi khi được gửi.

Cài đặt độ sáng/tối mặc định là độ tương phản thường được áp dụng cho các mục sẽ được fax đi. Con trượt được cài vào giữa làm cài đặt mặc định.

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập fax**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập Gửi Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Đậm/nhạt mặc định**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng nút mũi tên trái  để di chuyển con trượt sang trái để tạo cho bản fax có độ sáng hơn bản gốc, hoặc sử dụng nút mũi tên phải  để di chuyển con trượt sang phải để tạo cho bản fax có độ tối hơn bản gốc.
6. Bấm nút **OK** để lưu lựa chọn

Cài đặt độ tương phản

 **GHI CHÚ:** Việc tăng độ phân giải sẽ làm tăng kích cỡ bản fax. Các bản fax khổ rộng hơn sẽ làm tăng thời gian gửi và có thể vượt quá dung lượng bộ nhớ hiện có trong sản phẩm.


Thông số độ phân giải mặc định gốc là **Mịn**.

Sử dụng quy trình này để thay đổi độ phân giải mặc định cho tất cả các bản fax bằng một trong các cài đặt sau:

- **Chuẩn:** Cài đặt này cung cấp chất lượng thấp nhất nhưng thời gian truyền nhanh nhất.
- **Mịn:** Cài đặt này cung cấp chất lượng độ phân giải cao hơn **Chuẩn** vốn thích hợp cho các tài liệu văn bản.


- **Siêu mịn:** Cài đặt này được sử dụng tốt nhất cho các tài liệu vừa có văn bản vừa có hình ảnh. Thời gian truyền ngắn hơn cài đặt **Mịn** nhưng nhanh hơn cài đặt **Ảnh chụp**.
- **Ảnh chụp:** Cài đặt này cho chất lượng hình ảnh tốt nhất nhưng sẽ làm tăng thời gian truyền.

Cài đặt độ phân giải mặc định

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập fax**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập Gửi Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Độ phân giải mặc định**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để thay đổi cài đặt độ phân giải.
6. Bấm nút **OK** để lưu lựa chọn

Mẫu trang bìa

Chương trình phần mềm PC Send Fax (Gửi Fax PC) có sẵn nhiều mẫu trang bìa fax dành cho các cá nhân và doanh nghiệp.

 **GHI CHÚ:** Các mẫu trang-bìa không thể thay đổi được. Mặc dù bạn có thể chỉnh sửa các vùng bên trong các mẫu, bản thân các mẫu này là những mẫu đơn cố định.

Hiệu chỉnh tờ bìa fax

1. Mở chương trình phần mềm PC Fax Send (Gửi Fax PC).
2. Trong phần **Fax To** (Gửi Fax Đến), điền công ty, tên và số fax của người nhận.
3. Trong phần **Resolution** (Độ phân giải), chọn chỉ số độ phân giải.
4. Trong phần **Include With Fax** (Đính Kèm Fax), chọn **Cover Page** (Trang Bìa).
5. Bạn điền thêm thông tin trong hộp thoại **Notes** (Ghi chú) và **Subject** (Chủ đề).
6. Trong hộp menu con **Cover Page Template** (Mẫu Trang Bìa), chọn một mẫu, và sau đó chọn **Pages in Document Tray** (Trang trên Khay Tài liệu).
7. Thực hiện một trong các bước sau:
 - Nhấp vào **Send Now** (Gửi Ngay) để gửi bản fax mà không cần xem lại trang bìa.
 - Nhấp vào **Preview** (Xem lại) để xem lại trang bìa trước khi gửi bản fax.


Nhận cài đặt fax

Cài chuyển tiếp fax

Bạn có thể chỉnh cho sản phẩm gửi chuyển tiếp các bản fax đến số máy fax khác. Khi các bản fax gửi đến sản phẩm của bạn, chúng sẽ được lưu trên bộ nhớ. Sản phẩm sau đó sẽ quay số fax mà bạn đã chọn và gửi bản fax đi. Nếu sản phẩm không thể chuyển tiếp bản fax vì bị lỗi (ví dụ, số fax đó đang bận) và đã quay lại số đó nhiều lần mà không được, sản phẩm sẽ in bản fax ra.


Nếu sản phẩm hết bộ nhớ trong khi đang nhận fax, máy sẽ dừng nhận bản fax đang đến và chỉ chuyển tiếp các trang và những phần của trang đã lưu trên bộ nhớ.

Khi máy dùng tính năng gửi chuyển tiếp fax, sản phẩm (thay vì máy tính) phải nhận được fax, và chế độ trả lời phải được chỉnh sang **Tự động**.


1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập fax**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập Nhận Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Chuyển tiếp fax**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Bật** hoặc **Tắt**, và sau đó bấm nút **OK**.
6. Nếu bạn bật tính năng gửi chuyển tiếp fax, hãy dùng các nút chữ số để chọn số máy fax mà bản fax sẽ được gửi đến, và sau đó bấm **OK** để lưu tính năng chọn lựa của bạn.

Chỉnh chế độ trả lời

Tùy vào tình huống cụ thể, bạn đặt chế độ trả lời của sản phẩm sang chế độ **Tự động**, **TAM**, **Fax/Điện thoại** hoặc **Manual (Thủ công)**. Thông số cài đặt mặc định gốc là **Tự động**.

- **Tự động**: Sản phẩm sẽ trả lời các cuộc gọi đến sau một số lần đổ chuông nhất định hoặc dựa vào việc nhận dạng các kiểu chuông fax đặc biệt.
- **TAM**: Sản phẩm không tự động trả lời cuộc gọi. Thay vào đó, sản phẩm sẽ chờ cho đến khi phát hiện âm máy fax.
- **Fax/Điện thoại**: Sản phẩm trả lời các cuộc gọi đến ngay lập tức. Nếu phát hiện thấy âm máy fax, nó sẽ xử lý cuộc gọi dưới dạng fax. Nếu không phát hiện thấy âm máy fax, sản phẩm tạo chuông có thể nghe được để thông báo cho bạn trả lời cuộc gọi thoại đến.
- **Manual (Thủ công)**: Sản phẩm không bao giờ trả lời cuộc gọi. Bạn phải tự mình khởi động tính năng nhận fax, bằng cách bấm nút Send Fax (Gửi fax)  trên bảng điều khiển hoặc bằng cách cắm điện thoại nối vào đường dây đó và quay số 1-2-3.

Để chỉnh hoặc thay đổi chế độ trả lời, bạn hãy thực hiện các bước sau:

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập fax**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập Nhận Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Bấm nút **OK** để thoát khỏi menu **Chế độ Trả lời**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn chế độ trả lời, sau đó bấm nút **OK**.


Chặn hoặc bỏ chặn số fax

Nếu bạn không muốn nhận fax từ doanh nghiệp hoặc người gửi cụ thể nào đó, bạn có thể chặn đến 30 số fax bằng bảng điều khiển. Khi bạn chặn số fax và người gửi từ số gửi fax đến cho bạn, bảng điều khiển sẽ cho thấy số đó đã bị chặn, bản fax sẽ không được in ra, và bản fax không được lưu trên bộ nhớ. Các bản fax gửi đi từ số fax bị chặn sẽ được hiển thị trong nhật ký hoạt động fax dưới dạng “đã bị hủy”. Bạn có thể bỏ chặn số fax đã bị chặn một cách riêng lẻ hoặc tất cả cùng lúc.



GHI CHÚ: Người gửi dùng số fax bị chặn sẽ không được thông báo là bản fax không gửi được.

Thực hiện các bước sau đây để chặn hoặc bỏ chặn số fax bằng bảng điều khiển:

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập fax**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập Nhận Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Chặn fax**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Để chặn số fax, dùng nút mũi tên để chọn tùy chọn **Thêm mục nhập**, sau đó bấm nút **OK**. Điền đúng số fax như bạn đã thấy trên phần tiêu đề đầu trang (bao gồm khoảng cách), sau đó bấm nút **OK**. Điền tên dùng cho số fax bị chặn, sau đó bấm nút **OK**.

Để bỏ chặn một số fax riêng lẻ, dùng nút mũi tên để chọn tùy chọn **Xóa mục nhập**, sau đó bấm nút **OK**. Dùng các nút mũi tên để chọn số fax mà bạn muốn xóa, và sau đó bấm nút **OK** để xác nhận tác vụ xóa này.

Để bỏ chặn tất cả các số fax, dùng nút mũi tên để chọn tùy chọn **Xóa tất cả**, sau đó bấm nút **OK**. Bấm nút **OK** lần nữa để xác nhận việc xóa.

Cài số lần đổ chuông trả lời

Khi chế độ trả lời được cài sang **Tự động**, cài đặt chuông trả lời sản phẩm sẽ xác định số lần điện thoại reo trước khi sản phẩm trả lời cuộc gọi đến.


Nếu sản phẩm được kết nối với đường dây nhận cả cuộc gọi thoại lẫn fax (đường dây dùng chung) và đồng thời dùng cho máy trả lời tự động, bạn cần hiệu chỉnh số lần chuông trả lời. Số lần đổ chuông để trả lời dùng cho sản phẩm này phải lớn hơn số lần đổ chuông để trả lời của máy trả lời tự động. Việc này sẽ cho phép máy trả lời tự động trả lời các cuộc gọi đến và ghi lại tin nhắn nếu có cuộc gọi thoại. Khi máy trả lời tự động trả lời cuộc gọi, sản phẩm sẽ nghe cuộc gọi đến và tự động trả lời nếu phát hiện chuông fax.

Số lần đổ chuông để trả lời mặc định là năm đối với Mỹ và Canada, và hai đối với các quốc gia/vùng lãnh thổ khác.

Dùng bảng sau để xác định số lần đổ chuông để trả lời sẽ sử dụng.

| Gõ vào đường dây điện thoại | Số lần đổ chuông để trả lời khuyến nghị |
|--|--|
| Đường dây chuyên dùng cho fax (chỉ nhận các cuộc gọi fax) | Chỉnh số lần đổ chuông để trả lời trong phạm vi hiển thị trên màn hình bảng điều khiển. (Số lần đổ chuông tối đa và tối thiểu của mỗi quốc gia/vùng lãnh thổ sẽ không giống nhau.) |
| Một đường dây với hai số riêng biệt và dịch vụ chuông báo | Một hoặc hai loại chuông (Nếu bạn có máy trả lời điện thoại hoặc hộp thư thoại máy tính dùng cho số điện thoại khác, hãy kiểm tra để đảm bảo sản phẩm được cài số lần đổ chuông nhiều hơn hệ thống máy trả lời. Đồng thời, dùng tính năng chuông đặc trưng để phân biệt giữa các cuộc gọi thoại và fax.) |
| Đường dây dùng chung (để nhận cả cuộc gọi thoại và fax) chỉ nối vào một điện thoại | Năm hoặc nhiều hơn năm lần đổ chuông. |
| Đường dây dùng chung (để nhận cả cuộc gọi thoại và fax) chỉ nối vào một máy trả lời tự động hoặc hộp thư thoại trên máy tính | Đổ chuông nhiều hơn máy trả lời tự động hoặc hộp thư thoại của máy tính hai lần. |


Để cài hoặc đổi số lần đổ chuông trả lời sẽ sử dụng, hãy thực hiện các bước sau:

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập fax**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập Nhận Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Rings to answer (Chuông trả lời)**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút chữ số để nhập số lần đổ chuông trả lời, sau đó bấm nút **OK**.

Đặt kiểu chuông đặc trưng

Một số công ty địa phương sẽ cung cấp dịch vụ kiểu chuông đặc biệt hoặc kiểu chuông. Dịch vụ này cho phép bạn sở hữu trên hai số điện thoại trên cùng đường dây. Mỗi số điện thoại sẽ có một kiểu chuông đặc trưng riêng, để bạn có thể trả lời các cuộc gọi thoại và sản phẩm có thể trả lời các cuộc gọi fax.


Nếu bạn đăng ký dịch vụ kiểu chuông qua công ty điện thoại, bạn phải chỉnh cho sản phẩm trả lời kiểu chuông phù hợp. Chỉ có một số quốc gia/vùng lãnh thổ có hỗ trợ kiểu chuông. Bạn hãy liên hệ với công ty điện thoại để quyết định xem dịch vụ có cung cấp tại quốc gia/vùng lãnh thổ của bạn.

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn không đăng ký dịch vụ kiểu chuông và bạn thay đổi thông số cài đặt kiểu chuông sang thông số khác ngoài thông số mặc định, **Tất cả Kiểu chuông**, sản phẩm sẽ không thể nhận được fax.

Thông số cài đặt như sau:

- **Tất cả Kiểu chuông:** Sản phẩm sẽ trả lời tất cả cuộc gọi gọi đến qua đường dây điện thoại.
- **Đơn:** Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông đơn.
- **Hai tiếng:** Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông hai tiếng.
- **Ba tiếng:** Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông ba tiếng.
- **Hai & Ba:** Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông hai tiếng hoặc ba tiếng.

Để thay đổi kiểu chuông dùng để trả lời cuộc gọi, hãy thực hiện theo các bước sau:


1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập fax**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập Nhận Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Loại Chuông Trả lời**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Dùng các nút mũi tên để chọn kiểu chuông mà bạn muốn, và sau đó bấm **OK**.
6. Sau khi đã hoàn tất quá trình cài đặt, bạn hãy nhờ người khác gửi một bản fax đến cho bạn để xác minh dịch vụ kiểu chuông có hoạt động tốt không.


Dùng tính năng tự động giảm cho các bản fax gửi đến

Nếu tùy chọn vừa-trang-in được bật, sản phẩm sẽ tự động giảm khổ giấy fax xuống 75% để vừa với thông tin theo khổ giấy mặc định (ví dụ, trang fax sẽ giảm từ khổ giấy legal sang khổ letter).

Nếu tùy chọn vừa-trang-in đã tắt, các bản fax in ra với khổ giấy toàn trang trên nhiều trang. Cài đặt mặc định gốc dành cho fax tự động giảm là **Bật**.


Nếu bạn đã bật tùy chọn **Stamp faxes (Tem fax)**, bạn có thể cũng muốn bật tính năng tự động giảm. Việc này sẽ giảm khổ giấy fax gửi đến đôi chút, và ngăn chặn nhỡ-trang khiến fax một trang thành hai trang.

 **GHI CHÚ:** Hãy đảm bảo rằng thông số khổ giấy mặc định phù hợp với khổ giấy đã nạp vào khay chứa giấy.

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập fax**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập Nhận Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Vừa trang in**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn tùy chọn **Bật** hoặc **Tắt**, sau đó bấm nút **OK** để lưu lại lựa chọn.


Đặt cài đặt in lại fax

Thông số in lại fax mặc định là **Bật**. Để thay đổi thông số này trong bảng điều khiển, hãy làm theo các bước sau:

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập fax**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập Nhận Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **In lại các bản fax**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Bật** hoặc **Tắt**, và sau đó bấm nút **OK**.

Chỉnh chế độ dò-tĩnh

Thông số cài đặt này sẽ kiểm soát việc bạn có thể hoặc không thể nhận fax từ máy fax đời cũ, loại không phát tín hiệu trong quá trình gửi fax. Vào thời điểm xuất bản tài liệu này, các máy fax loại-tĩnh chiếm một số lượng rất ít các loại máy fax hiện đang sử dụng. Cài đặt mặc định là **Tắt**. Bạn chỉ có thể thay đổi thông số chế độ dò-tĩnh này nếu bạn thường xuyên nhận fax của người dùng máy fax đời-cũ.

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập fax**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập Nhận Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Silence detect (Dò tĩnh)**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn tùy chọn **Bật** hoặc **Tắt**, sau đó bấm nút **OK** để lưu lại lựa chọn.


Đặt âm lượng fax

Điều chỉnh âm lượng fax từ bảng điều khiển. Bạn có thể thực hiện các thay đổi cho các âm thanh sau:

- Các âm thanh fax có liên quan đến các bản fax đến và đi
- Chuông cho các bản fax đến


Cài đặt mặc định gốc cho âm lượng fax là **Linh hoạt**.


Đặt âm lượng báo, âm lượng đường điện thoại và âm lượng chuông


1. Bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **System setup (Cài đặt hệ thống)**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Volume settings (Cài đặt âm lượng)**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Âm lượng cảnh báo**, menu **Phoneline volume (Âm lượng đường điện thoại)** hoặc **Ring volume (Âm lượng chuông)** và sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn cài đặt **Tắt**, **Linh hoạt**, **Vừa**, hoặc **To**.
6. Bấm nút **OK** để lưu lựa chọn

Đặt bản fax nhận-kèm-tem


Sản phẩm sẽ in các thông tin nhận dạng người gửi ở phần đầu của mỗi bản fax. Bạn cũng có thể chọn "đóng dấu" thông tin tiêu đề của riêng bạn vào từng bản fax nhận được để xác nhận ngày và giờ bản fax được nhận. Cài đặt mặc định gốc dành cho các bản fax nhận kèm tem là **Tắt**.

 **GHI CHÚ:** Việc bật thiết lập đóng dấu đã nhận có thể làm tăng kích thước giấy và khiến sản phẩm phải in trang thứ hai.

 **GHI CHÚ:** Tùy chọn này chỉ áp dụng cho các bản fax nhận được mà sản phẩm in ra.


1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập fax**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập Nhận Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Stamp faxes (Tem fax)**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn tùy chọn **Bật** hoặc **Tắt**, sau đó bấm nút **OK** để lưu lại lựa chọn.

Đặt tính năng nhận riêng

 **GHI CHÚ:** Tính năng nhận riêng không gây ảnh hưởng đến tính năng in lại bản fax mới nhất. Để giới hạn việc truy nhập vào tất cả các bản fax đã nhận, hãy bảo đảm rằng cài đặt **In lại các bản fax** đã được đặt là **Tắt**.


Khi kích hoạt tính năng nhận riêng, các bản fax đã nhận sẽ được lưu trong bộ nhớ. Bạn phải có mã số nhận dạng cá nhân (PIN) để in các bản fax đã được lưu.

Bật tính năng nhận riêng

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập fax**, sau đó bấm nút **OK**.

3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập Nhận Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Private receive (Nhận riêng)**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Bật**, sau đó bấm nút **OK**.
6. Sử dụng bàn phím để nhập mật khẩu bảo mật sản phẩm, sau đó bấm **OK**.
7. Để xác nhận mật khẩu bảo mật sản phẩm, sử dụng các nút chữ số để nhập lại mật khẩu bảo mật sản phẩm, sau đó bấm **OK**.


Tắt tính năng nhận riêng

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập fax**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng bàn phím để nhập mật khẩu bảo mật sản phẩm, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập Nhận Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Private receive (Nhận riêng)**, sau đó bấm nút **OK**.
6. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Tắt**, sau đó bấm nút **OK**.

Nếu tồn tại bất kỳ bản fax chưa được in nào trong bộ nhớ fax, sản phẩm sẽ in các bản fax, sau đó xóa các bản fax đó khỏi bộ nhớ.

Cài kiểm soát vòng fax

Nếu một người nào đó đã thiết lập kiểm soát vòng fax, bạn có thể yêu cầu gửi bản fax đó đến sản phẩm của bạn. (Điều này có thể hiểu là kiểm soát một máy fax khác).

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Fax functions (Các chức năng fax)**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Polling receive (Nhận vòng)**, sau đó bấm nút **OK**.

Thiết bị sẽ quay số đến máy fax khác và yêu cầu bản fax.

Dùng fax

Phần mềm gửi nhận fax

Các chương trình fax hỗ trợ

Chương trình fax qua máy tính cung cấp kèm theo sản phẩm là chương trình fax qua máy tính duy nhất có thể kết hợp dùng chung với sản phẩm. Để tiếp tục dùng chương trình fax qua máy tính đã cài sẵn trên máy tính, chương trình này phải dùng chung với modem đã được kết nối vào máy tính đó; chương trình sẽ không thể dùng chung với modem của sản phẩm.

Hủy bản fax

Dùng các hướng dẫn này để hủy bản fax riêng lẻ hiện đang quay số hoặc bản fax đang được nhận hoặc gửi.

Hủy bản fax hiện tại


Bấm nút Cancel (Hủy) trên bảng điều khiển. Các trang chưa được truyền tải sẽ bị hủy. Việc bấm nút Cancel (Hủy) cũng sẽ dừng các tác vụ quay-số-nhóm.

Hủy tác vụ fax đang chờ

Dùng quy trình này để hủy tác vụ fax trong các trường hợp sau:


- Sản phẩm đang chờ quay số lại sau khi gặp tín hiệu bận máy, cuộc gọi không trả lời, hoặc lỗi kết nối.
- Bản fax sẽ được lên kế hoạch gửi lại vào một thời điểm khác trong tương lai.


Dùng các bước sau đây để hủy tác vụ fax bằng cách dùng menu **Fax Job status** (trạng thái Tác Vụ Fax):

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Fax Job status (Tình trạng Lệnh Fax)**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Dùng các nút mũi tên để di chuyển qua các tác vụ đang chờ cho đến khi bạn đến tác vụ mà bạn muốn xóa.
4. Bấm nút **OK** để chọn tác vụ mà bạn muốn hủy.
5. Bấm nút **OK** để xác nhận bạn muốn hủy tác vụ đó.

Xóa bản fax khỏi bộ nhớ


Dùng quy trình này chỉ khi bạn lo ngại rằng người nào khác đã truy cập vào sản phẩm của bạn và có tìm cách in lại các bản fax từ bộ nhớ.

 **THẬN TRỌNG:** Ngoài việc xóa bộ nhớ in lại, quy trình này sẽ xóa bất kỳ bản fax nào hiện đang được gửi đi, các bản fax chưa gửi đang chờ quay số lại, các bản fax được lên kế hoạch gửi vào thời điểm khác trong tương lai, và các bản fax chưa in hoặc chưa được gửi chuyển tiếp.

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Fax functions (Các chức năng fax)**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Xóa các bản fax đã lưu**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Bấm nút **OK** để xác nhận việc xóa.

Dùng fax trên hệ thống DSL, PBX hoặc ISDN


Các sản phẩm HP được đặc biệt thiết kế để dùng với các dịch vụ điện thoại analog thông thường. Chúng không được thiết kế để dùng với các đường dây DSL, PBX, ISDN, hoặc các dịch vụ VoIP, nhưng chúng có thể kết hợp sử dụng với các thiết bị và thông số cài đặt thích hợp.

 **GHI CHÚ:** HP khuyến nghị bạn thảo luận với nhà cung cấp dịch vụ về các tùy chọn cài đặt DSL, PBX, ISDN, và VoIP.


Sản phẩm HP LaserJet là thiết bị analog và không tương thích với tất cả các hệ thống điện thoại kỹ thuật số (trừ khi bạn đang sử dụng bộ chuyển đổi tín hiệu kỹ-thuật-số-sang-analog). HP không đảm bảo rằng sản phẩm sẽ tương thích với các hệ thống kỹ thuật số hoặc bộ chuyển đổi tín hiệu kỹ-thuật-số-sang-analog.

DSL

Đường dây thuê bao kỹ thuật số (DSL) dùng công nghệ kỹ thuật số trên hệ thống dây điện thoại bằng đồng tiêu chuẩn. Sản phẩm này không tương thích trực tiếp với các tín hiệu kỹ thuật số. Tuy nhiên, nếu bạn chọn cấu hình này trong quá trình cài đặt DSL, tín hiệu có thể tách rời để một số loại băng thông được dùng để truyền tín hiệu analog (cho điện thoại và fax) trong khi các băng thông còn lại sẽ được dùng để truyền dữ liệu kỹ thuật số.

 **GHI CHÚ:** Các dịch vụ DSL sẽ không tương thích với tất cả các loại fax. HP không đảm bảo rằng sản phẩm sẽ tương thích hoàn toàn với tất cả các nhà cung cấp hoặc đường dây dịch vụ DSL.

Bạn phải dùng modem DSL với bộ lọc tốc-độ-cao. Nhà cung cấp dịch vụ thường sẽ cung cấp bộ lọc tốc-độ-thấp, dùng cho loại cáp điện thoại thông thường.

 **GHI CHÚ:** Liên hệ nhà cung cấp DSL để biết thêm thông tin hoặc để được giúp đỡ.

PBX

Sản phẩm là thiết bị analog và không tương thích với tất cả các hệ thống điện thoại kỹ thuật số. Bạn cần phải sử dụng bộ chuyển đổi tín hiệu hoặc bộ lọc kỹ-thuật-số-sang-analog để dùng được các chức năng fax. Nếu các chức năng fax phát sinh sự cố trong hệ thống PBX, bạn sẽ phải liên hệ với nhà cung cấp PBX để được giúp đỡ. HP không đảm bảo rằng sản phẩm sẽ tương thích với các hệ thống kỹ thuật số hoặc bộ chuyển đổi tín hiệu kỹ-thuật-số-sang-analog.

Liên hệ nhà cung cấp PBX để biết thêm thông tin và để được giúp đỡ.

ISDN

Liên hệ nhà cung cấp ISDN để biết thêm thông tin và để được giúp đỡ.

Sử dụng fax trên dịch vụ VoIP

Dịch vụ giao thức truyền âm qua internet (VoIP) thường không tương thích với các loại máy fax, trừ trường hợp nhà cung cấp công bố chính thức rằng máy hỗ trợ fax qua các dịch vụ IP.

Nếu sản phẩm gặp sự cố trong khi gửi fax qua mạng VoIP, hãy kiểm tra xem tất cả các cáp đã được kết nối đúng cách và thông số cài đặt có thiết lập phù hợp hay chưa. Việc giảm thông số tốc-độ-fax có thể sẽ cho phép sản phẩm gửi fax qua mạng VoIP.

Nếu máy tiếp tục gặp sự cố khi fax, hãy liên hệ nhà cung cấp dịch vụ VoIP.

Bộ nhớ fax

Bộ nhớ fax được lưu giữ trong trường hợp mất điện



Bộ nhớ flash sẽ bảo vệ chống mất dữ liệu khi bị mất điện. Các thiết bị fax khác lưu các trang fax trong RAM thường hoặc RAM tạm thời. RAM thường sẽ lập tức bị mất dữ liệu khi mất điện, trong khi RAM tạm thời sẽ mất dữ liệu khoảng 60 phút sau khi mất điện. Bộ nhớ flash có thể lưu trữ tài liệu trong nhiều năm mà không cần có điện.

Gửi fax

Gửi fax từ máy quét hình phẳng

1. Đặt tài liệu lên kính máy quét với mặt tài liệu hướng xuống dưới.



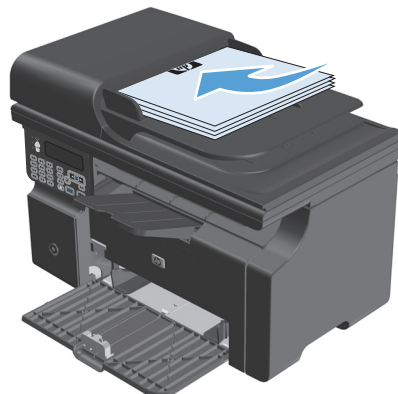
2. Bấm nút Setup (Cài đặt) .
3. Chọn menu **Phone Book (Danh bạ)**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Từ danh sách, chọn mục trong danh bạ. Nếu không có mục nào, hãy sử dụng bàn phím trên bảng điều khiển để quay số.
5. Trên bảng điều khiển, bấm nút Send Fax (Gửi fax) . Sản phẩm sẽ bắt đầu tác vụ fax.

Fax từ khay nạp tài liệu

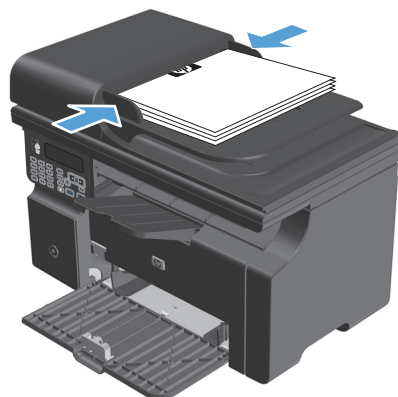
1. Đưa các bản gốc vào khay nạp tài liệu với mặt tài liệu hướng lên trên.



GHI CHÚ: Dung lượng khay nạp tài liệu tối đa là 35 tờ loại giấy 75 g/m² hoặc 20 lb.

THẬN TRỌNG: Để tránh làm hỏng sản phẩm, bạn đừng sử dụng các tài liệu gốc có dán băng tẩy, mực tẩy, kim cài giấy, hoặc kẹp giấy. Đồng thời, bạn cũng đừng để hình chụp, tài liệu gốc cỡ nhỏ hoặc các loại tài liệu gốc dễ rách vào khay nạp tài liệu.




2. Hiệu chỉnh các thanh truyền giấy cho đến khi chúng sát vào giấy.





3. Bấm nút Setup (Cài đặt) .
4. Chọn menu **Phone Book (Danh bạ)**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Từ danh sách, chọn mục trong danh bạ. Nếu không có mục nào, hãy sử dụng bàn phím trên bảng điều khiển để quay số.
6. Trên bảng điều khiển, bấm nút Send Fax (Gửi fax) . Sản phẩm sẽ bắt đầu tác vụ fax.

Gửi fax bằng cách quay số theo cách thủ công

Thông thường, sản phẩm sẽ quay số sau khi bạn bấm nút Send Fax (Gửi fax) . Tuy nhiên, trong một số trường hợp, bạn có thể muốn sản phẩm quay từng số khi bạn bấm chúng. Ví dụ, nếu bạn đang tính gộp phí cuộc gọi fax vào thẻ gọi điện, bạn cần phải quay số fax, đợi tín hiệu chấp thuận từ công ty điện thoại của bạn, và sau đó quay số của thẻ gọi điện. Khi bạn quay số gọi quốc tế, bạn sẽ cần phải quay một số chữ số trong số này và lắng nghe âm quay số trước khi tiếp tục quay số.



Gửi fax đến nhóm người nhận bằng cách thủ công (gửi fax ad hoc)

Sử dụng các hướng dẫn sau để gửi fax cho một nhóm người nhận:

1. Nạp tài liệu vào khay nạp tài liệu.
2. Bấm nút Setup (Cài đặt) .
3. Chọn menu **Phone Book (Danh bạ)**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Từ danh sách, chọn mục trong danh bạ. Nếu không có mục nào, hãy sử dụng bàn phím trên bảng điều khiển để quay số.
5. Để tiếp tục quay số, lặp lại bước 3 và 4. Nếu bạn đã quay số xong, bạn hãy làm bước kế tiếp.
6. Bấm nút Send Fax (Gửi fax) .
7. Nếu bạn có nhiều trang cần quét, bấm **1** để chọn tùy chọn **Có**, sau đó lặp lại bước 6 cho từng trang của tác vụ fax. Nếu bạn làm xong, bấm **2** để chọn tùy chọn **Không**.

Sản phẩm sẽ gửi fax đến từng số fax. Nếu số trong nhóm đang bận hoặc không trả lời, sản phẩm sẽ quay lại số đó theo các thông số quay số lại. Nếu tất cả các lần quay lại đều không thành công, sản phẩm sẽ cập nhật nhật ký hoạt động fax bằng cách thêm vào nội dung báo lỗi, và sau đó máy sẽ tiếp tục quay số kế tiếp trong nhóm.

Quay số lại bằng cách thủ công

1. Nạp tài liệu vào khay nạp tài liệu.
2. Trên bảng điều khiển, bấm nút Redial (Quay số lại) .
3. Bấm nút Send Fax (Gửi fax) .
4. Nếu bạn có nhiều trang cần quét, bấm **1** để chọn tùy chọn **Có**, sau đó lặp lại bước 3 cho từng trang của tác vụ fax. Nếu bạn làm xong, bấm **2** để chọn tùy chọn **Không**.

Sản phẩm sẽ gửi fax đến số được quay lại. Nếu số này đang bận hoặc không trả lời, sản phẩm sẽ quay lại số đó theo các thông số quay số lại. Nếu tất cả những lần quay số lại đều không thành công, sản phẩm sẽ cập nhật nhật ký hoạt động fax bằng cách thêm nội dung báo lỗi.

Gửi fax bằng phần mềm

Thông tin sau cung cấp các hướng dẫn căn bản về cách gửi fax bằng phần mềm được cung cấp kèm theo sản phẩm. Tất cả các vấn đề khác liên quan đến phần mềm đều được trình bày trong mục Trợ giúp của phần mềm, trong menu **Help** (Trợ giúp) của chương trình phần mềm.

Bạn có thể fax các tài liệu điện tử từ máy tính nếu bạn đáp ứng các yêu cầu sau:

- Sản phẩm đã được kết nối trực tiếp với máy tính.
- Phần mềm sản phẩm được cài trên máy tính.
- Hệ điều hành của máy tính là Microsoft Windows XP, Windows Vista, Mac OS X 10.4, 10.5, 10.6 hoặc phiên bản mới hơn.

Gửi fax bằng phần mềm (Windows XP hoặc Vista)

Quy trình gửi fax có thể thay đổi tùy theo các thông số kỹ thuật của bạn. Các bước cơ bản nhất bao gồm.

1. Nhấp vào **Bắt đầu**, nhấp vào **Programs** (Chương trình) (hoặc **All Programs** (Tất cả Chương trình) trong Windows XP), sau đó nhấp vào **Hewlett-Packard**.
2. Nhấp vào tên sản phẩm, sau đó nhấp vào **Send fax** (Gửi fax). Phần mềm fax sẽ hiện ra.
3. Điền số fax của một hoặc nhiều người nhận.
4. Nạp tài liệu vào khay nạp tài liệu.
5. Nạp trang bìa. (Đây là bước tùy chọn.)
6. Nhấp vào **Send Now** (Gửi Ngay).

Gửi fax bằng phần mềm (Mac OS X 10.4 hoặc phiên bản mới hơn)

Khi dùng Mac OS X, bạn có thể chọn một trong hai phương thức gửi fax bằng phần mềm sản phẩm.

Để gửi fax bằng HP Director (Trình Chủ Đạo HP), bạn hãy thực hiện các bước sau:

1. Nạp tài liệu vào khay nạp tài liệu.
2. Mở HP Director (Trình Chủ Đạo HP) bằng cách nhấp vào bộ đồ, và sau đó nhấp vào **Fax**. Hộp thoại in Apple sẽ hiện ra.
3. Chọn **Fax PDF** (Gửi fax PDF) từ trên menu **PDF** vừa xuất hiện.
4. Điền số fax của một hoặc nhiều người nhận trong **To** (Đến).
5. Chọn sản phẩm trong mục **Modem**.
6. Nhấp vào **Fax**.

Để gửi fax bằng cách in bằng trình điều khiển fax, bạn hãy thực hiện các bước sau:

1. Mở tài liệu mà bạn muốn fax đi.
2. Nhấp vào **File** (Tập tin) và sau đó nhấp vào **Print** (In).
3. Chọn **Fax PDF** (Gửi fax PDF) từ trên menu **PDF** vừa xuất hiện.



4. Điền số fax của một hoặc nhiều người nhận trong **To** (Đến).
5. Chọn sản phẩm trong mục **Modem**.
6. Nhấp vào **Fax**.


Gửi fax bằng chương trình phần mềm của hãng thứ ba, như Microsoft Word (dùng trên mọi hệ điều hành)

1. Mở tài liệu trong chương trình của hãng thứ ba.
2. Nhấp vào menu **File** (Tập tin), và sau đó nhấp vào **Print** (In).
3. Chọn trình điều khiển in fax trong danh sách các trình điều khiển máy in vừa xuất hiện. Phần mềm fax sẽ hiện ra.
4. Hoàn tất một trong các quy trình sau:
 - **Windows**
 - a. Điền số fax của một hoặc nhiều người nhận.
 - b. Nạp trang bìa. (Đây là bước tùy chọn.)
 - c. Bao gồm bất kỳ trang nào đã nạp vào sản phẩm. (Đây là bước tùy chọn.)
 - d. Nhấp vào **Send Now** (Gửi Ngay).
 - **Macintosh**
 - a. Chọn **Fax PDF** (Gửi fax PDF) từ trên menu **PDF** vừa xuất hiện.
 - b. Điền số fax của một hoặc nhiều người nhận.
 - c. Chọn sản phẩm trong mục **Modem**.
 - d. Nhấp vào **Fax**.

Gửi fax bằng cách quay số từ điện thoại kết nối tới đường dây fax


Đôi khi bạn muốn quay số fax từ điện thoại được kết nối cùng một đường dây với sản phẩm. Ví dụ, nếu bạn đang gửi fax đến người có thiết bị đang ở chế độ nhận theo cách thủ công, bạn sẽ thực hiện cuộc gọi thoại trước khi gửi fax để cho người đó biết rằng có fax đang gửi đến.

 **GHI CHÚ:** Điện thoại phải kết nối với cổng “điện thoại” của sản phẩm .

1. Nạp tài liệu vào khay nạp tài liệu.
2. Cầm lấy điện thoại cầm tay được kết nối chung đường dây với sản phẩm. Quay số fax bằng cách dùng bàn phím điện thoại.
3. Khi người nhận trả lời, hãy hướng dẫn người đó cách khởi động máy fax.
4. Khi bạn nghe âm thanh máy fax, bấm nút Send Fax (Gửi fax) , đợi đến khi thông báo **Connecting** (Đang kết nối) hiện trên màn hình bảng điều khiển, sau đó gác điện thoại.

Lên kế hoạch gửi fax sau này


Dùng bảng điều khiển sản phẩm để lên kế hoạch gửi fax tự động đến một hoặc nhiều người vào thời điểm khác trong tương lai. Sau khi đã hoàn tất quy trình này, sản phẩm sẽ quét tài liệu vào bộ nhớ và sau đó quay trở lại trạng thái Ready (Sẵn sàng).

 **GHI CHÚ:** Nếu sản phẩm không gửi fax đi vào thời điểm đã lên kế hoạch, thông tin đó sẽ được thể hiện trên báo cáo lỗi fax (nếu bạn đã bật tùy chọn đó) hoặc được ghi trên nhật ký hoạt động fax. Việc truyền tải tín hiệu sẽ không được tiến hành vì cuộc gọi gửi fax không trả lời, hoặc vì tín hiệu bạn máy làm dừng việc quay số lại.


Nếu bản fax đã được lên kế hoạch để gửi trong tương lai, nhưng cần được cập nhật, hãy gửi thêm thông tin bổ sung dưới dạng tác vụ khác. Tất cả các bản fax được lên kế hoạch gửi đến cùng một số fax cùng lúc sẽ được gửi dưới dạng các bản fax riêng lẻ.

1. Nạp tài liệu vào khay nạp tài liệu.



2. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .



3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Fax functions (Các chức năng fax)**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Send fax later (Gửi fax sau)**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng bàn phím để nhập thời gian.
6. Nếu sản phẩm được cài chế độ thời gian 12-giờ, hãy dùng các nút mũi tên để di chuyển con trỏ qua ký tự thứ tư để chỉnh sang A.M. hoặc P.M. Chọn **1** cho A.M (SÁNG) hoặc chọn **2** cho P.M (CHIỀU), sau đó bấm nút **OK**. Nếu sản phẩm được cài chế độ thời gian 24-giờ, bấm nút **OK**.
7. Bấm nút **OK** để chấp nhận ngày mặc định hoặc sử dụng bàn phím để nhập ngày, sau đó bấm nút **OK**.
8. Nhập số fax.
GHI CHÚ: Tính năng này không hỗ trợ nhóm chưa xác định (ad hoc).
9. Bấm nút **OK** hoặc nút Send Fax (Gửi fax) . Sản phẩm sẽ quét tài liệu này vào bộ nhớ và gửi chúng đi vào thời điểm bạn đã chọn.

Dùng mã truy cập, thẻ tín dụng, hoặc thẻ gọi điện

Để dùng mã truy cập, thẻ tín dụng, hoặc thẻ gọi điện, hãy quay số theo cách thủ công để dùng các mã quay số và khoảng dừng.

Gửi fax đi quốc tế

Để gửi fax đến số máy quốc tế, hãy quay số theo cách thủ công để dùng các mã quay số quốc tế và khoảng dừng.


Nhận fax

In bản fax

Khi sản phẩm nhận được dữ liệu fax, máy sẽ in ra bản fax (trừ khi bạn đã bật tính năng nhận-riêng) và đồng thời tự động lưu chúng vào bộ nhớ flash.

In bản fax đã lưu khi tính năng nhận riêng đã bật


Để in các bản fax đã lưu, bạn phải nhập mã PIN nhận-riêng. Sau khi sản phẩm đã in các bản fax đã lưu, các bản fax này sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ.

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập fax**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng bàn phím để nhập PIN bảo mật sản phẩm, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập Nhận Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Private receive (Nhận riêng)**, sau đó bấm nút **OK**.
6. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Print faxes (In các bản fax)**, sau đó bấm nút **OK**.

In lại bản fax

Nếu bạn muốn in lại một bản fax do hộp mực in đã cạn hoặc nếu bản fax đã in trên loại giấy không đúng, bạn có thể in lại chúng. Lượng bộ nhớ khả dụng sẽ quyết định số trang fax thực sự được lưu trữ để in lại. Bản fax mới nhất sẽ được in đầu tiên; bản fax cũ nhất trong bộ nhớ lưu trữ sẽ được in sau cùng.

Các bản fax này được lưu liên tiếp nhau. Việc in lại chúng sẽ không làm máy xóa chúng khỏi bộ nhớ.


1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Fax functions (Các chức năng fax)**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Reprint last (In lại các bản mới nhất)**, sau đó bấm nút **OK**. Sản phẩm sẽ bắt đầu in lại bản fax mới được in ra.


 **GHI CHÚ:** Để dừng tác vụ in tại bất kỳ thời điểm nào, bấm nút Cancel (Hủy) .

 **THẬN TRỌNG:** Nếu cài đặt **In lại các bản fax** được đặt thành **Tắt** thì các bản fax cũ hoặc in sai sẽ không được in lại.

Nhận fax khi bạn nghe kiểu chuông fax trên đường dây điện thoại

Nếu bạn dùng một đường dây điện thoại để nhận cả fax và cuộc gọi thoại, và nghe kiểu chuông fax khi bạn trả lời điện thoại, bạn có thể bắt đầu quá trình nhận fax bằng một trong hai cách sau:

- Nếu bạn ở gần sản phẩm, hãy bấm nút Send Fax (Gửi fax)  trên bảng điều khiển.
- Nếu không, hãy bấm chuỗi phím 1-2-3 trên bàn phím điện thoại, lắng nghe âm truyền tín hiệu fax, và sau đó hãy gác máy.

 **GHI CHÚ:** Để dùng cách thứ hai để nhận, cài đặt **Điện thoại Nhánh** phải được đặt thành **Có**.

Nhận fax vào máy tính

 **GHI CHÚ:** Máy Macintosh không hỗ trợ nhận fax qua máy tính.


Máy tính chỉ có khả năng nhận fax nếu bạn đã cài đặt đầy đủ bộ phần mềm trong quá trình cài đặt sản phẩm lúc đầu.

Để có thể nhận fax đến máy tính của bạn, bạn hãy bật thông số cài đặt nhận-vào-máy-tính trong phần mềm.

1. Mở HP Toolbox.
2. Chọn sản phẩm.
3. Nhấp vào **Fax**.
4. Nhấp vào **Fax Tasks**(Tác vụ Fax).
5. Trong **Fax Receive Mode** (Chế độ Nhận Fax), chọn **Receive faxes to this computer** (Nhận fax gửi đến máy tính này).

Tắt thông số cài đặt nhận-vào-máy-tính từ bảng điều khiển

Bạn chỉ có thể kích hoạt thông số cài đặt nhận-vào-máy-tính từ máy tính này. Nếu vì lý do nào đó mà máy tính này không thể sử dụng được nữa, bạn có thể dùng quy trình sau đây để tắt thông số cài đặt nhận-vào-máy-tính từ bảng điều khiển.

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Fax functions (Các chức năng fax)**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Stop Recv to PC (Dừng Nhận đến PC)**, sau đó bấm nút **OK**.

Xem bản fax mới khi ở chế độ nhận vào máy tính


1. Mở HP Toolbox.
2. Chọn sản phẩm.
3. Nhấp vào **Fax**.
4. Nhấp vào **Fax Receive Log** (Nhật ký Nhận Fax).
5. Trên cột **Fax Image** (Hình ảnh Fax), nhấp vào liên kết "view" ("xem") của bản fax mà bạn muốn xem.

Giải quyết sự cố khi fax

Danh sách kiểm tra xử lý sự cố fax

Mẹo để xử lý sự cố fax:

- In bản đồ menu từ menu **Reports (Báo cáo)** để hiển thị các menu của bảng điều khiển và các cài đặt sẵn có.
 - Thử gửi và nhận fax sau khi thực hiện từng giải pháp.
 - Ngắt kết nối tất cả các thiết bị trừ sản phẩm. Kiểm tra xem dây điện thoại từ sản phẩm có được cắm trực tiếp vào đầu cắm điện thoại trên tường hay không.
1. Kiểm tra xem chương trình cơ sở của sản phẩm có là hiện hành hay không:
 - a. In trang cấu hình từ menu **Reports (Báo cáo)**.
 - b. Đi đến www.hp.com/support/ljm1210series, và chọn hệ điều hành mà bạn đang sử dụng.
 - c. Cuộn tới bảng chương trình cơ sở, sau đó so sánh phiên bản hiện hành được liệt kê với phiên bản được liệt kê trong trang cấu hình. Nếu hai phiên bản này khác nhau, hãy tải xuống chương trình cơ sở mới nhất.
 - d. In một trang cấu hình mới để kiểm tra xem chương trình cơ sở có phải là hiện hành không.
 2. Kiểm tra xem dây điện thoại có được cắm vào đúng cổng hay không.
 3. Kiểm tra xem fax đã được cài đặt chưa. Sử dụng bảng điều khiển hoặc HP Fax Setup Wizard (Trình Hướng dẫn Cài đặt Fax HP) để cấu hình thời gian fax, ngày fax và tiêu đề fax.
 4. Kiểm tra đường dây điện thoại.
 - a. Tháo dây điện thoại khỏi sản phẩm.
 - b. Cắm dây điện thoại vào điện thoại và kiểm tra xem có âm quay số không.
 - c. Cắm lại dây điện thoại vào đúng cổng trên sản phẩm.
 5. Nếu sử dụng dịch vụ DSL, hãy kiểm tra cài đặt và các tính năng. Bạn phải dùng modem DSL với bộ lọc tốc-độ-cao. Nhà cung cấp dịch vụ thường sẽ cung cấp bộ lọc tốc-độ-thấp, dùng cho loại cáp điện thoại thông thường.
 6. Nếu sử dụng dịch vụ VoIP, hãy kiểm tra cài đặt và các tính năng. Dịch vụ VoIP có thể không hỗ trợ fax qua IP. Nếu fax qua IP được hỗ trợ, hãy thay đổi cài đặt **Tốc độ Fax** thành **Chậm(V.29)**.
 7. Nếu bạn không thể gửi hoặc nhận fax, hãy thực hiện các bước sau:
 - a. Thay đổi cài đặt sửa lỗi.


 **GHI CHÚ:** Việc thay đổi các cài đặt này có thể làm giảm chất lượng hình ảnh.
 - b. Thay đổi cài đặt **Tốc độ Fax** thành **Vừa(V.17)** hoặc **Chậm(V.29)**.





Thông báo lỗi fax


Các thông báo cảnh báo và cảnh giác có thể tạm thời xuất hiện và yêu cầu bạn xác nhận thông báo này bằng cách bấm nút **OK** để tiếp tục hoặc bấm nút **Cancel (Hủy)** để hủy tác vụ này. Đối với một



số loại cảnh báo, tác vụ có thể sẽ không thể hoàn tất hoặc chất lượng bản in sẽ bị ảnh hưởng. Nếu thông báo cảnh báo hoặc cảnh giác có liên quan đến việc in ấn và bạn đã bật tính năng tự-động-tiếp-tục, sản phẩm sẽ thử tiếp tục tác vụ in sau khi thông báo cảnh báo xuất hiện khoảng 10 giây mà không được xác nhận đã xem.


Thông báo cảnh báo và cảnh giác

| Thông báo trên panen điều khiển | Mô tả | Hành động được đề xuất |
|--|---|--|
| <p>Bộ nhớ fax đầy</p> <p>Đang hủy tác vụ gửi</p> | <p>Trong khi thực hiện tác vụ fax, bộ nhớ đã bị đầy. Tất cả các trang của bản fax phải được lưu vào bộ nhớ để tác vụ fax có thể tiến hành bình thường. Chỉ những trang nào vừa đủ bộ nhớ mới được gửi đi.</p> | <p>In tất cả các bản fax đã nhận hoặc đợi đến khi các bản fax đang chờ được gửi đi.</p> <p>Nhờ người gửi gửi lại bản fax.</p> <p>Hủy tất cả các tác vụ fax hoặc xóa các bản fax trong bộ nhớ.</p> |
| <p>Bộ nhớ fax đầy</p> <p>Đã hủy tác vụ nhận</p> | <p>Trong quá trình truyền tín hiệu fax, sản phẩm đã cạn bộ nhớ. Chỉ những trang nào vừa đủ bộ nhớ mới được in ra.</p> | <p>In tất cả các bản fax, và sau đó nhờ người gửi gửi lại bản fax đó. Bạn hãy nhờ người gửi chia tác vụ fax ra làm nhiều tác vụ nhỏ trước khi gửi. Hủy tất cả các tác vụ fax hoặc xóa các bản fax trong bộ nhớ.</p> |
| <p>Fax đang bận</p> <p>Đã hủy tác vụ gửi</p> | <p>Đường dây fax mà bạn đang gửi bản fax đi hiện đang bận. Sản phẩm đã hủy tác vụ gửi fax đi.</p> | <p>Gọi người nhận để đảm bảo rằng máy fax của họ đang bật và sẵn sàng nhận fax.</p> <p>Kiểm tra xem bạn đang quay đúng số fax hay không.</p> <p>Kiểm tra xem tùy chọn Redial if busy (Quay số lại khi bận) có được bật hay không.</p> <p>Kiểm tra âm quay số trên đường dây điện thoại bằng cách bấm nút Send Fax (Gửi fax) .</p> <p>Kiểm tra để đảm bảo rằng điện thoại đang hoạt động bình thường bằng cách ngắt kết nối sản phẩm, lắp đường dây điện thoại vào điện thoại, và thử gọi điện thoại bằng máy đó.</p> <p>Cắm đường dây điện thoại của sản phẩm vào khe cắm đường dây điện thoại khác, và sau đó thử gửi fax lại lần nữa.</p> <p>Thử dùng dây điện thoại khác.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1210series hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p> |

| Thông báo trên panen điều khiển | Mô tả | Hành động được đề xuất |
|--|--|---|
| <p>Fax đang bận</p> <p>Redial pending (Đang chờ quay số lại)</p> | <p>Đường dây fax mà bạn đang gửi bản fax đi hiện đang bận. Sản phẩm sẽ tự động quay lại số điện thoại bận.</p> | <p>Cho phép sản phẩm thử gửi lại bản fax.</p> <p>Gọi người nhận để đảm bảo rằng máy fax của họ đang bật và sẵn sàng nhận fax.</p> <p>Kiểm tra xem bạn đang quay đúng số fax hay không.</p> <p>Kiểm tra âm quay số trên đường dây điện thoại bằng cách bấm nút Send Fax (Gửi fax) .</p> <p>Kiểm tra để đảm bảo rằng điện thoại đang hoạt động bình thường bằng cách ngắt kết nối sản phẩm, lắp đường dây điện thoại vào điện thoại, và thử gọi điện thoại bằng máy đó.</p> <p>Cắm đường dây điện thoại của sản phẩm vào khe cắm đường dây điện thoại khác, và thử gửi fax lại lần nữa.</p> <p>Thử dùng dây điện thoại khác.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1210series hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p> |
| <p>Fax bị trễ</p> <p>Send memory full (Bộ nhớ fax đầy)</p> | <p>Bộ nhớ fax đã bị đầy.</p> | <p>Hủy bản fax bằng cách bấm nút Cancel (Hủy) . Gửi lại bản fax. Bạn sẽ cần gửi lại bản fax làm nhiều lần nếu lỗi này xuất hiện trở lại.</p> |
| <p>Không có âm quay số</p> | <p>Sản phẩm không thể xác định âm quay số.</p> | <p>Kiểm tra âm quay số trên đường dây điện thoại bằng cách bấm nút Send Fax (Gửi fax) .</p> <p>Tháo đường dây điện thoại khỏi sản phẩm lần ổ cắm trên tường và cắm dây trở lại.</p> <p>Hãy đảm bảo rằng bạn đang sử dụng đường dây điện thoại bán kèm theo sản phẩm.</p> <p>Tháo dây điện thoại của sản phẩm khỏi ổ cắm trên tường, cắm vào một máy điện thoại, và gọi điện bằng máy đó.</p> <p>Đảm bảo rằng dây điện thoại từ đầu cắm điện thoại trên tường đã được cắm vào cổng .</p> <p>Cắm dây điện thoại của sản phẩm vào khe cắm của đường dây điện thoại khác.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1210series hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p> |
| <p>Không có tài liệu được gửi</p> | <p>Sản phẩm chưa quét trang tài liệu nào, hoặc máy chưa nhận trang nào từ máy tính để truyền fax đi.</p> | <p>Thử gửi lại bản fax lần nữa.</p> |

| Thông báo trên panen điều khiển | Mô tả | Hành động được đề xuất |
|----------------------------------|--|---|
| Không dò được máy fax nào | Sản phẩm đã trả lời cuộc gọi đến nhưng không xác định được máy fax nào đang gọi. | <p>Cho phép sản phẩm thử nhận lại bản fax.</p> <p>Thử dùng dây điện thoại khác.</p> <p>Cắm dây điện thoại của sản phẩm vào khe cắm của đường dây điện thoại khác.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1210series hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p> |
| Lỗi nhận fax | Lỗi xuất hiện khi đang thử nhận fax. | <p>Nhờ người gửi gửi lại bản fax.</p> <p>Thử gửi fax ngược lại cho người gửi hoặc gửi đến máy fax khác.</p> <p>Kiểm tra âm quay số trên đường dây điện thoại bằng cách bấm nút Send Fax (Gửi fax) .</p> <p>Kiểm tra xem đường dây điện thoại có được gắn an toàn hay không bằng cách tháo dây ra và lắp vào trở lại.</p> <p>Hãy đảm bảo rằng bạn đang sử dụng đường dây điện thoại bán kèm theo sản phẩm.</p> <p>Kiểm tra để đảm bảo rằng điện thoại đang hoạt động bình thường bằng cách ngắt kết nối sản phẩm, lắp đường dây điện thoại vào điện thoại, và thử gọi điện thoại bằng máy đó.</p> <p>Giảm tốc độ fax. Nhờ người gửi gửi lại bản fax.</p> <p>Tắt chế độ sửa-lỗi. Nhờ người gửi gửi lại bản fax.</p> <p>Kết nối sản phẩm với đường dây điện thoại khác.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1210series hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p> |
| Lỗi truyền tín hiệu | Lỗi truyền tín hiệu fax xuất hiện giữa sản phẩm và người gửi hoặc người nhận. | <p>Cho phép sản phẩm thử gửi lại bản fax.</p> <p>Tháo dây điện thoại của sản phẩm khỏi ổ cắm trên tường, cắm vào một máy điện thoại, và gọi điện bằng máy đó. Cắm dây điện thoại của sản phẩm vào khe cắm của đường dây điện thoại khác.</p> <p>Thử dùng dây điện thoại khác.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1210series hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p> |

| Thông báo trên panen điều khiển | Mô tả | Hành động được đề xuất |
|--|--|--|
| Lỗi Gửi Fax | Lỗi xuất hiện khi đang thử gửi fax. | <p>Thử gửi lại bản fax.</p> <p>Thử gửi fax đến số máy fax khác.</p> <p>Kiểm tra âm quay số trên đường dây điện thoại bằng cách bấm nút Send Fax (Gửi fax) .</p> <p>Kiểm tra xem đường dây điện thoại có được gắn an toàn hay không bằng cách tháo dây ra và lắp vào trở lại.</p> <p>Hãy đảm bảo rằng bạn đang sử dụng đường dây điện thoại bán kèm theo sản phẩm.</p> <p>Kiểm tra để đảm bảo rằng điện thoại đang hoạt động bình thường bằng cách ngắt kết nối sản phẩm, lắp đường dây điện thoại vào điện thoại, và thử gọi điện thoại bằng máy đó.</p> <p>Kết nối sản phẩm với đường dây điện thoại khác.</p> <p>Chỉnh độ phân giải fax sang Chuẩn thay vì giá trị mặc định là Mịn.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1210series hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p> |
| <p>Máy fax không trả lời.</p> <p>Đã hủy tác vụ gửi</p> | <p>Máy đã thử quay lại số fax nhưng không được hoặc bạn đã tắt tùy chọn Redial-no answer (Quay số lại khi không trả lời).</p> | <p>Gọi người nhận để đảm bảo rằng máy fax của họ đang bật và sẵn sàng nhận fax.</p> <p>Kiểm tra xem bạn đang quay đúng số fax hay không.</p> <p>Kiểm tra xem tùy chọn quay số lại có được bật hay không.</p> <p>Tháo đường dây điện thoại khỏi sản phẩm lần ổ cắm trên tường và cắm dây trở lại.</p> <p>Tháo dây điện thoại của sản phẩm khỏi ổ cắm trên tường, cắm vào một máy điện thoại, và gọi điện bằng máy đó.</p> <p>Đảm bảo rằng dây điện thoại từ đầu cắm điện thoại trên tường đã được cắm vào cổng .</p> <p>Cắm dây điện thoại của sản phẩm vào khe cắm của đường dây điện thoại khác.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1210series hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p> |

| Thông báo trên panen điều khiển | Mô tả | Hành động được đề xuất |
|--|--|--|
| <p>Máy fax không trả lời.</p> <p>Redial pending (Đang chờ quay số lại)</p> | <p>Đường dây nhận fax không có tín hiệu trả lời. Sản phẩm sẽ thử quay số lại sau một vài phút.</p> | <p>Cho phép sản phẩm thử gửi lại bản fax.</p> <p>Gọi người nhận để đảm bảo rằng máy fax của họ đang bật và sẵn sàng nhận fax.</p> <p>Kiểm tra xem bạn đang quay đúng số fax hay không.</p> <p>Nếu sản phẩm tiếp tục quay số lại, hãy tháo dây điện thoại của sản phẩm khỏi ổ cắm trên tường, cắm vào một máy điện thoại, và gọi điện bằng máy đó.</p> <p>Đảm bảo rằng dây điện thoại từ đầu cắm điện thoại trên tường đã được cắm vào cổng .</p> <p>Cắm dây điện thoại của sản phẩm vào khe cắm của đường dây điện thoại khác.</p> <p>Thử dùng dây điện thoại khác.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1210series hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p> |
| Mục không hợp lệ | Câu trả lời hoặc dữ liệu không hợp lệ. | Sửa lại mục nhập này. |


Các báo cáo và nhật ký fax

Dùng những hướng dẫn sau đây để in các báo cáo và nhật ký fax:

In tất cả các báo cáo fax

Dùng quy trình này để in tất cả các báo cáo sau đây cùng lúc:


- **Nhật ký Hoạt động Fax**
- **Phone Book Report (Báo cáo Danh bạ)**
- **Config report (Báo cáo cấu hình)**
- **Danh sách Chặn Fax**


1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .



2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Reports (Báo cáo)**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Báo cáo Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn **Tất cả các báo cáo fax**, sau đó bấm nút **OK**. Sản phẩm sẽ thoát khỏi cài đặt menu và in các báo cáo.


In các báo cáo fax riêng

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Reports (Báo cáo)**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Báo cáo Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn báo cáo bạn sẽ in, sau đó bấm nút **OK**. Sản phẩm sẽ thoát khỏi cài đặt menu và in bản báo cáo.

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn đã chọn báo cáo **Nhật ký Hoạt động Fax** và bấm nút **OK**, hãy bấm lại nút **OK** để chọn tùy chọn **Print log now (In nhật ký ngay bây giờ)**. Sản phẩm sẽ thoát khỏi cài đặt menu và in nhật ký.

Chỉnh máy để tự động in nhật ký hoạt động fax


Bạn có thể quyết định có muốn in nhật ký fax một cách tự động sau khi máy lưu được 40 mục hay không. Thông số cài đặt mặc định gốc là **Bật**. Dùng các bước sau đây để chỉnh máy tự động in nhật ký hoạt động fax:


1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Reports (Báo cáo)**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Báo cáo Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Nhật ký Hoạt động Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **In Nhật ký Tự động**, sau đó bấm nút **OK**.
6. Sử dụng các nút mũi tên để chọn tùy chọn **Bật**, sau đó bấm nút **OK** để xác nhận lựa chọn đó.

Chỉnh máy in báo cáo lỗi fax

Báo cáo lỗi fax là báo cáo ngắn gọn cho biết sản phẩm đã gặp lỗi tác vụ fax. Chúng có thể được chỉnh để in sau khi xảy ra các sự cố sau:

- Mỗi loại lỗi fax (cài đặt mặc định gốc)
- Lỗi gửi fax
- Lỗi nhận fax
- Không bao giờ

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn chọn **Không bao giờ**, bạn sẽ không nhận được thông báo không gửi được fax, trừ khi bạn in nhật ký hoạt động fax.


1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Reports (Báo cáo)**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Báo cáo Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Báo cáo Lỗi Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Dùng các nút mũi tên để chọn tùy chọn khi nào bạn muốn in các báo cáo lỗi fax.
6. Bấm nút **OK** để lưu lựa chọn

Chỉnh máy in báo cáo xác nhận fax

Báo cáo xác nhận là loại báo cáo ngắn gọn cho biết sản phẩm đã được gửi hoặc nhận thành công. Chúng có thể được chỉnh để in sau khi xảy ra các sự cố sau:


- Mỗi tác vụ fax
- Gửi fax

- Nhận fax
- Không (cài đặt mặc định gốc)

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Reports (Báo cáo)**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Báo cáo Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Xác nhận Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Dùng các nút mũi tên để chọn tùy chọn khi nào bạn muốn in các báo cáo lỗi fax.
6. Bấm nút **OK** để lưu lựa chọn

Bao gồm trang đầu tiên của từng bản fax trong phần xác nhận fax, lỗi fax, và báo cáo cuộc gọi mới nhất

Nếu tùy chọn này đã được bật và ảnh trang này vẫn còn trong bộ nhớ sản phẩm, cấu hình fax, lỗi fax, và báo cáo cuộc gọi mới nhất sẽ được bao gồm trong ảnh thu nhỏ (giảm 50%) của trang đầu tiên của bản fax mới nhất vừa nhận được hoặc gửi đi. Thông số cài đặt mặc định gốc cho tùy chọn này là **Bật**.


1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Reports (Báo cáo)**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Báo cáo Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Bao gồm trang đầu tiên**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn tùy chọn **Bật**, sau đó bấm nút **OK** để xác nhận lựa chọn đó.

Đổi tính năng sửa lỗi và tốc độ fax

Chỉnh chế độ sửa-lỗi-fax

Thông thường, sản phẩm sẽ theo dõi các tín hiệu của đường dây điện thoại trong khi gửi hoặc nhận fax. Nếu sản phẩm phát hiện lỗi trong khi truyền tín hiệu và thông số sửa-lỗi là **Bật**, sản phẩm sẽ yêu cầu gửi lại một phần của bản fax đó. Thông số cài đặt mặc định gốc cho thông số sửa lỗi là **Bật**.


Bạn chỉ nên tắt tính năng sửa lỗi nếu bạn đang gặp sự cố khi gửi hoặc nhận fax, và bạn sẵn sàng chấp nhận lỗi trong khi truyền tín hiệu. Việc tắt thông số này có thể sẽ hữu ích nếu bạn đang thử fax ra nước ngoài hoặc nhận fax từ nước ngoài, hoặc nếu bạn đang kết nối với hệ thống điện thoại vệ tinh.

1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập fax**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Tất cả các bản fax**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Sửa lỗi**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn tùy chọn **Bật** hoặc **Tắt**, sau đó bấm nút **OK** để lưu lại lựa chọn.

Giảm tốc độ fax


Thông số tốc-độ-fax chính là giao thức của modem mà sản phẩm dùng để gửi fax. Đó chính là tiêu chuẩn toàn cầu cho các modem hai-đường-truyền dùng để gửi và nhận dữ liệu qua đường dây điện thoại với tốc độ đạt 33.600 bit mỗi giây (bps). Cài đặt mặc định gốc cho cài đặt tốc độ fax là **Nhanh(V.34)**. Tại một số quốc gia/khu vực, cài đặt mặc định gốc có thể khác nhau để tối ưu hóa việc truyền tải.

Bạn chỉ nên thay đổi thông số này nếu bạn đang gặp sự cố khi gửi fax hoặc nhận fax qua thiết bị cụ thể nào đó. Việc giảm tốc độ fax có thể sẽ hữu ích nếu bạn đang thử fax ra nước ngoài, hoặc nhận fax từ nước ngoài, hoặc nếu bạn đang kết nối với hệ thống điện thoại vệ tinh.


1. Trên bảng điều khiển, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Thiết lập fax**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Tất cả các bản fax**, sau đó bấm nút **OK**.
4. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Tốc độ Fax**, sau đó bấm nút **OK**.
5. Sử dụng các nút mũi tên để chọn một cài đặt tốc độ, sau đó bấm nút **OK**.

Các sự cố khi gửi fax


Tài liệu sẽ dừng nạp tín hiệu trong quá trình fax.

| Nguyên nhân | Giải pháp |
|--|---|
| Độ dài tối đa của trang mà bạn có thể nạp là 355 mm. Máy sẽ dừng fax trang dài tại giá trị đo này. | In tài liệu trên giấy loại ngắn hơn. Nếu máy không bị kẹt giấy và bạn đã đợi hơn một phút, hãy đợi thêm một chút trước khi bấm nút Cancel (Hủy)  . Nếu máy bị kẹt giấy, hãy lấy miếng giấy bị kẹt ra. Sau đó, hãy thực hiện lại tác vụ này. |
| Tài liệu này quá nhỏ, tài liệu có thể bị kẹt trong khay nạp tài liệu. | Khổ giấy nhỏ nhất cho khay nạp tài liệu là 148 x 105 mm. Nếu máy bị kẹt giấy, hãy lấy miếng giấy bị kẹt ra. Sau đó, hãy thực hiện lại tác vụ này. |


Fax bị dừng trong khi đang gửi.

| Nguyên nhân | Giải pháp |
|---|---|
| Máy nhận fax có thể có chức năng bị hỏng. | Thử gửi đến máy fax khác. |
| Đường dây điện thoại có thể không hoạt động. | Thực hiện một trong các bước sau: <ul style="list-style-type: none">• Tăng âm lượng trên sản phẩm, sau đó bấm nút Send Fax (Gửi fax)  trên bảng điều khiển. Nếu bạn nghe âm gọi điện, đường dây điện thoại hiện vẫn hoạt động.• Ngắt sản phẩm khỏi khe cắm trên tường, và sau đó kết nối điện thoại vào khe cắm đó. Thử gọi điện để xác minh xem đường dây điện thoại có hoạt động hay không. |
| Lỗi truyền tín hiệu có thể làm ngắt tác vụ fax. | Thay đổi thông số gọi-lại-do-lỗi-truyền-thông sang Bật . |

Sản phẩm nhận fax nhưng không gửi đi được.

| Nguyên nhân | Giải pháp |
|---|---|
| Nếu sản phẩm đang kết nối vào hệ thống kỹ thuật số, hệ thống này có thể tạo ra âm quay số mà sản phẩm không thể nhận dạng được. | Tắt thông số dò-tìm-âm-quay-số. Nếu máy vẫn còn báo lỗi, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hệ thống. |
| Máy gặp tình trạng kết nối điện thoại kém. | Thử lại sau. |
| Máy nhận fax có thể có chức năng bị hỏng. | Thử gửi đến máy fax khác. |
| Đường dây điện thoại có thể không hoạt động. | Thực hiện một trong các bước sau: <ul style="list-style-type: none">Tăng âm lượng trên sản phẩm và bấm nút Send Fax (Gửi fax)  trên bảng điều khiển. Nếu bạn nghe âm gọi điện, thì đường dây điện thoại vẫn hoạt động.Ngắt kết nối sản phẩm khỏi khe cắm điện thoại và nối vào điện thoại. Thử gọi điện để xác minh xem đường dây điện thoại có hoạt động hay không. |

Các cuộc gọi fax đi vẫn tiếp tục được quay.

| Nguyên nhân | Giải pháp |
|--|---|
| Sản phẩm tự động quay lại số fax nếu bạn đã chỉnh tùy chọn quay số lại sang Bật . | Để làm sản phẩm ngừng quay lại số fax, bấm nút Cancel (Hủy)  . Hoặc thay đổi thông số quay số lại. |

Các bản fax gửi đi không đến được máy nhận fax.

| Nguyên nhân | Giải pháp |
|---|--|
| Máy nhận fax có thể đang tắt hoặc ở trong tình trạng lỗi, ví dụ như đang bị hết giấy. | Bạn hãy gọi cho người nhận để xác minh xem máy fax có bật và sẵn sàng để nhận fax hay không. |
| Các tài liệu gốc có thể đã được nạp không đúng cách. | Kiểm tra xem các tài liệu gốc có được nạp đúng cách vào khay nạp tài liệu không. |
| Bộ nhớ có thể hiện đang lưu bản fax vì máy đang đợi để quay lại số đang bận, các tác vụ khác đang chờ được gửi đi, hoặc bản fax đã được cài để tạm hoãn gửi đi. | Nếu tác vụ fax vẫn còn trong bộ nhớ vì lý do nào đó, một mục tác vụ sẽ xuất hiện trên nhật ký fax. In nhật ký hoạt động fax và kiểm tra trong cột Status (Trạng thái) để xem có tác vụ nào được gán là Pending (Đang chờ) hay không. |


Bảng điều khiển hiện thông báo lỗi hết-bộ-nhớ.

| Nguyên nhân | Giải pháp |
|--|---|
| Bản fax có thể quá lớn, hoặc độ phân giải quá cao. | Thử một trong các cách sau: <ul style="list-style-type: none">• Chia bản fax ra làm nhiều phần nhỏ, và sau đó fax chúng đi từng phần.• Xóa các bản fax đã lưu để giải phóng bớt bộ nhớ dùng cho các bản fax gửi đi.• Chỉnh cấu hình fax gửi đi thành fax tạm hoãn, và sau đó xác minh lại xem chúng có được gửi đi không.• Đảm bảo rằng sản phẩm đang sử dụng cài đặt độ phân giải thấp nhất (Chuẩn). |

Fax đang được truyền rất chậm.

| Nguyên nhân | Giải pháp |
|--|---|
| Bản fax có thể rất phức tạp, ví dụ như chứa nhiều hình ảnh. | Các bản fax phức tạp sẽ khiến mất nhiều thời gian để gửi hoặc nhận. Việc chia nhỏ các bản fax dài ra nhiều tác vụ nhỏ và giảm độ phân giải có thể làm tăng tốc độ truyền tín hiệu. |
| Máy nhận fax có thể đang cài tốc độ modem chậm. | Sản phẩm chỉ gửi fax với tốc độ modem nhanh nhất mà máy nhận fax có thể chấp nhận được. |
| Bản fax được gửi đi hoặc nhận được có thể có độ phân giải quá cao. | Để gửi fax, hãy hạ thấp độ phân giải và gửi lại bản fax đó. |
| Đường dây điện thoại có thể đang bị nhiễu. | Gác máy và gửi lại bản fax. Nhờ công ty điện thoại kiểm tra đường dây điện thoại. Nếu bản fax được gửi qua đường dây điện thoại kỹ thuật số, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ. |
| Bản fax đang được gửi qua cuộc gọi quốc tế. | Cho phép dành nhiều thời gian để thực hiện tác vụ fax đi quốc tế. |
| Tài liệu gốc có trang nền màu. | In lại tài liệu gốc trên nền giấy trắng, và sau đó fax lại trang đó. |


Các sự cố khi nhận fax

 **GHI CHÚ:** Dùng dây fax bán kèm theo sản phẩm để đảm bảo rằng sản phẩm hoạt động bình thường.

Sản phẩm sẽ không thể nhận fax từ điện thoại nhánh.

| Nguyên nhân | Giải pháp |
|--|--|
| Bạn phải tắt tính năng điện-thoại-nhánh. | Thay đổi thông số điện-thoại-nhánh. |
| Dây fax có thể được nối một cách không an toàn. | Xác minh xem dây fax có nối giữa khe cắm điện thoại và sản phẩm (hoặc thiết bị khác được nối vào sản phẩm) hay không. Bấm chuỗi số 1-2-3, đợi khoảng ba giây, và sau đó hãy gác máy. |
| Chế độ quay số của sản phẩm có thể bị chỉnh không đúng, hoặc điện thoại nhánh có thể được chỉnh chưa đúng. | Kiểm tra xem chế độ quay số của sản phẩm có được đặt thành Âm không. Đồng thời kiểm tra để xác minh xem điện thoại nhánh có được cài chế độ quay số qua âm thanh hay không. |

Sản phẩm không trả lời các cuộc gọi fax gọi đến.

| Nguyên nhân | Giải pháp |
|---|---|
| Chế độ trả lời có thể đã được chỉnh sang Manual (Thủ công) . | Nếu chế độ trả lời được cài sang Manual (Thủ công) , sản phẩm sẽ không trả lời các cuộc gọi. Bắt đầu quá trình nhận-fax theo cách thủ công. |
| Thông số đồ-chuông-trả-lời chưa được chỉnh đúng. | Kiểm tra thông số đồ-chuông-trả-lời để xác minh xem chúng có được chỉnh đúng. |
| Tính năng kiểu chuông-trả-lời có thể đã bật, nhưng bạn không có dùng dịch vụ này, hoặc bạn đã cài dịch vụ và tính năng không chính xác. | Kiểm tra tính năng kiểu chuông-trả-lời để xác minh xem chúng có được chỉnh đúng. |
| Đường dây fax có thể được kết nối không đúng cách, hoặc đường dây fax không hoạt động. | Xem phần hướng dẫn bắt đầu sử dụng để kiểm tra quá trình cài đặt. Xác minh rằng bạn đang sử dụng đường dây fax bán kèm theo sản phẩm. |
| Sản phẩm sẽ không thể dò được âm fax gửi đến vì máy trả lời đang phát thông điệp bằng lời nói. | Ghi lại thông báo của máy trả lời, để máy im lặng trong ít nhất hai giây vào khi bắt đầu thông điệp. |
| Đường dây điện thoại có thể hiện kết nối với quá nhiều thiết bị. | Không được kết nối nhiều hơn ba thiết bị vào đường dây. Tháo thiết bị cuối cùng được kết nối và xem thử xem sản phẩm có hoạt động hay không. Nếu không, tiếp tục tháo lần lượt từng thiết bị và thử lại sau khi tháo từng cái. |
| Đường dây điện thoại có thể không hoạt động. | Thực hiện một trong các bước sau: <ul style="list-style-type: none">Tăng âm lượng trên sản phẩm, sau đó bấm nút Send Fax (Gửi fax)  trên bảng điều khiển. Nếu bạn nghe âm gọi điện, thì đường dây điện thoại vẫn hoạt động.Ngắt kết nối sản phẩm khỏi khe cắm điện thoại, và sau đó nối vào điện thoại. Thử gọi điện để xác minh xem đường dây điện thoại có hoạt động hay không. |

Sản phẩm không trả lời các cuộc gọi fax gọi đến.

| Nguyên nhân | Giải pháp |
|---|---|
| Dịch vụ thông-báo-lời-thoại có thể ảnh hưởng đến sản phẩm khi máy thử trả lời các cuộc gọi. | Thực hiện một trong các bước sau: <ul style="list-style-type: none">• Tắt dịch vụ thông báo.• Dùng đường dây điện thoại chuyên dùng cho các cuộc gọi fax.• Chỉnh chế độ trả lời của sản phẩm sang Manual (Thủ công). Trong chế độ thủ công, bạn phải tự mình bắt đầu tiến hành quy trình nhận-fax.• Bạn để cho sản phẩm chỉnh sang chế độ tự động và giảm số lần đổ-chuông-trả-lời của sản phẩm xuống mức nhỏ hơn số lần đổ-chuông-trả-lời dành cho hộp thư thoại. Sản phẩm sẽ trả lời tất cả các cuộc gọi đến. |
| Sản phẩm có thể bị hết giấy và bộ nhớ bị đầy. | Nạp thêm giấy vào khay nạp giấy. Bấm nút OK . Sản phẩm sẽ in tất cả các bản fax lưu trữ trong bộ nhớ và sau đó sẽ tiếp tục trả lời các cuộc gọi fax. |

Máy không in các bản fax.

| Nguyên nhân | Giải pháp |
|--|---|
| Khay nạp giấy đã cạn. | Nạp giấy. Bất kỳ bản fax nào máy nhận trong khi khay nạp giấy đang cạn sẽ được lưu vào bộ nhớ và sẽ được in ra sau khi bạn đã nạp đầy khay. |
| Tùy chọn nhận nhận-vào-máy-tính có thể đã được chọn, và các bản fax sẽ được nhận qua máy tính. | Kiểm tra để xác định xem máy tính có nhận được fax hay không. |
| Sản phẩm đã gặp lỗi. | Kiểm tra bảng điều khiển để xem thông báo lỗi. |

Các bản fax được in trên hai trang thay vì một.

| Nguyên nhân | Giải pháp |
|--|--|
| Thông số tự động giảm chưa được chỉnh đúng. | Bật thông số tự động giảm. |
| Các bản fax gửi đến có thể được gửi đi dưới dạng giấy khổ lớn. | Hiệu chỉnh thông số tự động giảm để cho phép máy in trang khổ lớn trên cùng một trang. |

Các bản fax quá mờ, chứa giấy trắng, hoặc có chất lượng in kém.

| Nguyên nhân | Giải pháp |
|--|--|
| Sản phẩm có thể bị hết mực trong khi in fax. | Sản phẩm sẽ lưu lại các bản fax mới được in ra. (Lượng bộ nhớ khả dụng sẽ quyết định số trang fax thực sự được lưu trữ để in lại.) Bạn hãy thay hộp mực in ngay lập tức, và sau đó hãy in lại bản fax. |
| Bản fax được gửi đến quá mờ. | Hãy liên hệ với người gửi và nhờ người gửi gửi lại bản fax đó sau khi đã hiệu chỉnh thông số độ tương phản trên máy họ. |

Các bản fax nhận về quá chậm.

| Nguyên nhân | Giải pháp |
|--|---|
| Bản fax có thể rất phức tạp, ví dụ như chứa nhiều hình ảnh. | Các bản fax phức tạp sẽ mất nhiều thời gian hơn để nhận. Việc chia nhỏ các bản fax dài ra nhiều tác vụ nhỏ và giảm độ phân giải có thể làm tăng tốc độ truyền tín hiệu. |
| Bản fax được gửi đi hoặc nhận được có thể có độ phân giải quá cao. | Để nhận fax, hãy gọi điện và yêu cầu người gửi hạ thấp độ phân giải và gửi lại bản fax đó. |
| Bản fax đang được gửi qua cuộc gọi quốc tế. | Cho phép dành nhiều thời gian để thực hiện tác vụ fax đi quốc tế. |

Thông tin về quy định và bảo hành


Để biết thông tin về quy định và bảo hành, xem [Tuyên bố bổ sung về các sản phẩm telecom \(fax\) thuộc trang 269](#).




11 Quản lý và bảo trì sản phẩm





- [In trang thông tin](#)
- [Sử dụng phần mềm HP Toolbox](#)
- [Sử dụng Máy chủ Web HP Nhúng \(chỉ Dòng sản phẩm M1210\)](#)
- [Tính năng bảo mật sản phẩm](#)
- [Cài đặt tiết kiệm](#)
- [Quản lý nguồn cung cấp và phụ tùng](#)
- [Lau sản phẩm](#)
- [Cập nhật sản phẩm](#)



In trang thông tin

Trang thông tin nằm trong bộ nhớ sản phẩm. Những trang này sẽ giúp kiểm tra và giải quyết các sự cố của sản phẩm.

 **GHI CHÚ:** Dòng sản phẩm M1210: Nếu ngôn ngữ sản phẩm không được cài đúng cách trong quá trình cài đặt, bạn có thể cài ngôn ngữ theo cách thủ công để máy có thể in các trang thông tin dưới dạng một trong các ngôn ngữ được hỗ trợ. Thay đổi ngôn ngữ bằng cách sử dụng menu **System setup (Cài đặt hệ thống)** trên bảng điều khiển.

| Mô tả nội dung trang | Cách in trang |
|---|---|
| Trang cấu hình | Cả hai mẫu |
| Hiển thị các thuộc tính sản phẩm và thông số cài đặt hiện hành. | <ol style="list-style-type: none">Mở trình điều khiển máy in, rồi nhấp vào nút Các thuộc tính hoặc Tùy chọn.Nhấp vào tab Các dịch vụ và trong danh sách In các Trang Thông tin thả xuống, nhấp vào mục danh sách Trang Cấu hình.Nhấp vào nút In. |
| | Dòng sản phẩm M1130 |
| | Trên bảng điều khiển, bấm và giữ nút Cancel (Hủy)  cho tới khi đèn Ready (Sẵn sàng)  bắt đầu nhấp nháy, sau đó nhả nút. |
| | Dòng sản phẩm M1210 |
| | <ol style="list-style-type: none">Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm nút Setup (Cài đặt) .Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Reports (Báo cáo), sau đó bấm nút OK.Sử dụng các nút mũi tên để chọn Config report (Báo cáo cấu hình), sau đó bấm nút OK. |

| Mô tả nội dung trang | Cách in trang |
|---|--|
| <p>Trang trạng thái nguồn cung cấp</p> <p>Hiển thị trạng thái của hộp mực in, thông tin về số trang và các tác vụ được in với hộp mực in, cùng thông tin về việc đặt mua hộp mực in mới.</p> | <p>Cả hai mẫu</p> <ol style="list-style-type: none"> Mở trình điều khiển máy in, rồi nhấp vào nút Các thuộc tính hoặc Tuỳ chọn. Nhấp vào tab Services (Dịch vụ), sau đó, trong danh sách Print Information Pages (In Trang Thông tin) thả xuống, nhấp vào mục danh sách Supplies Status Page (Trang Trạng thái Mực in). Nhấp vào nút In. <p>Dòng sản phẩm M1130</p> <p>Trên bảng điều khiển, bấm và giữ nút Cancel (Hủy)  cho tới khi đèn Ready (Sẵn sàng)  bắt đầu nhấp nháy, sau đó nhả nút. Trang trạng thái mực in sẽ được in sau khi trang cấu hình được in.</p> <p>Dòng sản phẩm M1210</p> <ol style="list-style-type: none"> Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm nút Setup (Cài đặt) . Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Reports (Báo cáo), sau đó bấm nút OK. Sử dụng các nút mũi tên để chọn Supplies Status (Trình trạng Mực in), sau đó bấm nút OK. |
| <p>Trang thử nghiệm</p> <p>Chứa các hình ảnh và đoạn văn mẫu.</p> | <p>Cả hai mẫu</p> <ol style="list-style-type: none"> Mở trình điều khiển máy in, rồi nhấp vào nút Các thuộc tính hoặc Tuỳ chọn. Nhấp vào tab Services (Dịch vụ), sau đó, trong danh sách Print Information Pages (In Trang Thông tin) thả xuống, nhấp vào mục danh sách Demo Page (Trang Thử nghiệm). Nhấp vào nút In. <p>Dòng sản phẩm M1210</p> <ol style="list-style-type: none"> Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm nút Setup (Cài đặt) . Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Reports (Báo cáo), sau đó bấm nút OK. Sử dụng các nút mũi tên để chọn Demo page (Trang thử nghiệm), sau đó bấm nút OK. |

| Mô tả nội dung trang | Cách in trang |
|--|---|
| <p>Bản đồ menu (Chỉ Dòng sản phẩm M1210)</p> <p>Hiển thị các menu của bảng điều khiển cùng các thông số cài đặt hiện tại.</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm nút Setup (Cài đặt) . 2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Reports (Báo cáo), sau đó bấm nút OK. 3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn Cấu trúc menu, sau đó bấm nút OK. |
| <p>Báo cáo fax (Chỉ Dòng sản phẩm M1210)</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm nút Setup (Cài đặt) . 2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Reports (Báo cáo), sau đó bấm nút OK. 3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn Báo cáo Fax, sau đó bấm nút OK. |

Sử dụng phần mềm HP Toolbox


Cài đặt phần mềm đầy đủ để sử dụng HP Toolbox.

HP Toolbox là chương trình phần mềm bạn có thể sử dụng cho các tác vụ sau:

- Kiểm tra tình trạng của sản phẩm.
- Cấu hình cài đặt sản phẩm.
- Cấu hình các thông báo pop-up.
- Xem thông tin gỡ sự cố.
- Xem tài liệu trực tuyến.

Xem phần mềm HP Toolbox

Mở HP Toolbox theo một trong các cách sau:

| | |
|---------------------|---|
| Dòng sản phẩm M1130 | <ol style="list-style-type: none">1. Mở trình điều khiển máy in, rồi nhấp vào nút Các thuộc tính hoặc Tùy chọn.2. Nhấp vào tab Services (Dịch vụ). |
| Dòng sản phẩm M1210 | <ul style="list-style-type: none">• Trong khay hệ thống Windows, nhấp đúp vào biểu tượng sản phẩm .• Trong menu Start của Windows, nhấp vào Programs (hoặc All Programs trong Windows XP), nhấp vào HP, nhấp Dòng sản phẩm HP LaserJet Professional M1130/M1210 MFP, và sau đó nhấp HP Toolbox. |

Phần mềm HP Toolbox bao gồm các mục sau đây cho mỗi sản phẩm trong cửa sổ Devices (Thiết bị):

- **Tình trạng**
- **Fax** (Chỉ Dòng sản phẩm M1210)

Ngoài các mục này, mỗi trang còn có các thành phần thông thường sau:

- **Shop for Supplies** (Mua Nguồn Cung cấp).
- **Other links** (Các liên kết khác).

Tình trạng

Thư mục **Status** (Tình trạng) có các liên kết đến các trang chính sau:

- **Device Status** (Tình trạng Thiết bị). Xem thông tin về tình trạng của sản phẩm. Trang này cho biết các trạng thái của sản phẩm như là kẹt giấy hoặc hết giấy. Sau khi khắc phục một vấn đề của sản phẩm, nhấp vào **Refresh status** (Cập nhật tình trạng) để cập nhật tình trạng của sản phẩm.

Fax (Chỉ Dòng sản phẩm M1210)


Dùng tab **Fax** (Fax) của HP Toolbox để thực hiện các tác vụ fax từ máy tính của bạn. Tab **Fax** (Fax) có các liên kết đến các trang chính sau:

- **Các tác vụ Fax**. Thực hiện các tác vụ như gửi fax hoặc xóa bộ nhớ fax, hoặc cài chế độ nhận fax.
- **Danh Bạ Fax**. Thêm, sửa hoặc xóa các mục trong danh bạ sản phẩm tất cả trong một.
- **Nhật ký Gửi Fax**. Xem tất cả các bản fax vừa được gửi đi từ sản phẩm tất cả trong một.
- **Nhật ký Nhận Fax**. Xem tất cả các bản fax vừa nhận được bởi sản phẩm tất cả trong một.
- **Đặc tính Dữ liệu Fax**. Quản lý dung lượng lưu trữ dùng để lưu các bản fax trên máy tính. Các thông số cài đặt này chỉ áp dụng khi bạn đã chọn gửi hoặc nhận fax từ xa qua máy tính.

Các tác vụ fax

Máy sẽ có ba tùy chọn sau đây khi nhận fax:


- In bản fax. Bạn cũng sẽ chọn một tùy chọn cho phép hiển thị thông báo trên máy tính để báo cho bạn biết máy đã in bản fax.
- Nhận fax qua máy tính. Bạn cũng sẽ chọn một tùy chọn cho phép hiển thị thông báo trên máy tính để báo cho bạn biết khi bản fax đã đến. Nếu máy fax được kết nối với nhiều máy tính, bạn chỉ có thể chỉ định một máy tính nhận fax.
- Chuyển tiếp fax đến một máy fax khác.

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

Danh bạ fax

Sử dụng danh bạ fax HP Toolbox để thêm và xóa các mục hoặc nhập danh bạ từ nhiều nguồn khác nhau.


- Để thêm mục mới, nhấp vào **New** (Tạo mới). Gõ tên liên lạc vào cửa sổ **Contact name** (Tên liên lạc). Gõ số fax vào cửa sổ **Fax number** (Số fax). Nhấp **Add/Edit** (Thêm/Sửa).
- Để sửa một mục hiện có, nhấp vào bất kỳ đâu trên hàng chứa tên liên lạc để chọn mục đó, nhập những thay đổi trong các cửa sổ thích hợp, sau đó nhấp vào **Add/Edit** (Thêm/Sửa). Hãy kiểm tra chắc chắn rằng bạn không đánh dấu kiểm trong cột **Select** (Chọn).
- Để xóa một mục, chọn mục đó, sau đó nhấp vào **Delete** (Xóa).
- Để chuyển các mục, bạn có thể chọn mục đó và nhấp vào **Move** (Chuyển), hoặc bạn có thể chọn **Move** (Chuyển) và sau đó chỉ định mục cần chuyển trong hộp thoại. Chọn **Next empty row** (Hàng trống kế tiếp) hoặc xác định số hàng có mục mà bạn muốn chuyển.

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn chọn hàng đã có dữ liệu, mục số mới này sẽ ghi đè lên mục hiện có.

- Để nhập các số liên lạc từ trong danh bạ hiện có của Lotus Notes, Outlook, hoặc Outlook Express, nhấp **Import Phone Book** (Nhập Danh Bạ). Chọn chương trình phần mềm thích hợp, di chuyển đến tập tin tương ứng, và sau đó nhấp vào **OK**. Bạn cũng có thể chọn nhập các mục số riêng lẻ trong danh bạ thay vì nhập toàn bộ danh bạ.
- Để chọn tất cả các mục trong danh bạ của bạn, nhấp vào đầu đề cột **Select** (Chọn).

Ngoài các ký tự số, số fax cũng có thể dùng các ký tự hợp lệ sau:

- (
-)
- +
- -
- *
- #
- R
- W
- .
- ,
- <space>

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.


Nhật ký gửi fax

Nhật ký gửi fax của HP Toolbox sẽ liệt kê toàn bộ các bản fax vừa được gửi cùng các thông tin về chúng, bao gồm ngày giờ gửi, mã số tác vụ, số fax, số trang gửi, và kết quả tác vụ gửi.

Khi bạn gửi fax từ một máy tính được kết nối với sản phẩm, bản fax sẽ bao gồm liên kết **View** (Xem). Khi bạn nhấp vào liên kết này, máy sẽ mở trang mới cung cấp các thông tin về bản fax này.

Nhấp vào đầu đề cột bất kỳ trong Fax send log (Nhật ký gửi fax) để xếp lại các thông tin trong cột đó theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần.

Cột Results (Kết quả) cho biết tình trạng của bản fax. Nếu máy đã gửi fax đi nhưng không được, cột này sẽ cung cấp các thông tin diễn giải vì sao bản fax chưa được gửi.

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.


Nhật ký nhận fax

Nhật ký nhận fax của HP Toolbox cung cấp danh sách toàn bộ các bản fax vừa nhận được cùng thông tin về chúng, bao gồm ngày giờ nhận, mã số tác vụ, số fax, số trang nhận, kết quả, và hình ảnh thu nhỏ của bản fax.

Khi bạn nhận fax trên một máy tính được kết nối với máy tất cả trong một, bản fax sẽ bao gồm liên kết **View** (Xem). Khi bạn nhấp vào liên kết này, máy sẽ mở trang mới cung cấp các thông tin về bản fax này.

Nhấp vào đầu đề cột bất kỳ trong Fax receive log (Nhật ký nhận fax) để xếp lại các thông tin trong cột đó theo thứ tự tăng dần hoặc giảm dần.

Cột Results (Kết quả) cho biết tình trạng của bản fax. Nếu máy không nhận được fax, cột này sẽ cung cấp các thông tin diễn giải vì sao bản fax chưa được nhận.

 **GHI CHÚ:** Bạn phải nhấp **Apply** (Áp dụng) trước khi các thay đổi có tác dụng.

Shop for Supplies (Mua Nguồn Cung Cấp)

Nút này, ở phía trên cùng của mỗi trang, liên kết đến một trang Web, nơi bạn có thể đặt hàng các nguồn cung cấp thay thế. Bạn phải có truy cập Internet để sử dụng tính năng này.

Other links (Các liên kết khác)

Mục này bao gồm các liên kết sẽ kết nối bạn vào Internet. Bạn phải có truy cập Internet để sử dụng bất kỳ liên kết nào trong các liên kết này. Nếu bạn sử dụng kết nối dạng quay số và không kết nối khi lần đầu tiên mở HP Toolbox, bạn phải kết nối trước khi có thể truy cập vào các trang Web này. Việc kết nối có thể yêu cầu đóng HP Toolbox và mở lại nó.

- **HP Instant Support.** Kết nối vào trang Web HP Instant Support.
- **Product Support (Hỗ trợ Sản phẩm).** Kết nối vào trang web hỗ trợ dành cho sản phẩm, nơi bạn có thể tìm kiếm trợ giúp về một vấn đề cụ thể.
- **Shop for Supplies (Mua Nguồn Cung cấp).** Đặt hàng nguồn cung cấp tại trang Web của HP.
- **Product Registration (Đăng ký Sản phẩm).** Kết nối vào trang Web đăng ký sản phẩm của HP.

Sử dụng Máy chủ Web HP Nhúng (chỉ Dòng sản phẩm M1210)


Sử dụng Máy chủ Web HP Nhúng (EWS) để xem tình trạng sản phẩm và mạng và quản lý các tính năng in từ máy tính.

- Xem thông tin tình trạng sản phẩm
- Xác định tuổi thọ còn lại của tất cả các nguồn cung cấp và đặt mua những nguồn cung cấp mới
- Xem và thay đổi cài đặt cấu hình mặc định của sản phẩm
- Xem và thay đổi cấu hình mạng

Bạn không cần phải cài đặt bất kỳ phần mềm nào trên máy tính. Bạn chỉ cần sử dụng một trong những trình duyệt Web được hỗ trợ sau:


- Internet Explorer 6.0 (và mới hơn)
- Firefox 1.0 (và phiên bản mới hơn)
- Mozilla 1.6 (và phiên bản mới hơn)
- Opera 7.0 (và phiên bản mới hơn)
- Safari 1.2 (và phiên bản mới hơn)
- Konqueror 3.2 (và phiên bản mới hơn)


Máy chủ Web HP Nhúng làm việc khi sản phẩm được kết nối với mạng TCP/IP. Máy chủ Web HP Nhúng không hỗ trợ kết nối IPX hoặc kết nối USB trực tiếp.

 **GHI CHÚ:** Bạn không cần có truy cập Internet để mở và sử dụng Máy chủ Web HP Nhúng. Tuy nhiên, nếu bạn nhấp vào một liên kết ở bất kỳ trang nào, bạn phải có truy cập Internet để vào trang kết hợp với liên kết đó.

Mở Máy chủ Web HP Nhúng

Để mở Máy chủ Web HP Nhúng, gõ địa chỉ IP hoặc tên chủ của sản phẩm vào trường địa chỉ của trình duyệt Web được hỗ trợ. Để tìm địa chỉ IP hoặc tên máy chủ, hãy in trang cấu hình.

 **GHI CHÚ:** Nếu xảy ra lỗi trong khi mở Máy chủ Web HP Nhúng, hãy xác nhận rằng cài đặt cho mạng của bạn là chính xác.

 **CHỈ DẪN:** Sau khi bạn mở địa chỉ URL, hãy đánh dấu địa chỉ đó để sau này bạn có thể nhanh chóng quay trở lại địa chỉ đó.

Các tính năng

Tab thông tin

Nhóm các trang Thông tin bao gồm các trang sau:

- **Tình trạng thiết bị** trình bày tình trạng của sản phẩm và các nguồn cung cấp của HP.
- **Cấu hình Thiết bị** hiển thị thông tin tìm được trên trang Cấu hình.

- **Tình trạng Cung cấp** hiển thị tình trạng nguồn cung cấp của HP và cho biết các số bộ phận. Để đặt mua các nguồn cung cấp mới, bấm vào **Đặt mua nguồn cung cấp** ở phần phía trên bên phải của cửa sổ.
- **Tóm tắt Mạng** trình bày thông tin tìm thấy trên trang **Tóm tắt Mạng**.

Tab thiết lập

Sử dụng tab này để cấu hình sản phẩm từ máy tính. Nếu sản phẩm này được nối mạng, luôn tham vấn người quản lý sản phẩm trước khi thay đổi cài đặt trên tab này.

Tab **Cài đặt** chứa trang **In** nơi bạn có thể xem và thay đổi các cài đặt công việc in mặc định.

Tab mạng

Những người quản lý mạng có thể sử dụng tab này để kiểm soát các cài đặt liên quan đến mạng cho sản phẩm khi nó được kết nối vào mạng IP.

Liên kết

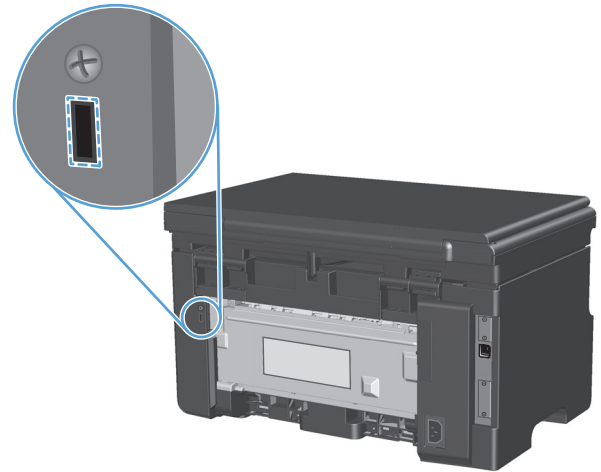
Các liên kết được đặt ở góc trên bên phải của các trang tình trạng. Bạn phải có quyền truy cập Internet để sử dụng bất kỳ liên kết nào trong số đó. Nếu bạn sử dụng kết nối bằng quay số và chưa được kết nối khi lần đầu tiên bạn mở Máy chủ Web HP Nhúng, bạn phải kết nối trước khi có thể vào các trang Web này. Việc kết nối có thể yêu cầu bạn phải đóng Máy chủ Web HP Nhúng và mở lại.

- **Mua các Nguồn cung cấp.** Nhấp vào liên kết này để kết nối đến trang Web Nguồn Cung Cấp Tin Cậy và đặt mua các nguồn cung cấp chính hãng HP từ HP hoặc đại lý bán lẻ mà bạn chọn.
- **Hỗ trợ.** Kết nối vào trang hỗ trợ sản phẩm. Bạn có thể tìm kiếm trợ giúp về những chủ đề chung.

Tính năng bảo mật sản phẩm

Khóa bộ định dạng

1. Vùng bộ định dạng, nằm ở mặt sau của sản phẩm, có một khe bạn có thể sử dụng để gắn cáp an toàn vào. Khi khóa khung bộ định dạng, bạn có thể ngăn người khác tháo các thành phần có giá trị ra khỏi bộ định dạng.



Cài đặt tiết kiệm

In bằng EconoMode

Sản phẩm này có tùy chọn EconoMode (Chế độ Tiết kiệm) dành cho việc in các bản tài liệu nháp. Sử dụng EconoMode (Chế độ Tiết kiệm) có thể tốn ít bột mực hơn và giảm chi phí cho mỗi trang. Tuy nhiên, sử dụng EconoMode (Chế độ Tiết kiệm) cũng có thể làm giảm chất lượng in.

HP không khuyến cáo việc luôn sử dụng Chế độ tiết kiệm. Nếu bạn luôn sử dụng Chế độ tiết kiệm, bột mực sẽ có thể dùng được lâu hơn so với các chi tiết máy trong hộp mực in. Nếu chất lượng in bắt đầu giảm trong trường hợp như vậy, bạn vẫn phải thay hộp mực mới, ngay cả khi mực vẫn còn trong hộp.


1. Trên menu **Tập tin** trong chương trình phần mềm, nhấp vào **In**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Preferences (Tùy chọn)**.
3. Nhấp vào tab **Giấy/Chất lượng**.
4. Nhấp vào hộp kiểm **Chế độ tiết kiệm**.

Chế độ Tự tắt

Tự tắt là một tính năng tiết kiệm năng lượng của sản phẩm này. Sau một thời gian do người sử dụng xác định, sản phẩm sẽ tự động giảm việc tiêu thụ điện (Tự tắt). Sản phẩm chuyển sang tình trạng sẵn sàng khi ta nhấn một nút hoặc máy nhận được công việc in.

Thay đổi thời gian trước khi Tự tắt

Bạn có thể thay đổi thời gian sản phẩm chờ việc (thời gian trước khi Tự tắt) trước khi nó chuyển sang chế độ Tự tắt.

 **GHI CHÚ:** Cài đặt mặc định cho thời gian trước khi Tự tắt là 15 phút.

1. Mở trình điều khiển máy in để thay đổi cài đặt mặc định. Làm theo thủ tục phù hợp, tùy thuộc vào hệ điều hành bạn đang sử dụng.

Windows XP, Windows Server 2003 và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Start mặc định):

- a. Nhấp vào **Khởi động**, rồi nhấp vào **Máy in và Fax**.
- b. Nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Properties (Đặc Tính)**.
- c. Nhấp vào tab **Cài đặt Thiết bị**.


Windows XP, Windows Server 2003 và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Classic Start):

- a. Nhấp vào **Khởi động**, nhấp vào **Cài đặt**, rồi nhấp vào **Máy in**.
- b. Nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Properties (Đặc Tính)**.
- c. Nhấp vào tab **Cài đặt Thiết bị**.


Windows Vista


- a. Nhấp vào **Khởi động**, nhấp vào **Bảng Điều khiển**, rồi trong phần **Phần cứng và Âm thanh** nhấp vào **Máy in**.
- b. Nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Properties** (Đặc Tính).
- c. Nhấp vào tab **Cài đặt Thiết bị**.

Mac OS X 10.4

- a. Từ menu Apple , nhấp vào menu **Tùy chọn hệ thống**, rồi nhấp vào biểu tượng **In & Fax**.
- b. Nhấp vào nút **Printer Setup** (Cài đặt Máy in).

Mac OS X 10.5 và 10.6


- a. Từ menu Apple , nhấp vào menu **Tùy chọn hệ thống**, rồi nhấp vào biểu tượng **In & Fax**.
 - b. Chọn sản phẩm ở cạnh bên trái của cửa sổ.
 - c. Nhấp vào nút **Tùy chọn & Mục in**.
 - d. Nhấp vào tab **Driver Trình điều khiển**.
2. Chọn thời gian trước khi Tự tắt từ danh sách **Tự tắt** thả xuống.

 **GHI CHÚ:** Các cài đặt được thay đổi sẽ không có hiệu lực cho đến khi sản phẩm nhận được công việc in.

Quản lý nguồn cung cấp và phụ tùng

Việc sử dụng, lưu giữ và theo dõi đúng hộp mực có thể giúp bảo đảm chất lượng cao cho bản in.


In khi hộp mực gần hết.

Khi hộp mực in gần hết, sản phẩm sẽ bật đèn bột mực  trên bảng điều khiển. Bạn không cần thay nguồn cung cấp tại thời điểm này trừ khi chất lượng in không còn chấp nhận được. Khi nguồn cung cấp đã đạt tới điều kiện này, có nghĩa là bảo hành bảo vệ đặc biệt của HP cho nguồn cung cấp đó chấm dứt.

Quản lý hộp mực in


Lưu giữ hộp mực

Không được lấy hộp mực in ra khỏi bao bì quá sớm trước khi sử dụng.

 **THẬN TRỌNG:** Để tránh làm hư hộp mực, không để nó tiếp xúc với ánh sáng quá vài phút.

Chính sách của HP về các loại hộp mực in không phải của HP

Công ty HP không khuyến bạn sử dụng các loại hộp mực in không phải của HP, dù là mới hay tái chế.

 **GHI CHÚ:** Mọi hư hỏng gây ra bởi hộp mực không phải của HP sẽ không được bao gồm trong bảo hành và thỏa thuận dịch vụ của HP.

Đường dây nóng và trang web về gian lận của HP

Hãy gọi cho đường dây nóng về gian lận của HP (1-877-219-3183, số gọi miễn phí ở Bắc Mỹ) hoặc truy cập vào trang web www.hp.com/go/anticounterfeit khi bạn lắp hộp mực HP và panen điều khiển hiển thị thông báo nói rằng hộp mực này không phải của HP. HP sẽ giúp xác định xem hộp mực này có phải là chính hãng không và thực hiện các bước để khắc phục vấn đề.

Hộp mực của bạn có thể không phải là hộp mực chính hãng của HP nếu bạn thấy những hiện tượng sau:

- Bạn gặp phải nhiều vấn đề với hộp mực này.
- Hộp mực này trông không giống như chúng thường thấy (ví dụ, không có vấu kéo màu da cam, hoặc bao gói khác với bao gói của HP).

Tái chế mực in

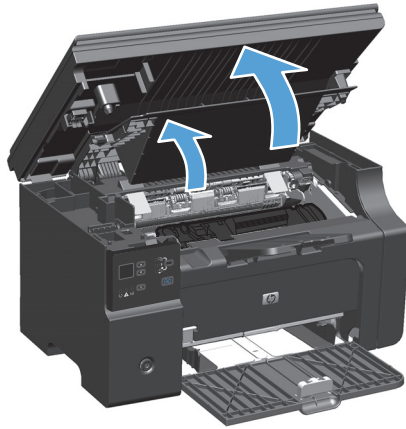
Để tái sinh một hộp mực in HP chính hãng, đặt hộp mực đã sử dụng vào vỏ hộp của hộp mực mới. Sử dụng nhãn gửi lại đính kèm để gửi lại hộp mực đã sử dụng cho HP tái sinh. Để biết đầy đủ thông tin, xem hướng dẫn tái sinh có trong mỗi sản phẩm mới do HP cung cấp.

Hướng dẫn thay thế

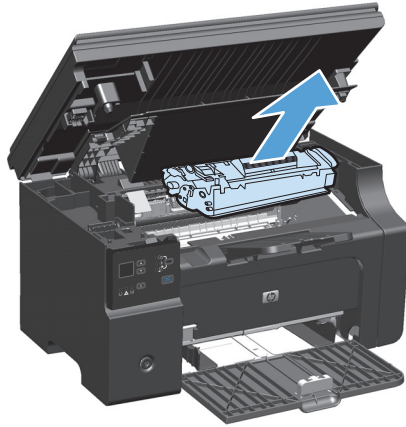
Phân phối lại bột mực

Khi chỉ còn một lượng mực nhỏ trong hộp mực, các vùng nhạt màu hoặc sáng có thể xuất hiện trên trang đã in. Bạn có thể cải thiện tạm thời chất lượng in bằng cách phân phối lại mực.

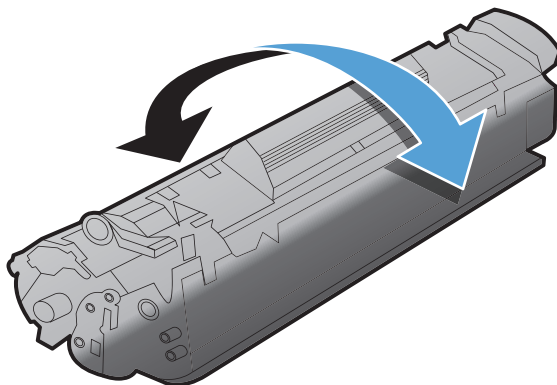
1. Nâng cụm máy quét, và mở cửa hộp mực in.



2. Tháo hộp mực in.

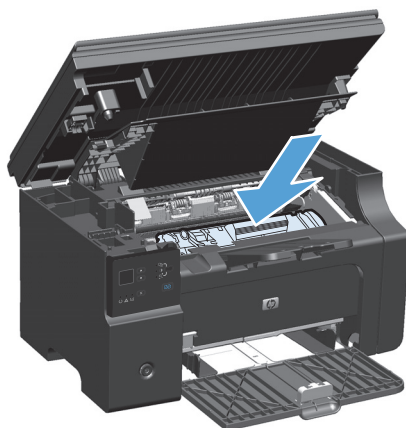


3. Để phân phối lại bột mực, hãy rung nhẹ hộp mực in từ trước ra sau.

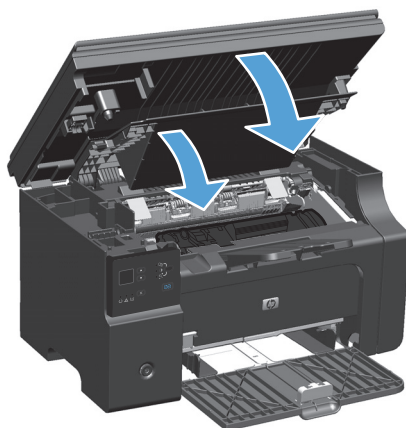


⚠ THẬN TRỌNG: Nếu bột mực vương vào áo quần của bạn, hãy lau bằng một mảnh vải khô và giặt áo quần bằng nước lạnh. *Nước nóng sẽ khiến bột mực se kết lại vào vải.*

4. Lắp hộp mực.



5. Đóng cửa hộp mực in và cụm máy quét.

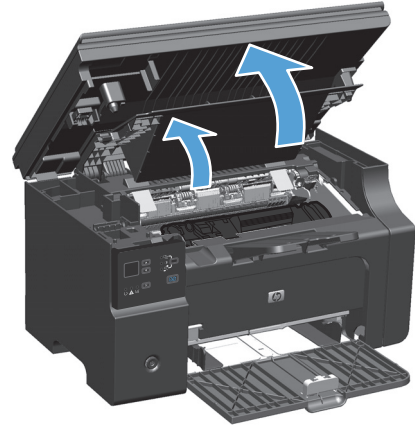


Nếu bản in ra vẫn bị nhạt màu, hãy lắp một hộp mực in mới.

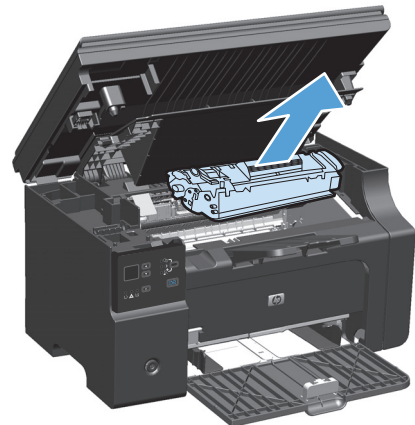
Thay hộp mực in

Khi hộp mực sắp hết hạn sử dụng, bạn có thể tiếp tục in bằng hộp mực đó cho đến khi việc phân phối mực không còn cho ra chất lượng in có thể chấp nhận được.

1. Nâng cụm máy quét, và mở cửa hộp mực in.

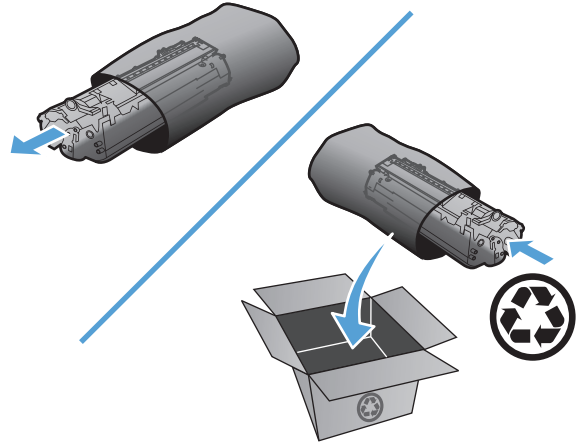


2. Tháo hộp mực cũ.

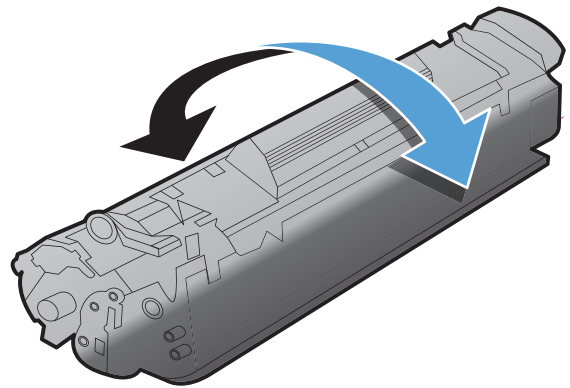


3. Tháo hộp mực in khỏi bộ sản phẩm đóng gói. Đặt hộp mực đã sử dụng vào bao và hộp để tái sinh.

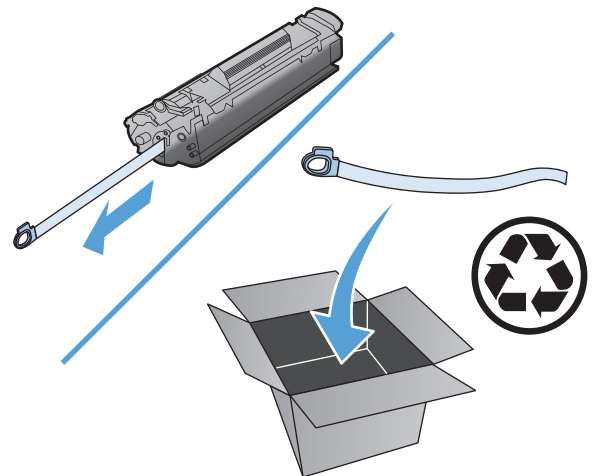
THẬN TRỌNG: Để tránh làm hỏng hộp mực in, hãy cầm vào hai đầu hộp mực in. Đừng chạm vào tấm che hộp mực hoặc bề mặt trục lăn.



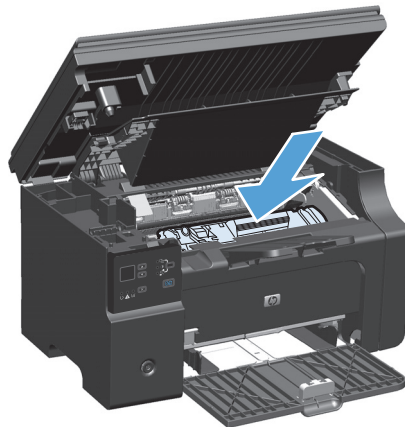
4. Cầm hai đầu hộp mực và lắc nhẹ để rải mực đều trong ống mực.



5. Gấp đầu ở cạnh bên trái hộp mực cho đến khi đầu lỏng ra, rồi kéo đầu cho đến khi toàn bộ dải băng được kéo ra khỏi hộp mực. Đặt đầu và dải băng vào hộp chứa để gửi đi tái sinh.

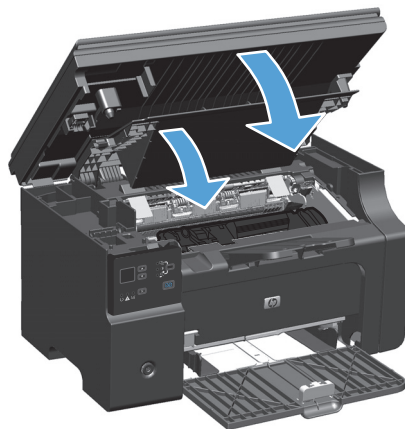


6. Lắp hộp mực.



7. Đóng cửa hộp mực in và cụm máy quét.

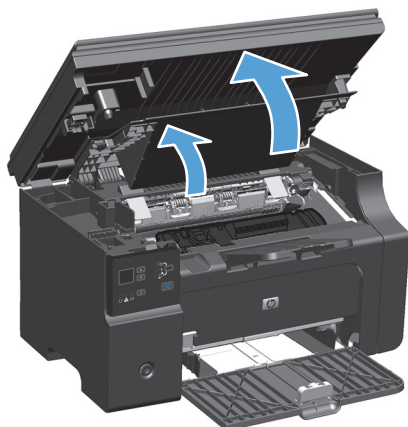
THẬN TRỌNG: Nếu bột mực vương vào áo quần của bạn, hãy lau bằng một mảnh vải khô và giặt áo quần bằng nước lạnh. *Nước nóng sẽ khiến bột mực se kết lại vào vải.*



Thay trục nạp

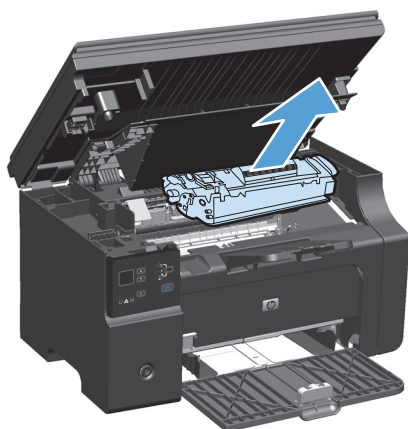
Trục nạp bị mòn khi sử dụng ở điều kiện bình thường. Sử dụng giấy kém chất lượng có thể làm cho trục nạp bị mòn nhiều hơn. Nếu sản phẩm thường xuyên không lấy được giấy, bạn có thể cần phải lau hoặc thay trục nạp.

1. Nâng cụm máy quét, và mở cửa hộp mực in.

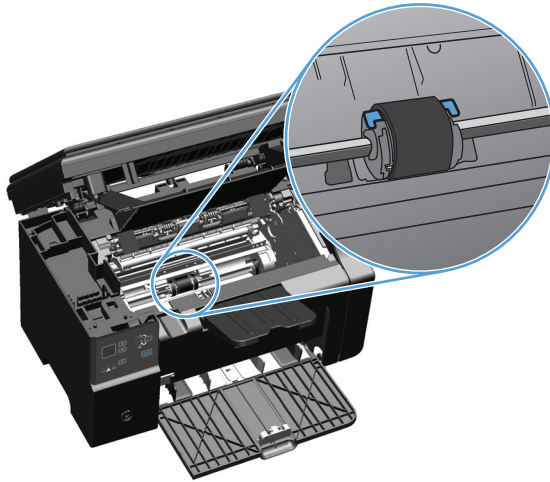


2. Tháo hộp mực in.

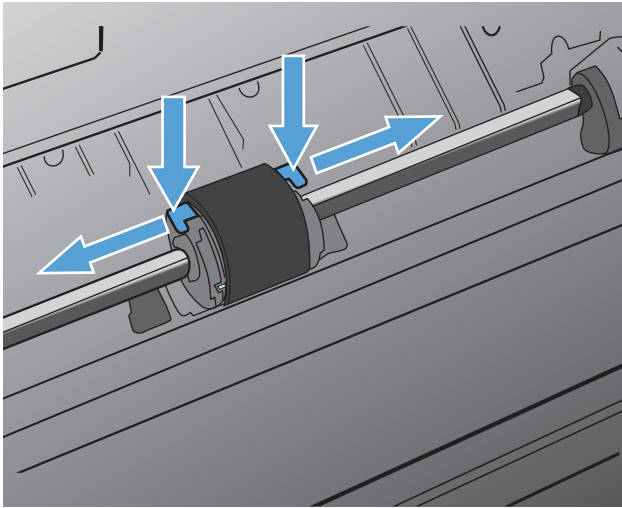
⚠ THẬN TRỌNG: Để tránh hỏng hộp mực, hạn chế tối đa tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng. Dùng một tờ giấy để che hộp mực in lại.



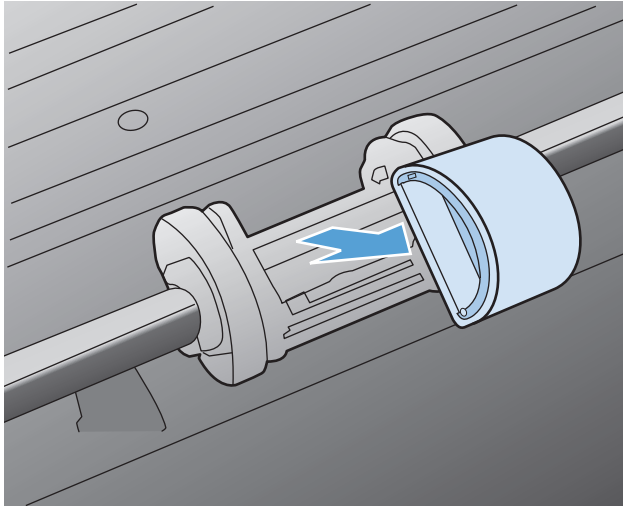
3. Tìm trục nạp.



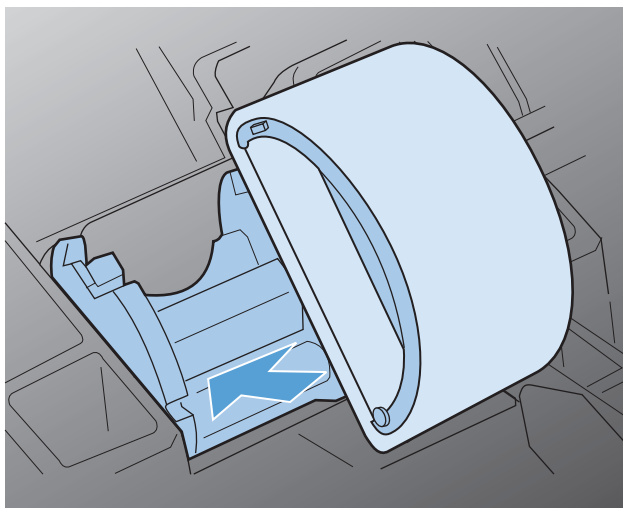
4. Thả các tab nhỏ màu trắng trên mỗi mặt của trục nạp và xoay trục nạp về phía trước.



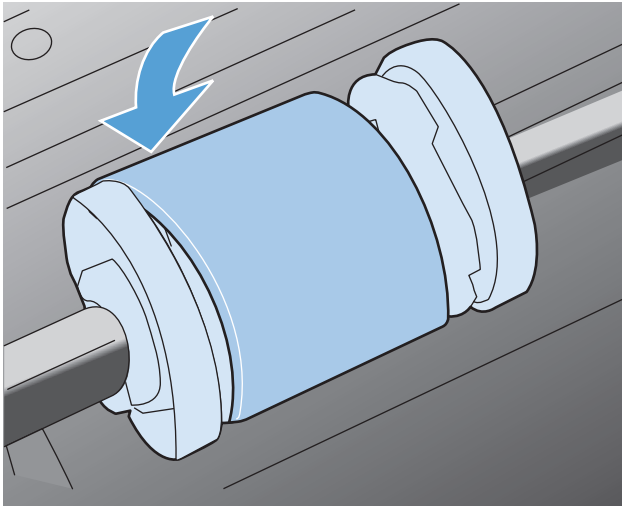
5. Nhấc nhẹ nhàng trực nạp lên và lấy ra.



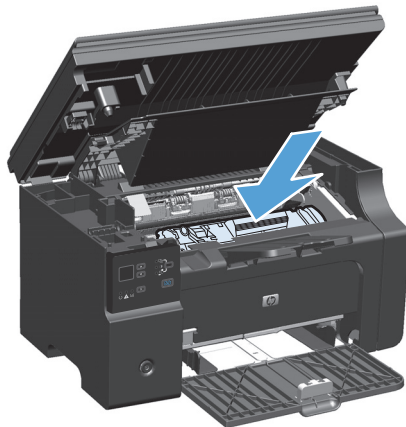
6. Đặt trực nạp mới vào khe. Các khe tròn và vuông trên mỗi mặt sẽ ngăn cản bạn lắp đặt trực nạp chính xác.



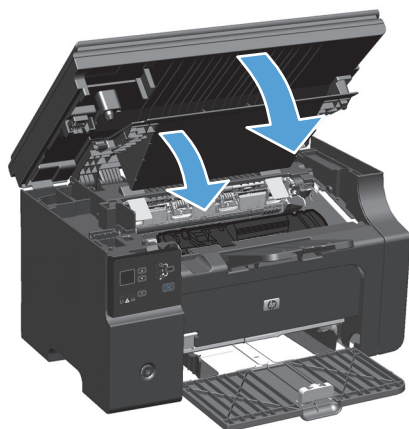
7. Xoay phần phía trên của trục nạp mới ra xa khỏi bạn cho đến khi cả hai mặt được canh vào đúng vị trí.



8. Lắp hộp mực.




- Đóng cửa hộp mực in và cụm máy quét.




Thay đệm ngăn cách

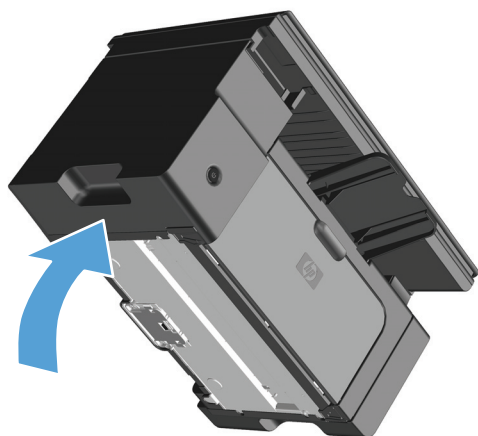
Đệm ngăn cách bị mòn khi sử dụng trong điều kiện bình thường. Sử dụng giấy kém chất lượng có thể làm cho đệm ngăn cách bị mòn nhiều hơn. Nếu sản phẩm thường xuyên kéo nhiều trang giấy vào cùng một lúc, bạn có thể cần phải lau hoặc thay đệm ngăn cách.

 **GHI CHÚ:** Trước khi thay đổi đệm ngăn cách, hãy vệ sinh trực nạp.

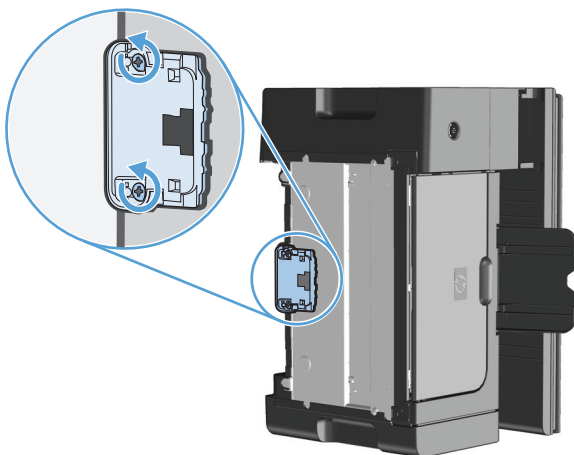
 **CẢNH BÁO!** Trước khi thay đệm ngăn cách, tắt sản phẩm, rút dây điện ra khỏi ổ cắm tường, rồi chờ cho sản phẩm nguội lại.

1. Rút dây điện ra khỏi sản phẩm.
2. Lấy giấy ra và đóng khay tiếp giấy. Đặt mặt bên của sản phẩm xuống.

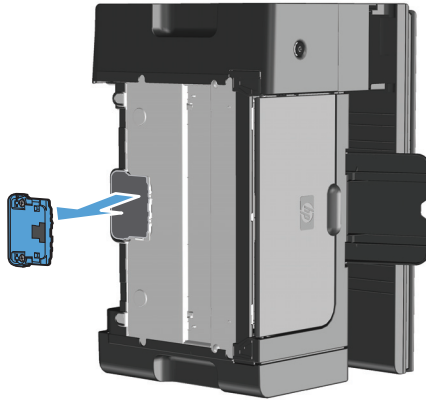
 **THẬN TRỌNG:** Cụm máy quét mở khi mặt bên sản phẩm nằm trên mặt đất.



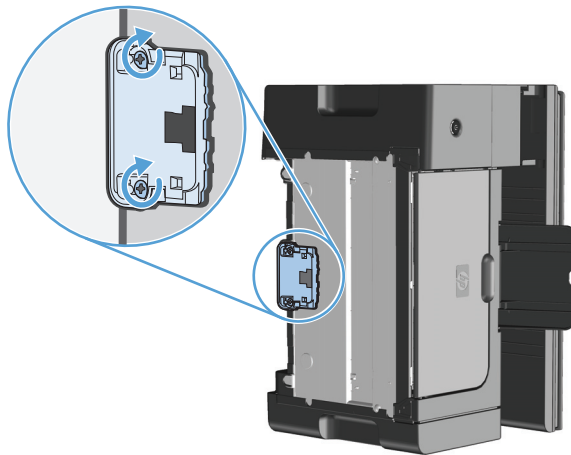
3. Ở mặt đáy của sản phẩm, tháo hai ốc vít giữ đệm ngăn cách.



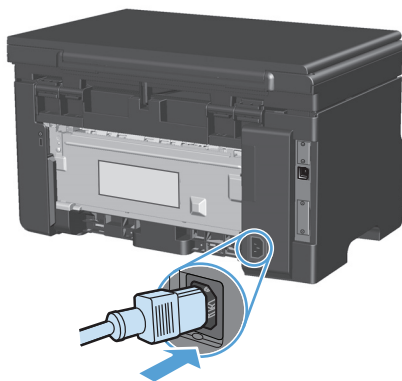
4. Tháo đệm ngăn cách ra.



5. Lắp đệm ngăn cách mới vào và vặn ốc vít vào đúng vị trí.



6. Đặt sản phẩm thẳng đứng, nối lại dây điện, sau đó bật sản phẩm.



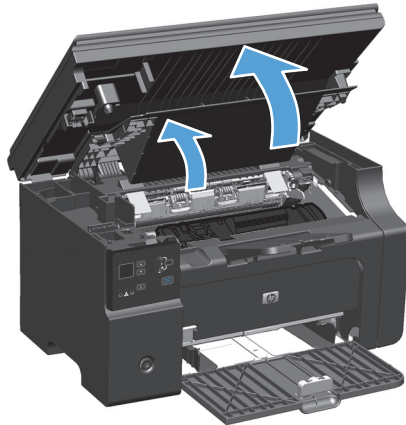
Lau sản phẩm

Vệ sinh trực nạp

Nếu bạn muốn vệ sinh trực nạp trước khi quyết định thay thế, hãy làm theo những hướng dẫn sau:

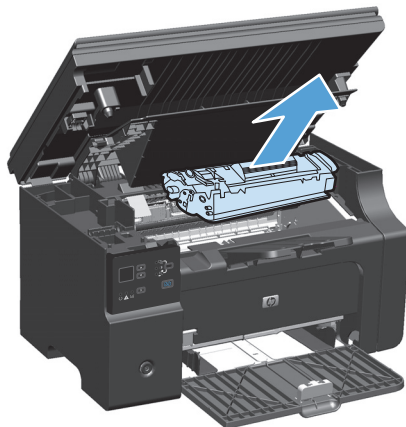
⚠ CẢNH BÁO! Trước khi lau đệm ngăn cách, tắt sản phẩm, rút dây điện ra khỏi ổ cắm tường, rồi chờ cho sản phẩm nguội lại.

1. Nâng cụm máy quét, và mở cửa hộp mực in.

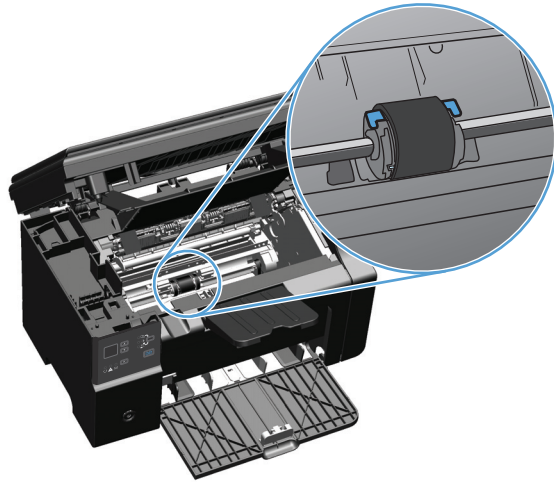


2. Tháo hộp mực in.

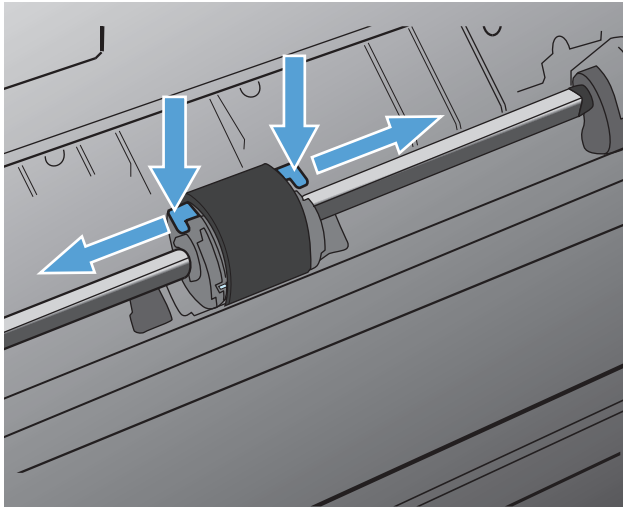
⚠ THẬN TRỌNG: Để tránh hỏng hộp mực, hạn chế tối đa tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng. Dùng một tờ giấy để che hộp mực in lại.



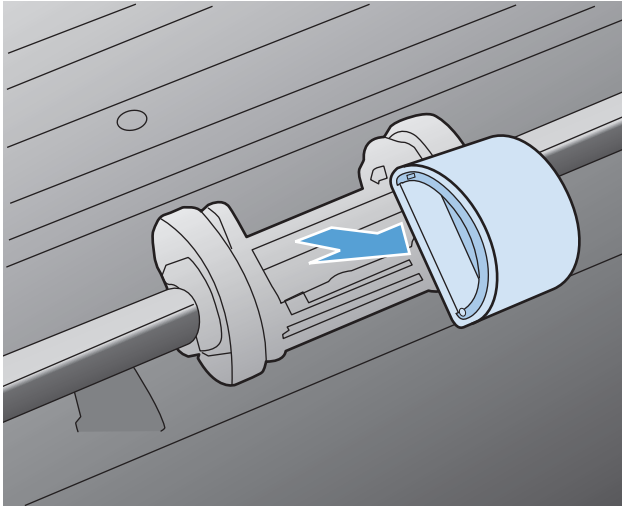
3. Tìm trục nạp.



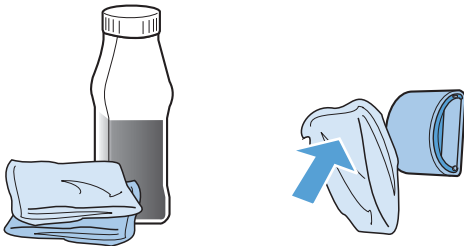
4. Thả các tab nhỏ màu trắng trên mỗi mặt của trục nạp và xoay trục nạp về phía trước.



5. Nhấc nhẹ nhàng trực nạp lên và lấy ra.



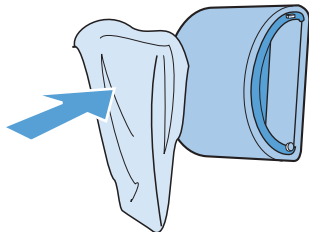
6. Chấm nhẹ miếng vải không có xơ vào cồn isopropyl và cọ sạch ống lăn mực.



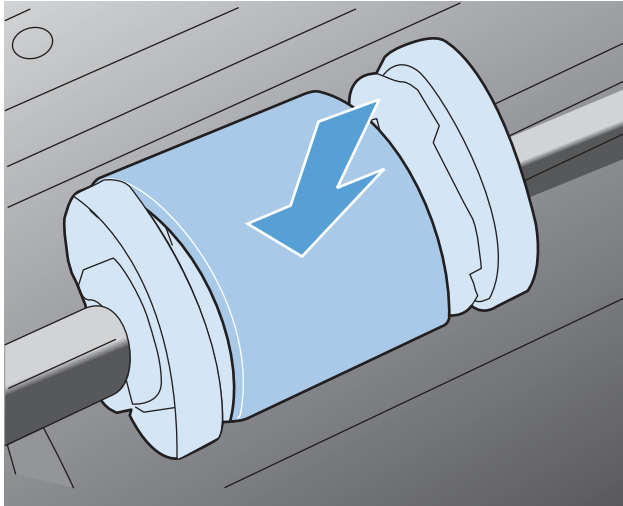
⚠ CẢNH BÁO! Cồn là chất dễ cháy. Hãy giữ cồn và vải tránh xa ngọn lửa. Trước khi đóng sản phẩm và cắm điện, hãy để cồn khô hẳn.

📝 GHI CHÚ: Ở một số vùng của California, các quy định kiểm soát ô nhiễm không khí giới hạn việc sử dụng chất lỏng có Cồn Isopropyl (IPA) làm chất tẩy rửa. Ở những vùng đó của California, xin vui lòng bỏ qua các đề nghị trước đây và sử dụng một miếng vải khô, không có xơ vải, làm ẩm bằng nước, để lau trực nạp.

7. Sử dụng miếng vải khô và không có xơ vải để lau trực nạp nhằm loại bỏ chất bẩn không bám dính chặt.



8. Để cho trục nạp khô hẳn trước khi gắn lại vào sản phẩm.



9. Cắm lại dây điện.

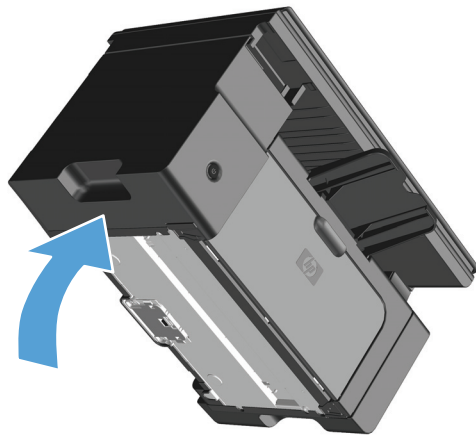
Lau đệm ngăn cách

Đệm ngăn cách bị mòn khi sử dụng trong điều kiện bình thường. Sử dụng giấy kém chất lượng có thể làm cho đệm ngăn cách bị mòn nhiều hơn. Nếu sản phẩm thường xuyên kéo nhiều trang giấy vào cùng một lúc, bạn có thể cần phải lau hoặc thay đệm ngăn cách.

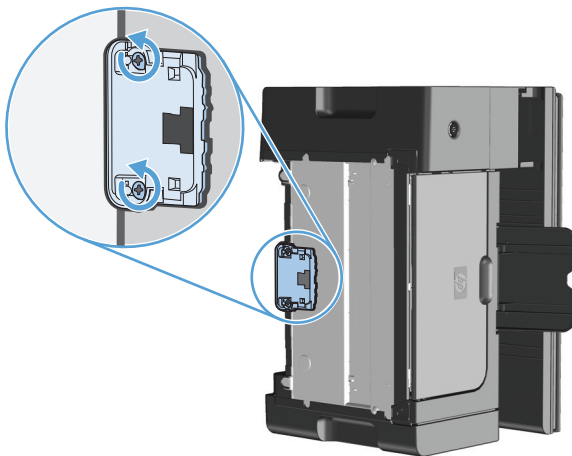
⚠ CẢNH BÁO! Trước khi lau đệm ngăn cách, tắt sản phẩm, rút dây điện ra khỏi ổ cắm tường, rồi chờ cho sản phẩm nguội lại.

1. Rút dây điện ra khỏi sản phẩm.
2. Lấy giấy ra và đóng khay tiếp giấy. Đặt mặt bên của sản phẩm xuống.

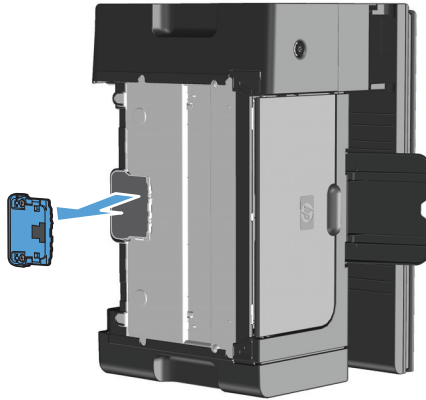
⚠ THẬN TRỌNG: Cụm máy quét mở khi mặt bên sản phẩm nằm trên mặt đất.



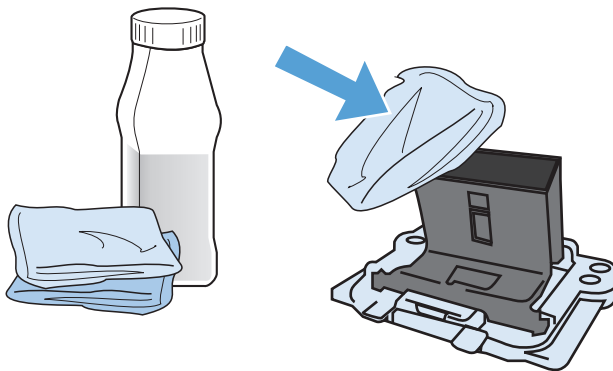
3. Ở mặt đáy của sản phẩm, tháo hai ốc vít giữ đệm ngăn cách.



4. Tháo đệm ngăn cách ra.



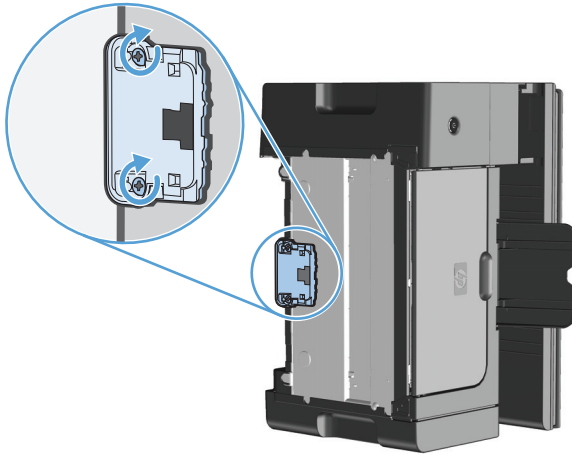
5. Chấm nhẹ miếng vải không có xơ vào cồn isopropyl và cọ sạch đệm ngăn cách. Sử dụng vải khô, không có xơ để lau sạch bụi bẩn, và chờ cho đến khi đệm ngăn cách khô.



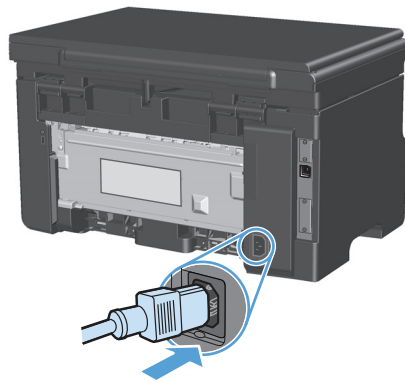
⚠ CẢNH BÁO! Cồn là chất dễ cháy. Hãy giữ cồn và vải tránh xa ngọn lửa. Trước khi đóng sản phẩm và cắm điện, hãy để cồn khô hẳn.

📝 GHI CHÚ: Ở một số vùng của California, các quy định kiểm soát ô nhiễm không khí giới hạn việc sử dụng chất lỏng có Cồn Isopropyl (IPA) làm chất tẩy rửa. Ở những vùng đó của California, xin vui lòng bỏ qua các đề nghị trước đây và sử dụng một miếng vải khô, không có xơ vải, làm ẩm bằng nước, để lau trực tiếp.

6. Lắp đệm ngăn cách đã được lau sạch vào và vặn vít vào đúng vị trí.

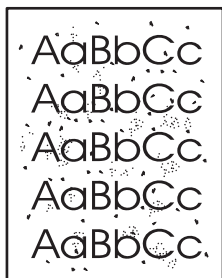



7. Đặt sản phẩm thẳng đứng, nối lại dây điện, sau đó bật sản phẩm.




Lau dọn đường tiếp giấy

Nếu bạn thấy có các vết chấm hoặc lốm đốm mực trên bản in ra, hãy lau chùi đường tiếp giấy của máy in. Quá trình này sử dụng một tấm giấy trong để loại bỏ bụi và bột mực khỏi đường tiếp giấy in. Không được sử dụng giấy thô ráp hoặc giấy liên kết.



 **GHI CHÚ:** Để có được kết quả tốt nhất, hãy sử dụng tờ giấy trong. Nếu bạn không có bất kỳ tờ giấy trong nào, bạn có thể sử dụng các vật liệu dùng cho máy in (60 to 163 g/m²) có bề mặt nhẵn mịn.

1. Đảm bảo rằng sản phẩm đang ở chế độ nghỉ và đèn Ready (Sẵn sàng)  bật sáng.
2. Nạp vật liệu vào khay tiếp giấy.
3. Sử dụng trình điều khiển máy in để xử lý trang lau dọn. Làm theo thủ tục phù hợp, tùy thuộc vào hệ điều hành bạn đang sử dụng.

Windows XP, Windows Server 2003 và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Start mặc định):

- a. Nhấp vào **Khởi động**, rồi nhấp vào **Máy in và Fax**.
- b. Nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Properties** (Đặc Tính).
- c. Nhấp vào tab **Cài đặt Thiết bị**.


Windows XP, Windows Server 2003 và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Classic Start):

- a. Nhấp vào **Khởi động**, nhấp vào **Cài đặt**, rồi nhấp vào **Máy in**.
- b. Nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Properties** (Đặc Tính).
- c. Nhấp vào tab **Cài đặt Thiết bị**.


Windows Vista


- a. Nhấp vào **Khởi động**, nhấp vào **Bảng Điều khiển**, rồi trong phần **Phần cứng và Âm thanh** nhấp vào **Máy in**.
- b. Nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Properties** (Đặc Tính).
- c. Nhấp vào tab **Cài đặt Thiết bị**.

Mac OS X 10.4

- a. Từ menu Apple , nhấp vào menu **Tùy chọn hệ thống**, rồi nhấp vào biểu tượng **In & Fax**.
- b. Nhấp vào nút **Printer Setup (Cài đặt Máy in)**.

Mac OS X 10.5 và 10.6

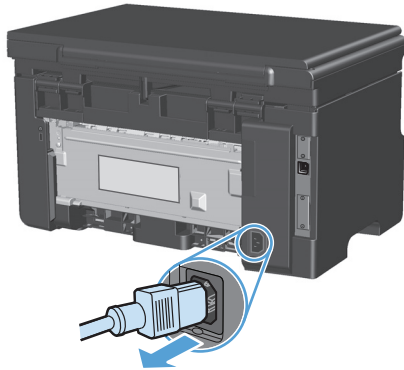
- a. Từ menu Apple , nhấp vào menu **Tùy chọn hệ thống**, rồi nhấp vào biểu tượng **In & Fax**.
 - b. Chọn sản phẩm ở cạnh bên trái của cửa sổ.
 - c. Nhấp vào nút **Tùy chọn & Mục in**.
 - d. Nhấp vào tab **Driver Trình điều khiển**.
4. Trong vùng **Trang lau dọn**, nhấp nút **Bắt đầu** để xử lý trang lau dọn.

 **GHI CHÚ:** Quá trình lau dọn mất khoảng 2 phút. Trang lau dọn sẽ dừng theo chu kỳ trong quá trình lau dọn. Không tắt sản phẩm cho đến khi hoàn tất quá trình lau dọn. Bạn có thể phải lặp lại quá trình lau dọn vài lần để lau dọn hoàn toàn sản phẩm.

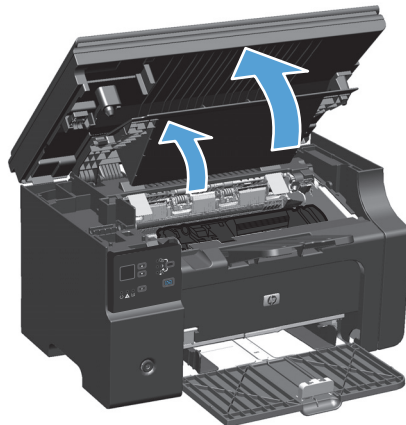
Lau chùi khu vực chứa hộp mực in

Bạn không cần phải lau chùi thường xuyên khu vực chứa hộp mực in. Tuy nhiên, khi lau chùi khu vực này, bạn có thể cải thiện chất lượng của các tờ giấy được in ra.

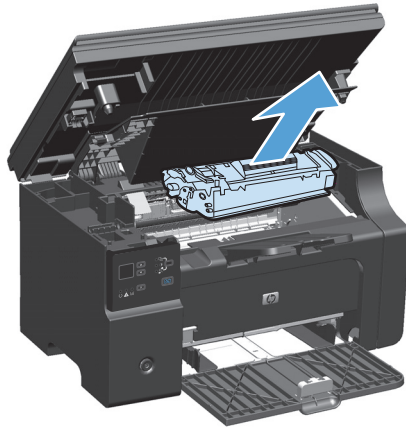
1. Rút dây điện ra khỏi sản phẩm.



2. Nâng cụm máy quét, và mở cửa hộp mực in.



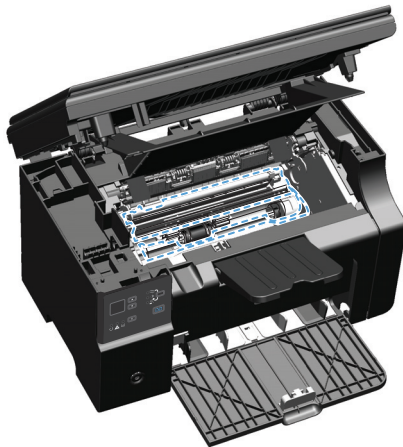
3. Tháo hộp mực in.



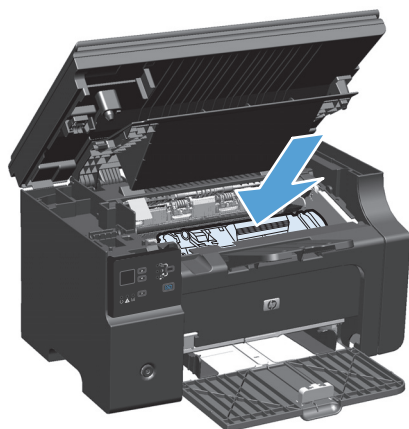
⚠ THẬN TRỌNG: Đừng chạm vào trục chuyển bằng cao su đen bên trong sản phẩm. Điều đó có thể làm hư hỏng sản phẩm.

THẬN TRỌNG: Để ngăn xảy ra hư hỏng, không được để hộp mực in tiếp xúc với ánh sáng. Dùng một mảnh giấy để che hộp mực in lại.

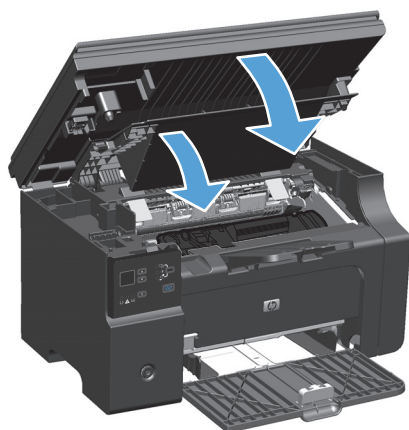
4. Dùng một miếng vải khô và không có xơ vải để lau các chất lỏng tụ khỏi khu vực lối dẫn giấy in và khoang chứa hộp mực in.



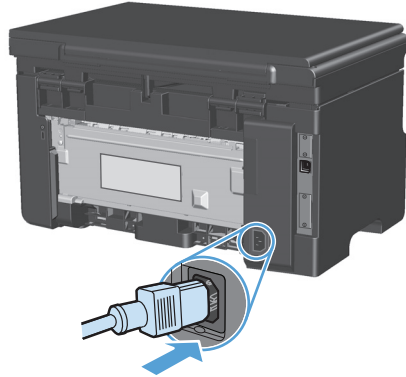
5. Lắp hộp mực.



6. Đóng cửa hộp mực in và cụm máy quét.



7. Cắm lại dây điện.



8. In một vài trang để làm sạch bột mực còn dư khỏi sản phẩm.

Lau dọn mặt ngoài

Sử dụng miếng vải mềm, ẩm và không có xơ để lau sạch bụi, vết ố và vết bẩn khỏi bề mặt bên ngoài của thiết bị.

Lau sạch dải kính và tấm ép giấy của máy quét

Theo thời gian, các vết bụi bẩn có thể tích tụ lại trên kính máy quét và tấm ép giấy màu trắng. Điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của máy. Hãy sử dụng quy trình sau để lau sạch kính máy quét và nắp nhựa sau màu trắng.

1. Dùng công tắc điện để tắt sản phẩm, sau đó tháo dây nguồn khỏi ổ cắm điện.
2. Mở nắp máy quét.

3. Lau sạch kính máy quét và nắp nhựa sau màu trắng bằng miếng bọt xốp hoặc vải mềm đã được tẩm chất tẩy kính không ăn mòn.



⚠ THẬN TRỌNG: Không sử dụng chất ăn mòn, acetol, benzen, amoniac, cồn êtylin, hoặc carbon tetrachloride lên bất kỳ bộ phận nào của sản phẩm; những chất này có thể làm hỏng sản phẩm. Không đặt các chất lỏng trực tiếp lên bề mặt kính hoặc tấm ép giấy. Các chất này sẽ thấm vào và gây hư hỏng sản phẩm.

4. Lau khô kính và tấm ép giấy màu trắng bằng vải da hoặc miếng bọt xốp làm từ chất xơ để ngăn không bị ố bẩn.
5. Đóng và cắm dây vào sản phẩm, sau đó sử dụng công tắc nguồn để bật sản phẩm.

Cập nhật sản phẩm

Các cập nhật phần mềm, phần sụn và hướng dẫn lắp đặt sản phẩm này hiện có tại www.hp.com/support/ljm1130series hoặc www.hp.com/support/ljm1210series. Nhấp vào **Các phần tải xuống và trình điều khiển**, nhấp vào hệ điều hành, rồi chọn phần tải xuống cho sản phẩm.

12 Giải quyết sự cố

- [Xử lý vấn đề chung](#)
- [Khôi phục cài đặt mặc định gốc \(Chỉ Dòng sản phẩm M1210\)](#)
- [Giải thích các mẫu đèn trên bảng điều khiển \(Chỉ Dòng sản phẩm M1130\)](#)
- [Giải thích các thông báo trên bảng điều khiển \(Chỉ Dòng sản phẩm M1210\)](#)
- [Xử lý kẹt giấy](#)
- [Giải quyết các vấn đề xử lý giấy](#)
- [Giải quyết các vấn đề về chất lượng hình ảnh](#)
- [Xử lý vấn đề về hoạt động](#)
- [Giải quyết sự cố kết nối](#)
- [Giải quyết sự cố phần mềm](#)

Xử lý vấn đề chung

Nếu sản phẩm không đáp trả tín hiệu đúng cách, hãy hoàn thành các bước trong danh sách kiểm tra sau, theo thứ tự. Nếu sản phẩm không vượt qua được bước nào, hãy làm theo những gợi ý xử lý sự cố tương ứng cho bước đó. Nếu bước nào đó có thể xử lý được vấn đề, bạn có thể dừng lại và không cần phải thực hiện các bước khác trong danh sách kiểm tra.

Danh sách kiểm tra xử lý sự cố

1. Bảo đảm rằng sản phẩm đã được cài đặt đúng cách.
 - a. Bấm nút nguồn để bật sản phẩm hoặc vô hiệu hóa chế độ Tự động tắt.
 - b. Kiểm tra điểm kết nối dây cáp nguồn.
 - c. Kiểm tra chắc chắn rằng điện áp đường dây đã phù hợp với cấu hình nguồn điện của sản phẩm. (Xem nhãn ở mặt sau của sản phẩm để biết thông tin về yêu cầu điện áp.) Nếu bạn đang sử dụng dải điện áp và điện áp của nó không nằm trong phạm vi của thông số kỹ thuật, hãy cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ cắm trên tường. Nếu đã cắm trực tiếp vào ổ cắm trên tường, hãy thử ổ cắm khác.
 - d. Nếu không biện pháp nào ở đây có thể phục hồi nguồn điện, hãy liên hệ với bộ phận Chăm sóc Khách hàng HP.
2. Kiểm tra việc truyền tín hiệu cáp.
 - a. Kiểm tra kết nối cáp giữa sản phẩm và máy tính. Bảo đảm rằng kết nối đã chặt.
 - b. Kiểm tra chắc chắn rằng bản thân cáp không bị hỏng bằng cách sử dụng dây cáp khác, nếu có thể.
 - c. Kiểm tra kết nối mạng (Chỉ Dòng sản phẩm M1210): Đảm bảo đèn mạng đang sáng. Đèn mạng nằm cạnh cổng mạng ở phía sau sản phẩm.

Nếu vẫn không thể kết nối sản phẩm vào mạng, gỡ cài đặt rồi cài đặt lại sản phẩm. Nếu lỗi này vẫn còn, hãy liên hệ với quản trị mạng.
3. Dòng sản phẩm M1130: Kiểm tra xem có đèn nào trên bảng điều khiển sáng không.

Dòng sản phẩm M1210: Kiểm tra xem có bất kỳ thông báo nào xuất hiện trên bảng điều khiển hay không.
4. Bảo đảm rằng giấy bạn đang sử dụng đáp ứng đặc điểm kỹ thuật.
5. Bảo đảm rằng giấy được nạp đúng cách vào khay tiếp giấy.
6. Bảo đảm rằng phần mềm sản phẩm được cài đặt đúng cách.
7. Kiểm tra xem bạn đã cài trình điều khiển máy in cho sản phẩm này chưa và bạn đã chọn sản phẩm này từ danh sách các máy in sẵn có chưa.
8. In một trang cấu hình.
 - a. Nếu không thể in trang, kiểm tra xem khay tiếp giấy có chứa giấy không.
 - b. Bảo đảm rằng hộp mực được lắp đúng cách.

- c. Nếu có kẹt giấy trong sản phẩm, hãy gỡ giấy kẹt.
- d. Nếu chất lượng in không đạt, hoàn tất các bước sau:
 - Kiểm tra xem các cài đặt in có đúng với loại giấy bạn đang sử dụng không.
 - Xử lý vấn đề về chất lượng in.
- 9. In một tài liệu nhỏ từ một chương trình khác đã hoạt động trong quá khứ. Nếu giải pháp này có kết quả, thì vấn đề nằm ở chương trình bạn đang sử dụng. Nếu giải pháp này không có kết quả (không in được tài liệu), hoàn tất các bước sau:
 - a. Thử in từ máy tính khác có cài đặt phần mềm của sản phẩm.
 - b. Kiểm tra kết nối cáp. Gắn sản phẩm vào đúng cổng hoặc cài đặt lại phần mềm, chọn loại kết nối bạn đang sử dụng.

Những yếu tố có thể ảnh hưởng đến hiệu suất sản phẩm


Một vài yếu tố có thể tác động đến thời gian in một lệnh in:

- Việc sử dụng giấy đặc biệt (chẳng hạn như giấy trong, giấy nặng, và giấy có kích thước tùy chỉnh)
- Thời gian xử lý sản phẩm và thời gian tải xuống
- Mức độ phức tạp và kích thước đồ họa
- Tốc độ của máy tính bạn sử dụng
- Kết nối USB hoặc mạng
- Cấu hình I/O của sản phẩm

Khôi phục cài đặt mặc định gốc (Chỉ Dòng sản phẩm M1210)

Việc khôi phục cài đặt mặc định gốc sẽ chỉnh tất cả các thông số cài đặt về giá trị mặc định gốc, và việc này cũng sẽ xóa tên đầu đề fax, số điện thoại và bất kỳ bản fax nào đã lưu trong bộ nhớ sản phẩm.

⚠ THẬN TRỌNG: Việc khôi phục cài đặt mặc định gốc sẽ chỉnh tất cả các thông số cài đặt về giá trị mặc định gốc, và việc này cũng sẽ xóa tên đầu đề fax, số điện thoại và bất kỳ bản fax nào đã lưu trong bộ nhớ sản phẩm. Quy trình này cũng xóa danh bạ fax và xóa bất kỳ trang nào được lưu trong bộ nhớ. Quy trình này sẽ tự động khởi động lại sản phẩm sau đó.




1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, bấm nút Setup (Cài đặt) .
2. Sử dụng các nút mũi tên để chọn menu **Service (Dịch vụ)**, sau đó bấm nút **OK**.
3. Sử dụng các nút mũi tên để chọn tùy chọn **Khôi phục Mặc định**, sau đó bấm nút **OK**.

Sản phẩm sẽ tự động khởi động lại.

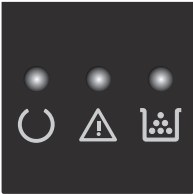

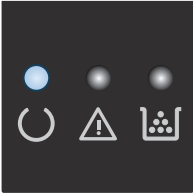

Giải thích các mẫu đèn trên bảng điều khiển (Chỉ Dòng sản phẩm M1130)

Nếu sản phẩm cần có sự chú ý, một mã lỗi sẽ xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển.




Bảng 12-1 Lời chú dẫn của đèn trạng thái

| | |
|---|-------------------------|
|  | Ký hiệu "đèn tắt" |
|  | Ký hiệu "đèn bật" |
|  | Ký hiệu "đèn nhấp nháy" |



Bảng 12-2 Các mẫu đèn trên bảng kiểm soát

| Trạng thái đèn | Mã lỗi | Tình trạng của sản phẩm | Xử lý |
|---|--------|---|--|
| Tất cả đèn đều tắt. | | Sản phẩm bị tắt. | Sử dụng nút nguồn để bật sản phẩm. |
|  | | | |
| Đèn sẵn sàng và đèn cảnh báo sẽ nhấp nháy. | | Các đèn tình trạng xoay tròn trong giai đoạn khởi động bộ định dạng hoặc khi sản phẩm đang xử lý sự cố một trang lau máy. | Không cần thao tác gì. Chờ cho đến khi giai đoạn khởi động kết thúc. Sản phẩm sẽ chuyển sang chế độ sẵn sàng khi giai đoạn khởi động hoàn tất. |
|  | | | |
| Đèn báo sẵn sàng đang sáng. | | Sản phẩm đang ở tình trạng sẵn sàng. | Không cần thao tác gì. Sản phẩm đã sẵn sàng nhận công việc in. |
|  | | | |
| Đèn sẵn sàng đang nhấp nháy. | | Sản phẩm đang nhận hoặc đang xử lý dữ liệu. | Không cần thao tác gì. Sản phẩm đang nhận hoặc đang xử lý một công việc in. |
|  | | | |

Bảng 12-2 Các mẫu đèn trên bảng kiểm soát (còn tiếp)

| Trạng thái đèn | Mã lỗi | Tình trạng của sản phẩm | Xử lý |
|---|--------|---|--|
| Đèn sẵn sàng đang nhấp nháy. | | Sản phẩm đang ở chế độ điện thấp. | Không cần thao tác gì. |
|  | E0 | Giấy bị kẹt trong sản phẩm | Xử lý kẹt giấy. |
| | E1 | Khay tiếp giấy đã cạn. | Nạp vào khay |
| | E2 | Một cửa đang mở. | Xác nhận rằng cửa hộp mực đã hoàn toàn đóng. |
| | E4 | Bộ nhớ sản phẩm bị đầy. | Tác vụ quá phức tạp nên không in được. Đơn giản hóa tác vụ, hoặc chia tác vụ ra làm nhiều tệp tin. |
| | E5 | Thiết bị không nhặt giấy từ khay. | Bạn có thể cần phải vệ sinh hoặc thay ống lăn nhặt giấy. |
| | H0 | Thiết bị đang ở chế độ nhặt giấy bằng cách thủ công. | Nạp đúng loại và kích cỡ giấy vào khay tiếp giấy. |
| | H1 | Thiết bị đang xử lý một tác vụ kép. | Nạp các trang vào khay tiếp giấy để in mặt thứ hai. |
| Đèn cảnh báo và đèn báo mực đang nhấp nháy. | E3 | Hộp mực bị mất hoặc không được lắp đúng cách. | Lắp hộp mực. |
|  | | | |
| | | | |
| Đèn báo mực đang sáng. | | Hộp mực đã đến thời điểm cuối cùng của thời gian sử dụng dự kiến. Khi nguồn cung cấp đã đạt tới điều kiện này, có nghĩa là bảo hành bảo vệ đặc biệt của HP cho nguồn cung cấp đó đã chấm dứt. | Bạn không cần thay hộp mực in tại thời điểm này trừ khi chất lượng in không còn chấp nhận được. |
|  | | | |

Bảng 12-2 Các mẫu đèn trên bảng kiểm soát (còn tiếp)

| Trạng thái đèn | Mã lỗi | Tình trạng của sản phẩm | Xử lý |
|--|----------------------|---|---|
| Đèn cảnh báo đang nhấp nháy, và đèn sẵn sàng đang sáng.  | | Sản phẩm đã nhận biết một lỗi liên tục và sẽ tự khắc phục lỗi. | <p>Nếu phục hồi thành công, sản phẩm sẽ chuyển sang tình trạng xử lý dữ liệu và hoàn tất lệnh in.</p> <p>Nếu phục hồi không thành công, sản phẩm sẽ chuyển sang tình trạng lỗi Liên tục. Thử lấy giấy in ra khỏi đường giấy in và tắt sản phẩm, rồi bật lại.</p> |
| Đèn cảnh báo và đèn sẵn sàng cùng sáng.  | E6 E7 E8 E9 | Sản phẩm đã nhận biết một lỗi nghiêm trọng không thể khắc phục. | <ol style="list-style-type: none">1. Tắt sản phẩm hoặc rút dây điện ra khỏi sản phẩm.2. Chờ 30 giây, rồi bật máy hoặc cắm lại dây điện vào sản phẩm.3. Chờ cho sản phẩm khởi động. <p>Nếu lỗi vẫn còn, liên hệ tổ hỗ trợ khách hàng của HP.</p> |

Giải thích các thông báo trên bảng điều khiển (Chỉ Dòng sản phẩm M1210)

Các loại thông báo ở bảng điều khiển

Các thông báo cảnh báo và cảnh giác có thể tạm thời xuất hiện và yêu cầu bạn xác nhận thông báo này bằng cách bấm nút **OK** để tiếp tục hoặc bấm nút Cancel (Hủy) **X** để hủy tác vụ này. Đối với một số loại cảnh báo, tác vụ có thể sẽ không thể hoàn tất hoặc chất lượng bản in sẽ bị ảnh hưởng. Nếu thông báo cảnh báo hoặc cảnh giác có liên quan đến việc in ấn và bạn đã bật tính năng tự-động-tiếp-tục, sản phẩm sẽ thử tiếp tục tác vụ in sau khi thông báo cảnh báo xuất hiện khoảng 10 giây mà không được xác nhận đã xem.

Thông báo lỗi nghiêm trọng có thể cho thấy một số loại lỗi chức năng. Bạn có thể khắc phục sự cố bằng cách tắt và bật máy trở lại. Nếu lỗi nghiêm trọng vẫn xuất hiện, sản phẩm cần phải được sửa chữa.

Các thông báo ở bảng điều khiển

| Thông báo trên panen điều khiển | Mô tả | Hành động được đề xuất |
|--|---|---|
| Đã xóa các thông số cài đặt | Sản phẩm đã xóa các thông số tác vụ. | Nhập lại các thông số tác vụ phù hợp. |
| Gỡ giấy kẹt trong đường dẫn giấy máy in | Sản phẩm đã phát hiện thấy hiện tượng kẹt giấy trong khay tiếp giấy. | Gỡ giấy kẹt khỏi khu vực được chỉ ra trong thông báo, sau đó làm theo các hướng dẫn trên bảng điều khiển. |
| In hai mặt thủ công thay thế bằng Nạp giấy khay 1 Bấm [OK] | Thiết bị đang xử lý một tác vụ kép. | Để in mặt thứ hai, đặt trang vào khay tiếp giấy với bề mặt hướng xuống dưới và mép trên trước. |
| In nhầm Bấm [OK] | Sản phẩm gặp lỗi phần cứng nội bộ. | Bấm nút OK để tiếp tục. Kết quả tác vụ có thể bị ảnh hưởng. |
| Kẹt giấy tại <location> thay thế bằng Mở nắp và lấy giấy kẹt | Sản phẩm đã phát hiện ra kẹt giấy tại vị trí được chỉ ra trong thông báo. | Gỡ giấy kẹt khỏi khu vực được chỉ ra trong thông báo, sau đó làm theo các hướng dẫn trên bảng điều khiển. Việc gỡ giấy kẹt yêu cầu bạn phải mở nắp trên và tháo hộp mực in. |
| Không kéo giấy Bấm [OK] | Sản phẩm gặp lỗi phần cứng nội bộ. | Bấm nút OK để tiếp tục. Kết quả tác vụ có thể bị ảnh hưởng. |
| Lỗi 54.1C Tắt sau đó bật lại | Sản phẩm gặp lỗi phần cứng nội bộ. | Tắt nguồn bằng cách sử dụng công tắc nguồn, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật lại nguồn và chờ cho sản phẩm khởi chạy. Nếu máy đang dùng thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Sử dụng công tắc nguồn để bật sản phẩm. Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1210series hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm. |

| Thông báo trên panen điều khiển | Mô tả | Hành động được đề xuất |
|--|--|---|
| Lỗi nhận fax | Sản phẩm không thể nhận fax gửi đến. | <p>Kiểm tra đường dây điện thoại fax xem có hoạt động đúng cách không.</p> <p>Yêu cầu người đã gửi fax gửi lại một lần nữa.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1210series hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p> |
| Lỗi thiết bị Bấm [OK] | Sản phẩm gặp phải một lỗi giao tiếp nội bộ. | <p>Đây chỉ là thông báo cảnh giác. Kết quả tác vụ có thể bị ảnh hưởng</p> |
| Lỗi truyền tín hiệu | Sản phẩm gặp phải lỗi truyền tín hiệu khi cố gắng gửi hoặc nhận fax. | <p>Kiểm tra đường dây điện thoại fax xem có hoạt động đúng cách không.</p> <p>Thử gửi và nhận fax một lần nữa.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1210series hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p> |
| Lỗi truyền Tín hiệu qua Động cơ in | Sản phẩm gặp lỗi phần cứng nội bộ. | <ol style="list-style-type: none"> 1. Tắt nguồn bằng cách dùng nút công tắc nguồn, và sau đó đợi ít nhất 30 giây. 2. Nếu máy đang dùng thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. 3. Bật nguồn điện và đợi cho sản phẩm khởi chạy. <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1210series hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p> |
| Lỗi Bộ cuộn sấy 50.X Tắt sau đó bật lại | Sản phẩm gặp lỗi phần cứng nội bộ. | <ol style="list-style-type: none"> 1. Tắt nguồn bằng cách dùng nút công tắc nguồn, và sau đó đợi ít nhất 30 giây. 2. Nếu máy đang dùng thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. 3. Bật nguồn điện và đợi cho sản phẩm khởi chạy. <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1210series hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p> |
| Lỗi Gửi Fax | Sản phẩm không thể gửi fax. | <p>Thử gửi lại fax sau, hoặc xác nhận với người nhận rằng máy nhận fax đã sẵn sàng.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1210series hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p> |


| Thông báo trên panen điều khiển | Mô tả | Hành động được đề xuất |
|--|--|--|
| Lỗi Máy quét 52 Tắt sau đó bật lại | Sản phẩm bị lỗi tính năng máy quét. | <p>Tắt nguồn bằng cách sử dụng công tắc nguồn, chờ ít nhất 30 giây, và sau đó bật lại nguồn và chờ cho sản phẩm khởi chạy.</p> <p>Nếu máy đang dùng thiết bị chống đột biến điện, hãy tháo thiết bị này ra. Cấm sản phẩm trực tiếp vào ổ điện. Sử dụng công tắc nguồn để bật sản phẩm.</p> <p>Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1210series hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p> |
| Nạp giấy khay <TYPE>, <SIZE> | Khay hết giấy. | Nạp và khay đúng loại giấy và khổ giấy. |
| Nạp giấy khay 1 THƯỜNG <SIZE> thay thế bằng Chế độ Lau dọn | Sản phẩm đang thực hiện chu kỳ lau dọn. | Nạp vào khay giấy thường có kích thước như được chỉ ra. Bấm nút OK để bắt đầu chu kỳ lau dọn. |
| Nắp đậy mở | Nắp ở trên hộp mực in mở. | Đóng nắp. |
| Sắp hết bộ nhớ Bấm [OK] | Sản phẩm không có đủ bộ nhớ để xử lý tác vụ. | <p>Nếu sản phẩm đang xử lý các tác vụ khác, hãy gửi lại tác vụ sau khi các tác vụ khác đã hoàn tất.</p> <p>Nếu sự cố vẫn tiếp tục, hãy tắt nguồn bằng cách dùng nút công tắc nguồn, sau đó đợi ít nhất 30 giây. Bật nguồn điện và đợi cho sản phẩm khởi chạy.</p> |
| Tiếp giấy thủ công <SIZE>, <TYPE> thay thế bằng Bấm [OK] dành cho vật liệu hiện có | Sản phẩm được đặt ở chế độ tiếp giấy thủ công. | Nạp vào khay đúng loại giấy và khổ giấy, hoặc bấm nút OK để sử dụng giấy đã có trong khay. |
| Trang quá phức tạp Bấm [OK] | Sản phẩm không thể in trang hiện thời vì trang quá phức tạp. | <p>Bấm nút OK để xóa thông báo.</p> <p>Cho phép sản phẩm hoàn tất tác vụ, hoặc bấm nút Cancel (Hủy) <input type="checkbox"/> để hủy tác vụ này.</p> |

Xử lý kẹt giấy

Khi xử lý kẹt giấy, hãy thật cẩn thận không làm rách giấy bị kẹt. Nếu có một mẫu giấy nhỏ còn lại trong sản phẩm, nó có thể làm kẹt giấy thêm.


Những nguyên nhân kẹt giấy thường gặp

- khay tiếp giấy được nạp không đúng cách hoặc quá đầy.

 **GHI CHÚ:** Khi bạn thêm vật liệu in mới, phải luôn loại bỏ tất cả vật liệu in ở khay tiếp giấy và làm phẳng tất cả tập vật liệu in. Việc này tránh nạp nhiều lần và giảm kẹt giấy.

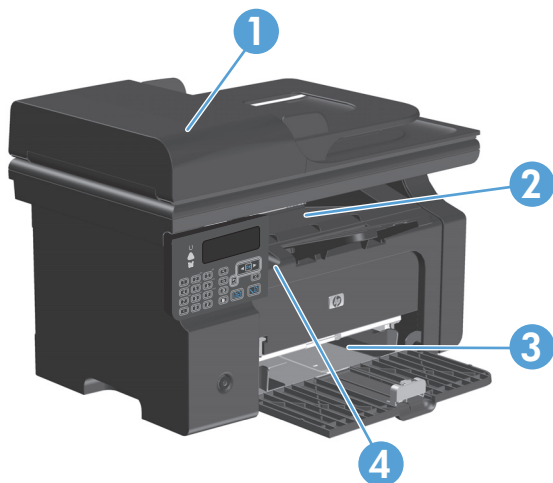
- Vật liệu in không đạt chỉ tiêu kỹ thuật của hãng HP.
- Có thể sản phẩm cần được lau chùi bụi giấy và các phần tử khác ở đường đi của giấy.

Mực lỏng có thể vẫn còn trong sản phẩm sau khi bị kẹt giấy. Mực này sẽ mất đi sau vài trang in.


 **THẬN TRỌNG:** Nếu bạn bị dính bột mực trên quần áo, hãy giặt quần áo bằng nước lạnh. *Nước nóng sẽ khiến bột mực se kết vĩnh viễn vào vải.*

Các địa điểm kẹt giấy

Kẹt giấy có thể xuất hiện tại các vị trí sau đây trong sản phẩm.

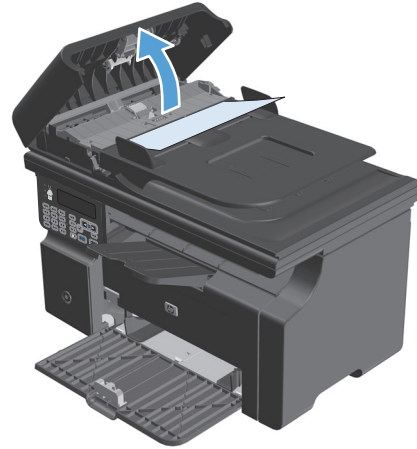


| | |
|---|---|
| 1 | Khay nạp tài liệu (Chỉ Dòng sản phẩm M1210) |
| 2 | Khay đựng giấy ra |
| 3 | Khay tiếp giấy |
| 4 | Khu vực bên trong (mở cửa hộp mực in) |

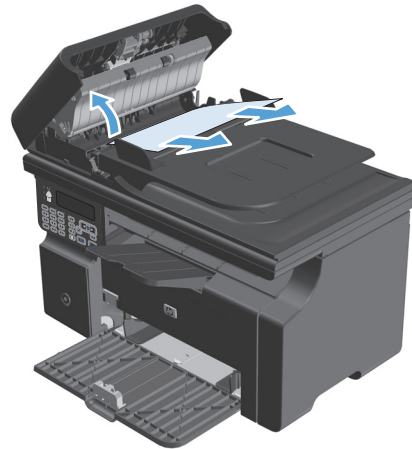
 **GHI CHÚ:** Giấy có thể bị kẹt ở nhiều hơn một địa điểm.

Gỡ giấy kẹt khỏi khay nạp tài liệu (Chỉ Dòng sản phẩm M1210)

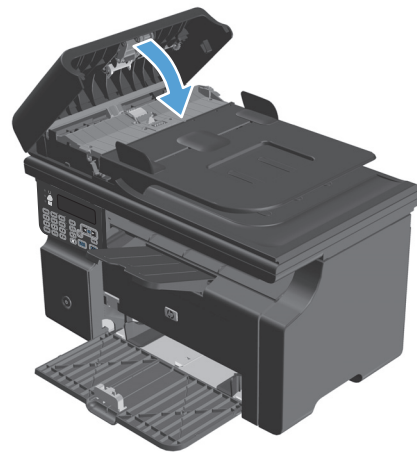
1. Mở nắp khay nạp tài liệu.



2. Cẩn thận lấy hết giấy bị kẹt ra. Nhẹ nhàng lấy giấy ra mà không làm rách giấy.



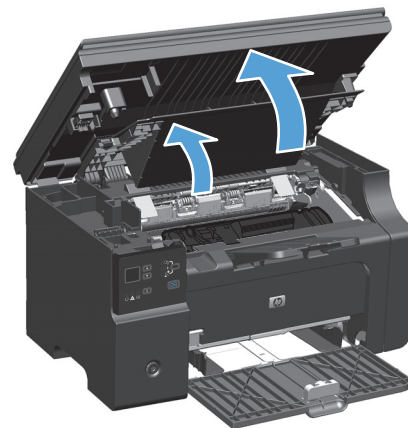
3. Đóng nắp khay nạp tài liệu.



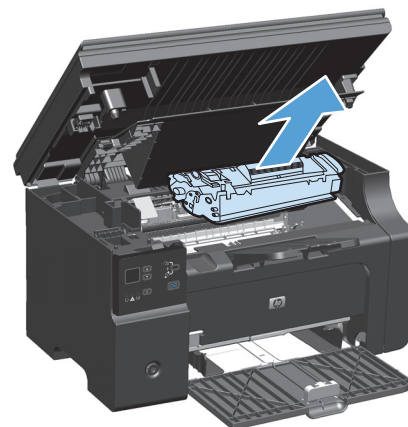
Gỡ giấy kẹt khỏi khu vực giấy ra

⚠ THẬN TRỌNG: Không dùng vật sắc nhọn như kẹp hoặc kim nhọn để tháo giấy kẹt. Hồng học do các vật nhọn sắc gây ra sẽ không được bảo hành.

1. Nâng cụm máy quét, và mở cửa hộp mực in.



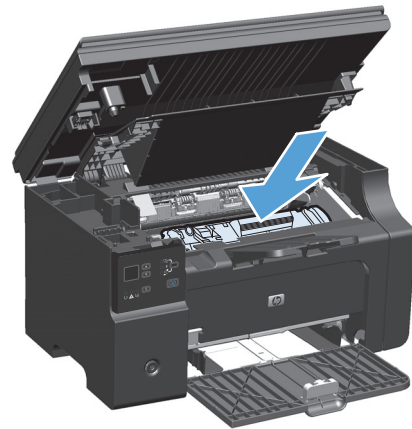
2. Tháo hộp mực in.



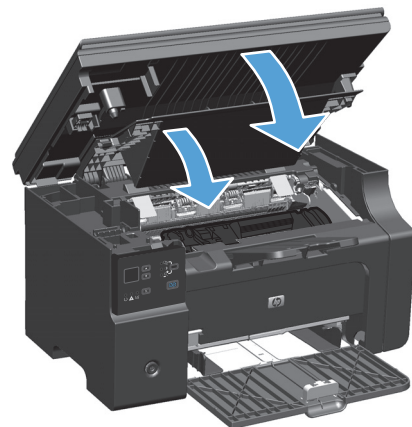
3. Vặn để cửa hộp mực mở, rồi dùng hai tay nắm lấy cạnh của trang giấy bị kẹt bạn nhìn thấy nhiều nhất (kể cả ở giữa), và cẩn thận kéo ra khỏi sản phẩm.



4. Lắp hộp mực.

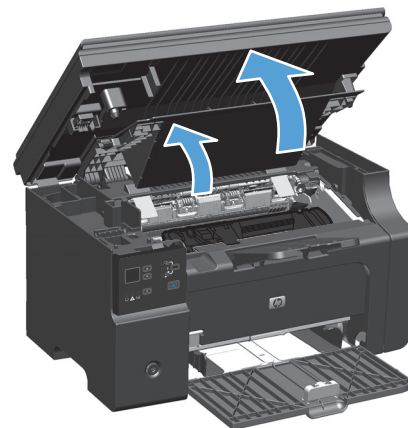


5. Đóng cửa hộp mực in và cụm máy quét.

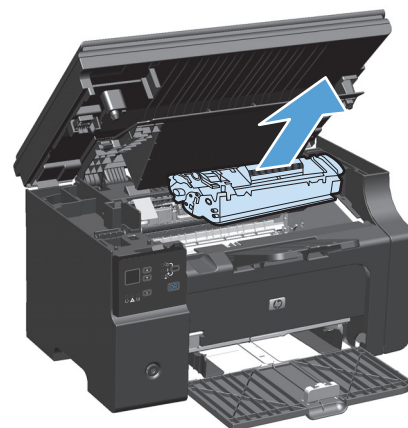


Gỡ giấy kẹt khỏi khay tiếp giấy

1. Nâng cụm máy quét, và mở cửa hộp mực in.



2. Tháo hộp mực in.



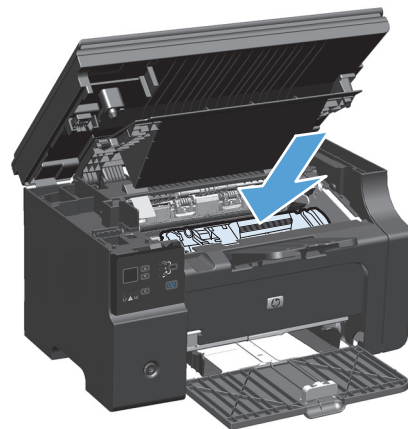
3. Lấy xấp giấy ra khỏi khay tiếp giấy.



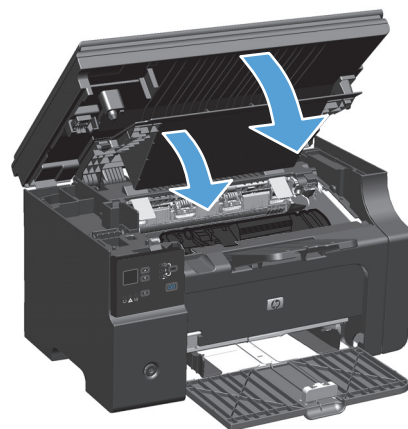
4. Bằng cả hai tay, nắm lấy một phía của giấy in bị kẹt mà bạn nhìn thấy rõ nhất (phía này bao gồm cả phần ở giữa) và cẩn thận kéo nó ra khỏi sản phẩm.



5. Lắp hộp mực.

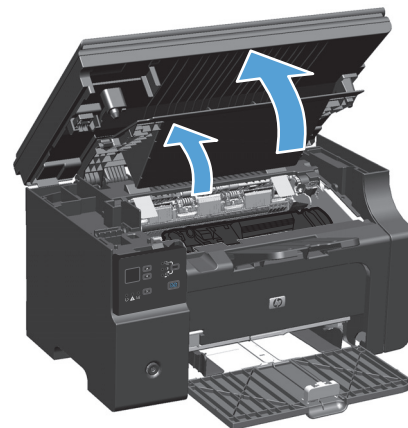


6. Đóng cửa hộp mực in và cụm máy quét.

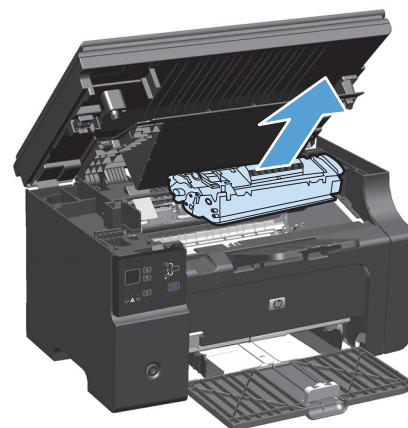


Gỡ giấy kẹt bên trong sản phẩm

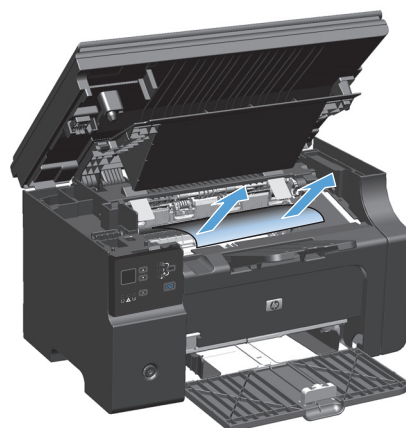
1. Nâng cụm máy quét, và mở cửa hộp mực in.



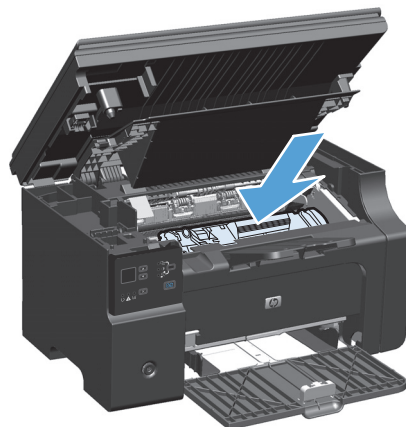
2. Tháo hộp mực in.



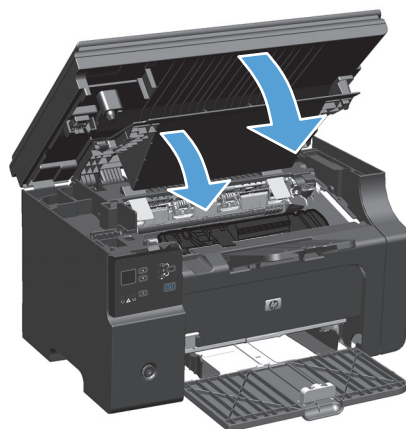
3. Nếu bạn nhìn thấy giấy bị kẹt, cẩn thận nắm lấy tờ giấy kẹt và từ từ kéo ra khỏi sản phẩm.



4. Lắp lại hộp mực in.



5. Đóng cửa hộp mực in và cụm máy quét.



Thay đổi cài đặt phục hồi khi bị kẹt giấy

Khi bật tính năng Jam recovery (Khôi phục Tình trạng Kẹt giấy), sản phẩm sẽ in lại mọi trang bị hư trong quá trình kẹt giấy.

1. Mở trình điều khiển máy in để thay đổi cài đặt mặc định. Làm theo thủ tục phù hợp, tùy thuộc vào hệ điều hành bạn đang sử dụng.

Windows XP, Windows Server 2003 và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Start mặc định):

- a. Nhấp vào **Khởi động**, rồi nhấp vào **Máy in và Fax**.
- b. Nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Properties** (Đặc Tính).
- c. Nhấp vào tab **Cài đặt Thiết bị**.


Windows XP, Windows Server 2003 và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Classic Start):

- a. Nhấp vào **Khởi động**, nhấp vào **Cài đặt**, rồi nhấp vào **Máy in**.
- b. Nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Properties** (Đặc Tính).
- c. Nhấp vào tab **Cài đặt Thiết bị**.


Windows Vista

- a. Nhấp vào **Khởi động**, nhấp vào **Bảng Điều khiển**, rồi trong phần **Phần cứng và Âm thanh** nhấp vào **Máy in**.
- b. Nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Properties** (Đặc Tính).
- c. Nhấp vào tab **Cài đặt Thiết bị**.

Mac OS X 10.4

- a. Từ menu Apple , nhấp vào menu **Tùy chọn hệ thống**, rồi nhấp vào biểu tượng **In & Fax**.
- b. Nhấp vào nút **Printer Setup (Cài đặt Máy in)**.

Mac OS X 10.5 và 10.6

- a. Từ menu Apple , nhấp vào menu **Tùy chọn hệ thống**, rồi nhấp vào biểu tượng **In & Fax**.
- b. Chọn sản phẩm ở cạnh bên trái của cửa sổ.
- c. Nhấp vào nút **Tùy chọn & Mục in**.
- d. Nhấp vào tab **Driver Trình điều khiển**.

2. Nhấp vào tùy chọn **Tự động** hoặc tùy chọn **Tắt** bên dưới **Phục hồi khi bị kẹt giấy**.

Giải quyết các vấn đề xử lý giấy

Các vấn đề sau về giấy có thể làm lệch chất lượng in, kẹt giấy hoặc làm hư hỏng sản phẩm.

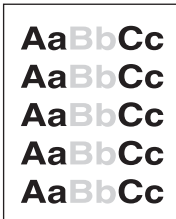


| Sự cố | Nguyên nhân | Giải pháp |
|---|--|--|
| Chất lượng in hoặc độ bám của bột mực kém | Giấy quá ẩm, nhám, nặng hoặc quá nhẵn hoặc giấy được dập nổi hoặc được làm từ lô giấy kém chất lượng. | In thử trên loại giấy khác từ 100 đến 250 Sheffield với độ ẩm từ 4% đến 6%. |
| | Mất ký tự, kẹt giấy hoặc bị nhăn | Cất giữ giấy không đúng cách. |
| Quá nhẵn | Giấy có hai mặt khác nhau. | Lật mặt giấy. |
| | Giấy quá ẩm, hương thơm giấy sai hoặc cấu trúc thớ ngắn. | Sử dụng giấy có thớ dài. |
| Kẹt giấy, làm hư hỏng sản phẩm | Giấy có hai mặt khác nhau. | Lật mặt giấy. |
| | Giấy bị rách hoặc có răng cưa. | Sử dụng giấy không bị rách hoặc răng cưa. |
| Sự cố khi tiếp giấy | Giấy có các góc không đều. | Sử dụng loại giấy chất lượng cao dành cho máy in la-de. |
| | Giấy có hai mặt khác nhau. | Lật mặt giấy. |
| | Giấy quá ẩm, nhám, nặng hoặc quá nhẵn hoặc có hương thơm giấy sai, có cấu trúc thớ ngắn hoặc được dập nổi hoặc được làm từ lô giấy kém chất lượng. | Thử dùng loại giấy khác từ 100 đến 250 Sheffield với độ ẩm từ 4% đến 6%. Sử dụng giấy có thớ dài. |
| Phần in bị lệch (không thẳng). | Bộ dẫn hướng giấy có thể được chỉnh không đúng cách. | Bỏ tất cả giấy ra khỏi khay, chỉnh lại bộ dẫn hướng giấy và sau đó để giấy trở lại khay. Điều chỉnh bộ dẫn hướng giấy cho phù hợp với khổ giấy mà bạn đang sử dụng và thử in lại. |
| Hơn một tờ giấy cùng nạp một lúc. | Khay giấy có thể đã bị quá tải. | Bỏ bớt một lượng giấy ra khỏi khay. |
| | Giấy có thể đã bị nhăn, gập hoặc bị rách. | Kiểm tra xem giấy có bị nhăn, gập hoặc bị rách không. Thử in trên giấy được lấy từ tệp giấy khác hoặc tệp giấy mới. |
| Sản phẩm không kéo giấy ở khay tiếp giấy. | Có thể sản phẩm đang ở chế độ nạp thủ công. | Trên máy tính, theo các hướng dẫn trên màn hình để vô hiệu hóa chế độ nạp thủ công. Hoặc, trên sản phẩm, mở và đóng cửa hộp mực. |
| | Trục nạp giấy có thể bị hỏng hoặc bẩn. | Liên hệ với bộ phận Chăm Sóc Khách Hàng của HP. Xem www.hp.com/support/ljm1130series hoặc www.hp.com/support/ljm1210series hoặc tờ rơi hỗ trợ có ở hộp đựng. |
| | Bộ phận điều chỉnh chiều dài giấy trong khay tiếp giấy được cài ở chiều dài lớn hơn kích thước giấy. | Cài bộ phận điều chỉnh chiều dài giấy đúng với chiều dài. |

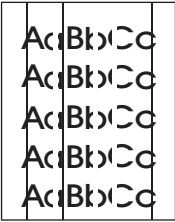


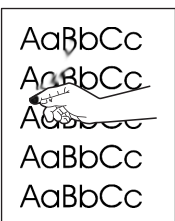
Giải quyết các vấn đề về chất lượng hình ảnh


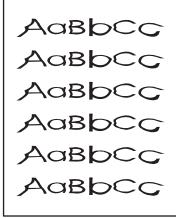
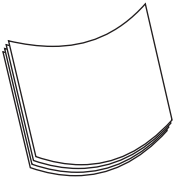
Ví dụ về chất lượng in


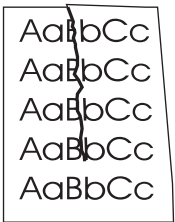
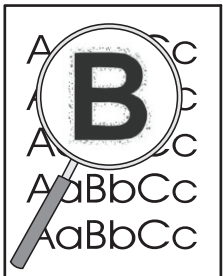

Các vấn đề chung về chất lượng in

Các vấn đề sau đây mô tả giấy có kích thước thư đã đi qua sản phẩm bằng cạnh ngăn trước. Các ví dụ này sẽ minh họa vấn đề có thể ảnh hưởng đến tất cả các trang mà bạn in. Các chủ đề kế tiếp liệt kê nguyên nhân và giải pháp thông thường cho mỗi ví dụ.

| Sự cố | Nguyên nhân | Giải pháp |
|---|---|---|
| Bản in mờ hoặc không rõ.  | Giấy không đáp ứng thông số kỹ thuật của HP . | Hãy sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của HP . |
| | Hộp mực in có thể bị lỗi hoặc gần cạn. Nếu bạn đang dùng hộp mực không phải của HP, không có thông báo nào xuất hiện trên bảng điều khiển sản phẩm. | Thay hộp mực. Nếu hộp mực chưa gần cạn hoặc chưa hết, hãy kiểm tra thanh trực mực xem thanh này có bị hư hỏng hay không. Nếu có, hãy thay hộp mực in. |
| | Nếu toàn bộ trang bị nhạt thì mức điều chỉnh mật độ mực in quá ít hoặc đã bật Chế Độ Tiết Kiệm. | Điều chỉnh mật độ mực và không chọn EconoMode (Chế Độ Tiết Kiệm) trong trình điều khiển máy in. |
| Vết bột mực xuất hiện.  | Giấy không đáp ứng thông số kỹ thuật của HP . | Hãy sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của HP . |
| | Đường dẫn giấy có thể cần lau chùi. | Hãy làm sạch đường dẫn giấy. |
| Có hiện tượng mất ký tự.  | Một tờ giấy in có thể bị lỗi. | Thử in lại. |
| | Mức độ ẩm của giấy không đều hoặc giấy có những điểm ẩm trên bề mặt. | Thử giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser. |
| | Lô giấy có lỗi. Quá trình sản xuất có thể khiến một số vùng không ăn bột mực. | Thay hộp mực. Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem www.hp.com/support/ljm1130series hoặc www.hp.com/support/ljm1210series hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm. |

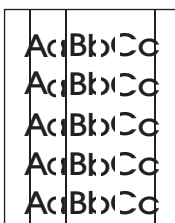
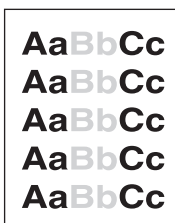
| Sự cố | Nguyên nhân | Giải pháp |
|---|---|---|
| Các vết dọc hoặc dải xuất hiện trên trang. | Hộp mực in có thể bị lỗi. | Thay hộp mực. |
|  | | |
| Lượng bột màu nền trở nên không chấp nhận được. | Giấy không đáp ứng thông số kỹ thuật của HP . | Dùng trang khác có trọng lượng nhẹ hơn. |
|  | Thông số mật độ in quá cao. | Giảm thông số cài đặt của mật độ in. Thao tác này sẽ làm giảm hiệu ứng tô bóng nền. |
| | Môi trường quá khô (độ ẩm thấp) có thể làm tăng hiệu ứng tô bóng nền. | Kiểm tra môi trường quanh sản phẩm. |
| | Hộp mực in có thể bị lỗi hoặc gần cạn. | Thay hộp mực. |
| Vết bắn bột mực xuất hiện trên phương tiện. | Giấy không đáp ứng thông số kỹ thuật của HP . | Hãy sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của HP . |
|  | Nếu vết bắn bột mực xuất hiện trên cạnh trên của giấy có nghĩa là các thanh dẫn phương tiện bị bắn, hoặc mảnh vụn đã tích tụ trên đường dẫn in. | Lau chùi đường dẫn giấy và thanh dẫn giấy in. |
| | Hộp mực in có thể bị lỗi. | Thay hộp mực. |
| | Nhiệt độ bộ nhiệt áp có thể quá thấp. | Trong trình điều khiển máy in, đảm bảo chọn loại giấy thích hợp. |
| Bột mực dễ dàng vấy bẩn khi chạm vào. | Sản phẩm chưa được cài để in loại giấy mà bạn muốn in trên đó. | Trong trình điều khiển máy in, chọn tab Paper/Quality (Giấy/Chất Lượng) và đặt Paper Type (Loại Giấy) sao cho tương ứng với loại giấy mà bạn đang in. Tốc độ in có thể chậm hơn nếu bạn định sử dụng giấy nặng. |
|  | Giấy không đáp ứng thông số kỹ thuật của HP . | Hãy sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của HP . |
| | Đường dẫn giấy có thể cần lau chùi. | Hãy làm sạch đường dẫn giấy. |
| | Nguồn điện có thể bị lỗi. | Cắm phích sản phẩm trực tiếp vào ổ cắm điện xoay chiều thay vì cắm vào bảng điện. |
| | Nhiệt độ bộ nhiệt áp có thể quá thấp. | Trong trình điều khiển máy in, đảm bảo chọn loại giấy thích hợp. |

| Sự cố | Nguyên nhân | Giải pháp |
|---|--|---|
| <p>Các vết mực thường xuyên tái xuất hiện cách khoảng trên trang.</p>  | <p>Sản phẩm chưa được cài để in loại giấy mà bạn muốn in trên đó.</p> | <p>Trong trình điều khiển máy in, chọn tab Paper/Quality (Giấy/Chất Lượng) và đặt Paper Type (Loại Giấy) sao cho tương ứng với loại giấy mà bạn đang in. Tốc độ in có thể chậm hơn nếu bạn định sử dụng giấy nặng.</p> |
| | <p>Các bộ phận bên trong có thể bị dính mực.</p> | <p>Vấn đề thường tự mất đi sau khi in thêm vài trang.</p> |
| | <p>Đường dẫn giấy có thể cần lau chùi.</p> | <p>Hãy làm sạch đường dẫn giấy.</p> |
| | <p>Hộp mực in có thể bị hỏng.</p> | <p>Nếu vết lặp đi lặp lại xuất hiện ở vị trí tương tự trên một trang, hãy lắp hộp mực in HP mới.</p> |
| <p>Trang in có những ký tự bị lỗi.</p>  | <p>Giấy không đáp ứng thông số kỹ thuật của HP .</p> | <p>Dùng một trang giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.</p> |
| | <p>Nếu các ký tự bị lỗi và chúng tạo ra một hiệu ứng sóng, máy quét laser có thể cần sửa chữa.</p> | <p>Kiểm tra xem vấn đề có xuất hiện trên cả trang cấu hình không. Nếu có, hãy liên hệ với HP. Xem www.hp.com/support/ljm1130series hoặc www.hp.com/support/ljm1210series hoặc các tờ bươm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.</p> |
| <p>Trang in bị cong hoặc lượn sóng.</p>  | <p>Sản phẩm chưa được cài để in loại giấy mà bạn muốn in trên đó.</p> | <p>Trong trình điều khiển máy in, chọn tab Paper/Quality (Giấy/Chất Lượng) và đặt Paper Type (Loại Giấy) sao cho tương ứng với loại giấy mà bạn đang in. Tốc độ in có thể chậm hơn nếu bạn định sử dụng giấy nặng.</p> |
| | <p>Giấy in có thể đã được để trong khay tiếp giấy quá lâu.</p> | <p>Nếu sự cố vẫn còn, hãy chọn loại giấy sử dụng nhiệt độ bộ nhiệt áp thấp hơn, như loại giấy in nhẹ hoặc giấy trong suốt.</p> |
| | <p>Giấy không đáp ứng thông số kỹ thuật của HP .</p> | <p>Lật chồng giấy trong khay. Ngoài ra, thử xoay 180° giấy có trong khay tiếp giấy.</p> |
| | <p>Cả nhiệt độ cao và độ ẩm cao có thể làm cong giấy.</p> | <p>Dùng một trang giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.</p> |
| | <p>Nhiệt độ của bộ nhiệt áp cũng có thể làm cong giấy.</p> | <p>Kiểm tra môi trường quanh sản phẩm.</p> |
| | | <p>Dòng sản phẩm M1130 chọn loại giấy sử dụng nhiệt độ bộ nhiệt áp thấp hơn như loại giấy in nhẹ hoặc giấy trong suốt.</p> |
| | | <p>Dòng sản phẩm M1210 Tại bảng điều khiển sản phẩm, bật cài đặt Giấy ít quán hơn trong menu Service (Dịch vụ).</p> |

| Sự cố | Nguyên nhân | Giải pháp |
|--|--|---|
| <p>Văn bản và đồ họa bị lệch trên trang in.</p>  | <p>Có thể bạn đã nạp giấy không đúng cách hoặc khay tiếp giấy đã quá đầy.</p> <p>Giấy không đáp ứng thông số kỹ thuật của HP .</p> | <p>Kiểm tra xem giấy có được nạp đúng cách và các thanh dẫn giấy có bị kẹt quá hoặc lỏng quá so với xấp giấy không.</p> <p>Dùng một trang giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.</p> |
| <p>Trang in ra có nếp nhăn hoặc nếp gấp.</p>  | <p>Có thể bạn đã nạp giấy không đúng cách hoặc khay tiếp giấy đã quá đầy.</p> <p>Có thể có kẹt giấy trong đường dẫn giấy.</p> <p>Giấy không đáp ứng thông số kỹ thuật của HP .</p> <p>Các túi khí bên trong phong bì có thể làm chúng bị nhăn.</p> | <p>Lật ngược chồng giấy trong khay tiếp giấy, hoặc thử xoay giấy 180° trong khay tiếp giấy.</p> <p>Kiểm tra xem giấy có được nạp đúng cách và các thanh dẫn giấy có bị kẹt quá hoặc lỏng quá so với xấp giấy không.</p> <p>Xử lý bất kỳ tình trạng kẹt giấy nào xảy ra trong sản phẩm.</p> <p>Dùng một trang giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.</p> <p>Nhấc phong bì ra, làm phẳng nó, rồi thử in lại.</p> |
| <p>Bột mực xuất hiện quanh các ký tự đã in.</p>  | <p>Có thể đã nạp giấy không đúng cách.</p> <p>Nếu có nhiều mực phân tán quanh các ký tự, giấy có thể có điện trở suất cao.</p> | <p>Lật chồng giấy trong khay.</p> <p>Dùng một trang giấy khác, chẳng hạn như giấy chất lượng cao được dành riêng cho các máy in laser.</p> |
| <p>Có hình xuất hiện trên cạnh trên cùng của trang (màu đen liên khối) lặp lại phía dưới trang (trong trường hợp màu xám).</p>  | <p>Cài đặt phần mềm có thể ảnh hưởng đến việc in hình.</p> <p>Thứ tự các hình được in có thể ảnh hưởng đến việc in.</p> <p>Hiện tượng đột biến điện có thể đã ảnh hưởng đến sản phẩm.</p> | <p>Trong chương trình phần mềm của bạn, thay đổi tông màu (độ đậm) của trang mà trong đó hình xuất hiện lặp lại.</p> <p>Trong chương trình phần mềm của bạn, xoay toàn bộ trang 180° để in hình nhạt hơn trước.</p> <p>Thay đổi thứ tự các hình sẽ được in. Ví dụ, in hình nhạt hơn ở phía trên cùng của trang, và hình đậm hơn ở phía dưới trang.</p> <p>Nếu lỗi xuất hiện sau khi tiến hành tác vụ in, hãy tắt sản phẩm trong thời gian 10 phút, và sau đó bật sản phẩm để khởi động lại tác vụ in.</p> |

Sao chép các vấn đề về chất lượng in

| Sự cố | Nguyên nhân | Giải pháp |
|---|---|--|
| Hình ảnh bị thiếu hoặc mờ. | Hộp mực in có thể bị lỗi hoặc gần cạn. | Thay hộp mực. |
| | Bản gốc có thể bị kém chất lượng. | Nếu bản gốc quá mờ hoặc bị hư hỏng, bản sao có thể sẽ bị ảnh hưởng, ngay cả khi bạn đã hiệu chỉnh độ tương phản. Nếu được, hãy tìm tài liệu gốc có chất lượng tốt hơn. |
| | Có thể bạn đã cài thông số độ tương phản không đúng. | Sử dụng bảng điều khiển để thay đổi cài đặt về độ tương phản. |
| | Bản gốc có thể dùng nền màu. | Các nền màu có thể khiến hình ảnh ở mặt trước bị hòa trộn vào nền, hoặc nền có thể hiện ra dưới dạng bóng khác. Nếu được, hãy dùng tài liệu gốc không có nền màu. |
| Bản sao xuất hiện các sọc đứng màu trắng hoặc màu nhạt. | Giấy không đáp ứng thông số kỹ thuật của HP . | Hãy sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của HP . |
| | Hộp mực in có thể bị lỗi hoặc gần cạn. | Thay hộp mực. |
| Các đường kẻ lạ xuất hiện trên bản sao. | Dải quét khay nạp tài liệu có thể bị bẩn. | Lau sạch dải quét khay nạp tài liệu. |
| | Trống cảm quang trong hộp mực có thể bị xước. | Thay hộp mực. |
| Các vết hoặc nốt đen xuất hiện trên bản sao. | Mực, keo dán, mực bút xóa, hoặc các chất lạ có thể dính trên khay nạp tài liệu. | Lau sạch dải quét khay nạp tài liệu. |
| | Nguồn điện dùng cho sản phẩm có thể không ổn định. | Thực hiện lại tác vụ in. |



| Sự cố | Nguyên nhân | Giải pháp |
|----------------------------------|--|---|
| Các bản sao quá mờ hoặc quá đậm. | Các thông số phần mềm sản phẩm hoặc trình điều khiển máy in không chính xác. | Kiểm tra xem các thông số chất lượng có chính xác hay không. Xem phần Trợ giúp phần mềm của sản phẩm để biết thêm thông tin về cách thay đổi các thông số này. |
| Nội dung văn bản không rõ ràng. | Các thông số phần mềm sản phẩm hoặc trình điều khiển máy in không chính xác. | Kiểm tra xem các thông số chất lượng có chính xác hay không. Kiểm tra xem EconoMode (Chế độ Tiết kiệm) đã tắt chưa. Xem phần Trợ giúp phần mềm của sản phẩm để biết thêm thông tin về cách thay đổi các thông số này. |

Các vấn đề về chất lượng quét

Ngăn chặn các vấn đề về chất lượng quét

Sau đây là một số bước đơn giản mà bạn có thể làm để cải thiện chất lượng sao chép và quét:

- Dùng các bản gốc chất lượng cao.
- Nạp giấy đúng cách. Nếu giấy không được nạp đúng cách, chúng có thể bị lệch, và tạo ra các ảnh quét không rõ ràng.
- Hiệu chỉnh các thông số phần mềm theo ý định của bạn khi sử dụng các trang quét.
- Nếu sản phẩm của bạn thường tiếp nhiều giấy mỗi lần nạp thì cần phải lau hoặc thay đệm ngăn cách.
- Dùng hoặc tạo giấy đỡ để bảo vệ bản gốc của bạn.

Giải quyết các vấn đề về chất lượng bản quét

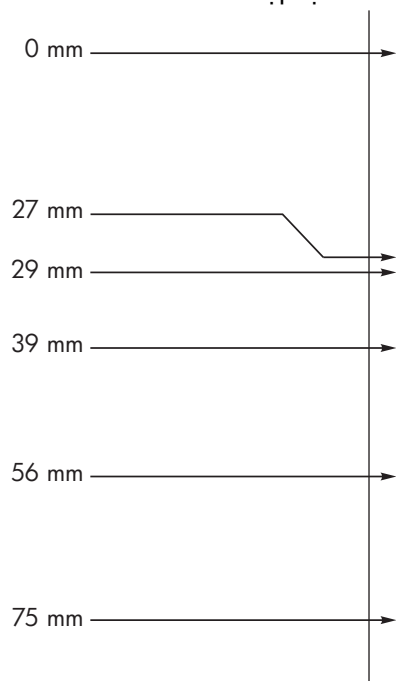
| Sự cố | Nguyên nhân | Giải pháp |
|----------------------|---|---|
| Giấy trống | Có thể bạn đã nạp bản gốc lật ngược. | Trong khay nạp tài liệu, đưa đầu trên của xấp tài liệu gốc vào khay nạp tài liệu, với mặt của xấp giấy hướng xuống dưới và trang đầu tiên được quét nằm ở dưới cùng của xếp giấy. |
| Quá mờ hoặc quá đậm | Giá trị độ phân giải và màu sắc có thể đã cài không đúng. | Kiểm tra lại để đảm bảo bạn đã cài đúng các thông số màu sắc và độ phân giải. |
| Các đường kẻ lạ | Kính của khay nạp tài liệu có thể bị bẩn. | Lau chùi dải máy quét. |
| Các vệt hoặc nốt đen | Nguồn điện dùng cho sản phẩm có thể không ổn định. | Thực hiện lại tác vụ in. |
| Văn bản không rõ | Có thể độ phân giải được cài chưa đúng. | Kiểm tra xem cài đặt về độ phân giải có đúng không. |

Thước lỗi lặp lại

Nếu lỗi lặp lại tại những khoảng đều nhau trên trang, hãy sử dụng thước này để xác định nguyên nhân gây lỗi. Đặt đầu trên của thước tại điểm lỗi đầu tiên. Dấu bên trong lỗi tiếp theo cho biết thành phần nào cần thay thế.

Nếu có khiếm khuyết liên quan đến động cơ in hoặc bộ nhiệt áp thì có thể sản phẩm cần được bảo dưỡng. Liên hệ với bộ phận Chăm Sóc Khách Hàng của HP.

Hình 12-1 Thước lỗi lặp lại



| Khoảng cách giữa các lỗi | Các thành phần của sản phẩm gây ra lỗi |
|--------------------------|--|
| 27 mm | Động cơ in |
| 29 mm | Động cơ in |
| 39 mm | Động cơ in |
| 56 mm | Bộ nhiệt áp |
| 75 mm | Hộp mực in |

Tối ưu hóa và cải thiện chất lượng hình ảnh

Thay đổi mật độ in

1. Mở trình điều khiển máy in để thay đổi cài đặt mặc định. Làm theo thủ tục phù hợp, tùy thuộc vào hệ điều hành bạn đang sử dụng.

Windows XP, Windows Server 2003 và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Start mặc định):

- a. Nhấp vào **Khởi động**, rồi nhấp vào **Máy in và Fax**.
- b. Nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Properties** (Đặc Tính).
- c. Nhấp vào tab **Cài đặt Thiết bị**.


Windows XP, Windows Server 2003 và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Classic Start):

- a. Nhấp vào **Khởi động**, nhấp vào **Cài đặt**, rồi nhấp vào **Máy in**.
- b. Nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Properties** (Đặc Tính).
- c. Nhấp vào tab **Cài đặt Thiết bị**.


Windows Vista

- a. Nhấp vào **Khởi động**, nhấp vào **Bảng Điều khiển**, rồi trong phần **Phần cứng và Âm thanh** nhấp vào **Máy in**.
- b. Nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển, và sau đó chọn **Properties** (Đặc Tính).
- c. Nhấp vào tab **Cài đặt Thiết bị**.

Mac OS X 10.4

- a. Từ menu Apple , nhấp vào menu **Tùy chọn hệ thống**, rồi nhấp vào biểu tượng **In & Fax**.
- b. Nhấp vào nút **Printer Setup (Cài đặt Máy in)**.

Mac OS X 10.5 và 10.6

- a. Từ menu Apple , nhấp vào menu **Tùy chọn hệ thống**, rồi nhấp vào biểu tượng **In & Fax**.
- b. Chọn sản phẩm ở cạnh bên trái của cửa sổ.
- c. Nhấp vào nút **Tùy chọn & Mục in**.
- d. Nhấp vào tab **Driver Trình điều khiển**.

2. Điều chỉnh con trượt **Print Density (Mật độ In)** để thay đổi cài đặt.

Quản lý và cấu hình trình điều khiển máy in

Sản phẩm này sử dụng cài đặt loại giấy để thiết lập nhiều cài đặt bên trong có thể ảnh hưởng đến chất lượng in. Luôn sử dụng cài đặt loại giấy chính xác trong trình điều khiển máy in. Ngoài ra, cũng cần đảm bảo rằng cài đặt khác trên tab **Giấy/Chất lượng** trong trình điều khiển máy in là chính xác.

Xử lý vấn đề về hoạt động

| Sự cố | Nguyên nhân | Giải pháp |
|---|--|---|
| In ra được các trang nhưng chúng lại hoàn toàn bị để trống. | Bảng dán có thể vẫn còn trong các hộp mực. | Kiểm tra xem bảng dán đã được lấy hết ra khỏi các hộp mực chưa. |
| | Tài liệu có thể có các trang trắng. | Kiểm tra tài liệu được in xem có nội dung trên tất cả các trang không. |
| | Máy in có thể bị lỗi. | Để kiểm tra máy in, hãy in một trang Cấu hình. |
| Các trang được in rất chậm. | Các loại giấy nặng hơn có thể làm chậm lệnh in. | Hãy in trên một loại giấy khác. |
| | Các trang phức tạp có thể in chậm. | Quá trình sấy nóng thích hợp có thể yêu cầu tốc độ in chậm hơn để đảm bảo chất lượng in tốt nhất. |
| Các trang không được in. | Sản phẩm có thể không lấy giấy theo đúng cách. | Đảm bảo giấy được nạp vào khay theo đúng cách. |
| | Giấy đang kẹt trong sản phẩm. | Xử lý kẹt giấy. |
| | Cáp USB có thể bị hư hoặc kết nối không đúng. | <ul style="list-style-type: none">Ngắt cáp USB ở cả hai đầu và cắm lại.Thử in một nhiệm vụ đã in được trước đó.Thử sử dụng một cáp USB khác. |
| | Các thiết bị khác đang chạy trên máy tính của bạn. | Sản phẩm này không thể chia sẻ cổng USB. Nếu bạn có một ổ cứng ngoài hoặc hộp chuyển mạng sử dụng chung một cổng với sản phẩm này, thiết bị kia có thể gây ảnh hưởng. Để nối và sử dụng sản phẩm này, bạn phải ngắt thiết bị kia hoặc sử dụng hai cổng USB trên máy tính. |

Giải quyết sự cố kết nối

Xử lý vấn đề kết nối trực tiếp

Nếu bạn đã kết nối trực tiếp sản phẩm vào máy tính, kiểm tra cáp USB.

- Kiểm tra xem cáp USB đã cắm vào máy tính và vào sản phẩm chưa.
- Kiểm tra rằng cáp USB không dài quá 2 mét. Thay cáp nếu cần.
- Kiểm tra hoạt động của cáp USB bằng cách cắm dây cáp vào sản phẩm khác. Cắm cáp vào cổng khác trên máy tính. Thay cáp nếu cần.

Xử lý vấn đề về mạng

Kiểm tra các mục sau để đảm bảo sản phẩm hiện truyền được tín hiệu qua mạng. Trước khi bắt đầu, hãy in một trang cấu hình.

| Sự cố | Giải pháp |
|---|--|
| Kết nối vật lý kém | <p>Hãy kiểm tra xem sản phẩm có được cắm vào đúng cổng mạng bằng cách sử dụng cáp có độ dài phù hợp không.</p> <p>Hãy kiểm tra xem các kết nối cáp có chắc không.</p> <p>Kiểm tra kết nối cổng mạng trên mặt sau của sản phẩm, và chắc chắn rằng đèn hoạt động màu hổ phách và đèn báo tình trạng liên kết màu xanh lá cây vẫn sáng.</p> <p>Nếu vẫn có vấn đề, hãy thử dùng dây cáp hoặc cổng khác trên bộ hub.</p> |
| Máy tính không thể giao tiếp với sản phẩm. | <p>Sử dụng dấu nhắc lệnh để kiểm tra khả năng liên lạc của sản phẩm bằng giao thức PING từ máy tính của bạn. Ví dụ:</p> <pre>ping 192.168.45.39</pre> <p>Hãy kiểm tra xem ping có hiển thị thời gian khứ hồi, thông tin này cho phép biết nó đang hoạt động tốt.</p> <p>Nếu lệnh ping không thể hồi đáp, kiểm tra rằng các hub mạng đã được bật, sau đó kiểm tra rằng các cài đặt mạng, sản phẩm và máy tính, tất cả đều đã được lập cấu hình cho cùng một mạng.</p> |
| Cài đặt in hai mặt và liên kết không chính xác | <p>HP khuyến nghị bạn để cài đặt này ở chế độ tự động (cài đặt mặc định).</p> |
| Địa chỉ IP được đặt trên máy tính cho sản phẩm là không chính xác | <p>Hãy sử dụng đúng địa chỉ IP. Địa chỉ IP được liệt kê trên trang cấu hình.</p> <p>Mở đặc tính máy in và nhấp vào tab Ports (Cổng). Kiểm tra xem địa chỉ IP hiện tại cho sản phẩm có được chọn không.</p> <ul style="list-style-type: none"> Nếu bạn đã cài đặt sản phẩm bằng cổng TCP/IP chuẩn HP, hãy chọn hộp có nhãn Always print to this printer, even if its IP address changes (Luôn in vào máy in này ngay cả khi địa chỉ IP thay đổi). Nếu bạn đã cài đặt sản phẩm bằng cổng TCP/IP chuẩn Microsoft, hãy sử dụng tên máy chủ thay cho địa chỉ IP. <p>Nếu đúng địa chỉ IP, hãy xóa sản phẩm và sau đó thêm lại.</p> |
| Các chương trình phần mềm mới đã gây ra vấn đề. | <p>Hãy kiểm tra và đảm bảo rằng mọi chương trình phần mềm mới được cài đặt theo đúng cách và chúng sử dụng đúng trình điều khiển máy in.</p> |
| Máy in của bạn hoặc trạm làm việc được cài đặt sai. | <p>Hãy kiểm tra các trình điều khiển mạng, trình điều khiển máy in, và chuyển hướng mạng.</p> <p>Kiểm tra xem hệ điều hành có được cấu hình đúng không.</p> |
| Giao thức bị vô hiệu, hoặc các cài đặt mạng khác bị sai. | <p>Xem lại trang cấu hình để kiểm tra tình trạng của giao thức. Bật nó nếu cần.</p> <p>Định cấu hình lại cài đặt mạng nếu cần.</p> |

Giải quyết sự cố phần mềm

Các sự cố thông thường của Windows

Thông báo lỗi:

“(Tên chương trình, ví dụ: Internet Explorer) đã gặp sự cố và cần đóng lại. Chúng tôi xin lỗi vì sự bất tiện này”

| Nguyên nhân | Giải pháp |
|-------------|---|
| | <p>Đóng tất cả các chương trình phần mềm, khởi động lại Windows, và thử lại.</p> <p>Nếu ứng dụng được tham chiếu là trình điều khiển máy in, hãy chọn hoặc cài đặt trình điều khiển máy in khác. Nếu trình điều khiển máy in PCL 6 của sản phẩm được chọn, hãy chuyển sang trình điều khiển máy in PCL 5 hoặc mô phỏng HP postscript cấp 3.</p> <p>Xem các tài liệu Microsoft Windows kèm theo máy tính để biết thêm thông tin về các thông báo lỗi của Windows hoặc truy cập vào www.microsoft.com.</p> |


Xử lý các sự cố thông thường của Mac

Bảng 12-3 Các vấn đề ở Mac OS X


Trình điều khiển máy in không được liệt kê trong Tiện ích Cài đặt Máy in hoặc danh sách In & Fax.

| Nguyên nhân | Giải pháp |
|---|---|
| Phần mềm sản phẩm có thể chưa được cài đặt hay không được cài đặt đúng. | <p>Đảm bảo rằng tệp .GZ của sản phẩm nằm trong thư mục sau trên ổ cứng:</p> <ul style="list-style-type: none">• Mac OS X v10.4: Library/Printers/PPDs/Contents/Resources/<lang>.lproj, trong đó <lang> là mã ngôn ngữ có hai chữ dành cho ngôn ngữ mà bạn đang dùng.• Mac OS X v10.5 và v10.6: Library/Printers/PPDs/Contents/Resources <p>Cài lại phần mềm nếu cần. Xem hướng dẫn trong phần hướng dẫn bắt đầu sử dụng.</p> |
| Tệp Mô tả Máy in Bằng Ngôn ngữ PostScript (PPD) bị lỗi. | <p>Xóa tệp tin .GZ ra khỏi thư mục ổ cứng sau:</p> <ul style="list-style-type: none">• Mac OS X v10.4: Library/Printers/PPDs/Contents/Resources/<lang>.lproj, trong đó <lang> là mã ngôn ngữ có hai chữ dành cho ngôn ngữ mà bạn đang dùng.• Mac OS X v10.5 và v10.6: Library/Printers/PPDs/Contents/Resources <p>Cài đặt lại phần mềm. Xem hướng dẫn trong phần hướng dẫn bắt đầu sử dụng.</p> |

Tên sản phẩm không xuất hiện trong danh sách sản phẩm ở Tiện ích Cài đặt Máy in hoặc danh sách In & Fax.

| Nguyên nhân | Giải pháp |
|---|--|
| Sản phẩm có thể chưa sẵn sàng. | Chắc chắn là các dây cáp được tiếp xúc đúng cách, đã bật sản phẩm và đèn báo Ready (Sẵn sàng)  đã sáng. |
| Sử dụng sai tên sản phẩm. | In trang cấu hình để kiểm tra tên sản phẩm. Xác định rằng tên trên trang cấu hình phù hợp với tên sản phẩm trong Tiện ích Cài đặt Máy in hoặc danh sách In & Fax. |
| Cáp ghép nối có thể bị lỗi hoặc chất lượng kém. | Thay cáp bằng một cáp chất lượng cao. |

Trình điều khiển máy in không tự động cài đặt sản phẩm đã chọn ở Tiện ích Cài đặt Máy in hoặc danh sách In & Fax.

| Nguyên nhân | Giải pháp |
|---|---|
| Sản phẩm có thể chưa sẵn sàng. | Chắc chắn là các dây cáp được tiếp xúc đúng cách, đã bật sản phẩm và đèn báo Ready (Sẵn sàng)  đã sáng. |
| Phần mềm sản phẩm có thể chưa được cài đặt hay không được cài đặt đúng. | Đảm bảo rằng tệp PPD của sản phẩm nằm trong thư mục sau trên ổ cứng: <ul style="list-style-type: none">• Mac OS X v10.4: Library/Printers/PPDs/Contents/Resources/<lang>.lproj, trong đó <lang> là mã ngôn ngữ có hai chữ dành cho ngôn ngữ mà bạn đang dùng.• Mac OS X v10.5 và v10.6: Library/Printers/PPDs/Contents/Resources Cài lại phần mềm nếu cần. Xem hướng dẫn trong phần hướng dẫn bắt đầu sử dụng. |
| Tệp Mô tả Máy in Bằng Ngôn ngữ PostScript (PPD) bị lỗi. | Xóa tệp tin .GZ ra khỏi thư mục ổ cứng sau: <ul style="list-style-type: none">• Mac OS X v10.4: Library/Printers/PPDs/Contents/Resources/<lang>.lproj, trong đó <lang> là mã ngôn ngữ có hai chữ dành cho ngôn ngữ mà bạn đang dùng.• Mac OS X v10.5 và v10.6: Library/Printers/PPDs/Contents/Resources Cài đặt lại phần mềm. Xem hướng dẫn trong phần hướng dẫn bắt đầu sử dụng. |
| Cáp ghép nối có thể bị lỗi hoặc chất lượng kém. | Thay cáp giao diện bằng một cáp chất lượng cao. |

Một lệnh in đã không được gửi tới sản phẩm bạn muốn.

| Nguyên nhân | Giải pháp |
|---|---|
| Chuỗi in này có thể đã bị ngừng. | Khởi động lại chuỗi in. Mở print monitor (màn hình in) và chọn Start Jobs (Bắt đầu Lệnh In). |
| Sử dụng sai tên sản phẩm. Một sản phẩm khác có cùng tên hoặc có tên tương tự có thể đã nhận công việc in của bạn. | In trang cấu hình để kiểm tra tên sản phẩm. Xác định rằng tên trên trang cấu hình phù hợp với tên sản phẩm trong Tiện ích Cài đặt Máy in hoặc danh sách In & Fax. |

Bạn không thể in từ thẻ USB thứ ba.

Nguyên nhân

Lỗi này xảy ra khi phần mềm cho các sản phẩm USB chưa được cài đặt.

Giải pháp

Khi thêm thẻ USB của bên thứ ba, bạn có thể cần phần mềm Hỗ Trợ Thẻ Điều Hợp USB chính hiệu Apple. Hầu hết phiên bản hiện nay của phần mềm này có thể mua qua trang Web của Hãng Apple.

Khi được nối bằng cáp USB, sản phẩm không xuất hiện trong Tiện ích Cài đặt Máy hoặc danh sách In & Fax sau khi bạn chọn trình điều khiển.

Nguyên nhân

Sự cố này do hoặc phần mềm hoặc một bộ phận phần cứng.

Giải pháp

Xử lý sự cố phần mềm

- Kiểm tra xem Mac của bạn có hỗ trợ USB không.
- Xác định rằng hệ điều hành Mac của bạn là Mac OS X v10.4 hoặc mới hơn.
- Chắc chắn là Mac của bạn có phần mềm USB thích hợp của hãng Apple.

Xử lý sự cố phần cứng

- Kiểm tra xem sản phẩm đã được bật chưa.
- Kiểm tra xem cáp USB đã được tiếp xúc đúng cách chưa.
- Kiểm tra xem bạn đang sử dụng cáp USB tốc độ cao thích hợp chưa.
- Hãy chắc chắn là bạn không có quá nhiều thiết bị USB cùng nối vào một nguồn từ nguồn điện. Ngắt các thiết bị này ra khỏi nguồn và cho cáp trực tiếp tiếp xúc với cổng USB trên máy chủ.
- Kiểm tra xem có hơn hai đầu cắm USB không có điện được cắm thành một hàng trong chuỗi không. Tháo tất cả thiết bị khỏi chuỗi, rồi nối thẳng cáp vào cổng USB trên máy tính chủ.

GHI CHÚ: Bàn phím iMac là một đầu cắm USB không có điện.

A Hàng cung cấp và phụ tùng

- [Đặt mua các chi tiết máy, bộ phận, và mực in](#)
- [Số của bộ phận](#)

Đặt mua các chi tiết máy, bộ phận, và mực in

| | |
|--|--|
| Đặt mua mực và giấy in | www.hp.com/go/suresupply |
| Đặt mua các bộ phận hoặc phụ kiện HP chính hãng | www.hp.com/buy/parts |
| Đặt mua qua các nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ | Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền. |

Số của bộ phận

Danh sách các phụ tùng sau hiện có vào thời điểm in. Thông tin đặt hàng và sự sẵn có của phụ tùng có thể thay đổi trong thời gian hoạt động của sản phẩm.

Phụ kiện xử lý giấy

| Mục | Mô tả | Số bộ phận |
|---------------|----------------------------------|----------------|
| Trục nạp | Trục nạp của khay tiếp giấy | RL1-1443-000CN |
| Đệm ngăn cách | Đệm ngăn cách của khay tiếp giấy | RM1-4006-000CN |

Hộp mực

| Mục | Mô tả | Số bộ phận |
|------------------------|-------------|--|
| Hộp mực in HP LaserJet | Hộp mực đen | Xem một trong các mục sau để xác định số bộ phận của hộp mực. <ul style="list-style-type: none">Trang cấu hìnhTrang tình trạng cung cấpHộp mực in hiện thờiwww.hp.com/go/ljsupplies |

Dây cáp và mạch ghép nối

| Mục | Mô tả | Số bộ phận |
|---------|----------------------|------------|
| Cáp USB | Cáp nối A-to-B 2 mét | 8121-0868 |

B Dịch vụ và hỗ trợ

- [Tuyên bố bảo hành có giới hạn của HP](#)
- [Bảo hành Bảo vệ Đặc biệt của HP: Tuyên bố bảo hành có giới hạn dành cho hộp mực in LaserJet](#)
- [Chính sách của HP về mực in không phải của HP](#)
- [Trang web chống giả mạo của HP](#)
- [Dữ liệu được lưu trữ trên hộp mực in](#)
- [Thỏa thuận cấp phép người dùng cuối](#)
- [Dịch vụ bảo hành khách hàng tự sửa chữa](#)
- [Hỗ trợ khách hàng](#)

Tuyên bố bảo hành có giới hạn của HP

SẢN PHẨM HP

THỜI HẠN BẢO HÀNH CÓ GIỚI HẠN

HP LaserJet Professional M1130, M1210

Một năm sau ngày mua

HP bảo đảm với bạn, là người dùng trực tiếp, rằng các sản phẩm phần cứng và phụ tùng của HP sẽ không có các khuyết tật về mặt vật liệu và khả năng vận hành sau khi mua, trong thời hạn quy định trên. Nếu HP nhận được các thông báo về các khuyết tật như thế trong thời hạn bảo hành, HP sẽ có quyền quyết định về việc sửa chữa hay thay thế các sản phẩm có biểu hiện có khuyết tật. Sản phẩm thay thế sẽ là sản phẩm mới hoặc tương đương với sản phẩm mới về mặt hiệu năng hoạt động.

HP bảo đảm với bạn rằng, phần mềm HP sẽ không trục trặc khi xử lý các lệnh chương trình của nó sau khi mua, trong thời hạn nêu trên, gây ra bởi các khuyết tật về mặt vật liệu và khả năng vận hành khi đã được cài đặt và sử dụng đúng. Nếu HP nhận được các thông báo về các khuyết tật như thế trong thời hạn bảo hành, HP sẽ thay thế phần mềm không xử lý được các lệnh chương trình của nó gây ra bởi các khuyết tật đó.

HP không bảo đảm rằng các sản phẩm của HP sẽ không gặp lỗi hoặc bị gián đoạn trong lúc vận hành. Nếu HP không thể, trong một khoảng thời gian hợp lý, sửa chữa hoặc thay thế bất kỳ sản phẩm nào trong điều kiện bảo hành, bạn sẽ có quyền được nhận lại số tiền đã trả để mua sau khi trả ngay sản phẩm đó về cho HP.

Các sản phẩm của HP có thể chứa các chi tiết đã được tái chế có chất lượng tương đương bộ phận mới về mặt hiệu năng hoạt động hoặc có thể đã được lấy làm mẫu ngẫu nhiên để kiểm tra sử dụng.

Chế độ bảo hành không áp dụng cho các khuyết tật có nguyên nhân từ (a) bảo trì hoặc xác lập chuẩn sai hoặc không thỏa đáng, (b) phần mềm, thiết bị nối ghép, các chi tiết máy hoặc mực in không do HP cung cấp, (c) chỉnh sửa hoặc sử dụng trái quy định, (d) sử dụng không phù hợp với các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm về mặt môi trường đã được công bố, hoặc (e) chuẩn bị môi trường vận hành thiết bị hoặc bảo trì thiết bị không đúng.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, HP CHỈ CUNG CẤP CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH TRÊN VÀ KHÔNG THỪA NHẬN BẤT KỲ CHẾ ĐỘ HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO KHÁC, THỂ HIỆN BẰNG VĂN BẢN HAY LỜI NÓI, ĐƯỢC DIỄN TẢ CỤ THỂ HAY KHÔNG CỤ THỂ VÀ HP TỪ CHỐI MỌI YÊU CẦU HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO MÀ HP KHÔNG CÔNG BỐ VỀ KHẢ NĂNG BÁN ĐƯỢC SẢN PHẨM, CHẤT LƯỢNG VỪA Ý, VÀ TÍNH PHÙ HỢP CỦA SẢN PHẨM VỚI MỤC ĐÍCH RIÊNG. Một số quốc gia/vùng lãnh thổ, bang hoặc tỉnh không cho phép giới hạn thời hạn bảo hành đối với chế độ bảo hành không công bố, thì điều khoản giới hạn hoặc loại trừ trên có thể không áp dụng đối với bạn. Điều này cho phép bạn có được các quyền lợi cụ thể về mặt pháp luật và bạn cũng có thể có thêm các quyền lợi khác tùy theo từng quốc gia/vùng lãnh thổ, bang hoặc tỉnh.

Chế độ bảo hành có giới hạn của HP được áp dụng cho mọi quốc gia/vùng lãnh thổ hoặc địa phương HP có cung cấp dịch vụ hỗ trợ và những nơi HP có bán sản phẩm này ra thị trường. Mức độ bảo hành cho bạn có thể khác nhau theo các tiêu chuẩn địa phương. HP sẽ không điều chỉnh hình dạng, tính phù hợp hoặc chức năng hoạt động của sản phẩm để sử dụng ở các quốc gia/vùng lãnh thổ không nằm trong kế hoạch cung cấp sản phẩm của HP cho sử dụng vì các lý do luật pháp hoặc quy định.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, CÁC GIẢI PHÁP TRONG BẢN CÔNG BỐ CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH NÀY CHỈ ÁP DỤNG RIÊNG CHO MỖI BẠN. NGOẠI TRỪ NHƯ ĐÃ NÊU TRÊN, HP HOẶC CÁC NHÀ CUNG CẤP CỦA HP TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP SẼ KHÔNG CHỊU BẤT KỲ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ NÀO VỀ MẤT MÁT DỮ LIỆU HOẶC CÁC THIẾT HẠI TRỰC TIẾP, CÁ BIỆT, NGẪU NHIÊN, GIÁN TIẾP (KỂ CẢ MẤT MÁT VỀ LỢI NHUẬN VÀ DỮ LIỆU) HOẶC CÁC THIẾT HẠI KHÁC, CÓ HAY KHÔNG ĐƯỢC GHI TRONG HỢP ĐỒNG, CÁC SAI SÓT KHÔNG VI PHẠM HỢP ĐỒNG, HOẶC BẤT KỲ THIẾT HẠI NÀO KHÁC. Ở một số quốc gia/vùng lãnh thổ, bang

hoặc tình không cho phép giới hạn hoặc loại trừ các thiệt hại ngẫu nhiên hoặc gián tiếp, thì điều khoản giới hạn hoặc loại trừ trên có thể không áp dụng đối với bạn.

CÁC ĐIỀU KHOẢN QUY ĐỊNH VỀ BẢO HÀNH TRONG BẢN CÔNG BỐ NÀY, NGOẠI TRỪ TRƯỜNG HỢP LUẬT PHÁP CHO PHÉP, SẼ KHÔNG GÂY LOẠI TRỪ, GIỚI HẠN, HOẶC THAY ĐỔI HAY BỔ SUNG THÊM ĐỐI VỚI CÁC QUYỀN LỢI ĐƯỢC PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH BẮT BUỘC ÁP DỤNG TRONG VIỆC BÁN SẢN PHẨM NÀY CHO BẠN.

Vương quốc Anh, Ireland và Malta

The HP Limited Warranty is a commercial guarantee voluntarily provided by HP. The name and address of the HP entity responsible for the performance of the HP Limited Warranty in your country/region is as follows:

UK: HP Inc UK Limited, Cain Road, Amen Corner, Bracknell, Berkshire, RG12 1HN

Ireland: Hewlett-Packard Ireland Limited, Liffey Park Technology Campus, Barnhall Road, Leixlip, Co.Kildare

Malta: Hewlett-Packard Europe B.V., Amsterdam, Meyrin Branch, Route du Nant-d'Avril 150, 1217 Meyrin, Switzerland

United Kingdom: The HP Limited Warranty benefits apply in addition to any legal rights to a guarantee from seller of nonconformity of goods with the contract of sale. These rights expire six years from delivery of goods for products purchased in England or Wales and five years from delivery of goods for products purchased in Scotland. However various factors may impact your eligibility to receive these rights. For further information, please consult the following link: Consumer Legal Guarantee (www.hp.com/go/eu-legal) or you may visit the European Consumer Centers website (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm). Consumers have the right to choose whether to claim service under the HP Limited Warranty or against the seller under the legal guarantee.

Ireland: The HP Limited Warranty benefits apply in addition to any statutory rights from seller in relation to nonconformity of goods with the contract of sale. However various factors may impact your eligibility to receive these rights. Consumer statutory rights are not limited or affected in any manner by HP Care Pack. For further information, please consult the following link: Consumer Legal Guarantee (www.hp.com/go/eu-legal) or you may visit the European Consumer Centers website (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm). Consumers have the right to choose whether to claim service under the HP Limited Warranty or against the seller under the legal guarantee.

Malta: The HP Limited Warranty benefits apply in addition to any legal rights to a two-year guarantee from seller of nonconformity of goods with the contract of sale; however various factors may impact your eligibility to receive these rights. Consumer statutory rights are not limited or affected in any manner by the HP Limited Warranty. For further information, please consult the following link: Consumer Legal Guarantee (www.hp.com/go/eu-legal) or you may visit the European Consumer Centers website (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm). Consumers have the right to choose whether to claim service under the HP Limited Warranty or against the seller under two-year legal guarantee.

Áo, Bỉ, Đức và Luxemburg

Die beschränkte HP Herstellergarantie ist eine von HP auf freiwilliger Basis angebotene kommerzielle Garantie. Der Name und die Adresse der HP Gesellschaft, die in Ihrem Land für die Gewährung der beschränkten HP Herstellergarantie verantwortlich ist, sind wie folgt:

Deutschland: HP Deutschland GmbH, Schickardstr. 32, D-71034 Böblingen

Österreich: HP Austria GmbH., Technologiestrasse 5, A-1120 Wien

Luxemburg: Hewlett-Packard Luxembourg S.C.A., 75, Parc d'Activités Capellen, Rue Pafebruc, L-8308 Capellen

Belgien: HP Belgium BVBA, Hermeslaan 1A, B-1831 Diegem

Die Rechte aus der beschränkten HP Herstellergarantie gelten zusätzlich zu den gesetzlichen Ansprüchen wegen Sachmängeln auf eine zweijährige Gewährleistung ab dem Lieferdatum. Ob Sie Anspruch auf diese Rechte haben, hängt von zahlreichen Faktoren ab. Die Rechte des Kunden sind in keiner Weise durch die beschränkte HP Herstellergarantie eingeschränkt bzw. betroffen. Weitere Hinweise finden Sie auf der folgenden Website: Gewährleistungsansprüche für Verbraucher (www.hp.com/go/eu-legal) oder Sie können die Website des Europäischen Verbrauchersentrums (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm) besuchen. Verbraucher haben das Recht zu wählen, ob sie eine Leistung von HP gemäß der beschränkten HP Herstellergarantie in Anspruch nehmen oder ob sie sich gemäß der gesetzlichen zweijährigen Haftung für Sachmängel (Gewährleistung) sich an den jeweiligen Verkäufer wenden.

Bỉ, Pháp và Luxembourg

La garantie limitée HP est une garantie commerciale fournie volontairement par HP. Voici les coordonnées de l'entité HP responsable de l'exécution de la garantie limitée HP dans votre pays:

France: HP France SAS, société par actions simplifiée identifiée sous le numéro 448 694 133 RCS Evry, 1 Avenue du Canada, 91947, Les Ulis

G.D. Luxembourg: Hewlett-Packard Luxembourg S.C.A., 75, Parc d'Activités Capellen, Rue Pafebruc, L-8308 Capellen

Belgique: HP Belgium BVBA, Hermeslaan 1A, B-1831 Diegem

France: Les avantages de la garantie limitée HP s'appliquent en complément des droits dont vous disposez au titre des garanties légales applicables dont le bénéfice est soumis à des conditions spécifiques. Vos droits en tant que consommateur au titre de la garantie légale de conformité mentionnée aux articles L. 211-4 à L. 211-13 du Code de la Consommation et de celle relatives aux défauts de la chose vendue, dans les conditions prévues aux articles 1641 à 1648 et 2232 du Code de Commerce ne sont en aucune façon limités ou affectés par la garantie limitée HP. Pour de plus amples informations, veuillez consulter le lien suivant : Garanties légales accordées au consommateur (www.hp.com/go/eu-legal). Vous pouvez également consulter le site Web des Centres européens des consommateurs (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm). Les consommateurs ont le droit de choisir d'exercer leurs droits au titre de la garantie limitée HP, ou auprès du vendeur au titre des garanties légales applicables mentionnées ci-dessus.

POUR RAPPEL:

Garantie Légale de Conformité:

« Le vendeur est tenu de livrer un bien conforme au contrat et répond des défauts de conformité existant lors de la délivrance.

Il répond également des défauts de conformité résultant de l'emballage, des instructions de montage ou de l'installation lorsque celle-ci a été mise à sa charge par le contrat ou a été réalisée sous sa responsabilité ».

Article L211-5 du Code de la Consommation:

« Pour être conforme au contrat, le bien doit:

1° Etre propre à l'usage habituellement attendu d'un bien semblable et, le cas échéant:

- correspondre à la description donnée par le vendeur et posséder les qualités que celui-ci a présentées à l'acheteur sous forme d'échantillon ou de modèle;

- présenter les qualités qu'un acheteur peut légitimement attendre eu égard aux déclarations publiques faites par le vendeur, par le producteur ou par son représentant, notamment dans la publicité ou l'étiquetage;

2° Ou présenter les caractéristiques définies d'un commun accord par les parties ou être propre à tout usage spécial recherché par l'acheteur, porté à la connaissance du vendeur et que ce dernier a accepté ».

Article L211-12 du Code de la Consommation:

« L'action résultant du défaut de conformité se prescrit par deux ans à compter de la délivrance du bien ».

Garantie des vices cachés

Article 1641 du Code Civil : « Le vendeur est tenu de la garantie à raison des défauts cachés de la chose vendue qui la rendent impropre à l'usage auquel on la destine, ou qui diminuent tellement cet usage que l'acheteur ne l'aurait pas acquise, ou n'en aurait donné qu'un moindre prix, s'il les avait connus. »

Article 1648 alinéa 1 du Code Civil:

« L'action résultant des vices rédhibitoires doit être intentée par l'acquéreur dans un délai de deux ans à compter de la découverte du vice. »

G.D. Luxembourg et Belgique: Les avantages de la garantie limitée HP s'appliquent en complément des droits dont vous disposez au titre de la garantie de non-conformité des biens avec le contrat de vente. Cependant, de nombreux facteurs peuvent avoir un impact sur le bénéfice de ces droits. Vos droits en tant que consommateur au titre de ces garanties ne sont en aucune façon limités ou affectés par la garantie limitée HP. Pour de plus amples informations, veuillez consulter le lien suivant : Garanties légales accordées au consommateur (www.hp.com/go/eu-legal) ou vous pouvez également consulter le site Web des Centres européens des consommateurs (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm). Les consommateurs ont le droit de choisir de réclamer un service sous la garantie limitée HP ou auprès du vendeur au cours d'une garantie légale de deux ans.



La Garanzia limitata HP è una garanzia commerciale fornita volontariamente da HP. Di seguito sono indicati nome e indirizzo della società HP responsabile della fornitura dei servizi coperti dalla Garanzia limitata HP nel vostro Paese:

Italia: HP Italy S.r.l., Via G. Di Vittorio 9, 20063 Cernusco S/Naviglio

I vantaggi della Garanzia limitata HP vengono concessi ai consumatori in aggiunta ai diritti derivanti dalla garanzia di due anni fornita dal venditore in caso di non conformità dei beni rispetto al contratto di vendita. Tuttavia, diversi fattori possono avere un impatto sulla possibilità di beneficiare di tali diritti. I diritti spettanti ai consumatori in forza della garanzia legale non sono in alcun modo limitati, né modificati dalla Garanzia limitata HP. Per ulteriori informazioni, si prega di consultare il seguente link: Garanzia legale per i clienti (www.hp.com/go/eu-legal), oppure visitare il sito Web dei Centri europei per i consumatori (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm). I consumatori hanno il diritto di scegliere se richiedere un servizio usufruendo della Garanzia limitata HP oppure rivolgendosi al venditore per far valere la garanzia legale di due anni.

Tây Ban Nha

Su Garantía limitada de HP es una garantía comercial voluntariamente proporcionada por HP. El nombre y dirección de las entidades HP que proporcionan la Garantía limitada de HP (garantía comercial adicional del fabricante) en su país es:

España: Hewlett-Packard Española S.L. Calle Vicente Aleixandre, 1 Parque Empresarial Madrid - Las Rozas, E-28232 Madrid

Los beneficios de la Garantía limitada de HP son adicionales a la garantía legal de 2 años a la que los consumidores tienen derecho a recibir del vendedor en virtud del contrato de compraventa; sin embargo, varios factores pueden afectar su derecho a recibir los beneficios bajo dicha garantía legal. A este respecto, la Garantía limitada de HP no limita o afecta en modo alguno los derechos legales del consumidor (www.hp.com/go/eu-legal). Para más información, consulte el siguiente enlace: Garantía legal del consumidor o puede visitar el sitio web de los Centros europeos de los consumidores (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm). Los clientes tienen derecho a elegir si reclaman un servicio acogiéndose a la Garantía limitada de HP o al vendedor de conformidad con la garantía legal de dos años.

Dan Mạch

Den begrænsede HP-garanti er en garanti, der ydes frivilligt af HP. Navn og adresse på det HP-selskab, der er ansvarligt for HP's begrænsede garanti i dit land, er som følger:

Danmark: HP Inc Danmark ApS, Engholm Parkvej 8, 3450, Allerød

Den begrænsede HP-garanti gælder i tillæg til eventuelle juridiske rettigheder, for en toårig garanti fra sælgeren af varer, der ikke er i overensstemmelse med salgsaftalen, men forskellige faktorer kan dog påvirke din ret til at opnå disse rettigheder. Forbrugerens lovbestemte rettigheder begrænses eller påvirkes ikke på nogen måde af den begrænsede HP-garanti. Se nedenstående link for at få yderligere oplysninger: Forbrugerens juridiske garanti (www.hp.com/go/eu-legal) eller du kan besøge De Europæiske Forbrugercentres websted (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm). Forbrugere har ret til at vælge, om de vil gøre krav på service i henhold til HP's begrænsede garanti eller hos sælger i henhold til en toårig juridisk garanti.

Na Uy

HPs garanti er en begrenset og kommersiell garanti som HP selv har valgt å tilby. Følgende lokale selskap innestår for garantien:

Norge: HP Norge AS, Rolfbuktveien 4b, 1364 Fornebu

HPs garanti kommer i tillegg til det mangelsansvar HP har i henhold til norsk forbrukerkjøpslovgivning, hvor reklamasjonsperioden kan være to eller fem år, avhengig av hvor lenge salgsgjenstanden var ment å vare. Ulike faktorer kan imidlertid ha betydning for om du kvalifiserer til å kreve avhjelp iht slikt mangelsansvar. Forbrukerens lovmessige rettigheter begrenses ikke av HPs garanti. Hvis du vil ha mer informasjon, kan du klikke på følgende kobling: Juridisk garanti for forbruker (www.hp.com/go/eu-legal) eller du kan besøke nettstedet til de europeiske forbrukersentrene (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm). Forbrukere har retten til å velge å kreve service under HPs garanti eller iht selgerens lovpålagte mangelsansvar.

Thụy Điển

HP:s begränsade garanti är en kommersiell garanti som tillhandahålls frivilligt av HP. Namn och adress till det HP-företag som ansvarar för HP:s begränsade garanti i ditt land är som följer:

Sverige: HP PPS Sverige AB, SE-169 73 Stockholm

Fördelarna som ingår i HP:s begränsade garanti gäller utöver de lagstadgade rättigheterna till tre års garanti från säljaren angående varans bristande överensstämmelse gentemot köpeavtalet, men olika faktorer kan påverka din rätt att utnyttja dessa rättigheter. Konsumentens lagstadgade rättigheter varken begränsas eller påverkas på något sätt av HP:s begränsade garanti. Mer information får du om du följer denna länk: Lagstadgad garanti för konsumenter (www.hp.com/go/eu-legal) eller så kan du gå till European Consumer Centers webbplats (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm). Konsumenter har rätt att välja om de vill ställa krav enligt HP:s begränsade garanti eller på säljaren enligt den lagstadgade treåriga garantin.

Bồ Đào Nha

A Garantia Limitada HP é uma garantia comercial fornecida voluntariamente pela HP. O nome e a morada da entidade HP responsável pela prestação da Garantia Limitada HP no seu país são os seguintes:

Portugal: HPCP – Computing and Printing Portugal, Unipessoal, Lda., Edifício D. Sancho I, Quinta da Fonte, Porto Salvo, Lisboa, Oeiras, 2740 244

As vantagens da Garantia Limitada HP aplicam-se cumulativamente com quaisquer direitos decorrentes da legislação aplicável à garantia de dois anos do vendedor, relativa a defeitos do produto e constante do contrato de venda. Existem, contudo, vários fatores que poderão afetar a sua elegibilidade para beneficiar de tais direitos. Os direitos legalmente atribuídos aos consumidores não são limitados ou afetados de forma alguma pela Garantia Limitada HP. Para mais informações, consulte a ligação seguinte: Garantia legal do consumidor (www.hp.com/go/eu-legal) ou visite o Web site da Rede dos Centros Europeus do Consumidor (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm). Os consumidores têm o direito de escolher se pretendem reclamar assistência ao abrigo da Garantia Limitada HP ou contra o vendedor ao abrigo de uma garantia jurídica de dois anos.

Hy Lạp và Síp

Η Περιορισμένη εγγύηση HP είναι μια εμπορική εγγύηση η οποία παρέχεται εθελοντικά από την HP. Η επωνυμία και η διεύθυνση του νομικού προσώπου HP που παρέχει την Περιορισμένη εγγύηση HP στη χώρα σας είναι η εξής:

Ελλάδα /Κύπρος: HP Printing and Personal Systems Hellas EPE, Tzavella 1-3, 15232 Chalandri, Attiki

Ελλάδα /Κύπρος: HP Συστήματα Εκτύπωσης και Προσωπικών Υπολογιστών Ελλάς Εταιρεία Περιορισμένης Ευθύνης, Tzavella 1-3, 15232 Chalandri, Attiki

Τα προνόμια της Περιορισμένης εγγύησης HP ισχύουν επιπλέον των νόμιμων δικαιωμάτων για διετή εγγύηση έναντι του Πωλητή για τη μη συμμόρφωση των προϊόντων με τις συνομολογημένες συμβατικά ιδιότητες, ωστόσο η άσκηση των δικαιωμάτων σας αυτών μπορεί να εξαρτάται από διάφορους παράγοντες. Τα νόμιμα δικαιώματα των καταναλωτών δεν περιορίζονται ούτε επηρεάζονται καθ' οιονδήποτε τρόπο από την Περιορισμένη εγγύηση HP. Για περισσότερες πληροφορίες, συμβουλευτείτε την ακόλουθη τοποθεσία web: Νόμιμη εγγύηση καταναλωτή (www.hp.com/go/eu-legal) ή μπορείτε να επισκεφτείτε την τοποθεσία web των Ευρωπαϊκών Κέντρων

Καταναλωτή (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm). Οι καταναλωτές έχουν το δικαίωμα να επιλέξουν αν θα αξιώσουν την υπηρεσία στα πλαίσια της Περιορισμένης εγγύησης HP ή από τον πωλητή στα πλαίσια της νόμιμης εγγύησης δύο ετών.

Hungary

A HP korlátozott jótállás egy olyan kereskedelmi jótállás, amelyet a HP a saját elhatározásából biztosít. Az egyes országokban a HP mint gyártó által vállalt korlátozott jótállást biztosító HP vállalatok neve és címe:

Magyarország: HP Inc Magyarország Kft., H-1117 Budapest, Alíz utca 1.

A HP korlátozott jótállásban biztosított jogok azokon a jogokon felül illetik meg Önt, amelyek a termékeknek az adásvételi szerződés szerinti minőségére vonatkozó kétéves, jogszabályban foglalt eladói szavatosságból, továbbá ha az Ön által vásárolt termékre alkalmazandó, a jogszabályban foglalt kötelező eladói jótállásból erednek, azonban számos körülmény hatással lehet arra, hogy ezek a jogok Önt megilletik-e. További információért kérjük, keresse fel a következő webhelyet: Jogi Tájékoztató Fogyasztóknak (www.hp.com/go/eu-legal) vagy látogassa meg az Európai Fogyasztói Központok webhelyét (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm). A fogyasztóknak jogában áll, hogy megválasszák, hogy a jótállással kapcsolatos igényüket a HP korlátozott jótállás alapján vagy a kétéves, jogszabályban foglalt eladói szavatosság, illetve, ha alkalmazandó, a jogszabályban foglalt kötelező eladói jótállás alapján érvényesítik.

Cộng hòa Séc

Omezená záruka HP je obchodní zárukou dobrovolně poskytovanou společností HP. Názvy a adresy společností skupiny HP, které odpovídají za plnění omezené záruky HP ve vaší zemi, jsou následující:

Česká republika: HP Inc Czech Republic s. r. o., Za Brumlovkou 5/1559, 140 00 Praha 4

Výhody, poskytované omezenou zárukou HP, se uplatňují jako doplněk k jakýmkoli právním nárokům na dvouletou záruku poskytnutou prodejcem v případě nesouladu zboží s kupní smlouvou. Váš nárok na uznání těchto práv však může záviset na mnohých faktorech. Omezená záruka HP žádným způsobem neomezuje ani neovlivňuje zákonná práva zákazníka. Další informace získáte kliknutím na následující odkaz: Zákonná záruka spotřebitele (www.hp.com/go/eu-legal) případně můžete navštívit webové stránky Evropského spotřebitelského centra (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm). Spotřebitelé mají právo se rozhodnout, zda chtějí službu reklamovat v rámci omezené záruky HP nebo v rámci zákonem stanovené dvouleté záruky u prodejce.

Slovakia

Obmedzená záruka HP je obchodná záruka, ktorú spoločnosť HP poskytuje dobrovoľne. Meno a adresa subjektu HP, ktorý zabezpečuje plnenie vyplývajúce z Obmedzenej záruky HP vo vašej krajine:

Slovenská republika: HP Inc Slovakia, s.r.o., Galvaniho 7, 821 04 Bratislava

Výhody Obmedzenej záruky HP sa uplatnia vedľa prípadných zákazníkových zákonných nárokov voči predávajúcemu z väd, ktoré spočívajú v nesúlade vlastností tovaru s jeho popisom podľa predmetnej zmluvy. Možnosť uplatnenia takých prípadných nárokov však môže závisieť od rôznych faktorov. Služby Obmedzenej záruky HP žiadnym spôsobom neobmedzujú ani neovplyvňujú zákonné práva zákazníka, ktorý je spotrebiteľom. Ďalšie informácie nájdete na nasledujúcom prepojení: Zákonná

záruka spotřebiteľa (www.hp.com/go/eu-legal), prípadne môžete navštíviť webovú lokalitu európskych zákazníckych stredísk (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm). Spotrebiteľia majú právo zvoliť si, či chcú uplatniť servis v rámci Obmedzenej záruky HP alebo počas zákonnej dvojročnej záručnej lehoty u predajcu.

Ba Lan

Ograniczona gwarancja HP to komercyjna gwarancja udzielona dobrowolnie przez HP. Nazwa i adres podmiotu HP odpowiedzialnego za realizację Ograniczonej gwarancji HP w Polsce:

Polska: HP Inc Polska sp. z o.o., Szturmowa 2a, 02-678 Warszawa, wpisana do rejestru przedsiębiorców prowadzonego przez Sąd Rejonowy dla m.st. Warszawy w Warszawie, XIII Wydział Gospodarczy Krajowego Rejestru Sądowego, pod numerem KRS 0000546115, NIP 5213690563, REGON 360916326, GIOŚ E0020757WZBW, kapitał zakładowy 480.000 PLN.

Świadczenia wynikające z Ograniczonej gwarancji HP stanowią dodatek do praw przysługujących nabywcy w związku z dwuletnią odpowiedzialnością sprzedawcy z tytułu niezgodności towaru z umową (rękojmia). Niemniej, na możliwość korzystania z tych praw mają wpływ różne czynniki. Ograniczona gwarancja HP w żaden sposób nie ogranicza praw konsumenta ani na nie nie wpływa. Więcej informacji można znaleźć pod następującym łączem: Gwarancja prawna konsumenta (www.hp.com/go/eu-legal), można także odwiedzić stronę internetową Europejskiego Centrum Konsumenckiego (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm). Konsumentom mają prawo wyboru co do możliwości skorzystania albo z usług gwarancyjnych przysługujących w ramach Ograniczonej gwarancji HP albo z uprawnień wynikających z dwuletniej rękojmi w stosunku do sprzedawcy.

Bulgaria

Ограничената гаранция на HP представлява търговска гаранция, доброволно предоставяна от HP. Името и адресът на дружеството на HP за вашата страна, отговорно за предоставянето на гаранционната поддръжка в рамките на Ограничената гаранция на HP, са както следва:

HP Inc Bulgaria EOOD (Ейч Пи Инк България ЕООД), гр. София 1766, район р-н Младост, бул. Околовръстен Път No 258, Бизнес Център Камбаните

Предимствата на Ограничената гаранция на HP се прилагат в допълнение към всички законови права за двугодишна гаранция от продавача при несъответствие на стоката с договора за продажба. Въпреки това, различни фактори могат да окажат влияние върху условията за получаване на тези права. Законите права на потребителите не са ограничени или засегнати по никакъв начин от Ограничената гаранция на HP. За допълнителна информация, моля вижте Правната гаранция на потребителя (www.hp.com/go/eu-legal) или посетете уебсайта на Европейския потребителски център (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm). Потребителите имат правото да избират дали да претендират за извършване на услуга в рамките на Ограничената гаранция на HP или да потърсят такава от търговеца в рамките на двугодишната правна гаранция.

Romania

Garanția limitată HP este o garanție comercială furnizată în mod voluntar de către HP. Numele și adresa entității HP răspunzătoare de punerea în aplicare a Garanției limitate HP în țara dumneavoastră sunt următoarele:

România: HP Inc Romania SRL, 5 Fabrica de Glucoza Str., Building F, Ground Floor and Floor 8, 2nd District, București

Beneficiile Garanției limitate HP se aplică suplimentar față de orice drepturi privind garanția de doi ani oferită de vânzător pentru neconformitatea bunurilor cu contractul de vânzare; cu toate acestea, diverși factori pot avea impact asupra eligibilității dvs. de a beneficia de aceste drepturi. Drepturile legale ale consumatorului nu sunt limitate sau afectate în vreun fel de Garanția limitată HP. Pentru informații suplimentare consultați următorul link: garanția acordată consumatorului prin lege (www.hp.com/go/eu-legal) sau puteți accesa site-ul Centrul European al Consumatorilor (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm). Consumatorii au dreptul să aleagă dacă să pretindă despăgubiri în cadrul Garanției limitate HP sau de la vânzător, în cadrul garanției legale de doi ani.

Bỉ và Hà Lan

De Beperkte Garantie van HP is een commerciële garantie vrijwillig verstrekt door HP. De naam en het adres van de HP-entiteit die verantwoordelijk is voor het uitvoeren van de Beperkte Garantie van HP in uw land is als volgt:

Nederland: HP Nederland B.V., Startbaan 16, 1187 XR Amstelveen

België: HP Belgium BVBA, Hermeslaan 1A, B-1831 Diegem

De voordelen van de Beperkte Garantie van HP vormen een aanvulling op de wettelijke garantie voor consumenten gedurende twee jaren na de levering te verlenen door de verkoper bij een gebrek aan conformiteit van de goederen met de relevante verkoopsovereenkomst. Niettemin kunnen diverse factoren een impact hebben op uw eventuele aanspraak op deze wettelijke rechten. De wettelijke rechten van de consument worden op geen enkele wijze beperkt of beïnvloed door de Beperkte Garantie van HP. Raadpleeg voor meer informatie de volgende webpagina: Wettelijke garantie van de consument (www.hp.com/go/eu-legal) of u kan de website van het Europees Consumenten Centrum bezoeken (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm). Consumenten hebben het recht om te kiezen tussen enerzijds de Beperkte Garantie van HP of anderzijds het aanspreken van de verkoper in toepassing van de wettelijke garantie.

Phần Lan

HP:n rajoitettu takuu on HP:n vapaaehtoisesti antama kaupallinen takuu. HP:n myöntämästä takuusta maassanne vastaavan HP:n edustajan yhteystiedot ovat:

Suomi: HP Finland Oy, Piispankalliontie, FIN - 02200 Espoo

HP:n takuun edut ovat voimassa mahdollisten kuluttajansuojalakiin perustuvien oikeuksien lisäksi sen varalta, että tuote ei vastaa myyntisopimusta. Saat lisätietoja seuraavasta linkistä: Kuluttajansuoja (www.hp.com/go/eu-legal) tai voit käydä Euroopan kuluttajakeskuksen sivustolla (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm). Kuluttajilla on oikeus vaatia virheen korjausta HP:n takuun ja kuluttajansuojan perusteella HP:lta tai myyjältä.

Slovenia

Omejena garancija HP je prostovoljna trgovska garancija, ki jo zagotavlja podjetje HP. Ime in naslov poslovnih enote HP, ki je odgovorna za omejeno garancijo HP v vaši državi, sta naslednja:

Slovenija: Hewlett-Packard Europe B.V., Amsterdam, Meyrin Branch, Route du Nant-d'Avril 150, 1217 Meyrin, Switzerland

Ugodnosti omejene garancije HP veljajo poleg zakonskih pravic, ki ob sklenitvi kupoprodajne pogodbe izhajajo iz dveletne garancije prodajalca v primeru neskladnosti blaga, vendar lahko na izpolnjevanje pogojev za uveljavitev pravic vplivajo različni dejavniki. Omejena garancija HP nikakor

ne omejuje strankinih z zakonom predpisanih pravic in ne vpliva nanje. Za dodatne informacije glejte naslednjo povezavo: Strankino pravno jamstvo (www.hp.com/go/eu-legal); ali pa obiščite spletno mesto evropskih središč za potrošnike (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm). Potrošniki imajo pravico izbrati, ali bodo uveljavljali pravice do storitev v skladu z omejeno garancijo HP ali proti prodajalcu v skladu z dvoletno zakonsko garancijo.

Croatia

HP omejeno jamstvo komercialno je dobrovoljno jamstvo koje pruža HP. Ime i adresa HP subjekta odgovornog za HP omejeno jamstvo u vašoj državi:

Hrvatska: HP Computing and Printing d.o.o. za računalne i srodne aktivnosti, Radnička cesta 41, 10000 Zagreb

Pogodnosti HP omejenog jamstva vrijede zajedno uz sva zakonska prava na dvogodišnje jamstvo kod bilo kojeg prodavača s obzirom na nepodudaranje robe s ugovorom o kupnji. Međutim, razni faktori mogu utjecati na vašu mogućnost ostvarivanja tih prava. HP omejeno jamstvo ni na koji način ne utječe niti ne ograničava zakonska prava potrošača. Dodatne informacije potražite na ovoj adresi: Zakonsko jamstvo za potrošače (www.hp.com/go/eu-legal) ili možete posjetiti web-mjesto Europskih potrošačkih centara (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm). Potrošači imaju pravo odabrati žele li ostvariti svoja potraživanja u sklopu HP omejenog jamstva ili pravnog jamstva prodavača u trajanju ispod dvije godine.

Latvia

HP ierobežotā garantija ir komercgarantija, kuru brīvprātīgi nodrošina HP. HP uzņēmums, kas sniedz HP ierobežotās garantijas servisa nodrošinājumu jūsu valstī:

Latvija: HP Finland Oy, PO Box 515, 02201 Espoo, Finland

HP ierobežotās garantijas priekšrocības tiek piedāvātas papildus jebkurām likumīgajām tiesībām uz pārdevēja un/vai ražotāju nodrošinātu divu gadu garantiju gadījumā, ja preces neatbilst pirkuma līgumam, tomēr šo tiesību saņemšanu var ietekmēt vairāki faktori. HP ierobežotā garantija nekādā veidā neierobežo un neietekmē patērētāju likumīgās tiesības. Lai iegūtu plašāku informāciju, izmantojiet šo saiti: Patērētāju likumīgā garantija (www.hp.com/go/eu-legal) vai arī Eiropas Patērētāju tiesību aizsardzības centra tīmekļa vietni (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm). Patērētājiem ir tiesības izvēlēties, vai pieprasīt servisa nodrošinājumu saskaņā ar HP ierobežoto garantiju, vai arī pārdevēja sniegto divu gadu garantiju.

Lithuania

HP ribotoji garantija yra HP savanoriškai teikiama komercinė garantija. Toliau pateikiami HP bendrovių, teikiančių HP garantiją (gamintojo garantija) jūsų šalyje, pavadinimai ir adresai:

Lietuva: HP Finland Oy, PO Box 515, 02201 Espoo, Finland

HP ribotoji garantija papildomai taikoma kartu su bet kokiomis kitomis įstatymais nustatytais teisėmis į pardavėjo suteikiamą dviejų metų laikotarpio garantiją dėl prekių atitikties pardavimo sutarčiai, tačiau tai, ar jums ši teisė bus suteikiama, gali priklausyti nuo įvairių aplinkybių. HP ribotoji garantija niekaip neapriboja ir neįtakoja įstatymais nustatytų vartotojo teisių. Daugiau informacijos rasite paspaudę šią nuorodą: Teisinė vartotojo garantija (www.hp.com/go/eu-legal) arba apsilankę Europos vartotojų centro internetinėje svetainėje (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm). Vartotojai turi teisę prašyti

atlikti techninį aptarnavimą pagal HP ribotąją garantiją arba pardavėjo teikiamą dviejų metų įstatymais nustatytą garantiją.

Estonia

HP piiratud garantii on HP poolt vabatahtlikult pakutav kaubanduslik garantii. HP piiratud garantii eest vastutab HP üksus aadressil:

Eesti: HP Finland Oy, PO Box 515, 02201 Espoo, Finland

HP piiratud garantii rakendub lisaks seaduses ettenähtud müüjapoolsele kaheaastasele garantiile, juhul kui toode ei vasta müügilepingu tingimustele. Siiski võib esineda asjaolusid, mille puhul teie jaoks need õigused ei pruugi kehtida. HP piiratud garantii ei piira ega mõjuta mingil moel tarbija seadusjärgseid õigusi. Lisateavet leiate järgmiselt lingilt: tarbija õiguslik garantii (www.hp.com/go/eu-legal) või võite külastada Euroopa tarbijakeskuste veebisaiti (http://ec.europa.eu/consumers/solving_consumer_disputes/non-judicial_redress/ecc-net/index_en.htm). Tarbijal on õigus valida, kas ta soovib kasutada HP piiratud garantiid või seadusega ette nähtud müüjapoolset kaheaastast garantiid.

Nga

Срок службы принтера для России

Срок службы данного принтера HP составляет пять лет в нормальных условиях эксплуатации. Срок службы отсчитывается с момента ввода принтера в эксплуатацию. В конце срока службы HP рекомендует посетить веб-сайт нашей службы поддержки по адресу <http://www.hp.com/support> и/или связаться с авторизованным поставщиком услуг HP для получения рекомендаций в отношении дальнейшего безопасного использования принтера.

Bảo hành Bảo vệ Đặc biệt của HP: Tuyên bố bảo hành có giới hạn dành cho hộp mực in LaserJet

Sản phẩm này của HP được bảo đảm sẽ không có các khuyết tật về mặt vật liệu và khả năng vận hành.

Chế độ bảo hành này không áp dụng cho những sản phẩm (a) đã nạp lại mực, tân trang, tái chế hoặc can thiệp vào dưới mọi hình thức, (b) đã bị các sự cố xuất phát từ việc sử dụng sai, bảo quản không đúng, hoặc sử dụng không phù hợp với các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm về mặt môi trường đã được công bố (c) có biểu hiện hao mòn trong quá trình sử dụng bình thường.

Để được bảo hành, xin gửi sản phẩm về nơi đã mua (kèm theo bản mô tả sự cố và các bản in mẫu) hoặc liên hệ bộ phận hỗ trợ khách hàng của HP. HP sẽ quyết định lựa chọn hoặc đổi cho bạn sản phẩm mới thay cho sản phẩm có khuyết tật hoặc hoàn tiền lại cho bạn số tiền bạn đã trả để mua sản phẩm.


Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, HP CHỈ CUNG CẤP CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH TRÊN VÀ KHÔNG THỪA NHẬN BẤT KỲ CHẾ ĐỘ HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO KHÁC, THỂ HIỆN BẰNG VĂN BẢN HAY LỜI NÓI, ĐƯỢC DIỄN TẢ CỤ THỂ HAY KHÔNG CỤ THỂ VÀ HP TỪ CHỐI MỌI YÊU CẦU HOẶC ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH NÀO MÀ HP KHÔNG CÔNG BỐ VỀ KHẢ NĂNG BÁN ĐƯỢC SẢN PHẨM, CHẤT LƯỢNG VỪA Ý, VÀ TÍNH PHÙ HỢP CỦA SẢN PHẨM VỚI MỤC ĐÍCH RIÊNG.

Ở MỨC ĐỘ PHÁP LUẬT ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÉP, HP HOẶC CÁC NHÀ CUNG CẤP CỦA HP TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP SẼ KHÔNG CHỊU BẤT KỲ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ NÀO VỀ CÁC THIẾT HẠI TRỰC TIẾP, CÁ BIỆT, NGẪU NHIÊN, GIÁN TIẾP (KỂ CẢ MẤT MÁT VỀ LỢI NHUẬN VÀ DỮ LIỆU) HOẶC CÁC THIẾT HẠI KHÁC, CÓ HAY KHÔNG ĐƯỢC GHI TRONG HỢP ĐỒNG, CÁC SAI SÓT KHÔNG VI PHẠM HỢP ĐỒNG, HOẶC BẤT KỲ THIẾT HẠI NÀO KHÁC.

CÁC ĐIỀU KHOẢN QUY ĐỊNH VỀ BẢO HÀNH TRONG BẢN CÔNG BỐ NÀY, NGOẠI TRỪ TRƯỜNG HỢP LUẬT PHÁP CHO PHÉP, SẼ KHÔNG GÂY LOẠI TRỪ, GIỚI HẠN, HOẶC THAY ĐỔI HAY BỔ SUNG THÊM ĐỐI VỚI CÁC QUYỀN LỢI ĐƯỢC PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH BẮT BUỘC ÁP DỤNG TRONG VIỆC BÁN SẢN PHẨM NÀY CHO BẠN.

Chính sách của HP về mực in không phải của HP

Công ty HP không khuyên bạn sử dụng các loại hộp mực in không phải của HP, dù là mới hay tái chế.

 **GHI CHÚ:** Đối với các sản phẩm máy in HP, việc sử dụng hộp mực in không phải của HP hoặc hộp mực in được nạp lại sẽ không ảnh hưởng đến bảo hành hoặc bất kỳ hợp đồng hỗ trợ nào của HP dành cho khách hàng. Tuy nhiên, nếu sản phẩm bị lỗi hoặc hỏng hóc do việc sử dụng hộp mực in không phải của HP hoặc hộp mực in được nạp lại, HP sẽ tính phí thời gian tiêu chuẩn và phí nguyên vật liệu để bảo dưỡng sản phẩm đối với lỗi hoặc hỏng hóc cụ thể.

Trang web chống giả mạo của HP

Truy cập vào www.hp.com/go/anticounterfeit khi bạn lắp một hộp mực in HP và nhận được thông báo trên bảng điều khiển cho biết hộp mực này không phải của HP. HP sẽ giúp xác định xem liệu hộp mực này có phải của chính hãng hay không và thực hiện các bước để khắc phục sự cố.

Hộp mực của bạn có thể không phải là hộp mực chính hãng của HP nếu bạn thấy những hiện tượng sau:

- Trang tình trạng nguồn cung cấp cho biết đã lắp một hộp mực in không phải của HP .
- Bạn gặp phải nhiều sự cố với hộp mực này.
- Hộp mực này trông không giống như hộp mực mọi khi (ví dụ như bao gói khác với kiểu bao gói của HP).

Dữ liệu được lưu trữ trên hộp mực in

Hộp mực in HP được sử dụng với sản phẩm này chứa một chip bộ nhớ hỗ trợ việc vận hành sản phẩm.

Ngoài ra, chip bộ nhớ này thu thập một loạt thông tin giới hạn về việc sử dụng sản phẩm, có thể bao gồm nội dung sau: ngày hộp mực in được lắp vào lần đầu tiên, ngày hộp mực in được sử dụng sau cùng, số trang đã in bằng hộp mực in này, tổng số trang, chế độ in đã sử dụng, mọi lỗi in có thể đã xảy ra và kiểu sản phẩm. Thông tin này giúp các sản phẩm thiết kế trong tương lai của HP đáp ứng được nhu cầu in của khách hàng.

Dữ liệu được thu thập từ chip bộ nhớ của hộp mực in không chứa thông tin có thể được sử dụng để nhận dạng khách hàng hoặc người sử dụng hộp mực in hay sản phẩm của họ.

HP thu thập mẫu của chip bộ nhớ từ các hộp mực in được trả lại cho chương trình hoàn trả và tái chế miễn phí của HP (Đối tác Toàn cầu của HP: www.hp.com/recycle). Các chip bộ nhớ từ mẫu này được đọc và nghiên cứu để cải thiện sản phẩm của HP trong tương lai. Các đối tác của HP hỗ trợ tái chế hộp mực in này cũng có quyền truy cập vào dữ liệu này.

Bất kỳ bên thứ ba nào xử lý hộp mực in này cũng có quyền truy cập vào thông tin ẩn danh trên chip bộ nhớ.

Thỏa thuận cấp phép người dùng cuối

HÃY ĐỌC KỸ TRƯỚC KHI SỬ DỤNG THIẾT BỊ PHẦN MỀM NÀY: Thỏa thuận cấp phép người dùng cuối ("EULA") này là một thỏa thuận pháp lý giữa (a) bạn (với tư cách cá nhân hoặc một tổ chức) và (b) HP Inc. ("HP") chi phối việc bạn sử dụng bất kỳ Sản phẩm phần mềm, được cài đặt hoặc được HP cung cấp để sử dụng với sản phẩm của HP ("Sản phẩm của HP"), nếu không, thỏa thuận này có thể tùy thuộc theo thỏa thuận cấp phép riêng giữa bạn và HP hoặc nhà cung cấp của HP. Phần mềm khác có thể chứa EULA trong tài liệu trực tuyến của phần mềm đó. Thuật ngữ "Sản phẩm Phần mềm" nghĩa là phần mềm máy tính và có thể bao gồm các phương tiện liên quan, tài liệu in và tài liệu điện tử hoặc "trực tuyến".

Sửa đổi hoặc phụ lục của EULA này có thể đi kèm Sản phẩm HP.

CÁC QUYỀN TRONG SẢN PHẨM PHẦN MỀM NÀY CHỈ ĐƯỢC CUNG CẤP VỚI ĐIỀU KIỆN LÀ BẠN ĐỒNG Ý VỚI TẤT CẢ CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA EULA NÀY. BẰNG VIỆC CÀI ĐẶT, SAO CHÉP, TẢI XUỐNG HOẶC NÓI CÁCH KHÁC LÀ SỬ DỤNG SẢN PHẨM PHẦN MỀM, BẠN ĐỒNG Ý CHỊU SỰ RÀNG BUỘC BỞI CÁC ĐIỀU KHOẢN CỦA EULA NÀY. NẾU BẠN KHÔNG CHẤP NHẬN CÁC ĐIỀU KHOẢN CẤP PHÉP NÀY, BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC DUY NHẤT LÀ BẠN HOÀN TRẢ TOÀN BỘ SẢN PHẨM CHƯA SỬ DỤNG (PHẦN CỨNG VÀ PHẦN MỀM) TRONG VÒNG 14 NGÀY ĐỂ ĐƯỢC HOÀN TIỀN THEO CHÍNH SÁCH HOÀN TIỀN TẠI KHU VỰC BẠN MUA.

- 1. CẤP GIẤY PHÉP.** HP sẽ cấp cho bạn các quyền sau với điều kiện bạn tuân thủ tất cả các điều khoản và điều kiện của EULA này:
 - a.** Sử dụng. Bạn có thể sử dụng Sản phẩm Phần mềm trên một máy tính ("Máy tính của bạn"). Nếu Sản phẩm Phần mềm được cung cấp cho bạn qua internet và bạn đầu được cấp phép sử dụng trên một số máy tính thì bạn chỉ có thể cài đặt và sử dụng Sản phẩm Phần mềm trên các máy tính đó. Bạn không thể tách rời các bộ phận cấu thành của Sản phẩm Phần mềm để sử dụng trên nhiều máy tính. Bạn không có quyền phân phối Sản phẩm Phần mềm này. Bạn có thể tải Sản phẩm Phần mềm vào bộ nhớ tạm thời (RAM) trên máy tính của mình để sử dụng Sản phẩm Phần mềm đó.
 - b.** Lưu trữ. Bạn có thể sao chép Sản phẩm Phần mềm vào bộ nhớ cục bộ hoặc thiết bị lưu trữ trên Sản phẩm HP.
 - c.** Sao chép. Bạn có thể tạo các bản sao lưu trữ hoặc sao lưu Sản phẩm Phần mềm, với điều kiện là mỗi bản sao đều chứa tất cả các thông báo bản quyền của Sản phẩm Phần mềm và chỉ được sử dụng cho mục đích sao lưu.
 - d.** Bảo lưu các Quyền. HP và nhà cung cấp của mình bảo lưu tất cả các quyền không được trao cụ thể trong EULA này.
 - e.** Phần mềm miễn phí. Bất kể các điều khoản và điều kiện của EULA này, tất cả hoặc bất kỳ phần nào của Sản phẩm Phần mềm mà tạo thành phần mềm hoặc phần mềm không thuộc bản quyền của HP được cung cấp theo giấy phép công khai bởi bên thứ ba ("Phần mềm miễn phí"), được cấp phép cho bạn theo các điều khoản và điều kiện của thỏa thuận cấp phép phần mềm đi kèm với Phần mềm miễn phí đó cho dù ở dạng thỏa thuận cụ thể, giấy phép ràng buộc hay các điều khoản cấp phép điện tử được chấp thuận tại thời điểm tải xuống. Việc bạn sử dụng Phần mềm miễn phí sẽ được chi phối hoàn toàn bằng bằng các điều khoản và điều kiện của giấy phép đó.
 - f.** Giải pháp khôi phục. Bất kỳ giải pháp khôi phục phần mềm nào được cung cấp với/cho Sản phẩm HP của bạn, cho dù dưới dạng giải pháp dựa trên ổ đĩa cứng, một giải pháp khôi phục dựa trên phương tiện bên ngoài (ví dụ: đĩa mềm, CD hoặc DVD) hoặc giải pháp tương đương được cung cấp dưới bất kỳ hình thức nào khác, chỉ có thể được sử dụng để khôi phục ổ đĩa cứng của Sản phẩm HP với/cho giải pháp khôi phục được mua ban đầu. Việc sử

dụng bất kỳ phần mềm hệ điều hành Microsoft nào có trong giải pháp khôi phục đó sẽ bị chi phối bởi Thỏa thuận Cấp phép của Microsoft.

- 2. NÂNG CẤP.** Để sử dụng Sản phẩm Phần mềm được dưới dạng nâng cấp, trước tiên, bạn phải được cấp phép cho Sản phẩm Phần mềm ban đầu đó và phải được HP xác nhận là đủ điều kiện để nâng cấp. Sau khi nâng cấp, bạn không thể sử dụng các Sản phẩm Phần mềm ban đầu đã giúp bạn có đủ điều kiện nâng cấp nữa. Bằng cách sử dụng Sản phẩm Phần mềm, bạn cũng đồng ý rằng HP có thể tự động truy cập vào Sản phẩm HP của bạn khi được kết nối với internet để kiểm tra phiên bản hoặc trạng thái của Sản phẩm Phần mềm nhất định và có thể tự động tải xuống và cài đặt bản nâng cấp hoặc cập nhật cho các Sản phẩm Phần mềm đó cho Sản phẩm HP của bạn để cung cấp phiên bản hoặc bản cập nhật yêu cầu để duy trì chức năng, hiệu suất và khả năng bảo mật của Phần mềm HP và Sản phẩm HP đồng thời tạo điều kiện để cung cấp hỗ trợ hoặc các dịch vụ khác cho bạn. Trong một số trường hợp, tùy thuộc vào kiểu nâng cấp hoặc cập nhật, các thông báo sẽ được cung cấp cho bạn (qua cửa sổ bật lên hoặc phương tiện khác), thông báo này có thể yêu cầu bạn bắt đầu nâng cấp hoặc cập nhật.
- 3. PHẦN MỀM BỔ SUNG.** EULA này áp dụng cho các bản cập nhật hoặc sửa đổi bổ sung cho Sản phẩm Phần mềm ban đầu do HP cung cấp trừ khi HP cung cấp các điều khoản khác kèm theo bản cập nhật hoặc sửa đổi bổ sung này. Trong trường hợp có xung đột giữa các điều khoản đó, các điều khoản khác sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 4. CHUYỂN NHƯỢNG.**
 - a.** Bên thứ ba. Người dùng ban đầu của Sản phẩm Phần mềm có thể thực hiện chuyển nhượng một lần Sản phẩm Phần mềm cho một người dùng cuối khác. Mọi chuyển nhượng phải bao gồm tất cả các bộ phận cấu thành, phương tiện, tài liệu in, EULA này và Chứng nhận xác thực, nếu áp dụng. Không được tiến hành chuyển nhượng gián tiếp, chẳng hạn như ký gửi. Trước khi chuyển nhượng, người dùng cuối nhận sản phẩm được chuyển nhượng phải đồng ý với EULA này. Khi chuyển nhượng Sản phẩm Phần mềm, giấy phép của bạn tự động chấm dứt.
 - b.** Hạn chế. Bạn không được cho thuê, cho mượn, hoặc cho mượn Sản phẩm Phần mềm hoặc Sử dụng Phần mềm cho mục đích sử dụng chia sẻ thương mại theo thời gian hoặc theo nhóm. Bạn không được cấp giấy phép phụ, chuyển giao hoặc chuyển nhượng Sản phẩm Phần mềm trừ khi được quy định rõ ràng trong EULA này.
- 5. QUYỀN SỞ HỮU.** Tất cả các quyền sở hữu trí tuệ trong Sản phẩm Phần mềm và tài liệu cho người dùng đều thuộc sở hữu của HP hoặc nhà cung cấp của HP và được pháp luật bảo vệ bao gồm nhưng không giới hạn bản quyền, bí quyết thương mại và luật thương hiệu của Hoa Kỳ cũng như các luật hiện hành khác và các quy định của quốc tế. Bạn không được xóa bất kỳ nhận dạng sản phẩm, thông báo bản quyền hoặc hạn chế quyền sở hữu nào khỏi Sản phẩm Phần mềm.
- 6. GIỚI HẠN ĐỐI VỚI NGHIÊN CỨU ĐẢO NGƯỢC.** Bạn không được nghiên cứu đảo ngược, dịch ngược hoặc phân tách Sản phẩm Phần mềm, ngoại trừ và chỉ trong phạm vi được thực hiện như vậy theo yêu cầu của luật pháp bất kể giới hạn này hoặc nếu được nêu rõ ràng trong EULA này.
- 7. ĐIỀU KHOẢN.** EULA này sẽ có hiệu lực trừ khi bị chấm dứt hoặc hủy bỏ. EULA này cũng sẽ chấm dứt khi bạn không tuân thủ các điều kiện đã được nêu trong EULA này hoặc bất kỳ điều kiện hoặc điều khoản nào của EULA này.
- 8. ĐỒNG Ý SỬ DỤNG/THU THẬP DỮ LIỆU.**
 - a.** HP sẽ sử dụng cookie và các công cụ công nghệ web khác để thu thập thông tin kỹ thuật ẩn danh liên quan đến phần mềm HP và sản phẩm HP của bạn. Dữ liệu này sẽ được sử dụng để cung cấp các bản nâng cấp và hỗ trợ liên quan hoặc các dịch vụ mô tả trong Phần 2. HP cũng sẽ thu thập thông tin cá nhân bao gồm địa chỉ giao thức Internet của bạn hoặc

các thông tin về số nhận dạng duy nhất được liên kết với sản phẩm HP của bạn và dữ liệu được bạn cung cấp khi đăng ký sản phẩm HP. Bên cạnh việc cung cấp các bản nâng cấp và các hỗ trợ liên quan hoặc các dịch vụ khác, dữ liệu này sẽ được sử dụng để gửi thông tin tiếp thị cho bạn (trong mỗi trường hợp với sự đồng ý của bạn theo yêu cầu của luật hiện hành).

Theo phạm vi được pháp luật hiện hành cho phép, bằng cách chấp nhận các điều khoản và điều kiện này, bạn đồng ý với việc thu thập và sử dụng dữ liệu cá nhân và ẩn danh của HP, các công ty liên kết và các công ty liên doanh như được mô tả trong EULA này và như được mô tả chi tiết trong chính sách bảo mật của HP: www.hp.com/go/privacy

- b.** Thu thập/Sử dụng bởi Bên thứ ba. Một số chương trình phần mềm đi kèm trong sản phẩm HP của bạn được nhà cung cấp bên thứ ba cung cấp và cấp phép riêng cho bạn ("Phần mềm của bên thứ ba"). Phần mềm của bên thứ ba có thể được cài đặt và hoạt động trên sản phẩm HP của bạn ngay cả khi bạn chọn không kích hoạt/mua phần mềm đó. Phần mềm của bên thứ ba có thể thu thập và truyền thông tin kỹ thuật về hệ thống của bạn (ví dụ: địa chỉ IP, số nhận dạng thiết bị riêng, phiên bản phần mềm đã cài đặt, v.v.) và các dữ liệu hệ thống khác. Thông tin này do bên thứ ba sử dụng để xác định thuộc tính hệ thống kỹ thuật và đảm bảo rằng hầu hết phiên bản phần mềm hiện tại đã được cài đặt trên hệ thống của bạn. Nếu bạn không muốn phần mềm của bên thứ ba thu thập thông tin kỹ thuật này hoặc tự động gửi cho bạn cập nhật phiên bản, bạn nên gỡ cài đặt phần mềm trước khi kết nối với Internet.

- 9. TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ BẢO HÀNH.** THEO PHẠM VI TỐI ĐA ĐƯỢC CHO PHÉP BỞI LUẬT PHÁP HIỆN HÀNH, HP VÀ NHÀ CUNG CẤP CỦA MÌNH SẼ CUNG CẤP SẢN PHẨM PHẦN MỀM "NGUYÊN TRẠNG" VÀ TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HÀNH ĐỐI VỚI TẤT CẢ CÁC LỖI, CHO DÙ ĐƯỢC NÊU RÕ, NGỤ Ý HAY THEO LUẬT ĐỊNH BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN, BẢO HÀNH VỀ QUYỀN SỞ HỮU VÀ VIỆC KHÔNG VI PHẠM, BẤT KỲ BẢO HÀNH NGỤ Ý, TRÁCH NHIỆM, ĐIỀU KIỆN NÀO VỀ KHẢ NĂNG CÓ THỂ BÁN ĐƯỢC, CHẤT LƯỢNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU, TÍNH PHÙ HỢP CHO MỘT SỐ MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ VẤN ĐỀ VỀ VI-RÚT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN SẢN PHẨM PHẦN MỀM NÀY. Một số quốc gia/khu vực pháp lý không cho phép loại trừ bảo hành hoặc giới hạn ngụ ý trên thời hạn bảo hành ngụ ý, vì vậy tuyên bố miễn trừ trách nhiệm được nêu trên có thể không áp dụng cho bạn một cách tổng thể.

TẠI ÚC VÀ NEW ZEALAND, PHẦN MỀM PHẢI ĐI KÈM VỚI BẢO HÀNH VÀ THEO LUẬT NGƯỜI TIÊU DÙNG CỦA ÚC VÀ NEW ZEALAND THÌ KHÔNG ĐƯỢC PHÉP LOẠI TRỪ NGHĨA VỤ BẢO HÀNH. KHÁCH HÀNG LÀ NGƯỜI ÚC CÓ QUYỀN THAY THẾ HOẶC HOÀN LẠI TIỀN CHO CÁC LỖI NGHIÊM TRỌNG VÀ ĐƯỢC BỒI THƯỜNG CHO CÁC THIẾT HẠI HOẶC HỒNG HỒNG CÓ THỂ LƯỜNG TRƯỚC ĐƯỢC KHÁC. KHÁCH HÀNG LÀ NGƯỜI ÚC CŨNG CÓ QUYỀN SỬA CHỮA HOẶC THAY THẾ PHẦN MỀM NẾU PHẦN MỀM KHÔNG ĐẠT CHẤT LƯỢNG MONG MUỐN VÀ LỖI ĐÓ VẪN CHƯA ĐƯỢC COI LÀ LỖI NGHIÊM TRỌNG. KHÁCH HÀNG LÀ NGƯỜI NEW ZEALAND MÀ MUA HÀNG CHO MỤC ĐÍCH CÁ NHÂN, SINH HOẠT HOẶC GIA DỤNG HOẶC TIÊU DÙNG MÀ KHÔNG CHO VIỆC KINH DOANH ("KHÁCH HÀNG LÀ NGƯỜI NEW ZEALAND") SẼ CÓ QUYỀN SỬA CHỮA, THAY THẾ HOẶC HOÀN LẠI TIỀN KHI CÓ LỖI VÀ BỒI THƯỜNG CHO CÁC THIẾT HẠI HOẶC LỖI CÓ THỂ ĐOÁN TRƯỚC HỢP LÝ KHÁC.

- 10. GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM.** Tùy theo luật pháp địa phương, bất kể những thiệt hại mà bạn phải gánh chịu, toàn bộ trách nhiệm của HP và nhà cung cấp của mình theo EULA này và biện pháp khắc phục duy nhất của bạn theo EULA này sẽ được giới hạn là khoản tiền lớn hơn khoản tiền thực chi cho Sản phẩm Phần mềm hoặc với số tiền có giá trị là 5 USD. THEO PHẠM VI TỐI ĐA ĐƯỢC LUẬT PHÁP HIỆN HÀNH CHO PHÉP, TRONG BẤT KỂ TRƯỜNG HỢP NÀO, HP HOẶC NHÀ CUNG CẤP CỦA MÌNH SẼ KHÔNG PHẢI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHO BẤT KỲ THIẾT HẠI ĐẶC BIỆT, TRỰC TIẾP, GIÁN TIẾP HOẶC DO HẬU QUẢ NÀO (BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở THIẾT HẠI CHO VIỆC MẤT LỢI NHUẬN HOẶC THÔNG TIN MẬT HOẶC

THÔNG TIN KHÁC, CHO GIÁN ĐOẠN KINH DOANH, THƯƠNG TÍCH CÁ NHÂN, CHO MẤT AN NINH PHÁT SINH TỪ BẤT KỶ HOẠT ĐỘNG NÀO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG HOẶC KHÔNG THỂ SỬ DỤNG SẢN PHẨM PHẦN MỀM HOẶC NẾU KHÔNG TRONG MỐI LIÊN HỆ VỚI BẤT KỶ QUY ĐỊNH NÀO CỦA EULA NÀY, NGÀY CẢ KHI HP HOẶC BẤT KỶ NHÀ CUNG CẤP NÀO ĐÃ ĐƯỢC TƯ VẤN VỀ KHẢ NĂNG CỦA CÁC THIẾT HẠI NÀY VÀ NGAY CẢ KHI CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC KHÔNG MANG LẠI KẾT QUẢ. Một số tiểu bang/ khu vực pháp lý không cho phép việc loại trừ hoặc giới hạn đối với các thiệt hại tình cờ hoặc do hậu quả, nên hạn chế và loại trừ trên có thể không áp dụng cho bạn.

- 11. KHÁCH HÀNG LÀ CHÍNH PHỦ HOA KỲ.** Tuân theo FAR 12.211 và 12.212, Phần mềm máy tính thương mại, Tài liệu của phần mềm máy tính, và Dữ liệu kỹ thuật cho các mục thương mại đều được Chính phủ Hoa Kỳ cấp phép theo thỏa thuận cấp phép thương mại của HP.
- 12. TUÂN THỦ LUẬT XUẤT KHẨU.** Bạn phải tuân theo tất cả luật pháp và quy định của Hoa Kỳ và các quốc gia khác ("Luật Xuất khẩu") để xác nhận rằng Sản phẩm Phần mềm không bị (1) xuất khẩu, trực tiếp hoặc gián tiếp, theo cách thức vi phạm Luật Xuất khẩu, hoặc (2) được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào bị Luật Xuất khẩu nghiêm cấm, bao gồm nhưng không giới hạn, phát triển vũ khí sinh học, hóa học và hạt nhân.
- 13. KHẢ NĂNG VÀ THẨM QUYỀN VỚI HỢP ĐỒNG.** Bạn đại diện rằng bạn đủ tuổi hợp pháp tại quốc gia cư trú của mình, nếu áp dụng, được người nào đồng ý quyền hợp pháp để ký kết hợp đồng này.
- 14. LUẬT HIỆN HÀNH.** EULA này chịu sự chi phối của luật pháp quốc gia nơi mua thiết bị.
- 15. THỎA THUẬN TỔNG THỂ.** EULA này (bao gồm bất kỳ phụ lục hoặc sửa đổi cho EULA này đi kèm với Sản phẩm HP) là thỏa thuận tổng thể giữa bạn và HP về Sản phẩm Phần mềm và thỏa thuận này sẽ thay thế tất cả tài liệu bằng văn bản hoặc dưới dạng lời nói, đề xuất và tuyên bố liên quan đến Sản phẩm Phần mềm nào trước đó hoặc bất kỳ vấn đề nào khác thuộc phạm vi của EULA này. Trong trường hợp các điều khoản của chương trình hoặc chính sách của HP cho các dịch vụ hỗ trợ có xung đột với các điều khoản của EULA này thì điều khoản của EULA sẽ được ưu tiên áp dụng.

© Copyright 2015 HP Development Company, L.P.

Thông tin có trong tài liệu này có thể được thay đổi mà không cần phải thông báo. Tất cả các tên sản phẩm khác được đề cập ở đây có thể là các nhãn hiệu của công ty tương ứng. Theo phạm vi được luật pháp hiện hành cho phép, các bảo hành duy nhất dành cho các sản phẩm và dịch vụ HP đều được lập ra ở trên trong các bản tuyên bố bảo hành rõ ràng kèm theo những sản phẩm và dịch vụ như vậy. Không có điểm nào trong tài liệu này được hiểu là bảo hành bổ sung. Theo phạm vi được luật pháp hiện hành cho phép, HP sẽ không chịu trách nhiệm về lỗi kỹ thuật hoặc biên tập trong tài liệu này.

Ấn bản đầu tiên: Tháng 8, 2015

Dịch vụ bảo hành khách hàng tự sửa chữa

Các sản phẩm của HP được thiết kế với nhiều bộ phận Khách hàng Tự Sửa chữa (CSR) để giảm thời gian sửa chữa đến mức tối thiểu và cho phép linh động hơn trong việc thực hiện thay thế các bộ phận bị lỗi. Nếu trong thời gian chẩn đoán, HP xác định rằng có thể sử dụng bộ phận CSR để hoàn thành việc sửa chữa thì HP sẽ chuyển bộ phận đó trực tiếp đến bạn để thay thế. Có hai loại bộ phận CSR: 1) Bộ phận bắt buộc phải có để khách hàng tự sửa chữa. Nếu bạn yêu cầu HP thay thế những bộ phận này, bạn sẽ phải trả tiền vận chuyển và chi phí nhân công cho dịch vụ này. 2) Bộ phận tùy chọn để khách hàng tự sửa chữa. Những bộ phận này cũng là để Khách hàng Tự Sửa chữa. Tuy nhiên, nếu bạn yêu cầu HP thay thế chúng cho bạn, bạn có thể không phải trả tiền theo dạng dịch vụ bảo hành dành cho sản phẩm của bạn.

Dựa trên độ khả thi và vị trí địa lý cho phép, các bộ phận CSR sẽ được chuyển đến cho bạn trong lần phân phát của ngày làm việc tiếp theo. Việc phát trong cùng ngày hoặc trong vòng bốn giờ đồng hồ có thể được thực hiện miễn phí tại nơi điều kiện địa lý cho phép. Nếu cần hỗ trợ, bạn có thể gọi Trung tâm Hỗ trợ Kỹ thuật HP và kỹ thuật viên sẽ trợ giúp bạn qua điện thoại. HP sẽ cho biết có phải hoàn trả bộ phận bị lỗi cho HP không, ở trong tài liệu được chuyển kèm với bộ phận CSR thay thế. Trong trường hợp cần phải hoàn trả bộ phận bị lỗi cho HP, bạn phải chuyển bộ phận bị lỗi đó cho HP trong một khoảng thời gian xác định, thường là trong năm (5) ngày làm việc. Bộ phận bị lỗi phải được hoàn trả cùng với tài liệu trong hộp vận chuyển đi kèm. Nếu bạn không hoàn trả bộ phận bị lỗi, HP có thể sẽ yêu cầu bạn trả tiền cho bộ phận thay thế. Đối với những sửa chữa do khách hàng thực hiện, HP sẽ trả mọi chi phí hoàn trả bộ phận và chi phí vận chuyển, và xác định nhà vận chuyển/hãng vận tải sẽ được dùng để chuyển bộ phận đến bạn.

Hỗ trợ khách hàng

| | |
|--|--|
| Nhận hỗ trợ qua điện thoại cho quốc gia/vùng của bạn | Bạn có thể xem các số điện thoại cho mỗi quốc gia/vùng lãnh thổ trên tờ rơi đi kèm trong hộp sản phẩm bạn đã mua hoặc xem tại www.hp.com/support/ . |
| Chuẩn bị sẵn sàng tên sản phẩm, số sê-ri, ngày mua hàng và thông tin mô tả sự cố. | |
| Được hỗ trợ Internet 24 giờ và tải xuống các tiện ích và trình điều khiển phần mềm | www.hp.com/support/ljm1130series hoặc www.hp.com/support/ljm1210series |
| Đặt mua thêm dịch vụ HP hoặc đặt hợp đồng bảo trì | www.hp.com/go/carepack |
| Đăng ký sản phẩm của bạn | www.register.hp.com |

C Thông số kỹ thuật

- [Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể](#)
- [Lượng điện tiêu thụ, thông số kỹ thuật điện và độ ồn](#)
- [Các đặc điểm kỹ thuật về môi trường](#)

Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể

Bảng C-1 Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể¹

| Thông số kỹ thuật | Dòng sản phẩm M1130 | Dòng sản phẩm M1210 |
|----------------------|---------------------|---------------------|
| Trọng lượng sản phẩm | 7,0 kg | 8,3 kg |
| Chiều cao sản phẩm | 250 mm | 306 mm |
| Chiều sâu sản phẩm | 265 mm | 265 mm |
| Chiều rộng sản phẩm | 415 mm | 435 mm |

¹ Các giá trị trên là dựa theo các dữ liệu ban đầu. Xem www.hp.com/support/ljm1130series hoặc www.hp.com/support/ljm1210series.

Lượng điện tiêu thụ, thông số kỹ thuật điện và độ ồn

Xem www.hp.com/go/ljm1130series_regulatory hoặc www.hp.com/go/ljm1210series_regulatory để biết thông tin mới nhất.

⚠ THẬN TRỌNG: Các yêu cầu về điện đã được thiết kế phù hợp với quốc gia/khu vực bán sản phẩm. Xin bạn không chuyển đổi điện thể vận hành. Việc này sẽ làm hỏng sản phẩm và vô hiệu hóa chế độ bảo hành.

Các đặc điểm kỹ thuật về môi trường

Bảng C-2 Các đặc điểm kỹ thuật về môi trường

| | Vận hành ¹ | Bảo quản ¹ |
|-----------------|-----------------------|-----------------------|
| Nhiệt độ | 15° đến 32,5°C | 0° đến 35°C |
| Độ ẩm Tương đối | 10% đến 80% | 10% đến 80% |

¹ Các giá trị trên là dựa theo các dữ liệu ban đầu. Xem www.hp.com/support/ljm1130series hoặc www.hp.com/support/ljm1210series.

D Chương trình quản lý sản phẩm bảo vệ môi trường

- [Bảo vệ môi trường](#)
- [Sự tạo khí Ozone](#)
- [Điện năng tiêu thụ](#)
- [Tiêu thụ bột mực](#)
- [Sử dụng giấy](#)
- [Bộ phận làm bằng chất dẻo](#)
- [Nguồn cung cấp HP LaserJet](#)
- [Giấy in](#)
- [Giới hạn về vật liệu](#)
- [Vứt bỏ thiết bị hỏng bởi người sử dụng \(Liên minh Châu Âu và Ấn Độ\)](#)
- [Tái chế phần cứng điện tử](#)
- [Thông tin về việc tái chế phần cứng tại Brazil](#)
- [Hóa chất](#)
- [Quy định của Ủy ban liên minh châu Âu 1275/2008](#)
- [Tuyên bố hạn chế các chất độc hại \(Ấn Độ\)](#)
- [Tuyên bố Hạn Chế Sử dụng Chất độc hại \(Thổ Nhĩ Kỳ\)](#)
- [Tuyên bố hạn chế các chất độc hại \(Ukraine\)](#)
- [Bộ phận Hóa chất \(Trung Quốc\)](#)
- [Thông tin cho người dùng Nhân sinh thái SEPA \(Trung Quốc\)](#)
- [Quy định về việc áp dụng nhãn năng lượng của Trung Quốc đối với máy in, máy fax và photocopy](#)
- [Tờ Thông tin An toàn Vật liệu \(MSDS\)](#)
- [EPEAT](#)

- [Thông tin thêm](#)

Bảo vệ môi trường

HP cam kết việc cung cấp sản phẩm chất lượng theo cách thức thân thiện với môi trường. Sản phẩm này được thiết kế với một số thuộc tính giúp giảm thiểu tác động đến môi trường.

Sự tạo khí Ozone

Lượng khí thải ozone cho sản phẩm này đã được đo đạc theo một phương pháp chung được công nhận* và khi các dữ liệu khí thải này được áp dụng vào "kịch bản tiếp xúc mẫu văn phòng chung"', HP có thể xác định không đáng kể lượng ozone tạo ra trong quá trình in ấn vượt quá chỉ dẫn hoặc tiêu chuẩn chất lượng không khí trong nhà hiện tại.

* Phương pháp thử nghiệm để xác định lượng khí thải từ các thiết bị in được dán nhãn thân thiện với môi trường dành cho các thiết bị văn phòng có chức năng in ấn; RAL-UZ 171 – BAM Tháng bảy, 2012

** Dựa trên nồng độ ozone khi in 2 giờ mỗi ngày trong không gian 32 mét khối với tỉ lệ thông gió thay đổi không khí 0,72 mỗi giờ bằng mực in của HP.

Điện năng tiêu thụ

Việc sử dụng điện giảm đáng kể khi máy ở chế độ Sẵn sàng, Ngủ hoặc Tắt, giúp tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và tiết kiệm tiền mà không ảnh hưởng đến hiệu suất cao của sản phẩm. Thiết bị in ấn và xử lý hình ảnh của HP được đánh dấu với logo ENERGY STAR® đạt chuẩn theo thông số kỹ thuật ENERGY STAR của Cơ quan bảo vệ môi trường Hoa Kỳ đối với thiết bị xử lý hình ảnh. Dấu hiệu sau sẽ xuất hiện trên các sản phẩm tạo hình đạt chuẩn ENERGY STAR:



Thông tin bổ sung về kiểu sản phẩm đọc ảnh đạt tiêu chuẩn ENERGY STAR được liệt kê tại:

www.hp.com/go/energystar

Tiêu thụ bột mực

EconoMode (Chế độ Tiết kiệm) sử dụng ít bột mực hơn, và điều này có thể kéo dài tuổi thọ của hộp mực in. HP không khuyến cáo việc luôn sử dụng EconoMode (Chế độ tiết kiệm). Nếu lúc nào cũng sử dụng EconoMode (Chế độ Tiết kiệm), nguồn bột mực có thể dùng được lâu hơn so với các bộ phận máy móc khác trong hộp mực. Nếu chất lượng in bắt đầu giảm và không còn chấp nhận được, hãy cân nhắc thay thế hộp mực in.

Sử dụng giấy

Tính năng in hai mặt (thủ công hay tự động) của sản phẩm này và khả năng in N-up (in nhiều trang trên một trang) có thể làm giảm việc sử dụng giấy, từ đó giảm nhu cầu về tài nguyên thiên nhiên.

Bộ phận làm bằng chất dẻo

Các bộ phận làm bằng chất dẻo nặng trên 25 gram được đánh dấu theo tiêu chuẩn quốc tế, giúp tăng khả năng nhận biết để tái chế khi hết tuổi thọ của sản phẩm.

Nguồn cung cấp HP LaserJet

Bộ thiết bị HP chính hãng được thiết kế đảm bảo tính thân thiện với môi trường. HP giúp bạn dễ dàng tiết kiệm tài nguyên và giấy khi in. Và khi bạn đã hoàn tất, chúng tôi đảm bảo việc tái chế dễ dàng và miễn phí.¹

Tất cả các hộp mực in HP được hoàn trả cho Đối tác toàn cầu của HP thông qua một quá trình tái chế gồm nhiều giai đoạn, tại đó vật liệu được phân loại và tinh chế để sử dụng làm vật liệu thô cho các hộp mực in HP chính hãng mới và các sản phẩm cho các sản phẩm khác. Không tiến hành chôn lấp bất kỳ hộp mực in HP chính hãng nào được hoàn trả cho Đối tác toàn cầu của HP và HP cũng tuyệt đối không bao giờ đổ lại mực hoặc bán lại hộp mực HP chính hãng đó.

Để tham gia chương trình tái chế và hoàn trả hộp mực in cho Đối tác toàn cầu của HP, hãy truy cập www.hp.com/recycle. Chọn quốc gia/vùng lãnh thổ của bạn để biết thông tin về cách thức hoàn trả bộ mực in HP. Các hướng dẫn và thông tin về chương trình bằng nhiều ngôn ngữ cũng được đi kèm trong mọi hộp mực in HP LaserJet mới.

¹ Mức độ sẵn có của chương trình có thể thay đổi. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập vào www.hp.com/recycle.

Giấy in

Sản phẩm này có khả năng sử dụng giấy được tái chế và giấy nhẹ (EcoFFICIENT™) khi giấy này đáp ứng các hướng dẫn được nêu trong *Hướng dẫn về phương tiện in dành cho dòng máy in HP LaserJet*. Sản phẩm này phù hợp cho việc sử dụng giấy được tái chế và giấy nhẹ (EcoFFICIENT™) theo EN12281:2002.

Giới hạn về vật liệu

Sản phẩm này của HP không chứa thêm thủy ngân.

Nếu sản phẩm HP này chứa pin thì sản phẩm có thể cần xử lý đặc biệt khi không sử dụng nữa.

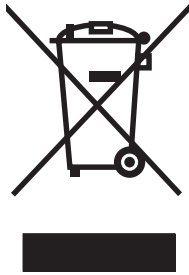
| Dòng sản phẩm HP LaserJet Professional M1130/M1210 MFP | |
|--|-----------------------------|
| Dạng | Carbon monofluoride lithium |
| Trọng lượng | 0,8 g |
| Vị trí | Trên bảng bộ định dạng |
| Cho phép người sử dụng có thể di dời sản phẩm | Không |



廢電池請回收

Để biết thông tin tái chế, hãy đến trang web www.hp.com/recycle, hoặc liên hệ các nhà chức trách địa phương hay Hiệp hội Công nghiệp Điện tử: www.eiae.org.

Vứt bỏ thiết bị hỏng bởi người sử dụng (Liên minh Châu Âu và Ấn Độ)



Biểu tượng này cho biết không được vứt bỏ sản phẩm chung với rác thải sinh hoạt khác của bạn. Thay vào đó, bạn nên bảo vệ sức khỏe con người và môi trường bằng cách mang thiết bị hỏng đến địa điểm thu thập được chỉ định cho việc tái chế thiết bị điện và thiết bị điện tử hỏng. Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ với dịch vụ vứt bỏ phế phẩm của gia đình bạn, hoặc truy cập vào: www.hp.com/recycle.

Tái chế phần cứng điện tử

HP khuyến khích khách hàng tái chế phần cứng điện tử đã được sử dụng. Để biết thêm thông tin về các chương trình tái chế, hãy truy cập: www.hp.com/recycle.

Thông tin về việc tái chế phần cứng tại Brazil



**Não descarte o
produto eletrônico
em lixo comum**

Este produto eletrônico e seus componentes não devem ser descartados no lixo comum, pois embora estejam em conformidade com padrões mundiais de restrição a substâncias nocivas, podem conter, ainda que em quantidades mínimas, substâncias impactantes ao meio ambiente. Ao final da vida útil deste produto, o usuário deverá entregá-lo à HP. A não observância dessa orientação sujeitará o infrator às sanções previstas em lei.

Após o uso, as pilhas e/ou baterias dos produtos HP deverão ser entregues ao estabelecimento comercial ou rede de assistência técnica autorizada pela HP.

Para maiores informações, inclusive sobre os pontos de recebimento, acesse:

www.hp.com.br/reciclar

Hóa chất

HP cam kết cung cấp cho khách hàng của chúng tôi thông tin về những hóa chất có trong sản phẩm của chúng tôi khi cần để tuân thủ với các yêu cầu pháp lý chẳng hạn như REACH (Qui Định EC số 1907/2006 của Quốc Hội và Hội Đồng Châu Âu). Một báo cáo thông tin về hóa chất cho sản phẩm này có thể được tìm thấy trên trang web: www.hp.com/go/reach.

Quy định của Ủy ban liên minh châu Âu 1275/2008

Về dữ liệu điện năng của sản phẩm, bao gồm cả mức tiêu thụ điện năng của sản phẩm ở chế độ chờ có mạng nếu tất cả các cổng mạng có dây được kết nối và tất cả các cổng mạng không dây được kích hoạt, vui lòng xem phần P14 'Thông tin bổ sung' về Tuyên bố IT ECO tại địa chỉ www.hp.com/hpinfo/globalcitizenship/environment/productdata/itecodesktop-pc.html.

Tuyên bố hạn chế các chất độc hại (Ấn Độ)

This product complies with the "India E-waste Rule 2011" and prohibits use of lead, mercury, hexavalent chromium, polybrominated biphenyls or polybrominated diphenyl ethers in concentrations exceeding 0.1 weight % and 0.01 weight % for cadmium, except for the exemptions set in Schedule 2 of the Rule.

Tuyên bố Hạn Chế Sử dụng Chất độc hại (Thổ Nhĩ Kỳ)

Türkiye Cumhuriyeti: EEE Yönetmeliğine Uygundur

Tuyên bố hạn chế các chất độc hại (Ukraine)

Обладнання відповідає вимогам Технічного регламенту щодо обмеження використання деяких небезпечних речовин в електричному та електронному обладнанні, затвердженого постановою Кабінету Міністрів України від 3 грудня 2008 № 1057

Bộ phận Hóa chất (Trung Quốc)

产品中有害物质或元素的名称及含量 根据中国《电子信息产品污染控制管理办法》



| 部件名称 | 有害物质 | | | | | |
|--------|-----------|-----------|-----------|-----------------|---------------|-----------------|
| | 铅 (Pb) | 汞 (Hg) | 镉 (Cd) | 六价铬 (Cr(VI)) | 多溴联苯 (PBB) | 多溴二苯醚 (PBDE) |
| 打印引擎 | X | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 复印机组件 | X | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 控制面板 | X | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 塑料外壳 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 格式化板组件 | X | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 碳粉盒 | X | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | | | | | | |

0614-15

本表格依据 SJ/T 11364 的规定编制。

0: 表示该有害物质在该部件所有均质材料中的含量均在 GB/T 26572 规定的限量要求以下。

X: 表示该有害物质至少在该部件的某一均质材料中的含量超出 GB/T 26572 规定的限量要求。

此表中所有名称中含“X”的部件均符合欧盟 RoHS 立法。

注: 环保使用期限的参考标识取决于产品正常工作的温度和湿度等条件

Thông tin cho người dùng Nhãn sinh thái SEPA (Trung Quốc)

中国环境标识认证产品用户说明

噪声大于 63.0 dB(A)的办公设备不宜放置于办公室内，请在独立的隔离区域使用。

如需长时间使用本产品或打印大量文件，请确保在通风良好的房间内使用。

如您需要确认本产品处于零能耗状态，请按下电源关闭按钮，并将插头从电源插座断开。

您可以使用再生纸，以减少资源耗费。

Quy định về việc áp dụng nhãn năng lượng của Trung Quốc đối với máy in, máy fax và photocopy

根据“复印机、打印机和传真机能源效率标识实施规则”，本打印机具有能效标签。根据“复印机、打印机和传真机能效限定值及能效等级”(“GB21521”)决定并计算得出该标签上所示的能效等级和 TEC (典型能耗) 值。

1. 能效等级

能效等级分为三个等级，等级 1 级能效最高。根据产品类型和打印速度标准决定能效限定值。

2. 能效信息

2.1 LaserJet 打印机和高性能喷墨打印机

- 典型能耗

典型能耗是正常运行 GB21521 测试方法中指定的时间后的耗电量。此数据表示为每周千瓦时 (kWh)。

标签上所示的能耗数字按涵盖根据 CEL-37 选择的登记装置中所有配置的代表性配置测定而得。因此，本特定产品型号的实际能耗可能与标签上所示的数据不同。

有关规格的详细信息，请参阅 GB21521 标准的当前版本。

Tờ Thông tin An toàn Vật liệu (MSDS)

Bạn có thể tải Tờ Thông tin An toàn Vật liệu (MSDS) đối với nguồn cung cấp có chứa các hóa chất (ví dụ như bột mực) bằng cách truy cập vào trang web của HP tại địa chỉ www.hp.com/go/msds.

EPEAT

Rất nhiều sản phẩm của HP được thiết kế đạt tiêu chuẩn EPEAT. EPEAT là phương thức đánh giá môi trường tổng hợp giúp xác định các thiết bị điện tử thân thiện với môi trường hơn. Để biết thêm thông tin về EPEAT, hãy truy cập www.epeat.net. Để biết thêm thông tin về các sản phẩm đã được đăng ký EPEAT của HP, hãy truy cập www.hp.com/hpinfo/globalcitizenship/environment/pdf/epeat_printers.pdf.

Thông tin thêm

Để có thêm thông tin về các chủ đề môi trường này:

- Tờ mô tả về tác động môi trường của sản phẩm này và nhiều sản phẩm có liên quan của HP
- Cam kết của HP đối với môi trường
- Hệ thống Quản lý Môi trường của HP
- Chương trình hoàn trả và tái chế khi sản phẩm hết tuổi thọ
- Tờ Thông tin An toàn đối với Nguyên liệu

Xem trang www.hp.com/go/environment.

Ngoài ra, hãy truy cập vào www.hp.com/recycle.

E Thông tin về tuân thủ quy định

- [Tuyên bố hợp chuẩn](#)
- [Tuyên bố hợp chuẩn](#)
- [Tuyên bố hợp chuẩn](#)
- [Tuyên bố về quản lý](#)
- [Tuyên bố bổ sung về các sản phẩm telecom \(fax\)](#)
- [Tuyên bố bổ sung cho các sản phẩm không dây](#)

Tuyên bố hợp chuẩn

Tuyên bố hợp chuẩn

theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17050 và EN 17050-1

Tên nhà sản xuất: HP Inc. DoC#: BOISB-0901-02-rel.11.0

Địa chỉ nhà sản xuất: 11311 Chinden Boulevard
Boise, Idaho 83714-1021, Hoa Kỳ

tuyên bố rằng sản phẩm

Tên sản phẩm: Dòng HP LaserJet Pro M1132 MFP
Dòng HP LaserJet Pro M1136 MFP
HP LaserJet Pro M1132s MFP
HP LaserJet Pro M1139 MFP

Mã số quản lý:²⁾ BOISB-0901-02

Tùy chọn sản phẩm: Tất cả

Hộp Mực: CE285A & CC388A

phù hợp với các Thông số kỹ thuật sau của sản phẩm:

EMC: CISPR22:2008/ EN55022:2010 - Loại B¹⁾
EN 61000-3-2:2006 +A1:2009 +A2:2009
EN 61000-3-3:2008
EN 55024:2010
FCC Title 47 CFR, Part 15 Class B / ICES-003, Issue 4
GB9254-2008, GB17625.1-2003

AN TOÀN: IEC 60950-1:2005+A1:2009 / EN60950-1: 2006 +A11:2009+A1:2010+A12:2011
IEC 60825-1:2007 / EN 60825-1:2007 (Sản phẩm laser/LED loại 1)
IEC 62479:2010 / EN 62479:2010
GB4943.1-2011

SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG: Quy định (EC) số 1275/2008
IEC 62301:2011
EN 50564:2011

RoHS: EN 50581:2012

Thông tin bổ sung:

Sản phẩm này tuân thủ theo các yêu cầu của Chỉ dẫn EMC 2004/108/EC, Chỉ dẫn Điện áp Thấp 2006/95/EC, Chỉ dẫn Ecodesign 2009/125/EC và Chỉ dẫn RoHS 2011/65/EU; và có dấu CE  tương ứng.

Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của Quy định FCC. Việc vận hành thiết bị phụ thuộc vào hai điều kiện sau: (1) thiết bị này không gây nhiễu sóng có hại, và (2) thiết bị này phải chấp nhận các nhiễu sóng, kể cả các loại nhiễu sóng có thể sinh ra các hoạt động không mong muốn.

1. Sản phẩm đã được chạy thử trong một cấu hình tiêu biểu với hệ thống Máy tính cá nhân HP.
2. Vì mục đích tuân thủ quy định, sản phẩm này được gán Số model theo quy định. Không được nhầm lẫn số này với tên thương phẩm hoặc mã số sản phẩm.

Thượng Hải, Trung Quốc

Ngày 1 tháng 11 năm 2015

Địa chỉ liên hệ tại địa phương chỉ cho các vấn đề về quy định:

Địa chỉ liên hệ tại châu Âu: HP Deutschland GmbH, HP HQ-TRE, 71025 Boeblingen, Đức

www.hp.eu/certificates

Địa chỉ liên hệ tại Hoa Kỳ: HP Inc., 1501 Page Mill Road, Palo Alto 94304, Hoa Kỳ 650-857-1501


Tuyên bố hợp chuẩn

Tuyên bố hợp chuẩn

theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17050 và EN 17050-1

| | | |
|--|--|------------------------------|
| Tên nhà sản xuất: | HP Inc. | DoC#: BOISB-0901-03-rel.11.0 |
| Địa chỉ nhà sản xuất: | 11311 Chinden Boulevard Boise, Idaho 83714-1021, Hoa Kỳ | |
| tuyên bố rằng sản phẩm | | |
| Tên sản phẩm: | Dòng HP LaserJet Pro M1212nf MFP Dòng HP LaserJet Pro M1213nf MFP HP LaserJet Pro M1219nf MFP | |
| Mã số quản lý:²⁾ | BOISB-0901-03 | |
| Tùy chọn sản phẩm: | Tất cả | |
| Phụ kiện:⁴⁾ | BOISB-0906-00 – (US-Fax Module LIU) BOISB-0906-01 – (EURO-Fax Module LIU) BOISB-0906-04 – (AP-Fax Module LIU) | |
| Hộp Mực: | CE285A & CC388A | |
| phù hợp với các Thông số kỹ thuật sau của sản phẩm: | | |
| EMC: | CISPR22:2008/ EN55022:2010 - Loại B ¹⁾ EN 61000-3-2:2006 +A1:2009 +A2:2009 EN 61000-3-3:2008 EN 55024:2010 FCC Title 47 CFR, Part 15 Class B / ICES-003, Issue 4 GB9254-2008, GB17625.1-2003 | |
| AN TOÀN: | IEC 60950-1:2005+A1:2009 / EN60950-1: 2006 +A11:2009+A1:2010+A12:2011 IEC 60825-1:2007 / EN 60825-1:2007 (Sản phẩm laze/LED loại 1) IEC 62479:2010 / EN 62479:2010 GB4943.1-2011 | |
| VIỄN THÔNG:³⁾ | ES 203 021; FCC Đề mục 47 CFR, Phần 68 | |
| SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG: | Quy định (EC) số 1275/2008 IEC 62301:2011 EN 50564:2011 | |
| RoHS: | EN 50581:2012 | |

Thông tin bổ sung:

Sản phẩm này tuân thủ theo các yêu cầu của Chỉ dẫn EMC 2004/108/EC, Chỉ dẫn Điện áp Thấp 2006/95/EC, Chỉ dẫn R&TTE 1999/5/EC, Chỉ dẫn Ecodesign 2009/125/EC và Chỉ dẫn RoHS 2011/65/EU; và có dấu CE  tương ứng.

Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của Quy định FCC. Việc vận hành thiết bị phụ thuộc vào hai điều kiện sau: (1) thiết bị này không gây nhiễu sóng có hại, và (2) thiết bị này phải chấp nhận các nhiễu sóng, kể cả các loại nhiễu sóng có thể sinh ra các hoạt động không mong muốn.

1. Sản phẩm đã được chạy thử trong một cấu hình tiêu biểu với hệ thống Máy tính cá nhân HP.
2. Vì mục đích tuân thủ quy định, sản phẩm này được gán Số model theo quy định. Không được nhầm lẫn số này với tên thương phẩm hoặc mã số sản phẩm.
3. Các tiêu chuẩn và điều khoản phê duyệt về viễn thông phù hợp cho các quốc gia/vùng lãnh thổ đích đã được áp dụng cho sản phẩm này, ngoài các mục liệt kê ở trên.
4. Sản phẩm này sử dụng một mô-đun phụ kiện fax analog có Số model theo quy định là: BOISB-0906-00 (US-LIU), BOISB-0906-01 (EURO LIU), BOISB-0906-04 (AP LIU) hoặc BOISB-0906-02 – (Brazil Fax Module LIU) (mô-đun không dây), cần thiết để đáp ứng các yêu cầu điều chỉnh kỹ thuật cho các quốc gia/vùng lãnh thổ mà sản phẩm này sẽ được bán.

Thượng Hải, Trung Quốc

Ngày 1 tháng 11 năm 2015

Địa chỉ liên hệ tại địa phương chỉ cho các vấn đề về quy định:

Địa chỉ liên hệ tại châu Âu: HP Deutschland GmbH, HP HQ-TRE, 71025 Boeblingen, Đức

www.hp.eu/certificates

Địa chỉ liên hệ tại Hoa Kỳ: HP Inc., 1501 Page Mill Road, Palo Alto 94304, Hoa Kỳ 650-857-1501

Tuyên bố hợp chuẩn

Tuyên bố hợp chuẩn

theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17050 và EN 17050-1

Tên nhà sản xuất: HP Inc. DoC#: BOISB-0901-02-rel.8.0

Địa chỉ nhà sản xuất: 11311 Chinden Boulevard
Boise, Idaho 83714-1021, Hoa Kỳ

tuyên bố rằng sản phẩm

Tên sản phẩm: Dòng HP LaserJet Pro M1214nfh MFP
Dòng HP LaserJet Pro M1216nfh MFP

Mã số quản lý:²⁾ BOISB-0901-04

Tùy chọn sản phẩm: Tất cả

Phụ kiện:⁴⁾ BOISB-0906-01 – (EURO-Fax Module LIU)
BOISB-0906-00 – (US-Fax Module LIU)

Hộp Mực: CE285A & CC388A

phù hợp với các Thông số kỹ thuật sau của sản phẩm:

EMC: CISPR22:2008/ EN55022:2010 - Loại B¹⁾
EN 61000-3-2:2006 +A1:2009 +A2:2009
EN 61000-3-3:2008
EN 55024:2010
FCC Title 47 CFR, Part 15 Class B / ICES-003, Issue 4
GB9254-2008, GB17625.1-2003


AN TOÀN: IEC 60950-1:2005+A1:2009 / EN60950-1: 2006 +A11:2009+A1:2010+A12:2011
IEC 60825-1:2007 / EN 60825-1:2007 (Sản phẩm laze/LED loại 1)
IEC 62479:2010 / EN 62479:2010
GB4943.1-2011

VIỄN THÔNG:³⁾ ES 203 021; ES201 038

SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG: Quy định (EC) số 1275/2008
IEC 62301:2011
EN 50564:2011

RoHS: EN 50581:2012

Thông tin bổ sung:

Sản phẩm này tuân thủ theo các yêu cầu của Chỉ dẫn EMC 2004/108/EC, Chỉ dẫn Điện áp Thấp 2006/95/EC, Chỉ dẫn R&TTE 1999/5/EC, Chỉ dẫn Ecodesign 2009/125/EC và Chỉ dẫn RoHS 2011/65/EU và có dấu CE  tương ứng.

Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của Quy định FCC. Việc vận hành thiết bị phụ thuộc vào hai điều kiện sau: (1) thiết bị này không gây nhiễu sóng có hại, và (2) thiết bị này phải chấp nhận các nhiễu sóng, kể cả các loại nhiễu sóng có thể sinh ra các hoạt động không mong muốn.

1. Sản phẩm đã được chạy thử trong một cấu hình tiêu biểu với hệ thống Máy tính cá nhân HP.
2. Vì mục đích tuân thủ quy định, sản phẩm này được gán Số model theo quy định. Không được nhầm lẫn số này với tên thương phẩm hoặc mã số sản phẩm.
3. Các tiêu chuẩn và điều khoản phê duyệt về viễn thông phù hợp cho các quốc gia/vùng lãnh thổ đích đã được áp dụng cho sản phẩm này, ngoài các mục liệt kê ở trên.
4. Sản phẩm này sử dụng một module phụ kiện fax analog có Số model theo quy định là:BOISB-0906-01 (EURO LIU), cần thiết để đáp ứng các yêu cầu điều chỉnh kỹ thuật cho các quốc gia/vùng mà sản phẩm này sẽ được bán.

Thượng Hải, Trung Quốc

Ngày 1 tháng 11 năm 2015

Địa chỉ liên hệ tại địa phương chỉ cho các vấn đề về quy định:

Địa chỉ liên hệ tại châu Âu: HP Deutschland GmbH, HP HQ-TRE, 71025 Boeblingen, Đức

www.hp.eu/certificates


Địa chỉ liên hệ tại Hoa Kỳ: HP Inc., 1501 Page Mill Road, Palo Alto 94304, Hoa Kỳ 650-857-1501

Tuyên bố về quản lý

Các qui định của FCC

Đã kiểm tra và xác định rằng thiết bị này tuân thủ các giới hạn cho thiết bị kỹ thuật số Nhóm B, theo Phần 15 của Qui định FCC. Các giới hạn này được thiết kế để cung cấp sự bảo vệ phù hợp chống lại nhiễu có hại khi lắp đặt trong nhà. Thiết bị này tạo, sử dụng, và có thể phát ra năng lượng sóng vô tuyến. Nếu thiết bị này không được lắp đặt và sử dụng theo đúng hướng dẫn, nó có thể gây nhiễu có hại với các liên lạc vô tuyến. Tuy nhiên, không có sự đảm bảo rằng sẽ không xuất hiện nhiễu tại một lắp đặt cụ thể. Nếu thiết bị này gây nhiễu có hại cho đài radio hoặc tivi, có thể được xác định bằng cách tắt và bật thiết bị, người sử dụng nên chỉnh lại nhiễu bằng một trong những biện pháp sau:

- Xoay hoặc chuyển lại vị trí của ăng-ten nhận.
- Gia tăng khoảng cách giữa thiết bị và bộ nhận.
- Cắm thiết bị với ổ điện trên một mạch khác với ổ điện của bộ nhận.
- Tham vấn với người bán hàng của bạn hoặc một chuyên gia radio/tivi có kinh nghiệm.

 **GHI CHÚ:** Mọi thay đổi hoặc chỉnh sửa đối với máy in không được chấp nhận rõ ràng bởi HP có thể làm mất quyền sử dụng thiết bị này của người sử dụng.

Cần sử dụng cáp giao diện được bảo vệ để tuân thủ các giới hạn của Nhóm B của Phần 15, Qui định FCC.

Canada - Tuyên bố Tuân thủ ICES-003 Công nghiệp Canada

CAN ICES-3(B)/NMB-3(B)


Tuyên bố EMC (Hàn Quốc)

| | |
|-----------------------|--|
| B급 기기 (가정용 방송통신기기) | 이 기기는 가정용(B급)으로 전자파적합등록을 한 기기로서 주로 가정에서 사용하는 것을 목적으로 하며, 모든 지역에서 사용할 수 있습니다. |
|-----------------------|--|

Hướng dẫn sử dụng dây điện

Đảm bảo rằng nguồn điện của bạn đầy đủ đối với định mức điện áp của sản phẩm. Định mức điện áp được ghi trên nhãn sản phẩm. Sản phẩm sử dụng 110-127 Vac hoặc 220-240 Vac và 50/60 Hz.

Cắm dây điện vào giữa sản phẩm và dây nối đất AC.

 **THẬN TRỌNG:** Để tránh làm hư hỏng sản phẩm, chỉ sử dụng dây điện được cung cấp cùng sản phẩm.

An toàn laser

Trung tâm Thiết bị Và Sức khỏe Điện Quang (CDRH) của Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ đã áp dụng các quy định đối với các sản phẩm laser được sản xuất kể từ 1 tháng 8 năm 1976. Việc tuân thủ quy định là bắt buộc đối với các sản phẩm lưu hành trên thị trường Hoa Kỳ. Thiết bị này được chứng nhận là sản phẩm laser "Loại 1" theo hệ Tiêu chuẩn Hiệu suất Phóng xạ của Cơ quan Dịch vụ Y tế và Con người Hoa Kỳ (DHHS) theo Đạo luật về Quản lý Phóng xạ đối với Sức

khỏe và An toàn 1968. Vì lượng phóng xạ phát ra từ thiết bị này được giữ lại hoàn toàn bên trong lớp vỏ bảo vệ và vỏ bọc bên ngoài, nên tia laser không thể thoát ra ngoài trong bất kỳ giai đoạn hoạt động thông thường nào của máy.

⚠ CẢNH BÁO! Việc điều khiển sử dụng, điều chỉnh hoặc thực hiện các thao tác vận hành khác với những gì được quy định trong hướng dẫn sử dụng này có thể gây phóng xạ nguy hiểm.

Tuyên bố về laser cho Phần Lan

Luokan 1 laserlaite

Klass 1 Laser Apparat

HP LaserJet Professional M1132/M1134/M1136, M1212/M1214/M1216, laserkirjoitin on käyttäjän kannalta turvallinen luokan 1 laserlaite. Normaalisissa käytössä kirjoittimen suojakotelo estää lasersäteiden pääsyn laitteen ulkopuolelle. Laitteen turvallisuusluokka on määritetty standardin EN 60825-1 (2007) mukaisesti.

VAROITUS !

Laitteen käyttäminen muulla kuin käyttöohjeessa mainitulla tavalla saattaa altistaa käyttäjän turvallisuusluokan 1 ylittävälle näkymättömälle lasersäteilylle.

VARNING !

Om apparaten används på annat sätt än i bruksanvisning specificerats, kan användaren utsättas för osynlig laserstrålning, som överskrider gränsen för laserklass 1.

HUOLTO

HP LaserJet Professional M1132/M1134/M1136, M1212/M1214/M1216 - kirjoittimen sisällä ei ole käyttäjän huollettavissa olevia kohteita. Laitteen saa avata ja huoltaa ainoastaan sen huoltamiseen koulutettu henkilö. Tällaiseksi huoltotoimenpiteeksi ei katsota väriainekasetin vaihtamista, paperiradan puhdistusta tai muita käyttäjän käsikirjassa lueteltuja, käyttäjän tehtäväksi tarkoitettuja ylläpitotoimia, jotka voidaan suorittaa ilman erikoistyökaluja.

VARO !

Mikäli kirjoittimen suojakotelo avataan, olet alttiina näkymättömälle lasersäteilylle laitteen ollessa toiminnassa. Älä katso säteeseen.

VARNING !

Om laserprinterns skyddshölje öppnas då apparaten är i funktion, utsättas användaren för osynlig laserstrålning. Betrakta ej strålen.

Tiedot laitteessa käytettävän laserdiodin säteilyominaisuuksista: Aallonpituus 775-795 nm Teho 5 mW Luokan 3B laser.

Tuyên bố GS (Đức)

Das Gerät ist nicht für die Benutzung im unmittelbaren Gesichtsfeld am Bildschirmarbeitsplatz vorgesehen. Um störende Reflexionen am Bildschirmarbeitsplatz zu vermeiden, darf dieses Produkt nicht im unmittelbaren Gesichtsfeld platziert werden.

Das Gerät ist kein Bildschirmarbeitsplatz gemäß BildscharbV. Bei ungünstigen Lichtverhältnissen (z. B. direkte Sonneneinstrahlung) kann es zu Reflexionen auf dem Display und damit zu Einschränkungen der Lesbarkeit der dargestellten Zeichen kommen.

Tuyên bố hợp chuẩn Âu Á (Belarus, Kazakhstan, Nga)



Tuyên bố bổ sung về các sản phẩm telecom (fax)

Quy định của EU về hoạt động viễn thông

Sản phẩm này được chế tạo để kết nối vào Mạng Điện Thoại Công Truyền Thống (PSTN) analog của các quốc gia/khu vực thuộc Khu Vực Kinh Tế Châu Âu (EEA).

Sản phẩm này đáp ứng các yêu cầu của Chỉ thị 1999/5/EC (Phụ lục II) EU R&TTE và mang nhãn đáp ứng tiêu chuẩn CE tương ứng.

Để biết thêm chi tiết, xem phần Tuyên bố về Tính thích hợp do nhà sản xuất cung cấp trong mục khác của cẩm nang này.

Tuy nhiên, do sự khác biệt của các hệ thống PSTN của từng quốc gia, sản phẩm không thể đảm bảo khả năng vận hành hoàn toàn tốt tại tất cả các điểm kết nối vào mạng PSTN. Khả năng tương thích với hệ thống mạng tùy thuộc vào các thông số cài đặt phù hợp do người tiêu dùng chọn để chuẩn bị kết nối máy vào hệ thống PSTN. Vui lòng thực hiện theo các hướng dẫn nêu trong cẩm nang hướng dẫn sử dụng này.

Nếu bạn gặp phải vấn đề về khả năng tương thích mạng, vui lòng liên hệ với nhà cung cấp thiết bị của bạn hoặc dịch vụ trợ giúp của HP tại quốc gia/vùng lãnh thổ hoạt động.

Khả năng kết nối vào điểm kết nối PSTN có thể tùy thuộc vào các yêu cầu bổ sung do nhà quản lý mạng PSTN địa phương đề ra.

New Zealand Telecom Statements

The grant of a Telepermit for any item of terminal equipment indicates only that Telecom has accepted that the item complies with minimum conditions for connection to its network. It indicates no endorsement of the product by Telecom, nor does it provide any sort of warranty. Above all, it provides no assurance that any item will work correctly in all respects with another item of Telepermitted equipment of a different make or model, nor does it imply that any product is compatible with all of Telecom's network services.

This equipment may not provide for the effective hand-over of a call to another device connected to the same line.

This equipment shall not be set up to make automatic calls to the Telecom "111" Emergency Service.

This product has not been tested to ensure compatibility with the FaxAbility distinctive ring service for New Zealand.

Additional FCC statement for telecom products (US)

This equipment complies with Part 68 of the FCC rules and the requirements adopted by the ACTA. On the back of this equipment is a label that contains, among other information, a product identifier in the format US:AAAEQ##TXXXX. If requested, this number must be provided to the telephone company.

The REN is used to determine the quantity of devices, which may be connected to the telephone line. Excessive RENs on the telephone line may result in the devices not ringing in response to an incoming call. In most, but not all, areas, the sum of the RENs should not exceed five (5.0). To be certain of the number of devices that may be connected to the line, as determined by the total RENs, contact the telephone company to determine the maximum REN for the calling area.

This equipment uses the following USOC jacks: RJ11C.

An FCC-compliant telephone cord and modular plug is provided with this equipment. This equipment is designed to be connected to the telephone network or premises wiring using a compatible modular jack, which is Part 68 compliant. This equipment cannot be used on telephone company-provided coin service. Connection to Party Line Service is subject to state tariffs.

If this equipment causes harm to the telephone network, the telephone company will notify you in advance that temporary discontinuance of service may be required. If advance notice is not practical, the telephone company will notify the customer as soon as possible. Also, you will be advised of your right to file a complaint with the FCC if you believe it is necessary.

The telephone company may make changes in its facilities, equipment, operations, or procedures that could affect the operation of the equipment. If this happens, the telephone company will provide advance notice in order for you to make the necessary modifications in order to maintain uninterrupted service.

If trouble is experienced with this equipment, please see the numbers in this manual for repair and (or) warranty information. If the trouble is causing harm to the telephone network, the telephone company may request you remove the equipment from the network until the problem is resolved.

The customer can do the following repairs: Replace any original equipment that came with the device. This includes the toner cartridge, the supports for trays and bins, the power cord, and the telephone cord. It is recommended that the customer install an AC surge arrester in the AC outlet to which this device is connected. This is to avoid damage to the equipment caused by local lightning strikes and other electrical surges.

Telephone Consumer Protection Act (US)

The Telephone Consumer Protection Act of 1991 makes it unlawful for any person to use a computer or other electronic device, including fax machines, to send any message unless such message clearly contains, in a margin at the top or bottom of each transmitted page or on the first page of the transmission, the date and time it is sent and an identification of the business, other entity, or individual sending the message and the telephone number of the sending machine or such business, or other entity, or individual. (The telephone number provided cannot be a 900 number or any other number for which charges exceed local or long distance transmission charges).

Industry Canada CS-03 requirements

Notice: The Industry Canada label identifies certified equipment. This certification means the equipment meets certain telecommunications network protective, operational, and safety requirements as prescribed in the appropriate Terminal Equipment Technical Requirement document(s). The Department does not guarantee the equipment will operate to the user's satisfaction. Before installing this equipment, users should ensure that it is permissible for the equipment to be connected to the facilities of the local telecommunications company. The equipment must also be installed using an acceptable method of connection. The customer should be aware that compliance with the above conditions may not prevent degradation of service in some situations. Repairs to certified equipment should be coordinated by a representative designated by the supplier. Any repairs or alterations made by the user to this equipment, or equipment malfunctions, may give the telecommunications company cause to request the user to disconnect the equipment. Users should ensure for their own protection that the electrical ground connections of the power utility, telephone lines, and internal metallic water pipe system, if present, are connected together. This precaution can be particularly important in rural areas.

⚠ THẬN TRỌNG: Users should not attempt to make such connections themselves, but should contact the appropriate electric inspection authority, or electrician, as appropriate. The Ringer Equivalence Number (REN) of this device is 0.0.

This product meets the applicable Industry Canada technical specifications. / Le présent matériel est conforme aux spécifications techniques applicables d'Industrie Canada.

Notice: The Ringer Equivalence Number (REN) assigned to each terminal device provides an indication of the maximum number of terminals allowed to be connected to a telephone interface. The termination on an interface may consist of any combination of devices subject only to the requirement that the sum of the Ringer Equivalence Number of all the devices does not exceed five (5.0). / L'indice d'équivalence de la sonnerie (IES) sert à indiquer le nombre maximal de terminaux qui peuvent être raccordés à une interface téléphonique. La terminaison d'une interface peut consister en une combinaison quelconque de dispositifs, à la seule condition que la somme d'indices d'équivalence de la sonnerie de tous les dispositifs n'excède pas cinq.

The standard connecting arrangement code (telephone jack type) for equipment with direct connections to the telephone network is CA11A.

Ghi nhãn có dây/không dây Viễn thông Việt Nam đối với các sản phẩm được phê chuẩn Loại ICTQC



Tuyên bố bổ sung cho các sản phẩm không dây

Tuyên bố tuân thủ FCC—Hoa Kỳ

Exposure to radio frequency radiation

⚠ THẬN TRỌNG: The radiated output power of this device is far below the FCC radio frequency exposure limits. Nevertheless, the device shall be used in such a manner that the potential for human contact during normal operation is minimized.

In order to avoid the possibility of exceeding the FCC radio frequency exposure limits, human proximity to the antenna shall not be less than 20 cm during normal operation.

This device complies with Part 15 of FCC Rules. Operation is subject to the following two conditions: (1) this device may not cause interference, and (2) this device must accept any interference, including interference that may cause undesired operation of the device.

⚠ THẬN TRỌNG: Based on Section 15.21 of the FCC rules, changes of modifications to the operation of this product without the express approval by HP may invalidate its authorized use.

Tuyên bố của Australia

This device incorporates a radio-transmitting (wireless) device. For protection against radio transmission exposure, it is recommended that this device be operated no less than 20 cm from the head, neck, or body.

Tuyên bố ANATEL của Brazil

Este equipamento opera em caráter secundário, isto é, não tem direito à proteção contra interferência prejudicial, mesmo de estações do mesmo tipo, e não pode causar interferência a sistemas operando em caráter primário.

Tuyên bố của Canada

For Indoor Use. This digital apparatus does not exceed the Class B limits for radio noise emissions from digital apparatus as set out in the radio interference regulations of the Canadian Department of Communications. The internal wireless radio complies with RSS 210 of Industry Canada.

Pour l'usage d'intérieur. Le présent appareil numérique n'émet pas de bruits radioélectriques dépassant les limites applicables aux appareils numériques de Classe B prescrites dans le règlement sur le brouillage radioélectrique édicté par le Ministère des Communications du Canada. Le composant RF interne est conforme à la norme CNR-210 d'Industrie Canada.

Sản phẩm hoạt động với tần số 5 GHz theo Bộ Công nghiệp Canada

⚠ THẬN TRỌNG: Khi sử dụng LAN không dây chuẩn IEEE 802.11a, sản phẩm này được giới hạn để sử dụng trong nhà do dải tần số hoạt động của chúng từ 5,15- đến 5,25-GHz. Bộ Công nghiệp Canada yêu cầu sản phẩm này được sử dụng trong nhà đối với dải tần số từ 5,15 GHz đến 5,25 GHz nhằm giảm khả năng gây nhiễu có hại đối với các hệ thống vệ tinh di động đồng kênh. Ra-đa công suất cao được phân bổ làm người dùng chính của các dải tần từ 5,25- đến 5,35-GHz và từ 5,65- đến 5,85-GHz. Các trạm ra-đa này có thể gây nhiễu với và/hoặc gây hại tới thiết bị này.

Tiếp xúc với bức xạ sóng vô tuyến (Canada)

⚠ CẢNH BÁO! Tiếp xúc với bức xạ sóng vô tuyến. Công suất đầu ra bức xạ của thiết bị này dưới mức giới hạn tiếp xúc với sóng vô tuyến của Bộ Công nghiệp Canada. Tuy nhiên, thiết bị nên được sử dụng theo cách thức mà khả năng tiếp xúc của con người được giảm thiểu trong quá trình vận hành bình thường.

Để tránh khả năng vượt mức giới hạn tiếp xúc với sóng vô tuyến của Bộ Công nghiệp Canada, nên giữ khoảng cách giữa con người và các ăng-ten trên 20 cm.

Thông báo điều chỉnh của Liên minh Châu Âu

Có thể sử dụng tính năng viễn thông của sản phẩm này ở các quốc gia/vùng của Liên minh châu Âu và EFTA sau:

Áo, Bỉ, Bungari, Síp, Cộng hòa Séc, Đan Mạch, Estonia, Phần Lan, Pháp, Đức, Hy Lạp, Hungari, Iceland, Ireland, Ý, Latvia, Liechtenstein, Lithuania, Luxembourg, Malta, Hà Lan, Na Uy, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Rumania, Cộng Hòa Slovak, Slovenia, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ và Vương quốc Anh.

Thông báo sử dụng ở Nga

Существуют определенные ограничения по использованию беспроводных сетей (стандарта 802.11 b/g) с рабочей частотой 2,4 ГГц: Данное оборудование может использоваться внутри помещений с использованием диапазона частот 2400-2483,5 МГц (каналы 1-13). При использовании внутри помещений максимальная эффективная изотропно-излучаемая мощность (ЭИИМ) должна составлять не более 100мВт.

Tuyên bố của Mexico

Aviso para los usuarios de México

"La operación de este equipo está sujeta a las siguientes dos condiciones: (1) es posible que este equipo o dispositivo no cause interferencia perjudicial y (2) este equipo o dispositivo debe aceptar cualquier interferencia, incluyendo la que pueda causar su operación no deseada."

Para saber el modelo de la tarjeta inalámbrica utilizada, revise la etiqueta regulatoria de la impresora.

Tuyên bố của Đài Loan

低功率電波輻射性電機管理辦法

第十二條 經型式認證合格之低功率射頻電機，非經許可，公司、商號或使用者均不得擅自變更頻率、加大功率或變更原設計之特性及功能。

第十四條 低功率射頻電機之使用不得影響飛航安全及干擾合法通信；經發現有干擾現象時，應立即停用，並改善至無干擾時方得繼續使用。前項合法通信，指依電信法規定作業之無線電通信。低功率射頻電機須忍受合法通信或工業、科學及醫療用電波輻射性電機設備之干擾。

Tuyên bố của Hàn Quốc

해당 무선설비는 전파혼신
가능성이 있으므로 인명안전과
관련된 서비스는 할 수 없음

Ghi nhãn có dây/không dây Viễn thông Việt Nam đối với các sản phẩm được phê chuẩn Loại ICTQC



Bảng chú dẫn

A

AirPrint 73

Â

âm lượng

cài đặt 19

âm lượng, điều chỉnh 116

âm quay số 110

B

bảng điều khiển

nút và đèn 11, 12

menu 14

cài đặt 24

kiểu đèn tình trạng 192

loại thông báo 195

bảng điều khiển

thông báo, xử lý sự cố 195

bản đồ menu

in 150

bản quét trống, xử lý sự cố 214

bản sao đậm 214

bản sao có kích thước tùy chỉnh
80

bản sao mờ 214

báo cáo

bản đồ menu 16, 150

trang cấu hình 16, 148

trang thử nghiệm 15, 149

trang trạng thái mực in 16,
149

báo cáo, fax

in tất cả 136

lỗi 137

báo cáo lỗi, fax

in 137

bảo hành

cấp phép 242

hộp mực in 238

khách hàng tự sửa chữa 246
sản phẩm 226

bảo quản

hộp mực 161

sản phẩm 250

bỏ cài đặt phần mềm Mac 30

bỏ chặn số fax 113

bột mực

có vết bẩn, xử lý sự cố 210

không bám dính chặt, xử lý sự
cố 210

phân phối lại 162

phân tán, xử lý sự cố 212

vết, xử lý sự cố 209

bột mực bị vết bẩn, xử lý sự cố
210

bột mực không bám dính chặt, xử
lý sự cố 210

bộ nhớ

in lại fax 128

thông số kỹ thuật 4

xóa bản fax 119

C

các báo cáo

fax 16

các báo cáo fax, in 16

các cài đặt tốc độ liên kết 41

các cài đặt nhanh 61

các cổng

định vị 8, 9

các cổng fax, định vị 9

các cổng giao diện

định vị 8, 9

các loại được bao gồm 4

các dải và vết, xử lý sự cố 210

các hệ điều hành được hỗ trợ 24,
30

các hệ điều hành, mạng 38

các hộp ID người gọi, kết nối 102
các khay

kích thước phương tiện mặc
định 54

các mã số đầu, quay số 109

các mẫu đèn trạng thái 192

các máy trả lời, kết nối 103

các modem, kết nối 102

các nguyên tắc của tài liệu iii

các sọc đứng màu trắng hoặc màu
nhạt 213

các sọc màu trắng hoặc màu nhạt,
xử lý sự cố 213

các thông số cài đặt kiểu chuông
đặc trưng 115

các thông số kỹ thuật

các tính năng sản phẩm 4

các thông số kỹ thuật về kích
thước, sản phẩm 250

các tính năng môi trường 3

các tín hiệu bận, các tùy chọn
quay số lại 110

các trang không thẳng 212

cài đặt

ưu tiên 24, 30

trình điều khiển 25

trình điều khiển (Mac) 31

cài đặt sẵn trình điều khiển
(Mac) 32

cài đặt mặc định gốc, khôi
phục 191

cài đặt sẵn (Mac) 32

cài đặt giấy tùy chỉnh
Mac 32

cài đặt trình điều khiển Mac

giấy kích thước tùy chỉnh 32

cài đặt kích thước giấy tùy chỉnh
Windows 63

- cài đặt độ tương phản
 - sao chép 86
- cài đặt dò tìm âm quay số 109
- cài đặt EconoMode 159
- cài đặt mặc định gốc, khôi phục 191
- cảnh báo iii
- cáp
 - USB, xử lý sự cố 217
- cáp USB, số bộ phận 224
- cẩn thận iii
- cấp phép, phần mềm 242
- co giãn tài liệu
 - Windows 67
- co giãn tài liệu
 - sao chép 80
- có kèm pin 254
- cổng
 - các loại được bao gồm 4
 - xử lý sự cố Macintosh 221
- cổng mạng
 - định vị 9
- cổng USB
 - định vị 8, 9
 - loại được bao gồm 4
 - xử lý sự cố 217
 - xử lý sự cố Macintosh 221
- Các đặc điểm kỹ thuật về hình thể 250
- Các máy chủ Web nhúng HP 27
- Các trang web
 - đặt hàng cung cấp 223
- Chăm sóc Khách hàng HP 247

CH

- chấm, xử lý sự cố 209
- chặn fax 113
- chất lượng
 - cài đặt chất lượng in (Macintosh) 32
 - cài đặt sao chép 83
 - quét, xử lý sự cố 214
 - sao chép, xử lý sự cố 213
- chất lượng giấy ra
 - quét, xử lý sự cố 214
 - sao chép, xử lý sự cố 213
- chất lượng hình ảnh
 - quét, xử lý sự cố 214
 - sao chép, xử lý sự cố 213

- chế độ
 - so sánh 2
- chế độ trả lời, thông số cài đặt 113
- chế độ dò-tĩnh 116
- chip bộ nhớ, hộp mực in
 - mô tả 241
- chỉnh lại kích thước tài liệu
 - sao chép 80
 - Mac 32
- chống giả mạo nguồn cung cấp 161, 240
- chương trình quản lý bảo vệ môi trường 251
- chứng minh thư
 - sao chép 79

D

- danh bạ, fax
 - nhập 107
 - xóa tất cả các mục 108
- danh bạ, fax
 - HP Toolbox 152
- danh sách kiểm tra
 - xử lý sự cố chung 190
 - xử lý sự cố fax 130
- danh sách kiểm tra xử lý sự cố 190
- dots per inch (dpi)
 - thông số kỹ thuật 4
- dòng, xử lý sự cố 210
 - các trang được in 210
- dòng dọc, xử lý sự cố 210
- dpi (điểm trên inch)
 - gửi fax 17
 - quét 94
- dpi (điểm mỗi inch)
 - fax 111
- dpi (dots per inch)
 - thông số kỹ thuật 4
- DSL
 - fax 120

Đ

- độ phân giải
 - thông số kỹ thuật 4
 - thay đổi (Windows) 63
 - quét 94
 - fax 111

- định hướng
 - giấy, trong khi nạp 53
 - thay đổi (Windows) 76
- đang hủy
 - lệnh in 58
- định hướng trang
 - thay đổi (Windows) 76
- định hướng dọc
 - thay đổi (Windows) 76
- định hướng ngang
 - thay đổi Windows 76
- đổi chiều bản sao 83
- độ tối, cài đặt độ tương phản
 - sao chép 86
- độ sáng
 - sao chép độ tương phản 86
 - độ tương phản fax 111
 - in không rõ, xử lý sự cố 209
- điện thoại, kết nối mở rộng 103
- điện thoại nhánh
 - nhận fax từ 103
 - gửi fax từ 126
- điện thoại
 - nhận fax từ 103, 128
- đường dây bên ngoài
 - khoảng dừng, chèn 109
 - quay số tiền tố 109
- độ tối, thông số độ tương phản
 - fax 111
- điểm mỗi inch (dpi)
 - fax 111
- điện thoại, kết nối tải về
 - gửi fax từ 126
- đăng ký sản phẩm 155
- đăng ký, sản phẩm 155
- đường dây nóng về gian lận 161
- đệm ngăn cách
 - thay 172
 - lau 178
- đường dẫn giấy, lau 181
- đường kẻ, xử lý sự cố
 - bản sao 213
 - quét 214
- địa chỉ IP
 - Macintosh, xử lý sự cố 220
- địa chỉ, máy in
 - Macintosh, xử lý sự cố 220
- đặt hàng cung cấp
 - Các trang web 223

đặt hàng
 cung cấp 223
 nguồn cung cấp và phụ kiện
 224
 số bộ phận 224
điện
 tiêu thụ 250
Địa chỉ IP
 cấu hình thủ công 41
Đường dây nóng về gian lận của
 HP 161

E

e-mail, quét
 cài đặt độ phân giải 95
 Mac 36, 92
ePrint 71
 AirPrint 73
 HP Cloud Print 71
 HP Direct Print 73
EWS. *Xem* máy chủ Web nhúng

F

fax
 độ phân giải 111
 báo cáo 16
 báo cáo, in tất cả 136
 báo cáo lỗi, in 137
 bảo mật, nhận riêng 117
 cài đặt mặc định gốc, khôi
 phục 191
 chặn 113
 chế độ trả lời 17, 113
 chế độ dò-tĩnh 116
 chuông-trả-lời 114
 chuyển tiếp 112
 gỡ sự cố gửi 139
 gỡ sự cố nhận 142
 gửi bằng phần mềm 124
 gửi fax từ điện thoại 126
 hủy 119
 in 128
 in lại từ bộ nhớ 128
 khoảng dừng, chèn 109
 kiểu chuông 18, 115
 nhận-kèm-tem 117
 nhận khi bạn nghe chuông
 fax 128
 nhận qua điện thoại nhánh
 103

nhận riêng 117
nhận từ phần mềm 129
nhật ký gửi 154
nhật ký nhận 154
nhóm ad hoc 123
quay lại số bằng cách thủ
 công 123
quay số, âm hoặc nhíp điệu
 110
quay số cách thủ công 122
quay số tiền tố 109
sửa-lỗi 138
sử dụng DSL, PBX hoặc
 ISDN 120
sử dụng VoIP 120
tạm hoãn gửi 126
thông báo lỗi 132
thông số độ tương phản 111
thông số âm lượng 116
thông số cài đặt V.34 139
thông số dò-tìm-âm-quay-số
 109
thông số quay số lại 110
tự động giảm 115
tử máy tính (Mac) 35, 124
tử máy tính (Windows) 124
xếp hàng 118
xóa khỏi bộ nhớ 119
fax điện tử
 gửi 124
 nhận 129

G

gấp, xử lý sự cố 212
gỡ sự cố
 gửi fax 139
 nhận fax 142
 quay số 140
 thông số sửa-lỗi fax 138
 tốc độ, gửi fax 141, 144
gửi chuyển tiếp fax 112
gửi fax
 báo cáo lỗi, in 137
 chuyển tiếp 112
 gỡ sự cố 139
 hủy 119
 nhật ký, HP ToolboxFX 154
 quay số cách thủ công 122
 tạm hoãn 126

từ điện thoại kết nối tải về 126
tử phần mềm 124
gửi fax
 nhóm ad hoc 123

GI

giấy
 bị nhăn 212
 các loại được hỗ trợ 48
 cong, xử lý sự cố 211
 hướng nạp 53
 in trên giấy tiêu đề hoặc mẫu
 (Windows) 63
 khay nạp tài liệu, kích thước
 được hỗ trợ 139
 kích thước được hỗ trợ 47
 kích thước tùy chỉnh, cài đặt
 Mac 32
 nhiều trang trên một bản 33
 thông số tự động giảm fax
 115
 trang đầu tiên 32
giấy, đặc biệt
 in(Windows) 65
giấy, đặt mua 224
giấy, bì
 in (Windows) 66
giấy đặc biệt
 in (Windows) 65
giấy đặc biệt cho bì
 in(Windows) 66
giấy bị lệch 208, 212
giấy bóng kiếng
 in (Windows) 65
giấy in sẵn
 in (Windows) 63
giấy không thẳng 208
giấy lượn sóng, xử lý sự cố 211
giấy tiêu đề
 in (Windows) 63
giới hạn về vật liệu 254

H

hiệu ứng tô bóng nền, xử lý sự
 cố 210
hình mờ
 in (Windows) 68
hộp mực
 bảo hành 238
 không phải của HP 161

- lưu giữ 161
- số hiệu bộ phận 224
- tái chế 161, 254
- thay 164
- tình trạng, xem 152
- hộp mực
 - không phải của HP 239
- hộp mực in
 - bảo hành 238
 - chip bộ nhớ 241
 - không phải của HP 161
 - lưu giữ 161
 - phân phối lại bột mực 162
 - số hiệu bộ phận 224
 - tái chế 161, 254
 - thay 164
 - tình trạng, xem 152
- hỗ trợ
 - trực tuyến 155, 247
- hỗ trợ khách hàng
 - trực tuyến 247
- hỗ trợ kỹ thuật
 - trực tuyến 247
- hỗ trợ trực tuyến 247
- hướng dẫn
 - giấy đặc biệt 44
- hủy
 - các lệnh sao chép 80
 - fax 119
 - lệnh quét 93
- HP Cloud Print 71
- HP Direct Print 73
- HP LaserJet Scan (Windows) 92
- HP Toolbox
 - giới thiệu 151
 - tab tình trạng 152
 - Tab fax 152
- I**
- in
 - bản đồ menu 150
 - bản fax riêng 128
 - cài đặt (Mac) 32
 - cài đặt (Windows) 59
 - trang cấu hình 148
 - trang thử nghiệm 149
 - trang trạng thái mực in 149
 - xử lý sự cố 217
 - Macintosh 32
 - in hai mặt 33
 - hướng nạp giấy 53
 - Macintosh 33
 - Windows 68
 - Xem thêm* in hai mặt; in hai mặt
 - in không rõ 209
 - in lại fax 128
 - in mờ, xử lý sự cố 209
 - in n-up 33
 - in (Windows) 74
 - in ở sắc độ xám, Windows 60
 - ISDN
 - fax 120
- K**
- kẹt
 - nguyên nhân thường gặp 198
- kẹt giấy
 - khay, gỡ 203
 - khay giấy ra, xử lý 201
 - khay nạp tài liệu, gỡ 200
 - vị trí 199
- kết nối
 - xử lý vấn đề 217
- kết nối mạng 40
- kết nối với mạng 40
- kiểm soát vòng 118
- kiếng, lau chùi 85, 96, 186
- kiểu chuông 115
 - đặc trưng 115
- kích thước, giấy
 - Thông số Vừa Trang in, gửi fax 115
- kích thước, sao chép
 - thu nhỏ hoặc phóng to 80
- kích thước giấy
 - thay đổi 46
 - thay đổi (Windows) 62
 - tùy chỉnh (Windows) 63
- kích thước trang
 - có sẵn tài liệu cho vừa (Windows) 67
- ký tự, xử lý sự cố 211
- KH**
- khay
 - định vị 6
 - định hướng giấy 53
 - in hai mặt 33
 - kẹt giấy, gỡ 203
 - khả năng chứa giấy 4
 - khay giấy ra
 - định vị 6
 - khả năng chứa giấy 4, 53
 - khả năng chứa giấy
 - khay giấy ra 4
 - khay nạp tài liệu 4
 - khay nạp tài liệu
 - định vị 6
 - khả năng chứa giấy 4, 53
 - khổ giấy được hỗ trợ 139
 - nạp 52
 - khay tiếp giấy
 - định vị 6
 - đang nạp giấy 49
 - khả năng chứa giấy 53
 - khay tiếp giấy 33
 - xử lý sự cố tiếp giấy 208
- khoá
 - sản phẩm 158
- khoảng dừng, chèn 109
- khôi phục cài đặt mặc định gốc 191
- L**
- lau
 - đệm ngăn cách 178
 - trục nạp 174
- lau chùi
 - kiếng 85, 96, 186
- lau dọn
 - mặt ngoài 186
 - sản phẩm 174
- làm sạch
 - đường dẫn giấy 181
- lệnh in
 - hủy 58
- loại giấy
 - thay đổi (Windows) 63
- lỗi, lặp lại 215
- lỗi lặp lại, xử lý sự cố 212
- lỗi lặp lại, xử lý sự cố 215
- lưu ý iii
- LaserJet Scan (Windows) 92
- M**
- mạng
 - các hệ điều hành được hỗ trợ 38

cài đặt, xem 41
cài đặt, thay đổi 41
cài đặt tốc độ liên kết 41
cấu hình địa chỉ IP 41
mật khẩu, cài đặt 41
mật khẩu, thay đổi 41
màu sắc, cài đặt quét 94, 95
mặc định, khôi phục 191
mật độ in 216
mẫu
 in(Windows) 63
mẫu đèn
 bảng điều khiển 192
máy chủ web nhúng
 tab hoạt động mạng 157
máy chủ Web nhúng
 hỗ trợ 157
 mua mực in 157
 sử dụng 156
 tab Thông tin 156
 trang Cấu hình 156
 trạng thái mực in 157
 trạng thái sản phẩm 156
 Tab cài đặt 157
máy quét
 lau chùi kiếng 85, 96, 186
máy trả lời, kết nối
 thông số fax 114
menu
 thiết lập fax 16
 Báo cáo 15
 Các chức năng fax 14
 Cài đặt hệ thống 19
 Danh bạ 14
 Dịch vụ 20
 Thiết lập sao chép 15
 Tình trạng Fax Job 14
mẹo iii
model
 số, định vị 10
mở trình điều khiển máy in
 (Windows) 59
mực in
 không phải của HP 239
 tái chế 161, 254
mực in không phải của HP 239
Mac
 cài đặt trình điều 31, 32
 chỉnh lại kích thước tài liệu 32
 fax 35

fax từ 124
quét tập tin 36, 92
quét từng trang 36, 92
quét từ phần mềm theo quy
 chuẩn TWAIN 93
quét và gửi qua e-mail 36, 92
thay đổi loại và kích thước
 giấy 46
vấn đề, xử lý sự cố 219
xóa phần mềm 30
Macintosh
 các hệ điều hành được hỗ trợ
 30
 thẻ USB, xử lý sự cố 221
 trình điều khiển, xử lý sự cố
 219
Menu cài đặt hệ thống 19
Menu dịch vụ 20
Microsoft Word, gửi fax từ 125

N

nap giấy
 khay nạp tài liệu 52
 khay tiếp giấy 49
nền xám, xử lý sự cố 210

NG

ngăn, ra
 định vị 6
 kẹt giấy, xử lý 201
 khả năng chứa giấy 4
ngày tháng fax, thiết lập
 sử dụng bảng điều khiển 104
 sử dụng Trình Hướng Dẫn Cài
 Đặt Fax HP 106
nguồn điện
 xử lý vấn đề 190
nguồn cung cấp
 đặt hàng 155, 224
 giả mạo 240
 hàng lậu 161
 không phải của HP 161
 số bộ phận 224
 tình trạng, xem 152
nguồn cung cấp giả 240
nguồn cung cấp không phải của
 HP 161
nguồn cung cấp lậu 161
nguyên tắc, tài liệu iii

NH

nhãn
 in(Windows) 65
nhãn, xử lý sự cố 212
nhận fax
 báo cáo lỗi, in 137
 chặn 113
 chế độ trả lời, thông số 113
 chế độ dò-tĩnh 116
 gỡ sự cố 142
 in lại 128
 khi bạn nghe chuông fax 128
 kiểu chuông, thông số 115
 thông số chuông-trả-lời 114
 thông số nhận-kèm-tem 117
 thông số tự động giảm 115
 tờ điện thoại nhánh 103
 tờ phần mềm 129
 xếp hàng 118
nhận riêng 117
nhật ký, fax
 in tất cả 136
 lỗi 137
nhiều trang in trên một tờ giấy
 in (Windows) 74
nhiều trang một tờ 33
nhiều trang trên một bản 33
nhiều trang trên một tờ giấy
 in(Windows) 74
nhịp điệu quay số 110
nhóm ad hoc, gửi fax đến 123

P

panen điều khiển
 cài đặt 30
pixel/inch (ppi), độ phân giải
 quét 94
ppi (pixel/ inch), độ phân giải
 quét 94
Phần mềm dựa theo quy chuẩn
 TWAIN, quét từ 93
Phần mềm dựa theo quy chuẩn
 WIA, quét từ 93
PBX
 fax 120

PH

phân phối lại bột mực 162
phân tán, xử lý sự cố 212

- phần mềm
 - các hệ điều hành được hỗ trợ 24
 - các hệ điều hành được hỗ trợ 30
 - các thành phần Windows 23
 - cài đặt 24, 30
 - gỡ cài đặt Mac 30
 - gửi fax 124
 - máy chủ Web nhúng 27
 - nhận fax 129
 - quét từ TWAIN hoặc WIA 93
 - tháo cài đặt cho Windows 25
 - thỏa thuận cấp phép phần mềm 242
 - Windows 27
- phong bì
 - hướng nạp 53
- phóng to tài liệu
 - sao chép 80
- phương tiện
 - bị nhỡ 212
 - cong, xử lý sự cố 211
 - kích thước được hỗ trợ 47
 - kích thước mặc định dành cho khay 54
 - kích thước tùy chỉnh, cài đặt Mac 32
 - nhiều trang trên một bản 33
 - trang đầu tiên 32
- phương tiện bị cong 211
- phương tiện in
 - được hỗ trợ 47
- phụ kiện
 - đặt hàng 224
 - số hiệu bộ phận 224
- phụ tùng
 - đặt hàng 223
- Q**
 - quản lý mạng 41
 - quay lại bằng cách thủ công 123
 - quay số
 - cách thủ công 122
 - fax 17
 - gỡ sự cố 140
 - khoảng dừng, chèn 109
 - quay lại số bằng cách thủ công 123
 - thông số âm hoặc nhịp điệu 110
 - tiền tố, chèn 109
 - tự động quay số lại, thông số 110
 - từ điện thoại 126
 - quay số gọi quốc tế 122
 - quay số lại
 - thủ công 123
 - tự động, thông số 110
 - quay số thủ công 122
 - quét
 - đến e-mail (Mac) 36, 92
 - định dạng tập tin 94
 - độ phân giải 94
 - đen và trắng 95
 - các phương pháp 92
 - chất lượng, xử lý sự cố 214
 - giấy trống, xử lý sự cố 214
 - hủy 93
 - màu sắc 94
 - phần mềm dựa theo quy chuẩn TWAIN 93
 - phần mềm dựa theo quy chuẩn WIA 93
 - sắc độ xám 95
 - tập tin (Mac) 36, 92
 - từng trang (Mac) 36, 92
 - từ phần mềm Mac 36
 - từ HP LaserJet Scan (Windows) 92
 - quét đen và trắng 95
 - quét sắc độ xám 95
 - quét từng trang (Mac) 36, 92
- S**
 - sao chép
 - đối chiếu 83
 - độ tương phản, điều chỉnh 86
 - cài đặt độ sáng/tối 86
 - chất lượng, điều chỉnh 83
 - chất lượng, xử lý sự cố 213
 - hai mặt 88
 - hủy 80
 - menu thiết lập 15
 - một lần chạm 78
 - nhiều bản sao chép 78
 - phóng to 80
 - thu nhỏ 80
 - sản phẩm
 - lau 174
 - so sánh chế độ 2
 - số sê-ri, định vị 10
 - sản phẩm không chứa thủy ngân 254
 - so sánh, các chế độ sản phẩm 2
 - số bản sao chép, thay đổi 78
 - số bộ phận
 - hộp mực in 224
 - số lần đổ chuông trả lời 114
 - số lượng bản sao in
 - thay đổi (Windows) 60
 - số sê-ri, định vị 10
- T**
 - tái chế 3, 254
 - tái chế
 - phần cứng điện tử 255
 - tái chế phần cứng, Brazil 256
 - tái chế phần cứng điện tử 255
 - tài liệu nhỏ
 - sao chép 79
 - tạm hoãn gửi fax 126
 - tập sách mỏng
 - in(Windows) 70
 - tập tin, quét
 - Mac 36, 92
 - tiêu đề fax, thiết lập
 - sử dụng bảng điều khiển 104
 - sử dụng Trình Hướng Dẫn Cài Đặt Fax HP 106
 - tính năng
 - sản phẩm 4
 - tính năng tiện dụng 5
 - tình trạng
 - tác vụ fax 14
 - xem 152
 - tốc độ
 - print thông số kỹ thuật 4
 - fax, gỡ sự cố 141, 144
 - tốc độ chậm, gỡ sự cố
 - gửi fax 141, 144
 - tuyên bố về an toàn 266, 267
 - tuyên bố về an toàn laser 266, 267
 - tuyên bố về an toàn laser của Phần Lan 267
 - tự động thông số giám, fax 115

- Tab fax
 - HP Toolbox 152
 - Tab mạng (máy chủ Web nhúng) 157
 - Tab thiết lập (máy chủ Web nhúng) 157
 - Tab thông tin (máy chủ Web nhúng) 156
 - Thông số cài đặt V.34 139
 - Thông số Fit to Page (Vừa Trang in), fax 115
 - Tờ Thông tin An toàn Vật liệu (MSDS) 258
 - Trang web
 - báo cáo gian lận 161
 - báo cáo giả mạo 240
 - Tờ Thông tin An toàn Vật Liệu (MSDS) 258
 - Trang web giả mạo 240
 - Trang web về vấn đề giả mạo
 - HP Trang web giả mạo 240
 - Tuyên bố hợp chuẩn Âu Á 268
 - Tuyên bố EMC cho Hàn Quốc 266
 - TCP/IP
 - các hệ điều hành được hỗ trợ 38
- TH**
- thay
 - đệm ngăn cách 172
 - hộp mực in 164
 - trực nạp 167
 - thải bỏ, hết thời hạn sử dụng 254
 - thải bỏ khi hết thời hạn sử dụng 254
 - tháo cài đặt phần mềm cho Windows 25
 - tháo rời nắp
 - hộp mực in, định vị 6
 - tháo rời nắp hộp mực, định vị 6
 - thay đổi
 - loại giấy 46
 - thay đổi kích thước tài liệu
 - Windows 67
 - thẻ gọi điện 122
 - thông báo
 - bảng điều khiển 195
 - thông báo lỗi
 - bảng điều khiển 195
 - thông báo lỗi, fax 130
 - thông số độ tương phản fax 111
 - thông số giao thức, fax 139
 - thông số kỹ thuật
 - môi trường 250
 - vật lý 250
 - thông số kỹ thuật
 - điện và tiếng ồn 250
 - thông số kỹ thuật nhiệt độ 250
 - thông số kỹ thuật về điện 250
 - thông số kỹ thuật về độ ẩm 250
 - thông số kỹ thuật về âm thanh 250
 - thông số kỹ thuật về môi trường 250
 - thông số kỹ thuật về môi trường sử dụng 250
 - thông số sửa-lỗi, fax 138
 - thời gian fax, thiết lập
 - sử dụng bảng điều khiển 104
 - sử dụng Trình Hướng Dẫn Cài Đặt Fax HP 106
 - thu nhỏ tài liệu
 - sao chép 80
 - thức, lỗi lặp lại 215
- TR**
- trang
 - bị lệch 212
 - in chậm 217
 - không in 217
 - trống 217
 - trang đầu tiên
 - sử dụng giấy khác nhau 32
 - trang để trống
 - xử lý sự cố 217
 - trang bìa
 - in (Mac) 32
 - trang cấu hình
 - in 148
 - trang giấy kẹt. *Xem* kẹt giấy
 - trang thử nghiệm, in 149
 - trang trạng thái mực in
 - in 149
 - trang trên phút 4
 - trang web
 - hỗ trợ khách hàng 247
 - trình điều khiển
 - được hỗ trợ 24
 - cài đặt 24, 30
 - thay đổi cài đặt (Windows) 25
 - thay đổi cài đặt (Mac) 31
 - cài đặt sẵn (Mac) 32
 - cài đặt (Mac) 32
 - thay đổi loại và kích thước giấy 46
 - cài đặt (Windows) 59
 - cài đặt nhanh (Windows) 61
 - chọn (Windows) 216
 - Macintosh, xử lý sự cố 219
 - trình điều khiển máy in
 - được hỗ trợ 24
 - trình điều khiển máy in (Windows)
 - thay đổi cài đặt 25
 - cài đặt 59
 - chọn 216
 - trình điều khiển máy in (Mac)
 - thay đổi cài đặt 31
 - cài đặt 32
 - trợ giúp
 - tùy chọn in (Windows) 59
 - trực nạp
 - lau 174
 - thay 167
- U**
- ưu tiên, cài đặt 24, 30
- V**
- văn bản, xử lý sự cố 211
 - vật liệu in được hỗ trợ 47
 - vết, xử lý sự cố 209
 - vết, xử lý sự cố 210
 - việc tái chế mực in 161
 - vứt bỏ phế phẩm 255
 - VoIP
 - fax 120
- W**
- Windows
 - các hệ điều hành được hỗ trợ 24
 - các thành phần phần mềm 23, 27
 - cài đặt trình điều khiển 25
 - gửi fax từ 124
 - phần mềm dùng cho 151
 - quét từ phần mềm TWAIN hoặc WIA 93

thay đổi loại và kích thước
giấy 46
trình điều khiển được hỗ trợ
24
vấn đề xử lý sự cố 219
Word, gửi fax từ 125

X

xóa bản fax khỏi bộ nhớ 119
xóa phần mềm Mac 30
xử lý 190
 vấn đề kết nối trực tiếp 217
 vấn đề mạng 217
 Xem thêm xử lý vấn đề
xử lý
 các sự cố tiếp giấy 208
 giấy bị lệch 208
xử lý giấy
 xử lý vấn đề 208
xử lý kẹt giấy
 vị trí 199
xử lý sự cố 190
 đường kẻ, bản sao 213
 đường kẻ, quét 214
 bản quét trống 214
 các thông báo ở bảng điều
 khiển 195
 các vấn đề của Mac 219
 chất lượng quét 214
 chất lượng sao chép 213
 fax 130
 kết nối 217
 lỗi lặp lại 215
 trang quá đậm 214
 trang quá mờ 214
 vấn đề Windows 219
 vấn đề của Mac 219
 Xem thêm xử lý; xử lý vấn đề
xử lý sự cố
 bột mực không báo dính chặt
 210
 các trang bị lệnh 212
 các trang in chậm 217
 các trang không in 217
 cáp USB 217
 dòng, các trang được in 210
 in không rõ 209
 lỗi lặp lại 212
 nhấn 212
 phân tán bột mực 212

phương tiện bị cong 211
trang để trống 217
vấn bản 211
vấn đề kết nối trực tiếp 217
vấn đề mạng 217
vết bẩn bột mực 210
vết bột mực 209
xử lý sự cố fax
 danh sách kiểm tra 130
xử lý sự cố tiếp giấy 208
xử lý vấn đề
 gỡ giấy kẹt 198
xử lý vấn đề 190
 kiểu đèn báo tình trạng 192
 thông báo trên bảng điều
 khiển 195
 xử lý giấy 208
 chất lượng hình ảnh 209
 hoạt động 217
 Xem thêm xử lý